

# THƯ QUÁN BẢN THẢO

SỐ 68 THÁNG 2- 2016



giới thiệu tạp chí Nghệ  
Thuật (1965-1966)

- Viên Linh viết về Vũ Hạnh, Võ Phiến
- Võ Phiến: Bể dầu trong tiếng nói
- Truyện của Y Uyên, Song Linh, Mai Thảo, Cung Tích Biền, Nguyễn Nghiệp Nhượng..
- Tản mạn về thơ của Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ....

Chủ đề đặc biệt :

Văn chương chữ  
thể

Trần Hoài Thư ● Phạm văn Nhàn  
● Thái Kim Lan ● Trần văn Tích ●  
Lê Cần Thơ ● Elena Nguyễn

Sống và viết:

Tưởng niệm họa  
sĩ / nhà thơ Đinh  
Cường



## Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật

TẬP 68, THÁNG 2 NĂM 2016

Chủ đề: Văn chương chữi thề

### MỤC LỤC

*Thư Tòa Soạn / 3*

#### **Sống và viết**

- Trần Hoài Thư (4), Phạm văn Nhân (7), Cái Trọng Ty (10),  
Đinh Cường (11), Đỗ Long Vân (16)

#### **Sưu tập**

- Sơn Nam : Một biên chuyện quan trọng về văn học ở miền  
Nam ... (20)  
- Võ Phiến : Ngày xuân nói chuyện ăn (31)  
- Về ăn Tết (36)

#### **Chủ đề : Văn chương chữi thề**

- Trần Hoài Thư : Chữi thề trong văn chương thời chiến (38)  
- Trần văn Tích : Thơ chữi (53)  
- Phạm văn Nhân : Văn chương chữi thề (58)  
- Lê Cần Thơ : Nghĩ về hai tiếng chữi thề (66)  
- Elena Nguyễn : Hồ Xuân Hương - Thay đổi một quốc gia  
bằng thơ (Nguyễn thị Hải Hà dịch) (74)  
- Thái Kim Lan : Suy nghĩ vụn (80)  
- Lan Chi : Thôi thua (truyện dài) (88)

#### **Thơ chủ đề :**

Phạm nhĩ Dự : thơ (46). Nguyễn Phúc Sông Hương (48,  
106), Trần Đắc Thắng (48, 106), Linh Phương (49, 109),  
Dương Kiên (51), Nguyễn Bắc Sơn (98), Lê An Thế (100),  
Phạm Quang Ngọc (107), Dã Nhân (108), Nguyễn Đức Sơn  
(110), Đặng Kim Côn (111), Trần Vàng Sao (113), Cái  
Trọng Ty (117), Sử Mặc (119)

#### **Giới thiệu tạp chí Nghệ Thuật**

- Trần Hoài Thư : Hành trình của Nghệ Thuật (122)

#### **Thơ văn trích :**

- Mai Thảo : Giòng sông rực rỡ (137)  
- Mai Thảo : Nhìn trở lại một đoạn đường (143)

- Nguyễn Nghiệp Nhượng : Mưa trong vườn nhà cô Françoise (146)
- Cung Tích Biền : Trong nghĩa địa xanh (155)
- Y Uyên : cái cối xay dưới đồng bằng (171)
- Viên Linh : Anh lùn cạnh nhà thờ Đức Bà (178)
- Viên Linh : Võ Phiến, Thế giới trong con mắt người tù (185)
- Võ Phiến : Bể dâu trong tiếng nói (192)
- Thanh tâm Tuyền : tại sao làm thơ (203)
- Trần Dạ Từ : Làm thơ ở Saigon (205)
- Nguyễn văn Trung : Thảo luận về thực trạng văn nghệ miền Nam (211)
- Song Linh : Ngọn đồi vô danh (217)
- Nhã Ca : thơ (224)

### **Sáng tác mới**

- thơ : Hoàng xuân Sơn (226), Ngọc Bút (228), Phạm Cao Hoàng (235)
- Nguyễn Âu Hồng : Dòng sông kỳ diệu (230)
- Thơ Bertolt Brecht (Thái Kim Lan giới thiệu) (237)
- Khuất Đầu : Những vòng tròn xiếc (241)

### **Giới thiệu sách (282)**

*Trình bày bìa: THT*

*In tại cơ sở Thư Ấn Quán*

### **Liên lạc**

*Trần Hoài Thu*

*719 Coolidge st*

*Plainfield, NJ 07062 USA*

*Email: tranhoaitu16@gmail.com*

*Cell: (908)9308743*

# THƯ TÒA SOẠN

*Số báo 68 lại đến tay bạn đọc sớm hơn hơn thường lệ một tháng. Điều này chứng tỏ sự lớn mạnh của tạp chí qua sự đón nhận của độc giả và sự tin yêu của các thân hữu bạn bè...*

*Chủ đề số báo kỳ này là “ Văn chương chữ thể”. Đây là một chủ đề rất nhạy cảm. Nó có thể dị ứng cho một số người. Chúng tôi muốn hóa giải việc này. Rằng tiếng chữ thể đôi khi là liều thuốc nhiệm mầu giúp con người trở lại tình trạng bình thường, giúp người cô thế, bị đày ải, lãng nhục, giúp những kẻ thấp cổ bé miêng không có quyền nói... Nó không phải là chữ tục nhưng là một thói quen, vô thưởng vô phạt, nếu như chúng ta bỏ ra ngoài những định kiến khe khắc...*

*Về phần giới thiệu tạp chí văn học nghệ thuật trước 1975, kỳ này chúng tôi giới thiệu tuần báo Nghệ Thuật,*

*Một lần nữa, chúng tôi xin gửi đến quý bạn lời chúc chân thành của chúng tôi. Chúc quý bạn và gia đình một năm mới âm lịch đầy tốt đẹp và như ý..*

*Trần Hoài Thư  
Chủ trương TQBT*

# SỐNG VÀ VIẾT

TRẦN HOÀI THU

## Vĩnh biệt Đình Cường

### 1. ĐÌNH CƯỜNG VÀ THƯ QUÁN BẢN THẢO

Cuối cùng, ai cũng đến cánh cửa đó. Nhưng mà, tôi cứ nghĩ là ĐC vẫn còn sống. Thơ anh vẫn còn đây, *Cào lá ngoài sân đêm* vẫn còn đây. Tranh anh phác họa vẫn còn đây. Và trước mặt tôi, cái khung kính có bức tranh người nữ khỏa thân mà anh tặng tôi vẫn nằm đấy. Với tôi, anh vẫn sống mãi trong tâm trí tôi.

Trước khi anh qua đời, anh làm những bài thơ về kệ sách của anh. Hay là lời gởi gắm cuối cùng của anh. Tôi hiểu, dù anh là họa sĩ, nhưng thật ra, anh yêu thơ như anh yêu vẽ. Không biết anh đã hỏi tôi in khâu bao nhiêu bộ thơ miền Nam. Tôi nhớ là nhiều lắm. Mỗi bộ 6 cuốn, mà không biết bao nhiêu bộ tôi đã gởi đến anh. Anh bảo bạn bè ở VN thích. Hay tự nhiên trong tủ sách của anh thiếu một hai cuốn. Hoặc những bộ Sáng Tạo, hay Lược đồ văn học VN. Tôi biết là anh muốn ủng hộ TQBT nên mới order hết bộ sách này qua bộ sách nọ. Anh bảo anh rất thích cuốn thơ “Cào Lá Ngoài Sân Đêm” do Thư Quán xuất bản. Nay sách hết rồi, THT có thể in cho mình thêm 5, 10 tập được không? Tôi nói với anh là tôi rất vui. Được một họa sĩ danh tiếng như anh “chịu” là một hạnh phúc lớn đối với tôi, khi mà kỹ thuật in ấn của Thư Quán chỉ là kỹ thuật thủ công nghệ. In cho anh, mục đích tặng anh, nhưng luôn luôn anh tặng quà hậu hĩnh trong bao thư. Anh là một mạnh thường quân, dù anh sống cuộc đời đạm bạc hơn ai hết.

Vừa rồi, trong lúc sưu tập bài vở để giới thiệu tạp chí Nghệ Thuật trên TQBT số tới, tôi tìm được một bài viết của giáo sư Đỗ Long Vân về cuộc triển lãm tranh anh tại Huế vào tháng 11-1966. Đây là bài viết mà anh rất “chịu”. Tôi đã đánh máy, và layout. Hy vọng anh sẽ ngạc nhiên vì món quà văn chương mà tạp chí TQBT dành cho anh để anh nhớ lại hơn 50 năm về trước. Vậy mà, làm sao tôi có thể ngờ, là bài sẽ không bao giờ được anh đọc. Anh ĐC ơi. Anh có nghe những tiếng gõ trên bàn phím. Anh có thể hiểu là lòng tôi như rạn vỡ ra, như nhịp búa nhịp dao...

Dù theo dự trù, bài sẽ được phổ biến trong dịp TQBT phát hành cuối tháng 12 như là một món quà văn nghệ của TQBT, nhưng mà, giờ đây, anh ra đi rồi thì lấy ai mà bồi hồi? Thôi thì đành bây giờ. Ngâm ngùi post bài viết, như là nén hương kính gửi đến hương hồn anh của chúng tôi, tạp chí TQBT. (THT)

## 2. ĐI DỰ ĐÁM TANG ĐÌNH CƯỜNG

Chưa bao giờ tôi gặp một vấn nạn như lần này. Tôi muốn xuống Virginia để dự đám tang Đình Cường vào ngày 14-1-2016, nhưng mà làm sao tôi có thể đi được. Tôi không thể bỏ Y. với khay đồ ăn Mỹ còn nguyên vẹn. Tôi cũng không thể dùng xe lửa vì thời khóa biểu rất bất tiện. Tôi cũng không thể dùng xe bus vì phải mất ít nhất là 30 tiếng đồng hồ.

Còn việc tự lái xe thì qua đổi vất vả với tôi. Không những vất vả mà còn nguy hiểm. Mắt tôi quá kém để lái xe. Tôi bị căn bệnh buồn ngủ khi lái xe. Lái khoảng nửa tiếng là mắt như nhắm. Tôi đã có mấy lần suýt gây tai nạn vì cái bệnh này.

Nhưng mà với một người mà Thư Quán Bản Thảo mang ơn, tôi không thể viện lý do này lý do nọ để mà không đi. ĐC đã giúp chúng tôi rất nhiều mỗi khi chúng tôi cần.

Bìa sách. Tranh bìa TQBT. Hay những tài liệu văn chương. Và sáng tác bài vở.

Anh đã từ Virginia lên thăm Y. hai lần. Một mà vẫn theo bạn bè mà đi. Để rồi tới nhà tôi, anh nằm trên sofa mà ngủ. Cái tình ấy làm sao mà tôi đắp đền cho hết.

Vì vậy, cuối cùng tôi quyết định lái xe một mình xuống dự đám tang. Bằng mọi giá phải đi. Y thì luôn luôn khuyến khích. Ngày nào khi thấy tôi Y. đều hỏi sao về mau dữ ông. Tôi giải thích còn ba ngày nữa mới đi. Tội nghiệp. Trí nhớ thông minh của Y. đã bắt đầu suy giảm.

Theo dự trù tôi sẽ rời nhà lúc 1 giờ sáng ngày thứ tư 14-1-2016. Cứ lái một tiếng, rồi tắt vào bên đường hay rest area mà nghỉ. Cứ từ từ trước sau gì cũng đến trước giờ thăm viếng.

Thằng con lo cho tôi. Xa quá mà ba. Con rất lo cho sức khỏe của ba.

Tôi bảo: Bác ĐC đã giúp ba rất nhiều. Ba cần phải có mặt để tiễn đưa bác.

Vào lúc 10 giờ sáng ngày thứ ba 13-1, tôi nhận một cú điện thoại của Đ. Đ. hỏi tôi có dự trù đi xuống Virginia dự đám tang họa sĩ ĐC không. Tôi nói có. Và kể chương trình của tôi đi. Đ. khuyên tôi đừng nên đi một mình. Đ. sẽ lái xe giúp tôi.

Đây. Tôi nghĩ là hương linh ĐC đã đẩy đưa Đ. giúp tôi lúc mà tôi rất cần. Ở đây, tôi không hé môi về ý định của mình với bất cứ một ai. Bởi lẽ tôi ngại phiền. Hơn nữa chẳng có ai thân thiết với ĐC mà tôi được biết, nhờ họ là điều tôi không muốn chút nào.

Vậy mà, tự nhiên có một người ngó trước ý định trong lúc tôi không nói gì về việc đi. Thật khó có thể tin nhưng là sự thật.

Cám ơn Đ. đã giúp tôi được có mặt trong buổi tang lễ. Nhờ vậy mà tôi có thể thắp cây nhang, và sờ lên nắp quan tài. Nhờ vậy mà tôi có thể nói lên lời chia buồn với chị

Tuyết Nhung, và các cháu. Nhờ vậy, mà sau ba năm bế quan tỏa cảng không đi đâu, giờ tôi mới có thể gặp lại một số bạn bè thân mến. Tôi nghĩ lúc này, cái chết của ĐC đã làm chúng tôi càng gần gũi hơn bao giờ. Bởi vì qua anh, chúng tôi khi bắt tay nhau, dù quen đã lâu hay mới quen, chúng tôi nghĩ là chúng tôi đều có một mẫu số chung: Đó là ĐC trong trái tim mình. Khi chúng tôi bắt tay nhau hay ôm choàng lấy nhau, có nghĩa là chúng tôi đang chia buồn với nhau. Bởi lẽ mỗi người chúng tôi đều mất đi một ĐC, và trái tim mỗi người đều đầm lẹ.

Chúng tôi đã mất Đinh Cường thật, nhưng cũng nhờ ĐC mà trái tim chúng tôi càng đầy thêm hơi ấm tình thân.

### 3. TRANH ĐINH CƯỜNG

Hàng trăm bức tranh ĐinhCường trên NET  
Hàng trăm bức tranh ĐinhCường trên bìa sách  
Chỉ có một bức tranh tôi thấy đẹp vô cùng  
ĐinhCường ĐinhCường và trái tim

Trần Hoài Thư



## Đinh Cường, người Họa sĩ trong lòng bạn bè **Phạm văn Nhân**

Viết về Họa Sĩ Đinh Cường, trên blog Phạm Cao Hoàng tôi đọc thấy có rất nhiều người viết về ông. Có thể là những người cùng thế hệ với ông, cũng có thể là những người thế hệ sau ông. Hầu hết những người viết về ông trên blog của Phạm Cao Hoàng đều là những người cầm bút. Họ thương tiếc ông, một họa sĩ tài hoa gần gũi với anh em văn nghệ sĩ,

sau khi nghe tin ông về cõi vĩnh hằng.

Với tôi, không gần ông. Và, cũng chưa bao giờ gặp ông . Nhưng với ông, tôi rất kính phục. Biết nhau qua tên nhưng chưa một lần gặp mặt. Vì, qua ông, ông đã dùng hết tâm huyết ủng hộ tạp chí Thư Quán Bản Thảo do anh Trần Hoài Thư và tôi chủ trương từ lúc tờ báo ra số đầu tiên cho đến hôm nay đã 15 năm. Trong thời gian TQBT phát hành, cách đây cũng gần 10 năm, Thư Án Quán và Ý Thức trong nước phát hành hai tập truyện của tôi, bìa cũng do Đinh Cường vẽ. Và mới đây, tập 21 Khuôn mặt Văn nghệ Miền nam cũng do Thư Án Quán ( một cơ sở in của Thư Quán Bản Thảo ) phát hành, bìa cũng do ông vẽ và Phạm Cao Hoàng trình bày. Tôi gởi sách qua ông. Ông trân trọng đọc và gởi email cho tôi nói về tình cảm giữa tôi với bạn bè khi hình thành tập sách.

Tôi cảm ơn ông đã bỏ chút thời giờ để đọc. Và tôi cũng nghe người bạn Phạm Cao Hoàng cho tôi biết về sức khỏe của ông. Tuy nhiên, khi có bạn bè đến với ông là lúc nào ông cũng vui vẻ tiếp. Dù mệt nhưng thế nào cũng đi uống với anh em ly cà phê. ...Đề rồi, tôi nhận được email của anh Lữ Quỳnh cho biết là ông đã ra đi lúc 9 giờ 40 phút ngày 7 tháng 1 năm 2016. Một tin buồn không phải chỉ riêng tôi mà là tin buồn cho hầu hết anh chị em văn nghệ trước và sau 1975 trong cũng như ngoài nước.

Nhà thơ, nhà họa sĩ tài hoa Đinh Cường ra đi. Tôi mới nhớ lại vào tháng 5 năm 2014 khi tôi về Huế thăm nhà. Nhà thơ Viêm Tịnh mới chở tôi đi uống cà phê vào những buổi sáng. Tháng 5 Huế nóng kinh hồn. Viêm Tịnh nói với tôi sẽ đưa tôi tới một quán cà phê để tôi chiêm nghiệm lại những kỷ niệm đã qua. Những bản nhạc. Những bức tranh mà tôi ngưỡng mộ một thời qua những tác giả.

Hơn 10 giờ sáng, trên con đường Nguyễn Trường Tộ, chạy vào nhà thờ Phú Cam. Hai bên đường hàng cây Muối thẳng tắp như đạo nào trước 1975 tôi đến thăm vợ chồng nhà thơ Lê văn Trung thuê một căn phòng trên dãy lầu đó ở và đi

dạy học. Những căn phòng đều giống nhau. Lên cầu thang chung. Tôi hỏi Viêm Tịnh: quán cà phê nào trên này? Tôi đi từng bước một lên từng bậc cấp; vì đau khớp gối. Viêm Tịnh đi chậm bên tôi. Rẽ phải. Tới một căn phòng thấy cái bảng nhỏ đề GÁC TRỊNH . Quán cà phê đây rồi. Viêm Tịnh làm hướng dẫn viên đưa tôi đi khắp gian phòng bề ngang khoảng 4 mét. Sâu khoảng 20 mét (?). Viêm Tịnh vừa đi vù giải thích cho tôi nghe những bức tranh treo trên tường. Nơi đây vừa bán cà phê vừa trưng bày những tác phẩm của Trịnh Công Sơn, Đinh Cường cùng các bạn bè của hai ông. Ngoài ra còn có những kệ sách nữa. Một không gian im ắng. Lãng mạn. Rất thích hợp cho những anh chị em cầm bút ngồi nhâm nhi ly cà phê, chiêm nghiệm những bức tranh và những trang sách. Theo như Viêm Tịnh cho tôi biết đây là "gian phòng" mà gia đình nhạc sĩ tài danh Trịnh Công Sơn ở khi còn nhỏ. Và, cuối cùng của gian phòng này có một cái gác gỗ, một cầu thang gỗ, nhỏ xinh xắn. Tất cả GÁC TRỊNH mà theo như Viêm Tịnh nói cho tôi hay là việc sửa sang lại toàn bộ, làm gác gỗ đều do một tay Đinh Cường từ Mỹ về bỏ tiền tân trang lại để tặng cho nhóm "tập chí Sông Hương" do hai ông Hồ Đăng Thanh Ngọc và Phạm Tân Hâu trong coi. Ngồi nơi Gác Trịnh nhâm nhi ly cà phê, cùng vài anh cầm bút nơi xứ Huế, nhìn xuống hàng cây Muối trên đường Nguyễn Trường Tộ trên dãy lầu của nhà thờ Phú Cam, tôi lại nhớ đến Lê Văn Trung và chị Hiệp. Trong những lần bạn bè quen, gặp tôi, ai cũng hỏi về Trần Hoài Thư như trong quán cà phê Gác Trịnh này.

Nay, tôi được biết quán cà phê Gác Trịnh đã đóng cửa rồi. Không còn ai trong coi nữa . Nhưng với Gác Trịnh, hình ảnh Họa sĩ / Nhà thơ Đinh Cường vẫn mãi mãi ở trong tâm trí của mọi người xứ Huế. Và, với tôi, ngồi nơi GÁC TRỊNH lại nhớ đến việc làm của người Họa sĩ vừa có tâm, vừa có tấm lòng với tất cả anh chị em văn nghệ. Và, một Gác Trịnh cho dù hôm nay không còn nữa thì hình ảnh một người Họa sĩ tài danh Đinh Cường vẫn mãi mãi còn với thời gian trong tâm thức của mỗi người. Trong đó có tôi.

Houston, ngày 14/1/2016

## CÁI TRỌNG TY

### *Bóng Tượng*

sầu ngạn ngữ  
vẽ gam màu xanh bóng tượng  
cõi đi về  
chân tuyết trắng trùng khơi  
đời lưu vong  
tảng núi mờ biêng biếc  
họa tiết của người  
đông tây cô tịch  
nhớ thương người  
biết bao người thương nhớ mãi  
Họa sĩ Đinh Cường  
vóc dáng tầm cao  
góc quán cà phê osteria của Raf Sorbi  
buổi sáng Starbucks  
sương khói bàng hoàng  
sự nghiệp lẫy lừng  
Anh gửi lại cho đời  
Kim cương bắt toại  
ôi một người độ lượng  
Nghệ sĩ tài hoa  
đời trân quý Anh  
như trân quý trái tim mình  
Anh vào lịch sử cửa văn thơ hội họa

Cái Trọng Ty

Jan 8 1016

Lời Tòa Sạn: Một người bạn mà Đinh Cường thương mến là Đỗ Long Vân. Chúng tôi biết được điều này qua bài thơ Đoạn Ghi Nhớ Đỗ Long Vân của Đinh Cường trên blog [Phamcaohoang.blogspot.com](http://Phamcaohoang.blogspot.com).

Mới đây, trong lúc sưu tập bài vở để giới thiệu tạp chí Nghệ Thuật, chúng tôi đã tìm ra một bài viết của Đỗ Long Vân về tranh Đinh Cường vào năm 1966. Chúng tôi đã đánh máy, để đăng lại trên TQBT số 68, như là một món quà văn nghệ của chúng tôi về anh trong dịp Tết..Không ngờ món quà không bao giờ đến với ĐC nữa.

Để thấp nén hương lòng, chúng tôi xin đăng lại bài thơ anh viết cho Đỗ Long Vân, và bài nhận định của Đỗ Long Vân về tranh ĐC. (TQBT)

## ĐINH CƯỜNG

### *Đoạn Ghi Nhớ Đỗ Long Vân*

Gửi chị Quỳ, hai cháu Lô & Thao



**Đỗ Long Vân**

(Đinh Cường vẽ)

Mùa đông đã trở lại  
rừng cây khô cằn buồn thiu  
màu trời ảm đục  
buổi chiều tôi ra ngồi ở vườn sau  
bầy quạ đen sà xuống kêu hoàng hôn  
nhớ anh vô cùng.

Anh đã chết âm thầm hồi tháng tám <sup>[1]</sup>  
trong căn nhà không có điện  
hẻm Nguyễn Huỳnh Đức, Phú Nhuận.  
mỗi ngày anh qua hàng xóm xin thùng nước  
đồng hồ nước cũng không có  
anh ngồi trước bàn viết cũ kỹ. ngọn đèn dầu  
căn phòng luôn tối ám  
ngày tôi đến chia tay anh  
chiếc giường đơn nhà bình  
chăn nệm nhàu vàng ảm mốc  
anh tự học chữ Nhật...  
anh ngồi dịch sách người ta thuê

Anh Đỗ Long Vân ơi  
chưa trở lại thăm anh một lần  
ngày đội quân Bắc Việt tràn vào Sài Gòn  
anh vẫn mang chiếc bao gạo cũ  
có in cò vàng ba sọc đỏ  
đi mua từng lon gạo  
ra đầu ngõ mua bó rau  
anh cứ ngẩn ngơ như không hề hay biết gì  
rằng thành phố đã đổi khác  
trong khi Bùi Giáng đứng la hét  
bên cầu Trương Minh Giảng  
chửi Lê Duẩn, Hồ Chí Minh  
đầu đội mũ sắt lính Việt Nam Cộng Hoà  
(tất nhiên là bị đánh gần chết)  
anh vẫn không hề hay biết gì  
sống một mình lủi thủi  
trong căn nhà thuê. đơn chiếc



Ngô Hồng Quỳ – Đinh Cường  
(Paris, 11- 2010)

Anh đã quên. quên hết  
Đại học Sorbonne – Paris – Huế – Đà Lạt  
tiểu luận về Nguyên Sa. Truyện Kiều A-B-C  
Vô-Ky giữa chúng ta...  
một thời lắm liệt. thơ mộng  
quán cà phê Dung – Thành Nội những năm sáu mươi  
hàng đêm. bạn bè bên anh và Ngô Hồng Quỳ  
những ngày anh chị ở Paris về  
anh dạy Văn Khoa Huế  
rồi bỗng dừng anh tự nghỉ dạy  
chống chiến tranh  
anh không chịu nổi tiếng la hét  
những ngày xuống đường của sinh viên

Vẫn chiếc áo veston mùa đông Paris  
vẫn chiếc áo mưa nhựa nhà binh  
anh lang thang đây đó...  
anh bị đưa vào trại nhập ngũ ở Đà Nẵng  
anh bị bắt lính đi trung sĩ truyền tin  
có buổi anh phải leo lên chòi cao  
ở Phú Lâm. đứng gác

Anh nhớ không. những đêm Đà Lạt  
sương mù. sương mù...  
anh vẫn nói lí nhí. cười lí nhí  
cặp kính cận dày. tóc hớt cao  
chiếc áo len cánh màu xám cũ  
trong căn phòng đường Hoa Hồng  
anh đốt Bastos xanh liên miên

Tôi ngồi vẽ. và anh đã viết  
sau này cho tôi như không ai hiểu tôi hơn  
về đường bay. nét cọ. những vệt màu bầm  
Un artiste n'a que faire d'exprimer son temps.  
Il le construit.  
nó dựng nên thời đại.  
và tôi tiếp tục đi. bao giờ cho đến đích  
tôi cô đơn vô cùng tận. như nghệ thuật.

Như anh đã nằm xuống trong xó xỉnh tối tăm  
như Diana đã nằm xuống trong muôn triệu hoa hồng  
như Mother Teresa đã nằm xuống là vị thánh  
tôi đã vẽ anh. đã vẽ Teresa để nhớ  
ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì  
nhớ tuổi nhỏ tôi  
đi suốt ngày dưới những tàn cây cao su  
chạy theo con nước lũ miền Đất Đỏ  
quì trên băng ghế nhà thờ đọc kinh trước giờ học  
Dì sœur của tôi đâu rồi. Dì sœur rất dữ.  
để lại trong tôi sự nghiêm nghị.  
anh thì rất đổi hiền từ  
để lại trong tôi một tình bạn hiếm hoi  
nay anh đã về với đất.

Mùa đông đã trở lại  
tôi vẫn lui cui vẽ. hăng đêm.  
không có anh. không còn sương mù Đà Lạt  
và gió thì thổi suốt trên rừng cây khô

như tiếng kèn đồng buốt lạnh  
Les mains dans le vent. xám ngắt.  
những bàn tay không nín nổi thời gian...

## **Virginia, 12 – 1997**

### **Đình Cường**

[1] Đỗ Long Vân sinh năm 1934 tại Hà Nội, mất tháng 8 – 1997 tại Sài Gòn, tro gởi ở Chùa Phú Nhuận.

Du học Pháp 1954 – Đại Học Sorbonne năm 1956 chơi thân với nhóm bạn Paris như Nguyễn Sa, Hoàng Anh Tuấn – Ngô Thy Liên, Lê Văn Kiên – bạn thân của Ngô Mạnh Lân anh Ngô Hồng Quý. Về lại Việt Nam năm 1962, giáo sư Đại Học Văn Khoa – Huế, Đại Học Đà Lạt.

– 1963: Viết cho Đại Học – tạp chí nghiên cứu của Viện Đại Học Huế bài đầu tiên đăng: Nhân một kinh nghiệm thơ (Đại Học số 31- tháng 2 – 1963)

- Một số bài khác đã đăng trên Hành Trình, Đất Nước, Nghiên Cứu Văn Học (*xem Văn Học, California, số 208–209 tháng 9-2003 dành nhiều trang đăng lại các bài viết của Đỗ Long Vân*)

- 1967: Trong ban chủ trương nhà xuất bản Trình Bầy – Sài Gòn, điều khiển từ sách Nghiên Cứu Văn Học

Tác phẩm đã xuất bản:

- Nguồn nước ân của Hồ Xuân Hương – nhà xuất bản Trình Bầy 1966

- Vô-Kỵ giữa chúng ta hay là Hiện tượng Kim Dung – Trình Bầy 1967



**Khánh Ly – Đỗ Long Vân – Đinh Cường – Trịnh Xuân Tịnh**  
Triển lãm tranh sơn dầu DC tại Alliance Française Đà Lạt 1965

## **Đỗ Long Vân**

# **TRIỂN LÃM ĐÌNH CƯỜNG**

*Họa sĩ Đinh Cường, từ 29-10 tới 5-11, đã mở cửa phòng tranh của ông tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp tại Huế. Cuộc triển lãm được đặt dưới sự chủ tọa của Ông Tham Vụ Văn Hóa cạnh Tòa Tổng Lãnh Sự Pháp tại VN và Ông Khoa Trưởng Đại Học Huế.*

*Phòng tranh gồm 40 tác phẩm mới nhất của Họa sĩ. Giáo sư Đỗ Long Vân, sau khi xem tranh Đinh Cường, đã có những nhận định mà Nghệ Thuật đăng tải dưới đây.*

Thời trước, đối với kẻ nào muốn diễn tả lòng mình trung

thực mà coi bỏ gông cùm những lễ luật cũ, thật là cả một vấn đề. Ngày nay còn những lễ luật nào phải coi bỏ nữa? Tất cả đã hóa ra dễ dàng thái quá giữa cái thời buổi tàn khốc này, thời buổi mà lễ độ bắt con người tru theo loài lang sói, lời thô lỗ là phương tiện để đi tới, cơn điên có vẻ cao giá và thậm chí cách mạng đi mua vui và thêm của cải cho bọn giàu và bắt đói bọn nghèo mà cách mạng làm cho đói mãi thêm. Tranh Đinh Cường giữa cái bát cháo hư phù ấy, hầu như khiến người kinh ngạc vì vẻ e dè của anh.

Không rực rỡ, không lạc điệu. Một chất màu ảm và quánh, mà vẫn nhẹ nhàng, và reo ca như vàng kim. Một thứ dạ kim với bao nhiêu hào quang quay trở vào bên trong. Điều này thoát tiên bắt chấn, cuối cùng ta lại đem lòng yêu mến cái e ấp trì hoãn ấy, nó có vẻ như không táo gan, nhưng không phải vì thế mà không khổ công chinh phục. Phương chỉ chỉ cần nhìn Cường làm việc và ta thấy cái đẹp đơn sơ và bóng láng quyến rũ chậm chậm ở tranh anh, không bao giờ Cường đạt được liền ngay lúc đầu, mà nó là kết thúc của nhiều dò dẫm dài hơi, nơi kết liên của ngẫu nhiên và một tiền định nào đó không hiểu. Tranh của anh luôn khởi đi từ trong ánh rực rỡ. Bắt đầu như một vỡ òa của hoa, và hầu như luôn luôn, trở thành đại dương đêm xanh đen, không phải cái đêm cô tịch dẫm máu ám ảnh ký ức bằng kỷ niệm, nhưng là tuổi trẻ của trần gian với hết thảy kho tàng vui chôn choàng dậy hầu soi tỏ bằng ánh sáng mong manh cái đêm đầu tiên ấy, cũng có thể gọi luôn là buổi lê minh. Vì chung, đã đến với ta kia, từ cùng thẳm địa cầu, từng đợt sóng, không gian hé mở trong một vỏ cánh ánh thép, những mảnh thủy tinh nhấp nháy, trong khi bên trên vực thẳm, bao thành phố rập tâm phiêu dạt theo nhau...

Thiên hạ tha hồ phàn nàn tranh Cường không phải là phản ánh của thời đại. Quả có thể, anh thích thú hiến thân cho trừu tượng. Song trừu tượng ngày nay là gì, nếu

chẳng phải là sự vắng bóng một cõi đời đồ nát trong lòng mình, và để khỏi rơi vào mê sảng mỗi cá nhân phải dụng tâm chế biến sự vắng bóng kia thành quyền hạn của nó? Trước đây không lâu người ta đã từng khơi quái vật dậy. Bây giờ chúng ủ rũ trong viện bảo tàng và duy còn lại sự vắng bóng, tinh diệu và vô diện, tư bề đe dọa con người cùng là xô xát con người vào cùng tận tâm can. Ôi! Những thời diễm phúc độ nào trong đó con người vẫn còn có những cái gì để hủy phá! Nay con người buộc lòng dựng nghiệp bằng hoang tàn, bằng đêm, bằng sa mạc. Khô cho nó là thể, nhưng không gian phơi mở vô tận trước mắt cũng là điều may mắn tối đại mà con người có thể ước mơ. Chúng ta hãy bằng lòng Cường đã bắt lấy dịp may. Bởi cái táo bạo mà cuộc phiêu lưu kia kêu đòi, nó muôn phần nghiêm trọng hơn nhiều thứ điên cuồng xưa cũ của ta. Tuy nhiên người nghệ sĩ làm ra táo bạo mà chi. Nó giống mọi người nào khác, truy tầm mò mẫm một hòa hợp chính xác giữa những chất liệu khác nhau mà cõi đời đề ra cho nó, và giữa lòng thiên nan vạn nan nơi nó đi tới, đáng ca ngợi thay, Cường đã theo một con đường tắt, dựng nên vài bóng dáng đàn bà. Nghệ thuật của anh lãng xao phong cảnh cùng tĩnh vật và vụt đi từ trừu tượng đến khuôn mặt người với một lối tả chân trang trọng mà anh chiếu rọi bằng thơ. Ở nơi anh, không có mối bận tâm dày vò đường nét, nhưng bên trên lớp xanh nhạt của biển trừu tượng, hốt nhiên gờn gợn nét vẽ tươi non của một hình người khỏa thân. Không đường nét nổi bật. Không bọn xác thịt. Chỉ một hình vẽ không thôi, mà như thế, trong ý tính của nó, nó truyền cảm bằng cái nhẹ nhàng của hư tưởng. Thế nhưng từ hư tưởng, nó cũng có cái hùng vĩ lâu dài và hình đàn bà thẳng người cao lớn kia dù đang còn hồn nhiên uyển chuyển, đột hiện, trong vẻ trong suốt tinh sương, trên biển lặng, vừa mới tách ra từ không gian vây bọc, tựa hồ khuôn mặt phi nhân tính của hy vọng. Có thể gọi đó là buổi Chào Đòi của Vệ Nữ. Mà ngẫm cho cùng, không phải thế sao? Người đàn bà đã chào đời, tôi muốn nói con người, và giờ đây nó cần xây

đắp chõ nường thân. Nhà nghệ sĩ diễn tả thời đại mình  
làm gì. Nó dựng nên thời đại.

*Đỗ Long Vân*

(trích Nghệ Thuật số 56 tuần lễ từ 11-11 tới 16-11-1966)

(THT đánh máy)





**NÔNG CỒ MÍN** Đàm là tờ báo đã sống dài, có ảnh hưởng mạnh đối với nho sĩ, công chức, điền chủ hồi những năm đầu thế kỷ 20.

Nhiều người hời hợt, đã bộc lộ những thái độ đáng tiếc: cứ cười chê, cho rằng các bậc tiền bối viết văn, làm thơ quá dở, thua xa những văn thi sĩ ngày nay, hoặc là hời dố tờ báo chẳng có gì là «báo», luôn cách trình bày. Lại còn chê trách những lỗi lầm sơ đẳng về chánh tả. Đến danh xưng của tờ báo cũng bị chê nốt.

Phải đặt vào bối cảnh lịch sử, để phân xét những công trình xây dựng về văn chương, báo chí. Thời ấy, chữ quốc ngữ còn phôi thai, nhiều danh từ, dùng thời ấy đến nay không còn hợp thời, kỹ thuật ấn loát thời ấy chưa được cải tiến, báo bán với giá xem như rẻ nhưng kỳ thật là giá cao, so với mãi lực lúc bấy giờ. Còn về cách trình bày tờ báo thì — xin lỗi —, báo bên Pháp hồi thế kỷ thứ 19 cũng trình bày như vậy thôi. Nghề làm báo là do văn minh Tây phương phát triển ra. Thời ấy, nhiều người viết báo chữ quốc ngữ đã có căn bản về Pháp ngữ khá vững và họ cũng biết «điềm» báo Pháp để học hỏi kinh nghiệm.

Chữ quốc ngữ phát triển sớm ở Nam kỳ. Điều đó ai cũng biết. Nhà in ở Sài gòn được thành lập sớm và nhiều hơn ở Hà nội và Huế. Thoạt tiên, từ thợ máy đến thợ sắp chữ đều là người Pháp. Họ dạy lại cho người Việt. Mãi đến nay, thợ sắp chữ

vân... nói tiếng Pháp, nào là ết-bách, anh-tet-linh, eo  
chữ, chữ cập, i-te-lít



Trở lại báo Nông Cồ Mìn' Đàm

Nông là nông gia

Cồ là hương cồ

Mìn, viết đúng là Mính tức là lá trà non

Đàm, theo nghĩa đàm luận.

Nội dung của tờ báo bàn về Nông nghiệp và thương mại, công nghệ. Uống trà mà đàm đạo. (Ông Huỳnh thúc Kháng lấy bút hiệu là Minh Viên, vườn trà). Nếu biết chút ít chữ nho thì khi đọc qua bốn tiếng ấy, không ai ngạc nhiên cả.

Có bạn lại chất vấn :

— Tại sao không ra báo đề bàn về văn chương, thi ca ?

Xin nói rõ :

— Người ở Nam kỳ lúc bây giờ muốn làm chánh trị và muốn bộc lộ lòng yêu nước. Từng lớp điền chủ thành hình, làm ăn phát đạt, người làm công chức thường là điền chủ, hương chức hội tề, cai tổng cũng là điền chủ. Lúa gạo làm ra, lọt vào tay trung gian Hoa kiều và thực dân Pháp thủ lợi. Hoặc là muốn khẩn đất thì mượn tiền của Chà Chetty

Năm 1901, tờ Nông Cồ Mìn' Đàm ra đời, vì mục đích chống lại đường lối của thực dân Pháp,

Việc chống đối ấy tạm chia ra 3 thời kỳ, có phản ảnh rõ rệt qua tờ Nông Cồ Mìn Đàm.

1 — Giới điền chủ bắt đầu có ý thức bảo vệ quyền lợi, kêu gọi hợp quần, tranh thương, mở mang công nghệ (1901 — 1905)

2 — Giai đoạn tranh đấu, hưởng ứng công khai phong trào Duy Tân (1906 — 1907..)

3 — Giai đoạn sau đánh dấu sự sa sút của giới điền chủ, lần hồi thỏa hiệp với nhà cầm quyền Pháp.

Người tranh đấu hăng hái nhất là Trần Chánh Chiếu. Ông hoạt động vừa công khai vừa bí mật cho phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ.

Khi vua Thành Thái bị truất phế, ông viết bài châm biếm thực dân và tổ thái độ phản đối.

Vua Duy Tân lên ngôi. Ông đổi hai tiếng «Duy Tân» đã dùng làm tôn chỉ của tờ Nông Cồ Mìn Đàm ra «Minh Tân», vì tránh trùng với niên hiệu của nhà vua — mặc dầu lúc bấy giờ nhà vua chỉ có quyền tượng trưng tới tỉnh Bình Thuận mà thôi.

Chúng tôi trích vài bài của Nông Cồ Mìn Đàm, úc báo do Trần Chánh Chiếu làm chủ bút.

1— Bài **·DIỄN DỊCH, ĐẶT ĐỀ·** nên hiểu là «sáng tác, bố cục» nhằm mục đích khuyên nhà cầm bút nên chú ý đến tiêu thuyết xã hội, đừng quá chú trọng đến loại truyện Tàu đang bày bán thanh hành.

2— Bài **QUỐC ÂM THÍ CUỘC** nhằm mở cuộc thi về Tiêu thuyết xã hội, từ năm 1906.

3— Bài **NHỚ XƯA**, nhằm khuyến khích độc giả nên sưu tầm sử liệu về ông Phan Thanh Giản.

Ngày xuân, không dám bàn bạc, chú thích dài dòng e mất thời giờ. Vả lại, độc giả của Văn Học là độc giả chọn lọc. Tài liệu tự nó có lẽ là đã hùng biện, gây phấn khởi rồi.

S.N

## DIỄN DỊCH, ĐẶT ĐỀ

Nội trong năm 1906 là năm đáng đề vào lòng mà nhớ đời đời, các ông học chữ nho không nài khó nhọc, thức hôm thức đêm lo diễn dịch các chuyện đời xưa bên Tàu ra chữ quốc ngữ cho những người hậu sinh không biết chữ nho coi, đọc cho hiểu việc cổ Kim. Có nhiều người sẵn vốn muốn dịch, rồi ra vốn in sách bán. Hai đảng đều đáng khen. Trong mấy

tiệm bán các sách truyện ấy, thấy thiên hạ đến mua dấp dàu, kẻ lớn người nhỏ, con nít cho đến đàn bà cũng vui mua mà đọc là điều hữu ích. Dầu mà không biết chữ nho nếu đọc cho nhuần nhẽ cũng sửa tiếng nói sai, sửa thói tệ được.

Song còn thiếu một điều là chỗ đặt đề, chớ chi có ông nào ra công mà lấy sức học riêng mình mà đặt một hai pho sách nói chuyện kim thời, hoặc là truyện chi, miễn có ích cho mỗi người, nói tiếng thường như các chuyện đã dịch rồi đó, ấy là đều văn vật lắm.

Bồn quán có khi sẽ mở hội thí :

Ai đặt đề theo đề mà có hội phải viên xét được, chấm đậu thì sẽ được trọng thưởng tiền bạc.

Hễ cuốn nào chấm được rồi, thì bồn quán sẽ đem vào đây cho thiên hạ xem, hoặc in sách ra mà bán.

Ông nào có dư vốn cũng nên đến thương nghị với Bồn quán mà giúp điều phải ấy. Chẳng những là không lỗ, có lời, mà lại dục lòng người ăn học lấy sức riêng mà làm ra.

Bồn quán sẽ sẵn vui lòng mà giúp sức luôn luôn. Vì nếu mỗi người đang đua nhau dịch sách cũ, ắt chẳng bao lâu sẽ dịch hết, rồi còn sách đâu mà dịch nữa. Cho nên và dịch và lấy sức riêng mình mà đặt đề thì có lý phải đại lợi.

## CHỦ BÚT

(Nông Cồ Mìn Đàm số 260 ngày 9 octobre 1906)

## QUỐC ÂM THÍ CUỘC

Trong lục tỉnh càng ngày nhơn dân bỏ lẫn chữ *nho*, đâu đâu đều dùng chữ quốc ngữ mà thôi. Phải nhờ có chữ *nho* thì nói tiếng An Nam mới thông, cho nên phần đông hãy còn nói nhiều tiếng *sái, trật*. Vậy muốn cho *lê thứ* gọi nhuần ơn giáo hóa của *chư nho* còn lại trong Lục châu thì nhà Nông Cồ Mìn Đàm không tiếc công, chẳng tiếc của, một xin *chư nho* gia công *dư* mà trợ lực thì có lẽ *hóa dân thành tục* mau được.

Bởi vậy cho nên Bồn quán bày cuộc thi này ra phụng bạc 150 đồng ; sách vị nào diễm dượt được :

1l Đạu đầu thì thưởng 100đ

2l Đạu thứ nhì thì thưởng 50đ

3l Đạu thứ ba thì thưởng 1 năm nhựt trình.

Các cuốn đầu sau thì sẽ thưởng bằng cấp mà thôi. Sách nào điếm đầu thì Bồn quán sẽ ấn hành vào đây, hoặc in riêng mà bán lấy tiền phòng mở *hội thi khác*. Khi in bán thì ngoài bìa sách cứ của vị nào đề tên vị nấy chẳng sai.

Nay Bồn quán xin ra đề :

### **Tiền cảng báo hậu**

(về việc Tình)

(Người Lang Sa gọi là Roman nghĩa là lấy trí riêng mình mà đặt ra một truyện tùy theo nhân vật phong tục trong xứ, dường như truyện có thiệt vậy)

Diễn dẫn một cuốn chừng 50 tờ giấy lớn

Chia ra làm 3 thứ :

— Thứ Nhất — Gãy đầu, căn ngọn, lý lịch, kiết cấu, vân vân.

— Thứ Nhì — Ân, oán, sanh sự, buồn lung, trần ai, lưu lạc, vân vân...

— Thứ Ba — Cha con, vợ chồng hòa hiệp, ân báo ân, oán báo oán, vân vân.

Phải giữ chừng cho *lạc đề*.

Đặt tiếng thường, thanh nhã dễ hiểu như truyện vậy.

Trong cuộc đời, phải đem hết các việc Quan hôn, Tang tế, thầy thuốc, thầy chùa, thầy pháp, vân vân. Tốt khen, xấu chê. Phải có cang thường, luân lý, nhơn duyên, thiện ác.

Không dặng dùng việc dị đoan, hễ chết mà còn muốn sống lại thì nhờ *thuốc hay thầy giỏi* chớ nói đến *quỉ thần*, còn muốn phạt thì đau bệnh mà chết, hoặc *lôi đả, súng xạ, gươm máy*, vân vân.

### Cách nạp đơn

Kề từ ngày nay cho đến ngày 15 tháng Novembre 1906, vị nào chịu ra thi thì phải vào đơn cho bõn quán chấp.

Quá hạn thì không chấp đơn nữa.

Vào đơn rồi, phải ra công diễn dân, hạn đến 15 Février 1907, nạp vở.

### Cách nạp vở

Phải phong cuốn sách của mình lại cho kỹ. Ngoại bìa, trên đầu để một *câu chữ riêng của mình ngụ ý*, kể đó đề :

Nhật Trình Nông Cồ Mìn Đàm, No 199, đường Bourdais, Sàigòn.

Gởi theo nhà thơ lấy biên lai

Đoạn phải lấy một cái thiệp đề tên họ, chỗ ở cho rõ ràng, bỏ vào bao thơ niêm lại.

Ngoài bao thơ cũng đề như mình đề ngoài bìa cuốn sách vậy rồi gởi theo. Đến kỳ, bọn quán sẽ mời các ông Danh sĩ trong Nam kỳ đến mà khảo chánh. Diềm duyệt rồi mới gởi thơ ra coi tên họ người đậu người rớt, đây là việc *văn hoành* công khí đó.

Vậy bọn quán khuyên chư nho Lục tỉnh phải ráng ra công mà giúp cho thành việc thì rất toại chí với nhau,

GILBERT CHIẾU, cần khai

(Nông Cồ Mìn Đàm, số 262, ngày 23 octobre 1906)

## NHỚ XƯA

Tôi tuy sanh sau, song dòm thấy trong sử quán hạt Lang Sa cung tưng đức thánh quan kinh lược Phan Thaah Giản mà cảm. Cho nên thân hành đi đến

chỗ quán Ngài mà hỏi các việc đăng làm một cuốn sách mà bia danh Ngài cho trẻ em đời nay rõ mà kính Ngài. Song đi đến thì cháu Ngài mắc còn nghèo khổ nên chẳng rõ cho hết. Còn giữ có một cuốn *Gia Phả Ý* và một cái *Chơn dung*. Cho nên tôi cúi xin chư vị Lục châu đoái hoài người vì dân nuốt độc mà lục lại các việc có tiếng, các lời hay, các thơ phú hay của Ngài tự ẩn chí trưởng, lục các việc hay của Ngài khi làm quan, lục việc Ngài tuyệt cố, lục các bài văn, văn tế của người ta tặng đức Ngài, dầu biết nhiều, dầu biết ít, dầu việc lớn, dầu việc nhỏ, xin đều lục ráo, có ngày tháng, quên ngày tháng chẳng cần chi. Xin lục rồi gói gởi cho tôi thì lấy làm cảm tạ vô cùng. Một người giúp một chút mới nên việc cả. Ai biên điều gì, tôi đều đem tên vô sách ráo, chẳng sai.

Chớ khá chần chờ, vì lâu ngày sợ biệt tích. Tôi đã mượn người họa chơn dung Ngài lại cho lớn đăng khi tôi xin phép nhà nước được thì sẽ quyên tiền mà sùng tu lăng, phủ lại cùng là cất chùa tại tỉnh Vĩnh Long mà biên danh vạn đại,

## CHỦ BÚT

(Nông Cồ Mìn Đàm số 296 ngày 25-6-1907)

(nguồn: Tạp chí Văn Học số Giai phẩm Mùa Xuân 1975)



NGÀY XUÂN  
NÓI CHUYỆN ĂN

VÕ PHIẾN

(trích Văn Học , giai phẩm mùa xuân 1975)

Lời tòa soạn: Bài tản mạn này đã được phổ biến trên một vài Trang Mạng, tuy nhiên có vài chỗ thiếu sót hay bị đục bỏ khiến câu văn không được mạch lạc mất đi ý nghĩa. Chúng tôi xin đăng lại bài này, dựa vào nguyên tác.

Chuyện gia vị ở ta là một vấn đề nghệ thuật: ướp một món thịt khéo hay vụng, ngon hay dở, thơm hay không v.v... là do nghệ thuật của từng người nội trợ. Ở cái xã hội kỹ nghệ Hoa Kỳ, gia vị không phản ánh tài nghệ cùng bản sắc của mỗi cá nhân mỗi gia đình nữa. Gia vị được “bào chế” tại các hãng lớn, vô chai vô lọ sẵn sàng: ai nấy cứ việc mua về đọc kĩ những dòng chữ chỉ dẫn rành mạch, rồi cứ thế mà xài. Trên tờ nhãn có ghi rõ thành phần gia vị, công thức, phân lượng, cách dùng... Chỉ có dùng đúng hay sai, dường như không có chuyện dùng một cách... có tài hay không có tài.

Mà phàm đã là một kỹ nghệ thì nó bành trướng rất hăng say. Giữa một mớ sản phẩm của hãng McCormick chẳng hạn, người ta nhận thấy những lọ Italian seasoning, Indian curry

powder, chen lẫn những lọ Spanish saffron, Ground Jamaica ginger... Và ơ kìa, lại còn có cả một lọ mang cái nhãn hiệu thân yêu Ground Saigon cinamon nữa.

Thì ra đủ hết: gừng Jamaica, nghệ Tây-ban-nha, cà-ri Ấn-độ, quế Sài Gòn... cả một hội chợ quốc tế trên chiếc lưới tham lam của người bạn Hoa Kỳ.

Tham lam và nhạy cảm, thích ứng nhanh chóng đến lạ lùng. Người bạn đến xứ này chẳng bao lâu, đến để đánh giặc chứ không phải cốt hưởng thụ gì tại một nơi vừa xa lạ vừa nghèo nàn, đến mà mang theo cẩn thận đầy đủ thức ăn quế hương, từ cái đùi gà đến ngọn rau, gói cà-phê... vậy mà thoát cái người bạn đã phát giác, rồi hăm mộ, rồi du nhập vào xứ sở mình cái vị quế Sài Gòn !. Ông bạn ném thử lúc nào? Thấy khoái ra sao? Nổi chậy sự quen biết tự bao giờ? Sao mà lạ làng quá vậy? Bởi nếu người bạn không quen dùng, không dùng nhiều, không có một đòi hỏi tiêu thụ đáng kể, thì đâu đến nổi hăng sản xuất họ dám chế tạo, đưa món hàng nọ ra thị trường?

Cái việc chấp nhận một món ăn mới xưa nay vẫn là một sự khó khăn, chấp nhận một món hương liệu mới càng khó khăn hơn. Thật vậy, ngay ở trong một xứ Việt Nam chúng ta, có nhiều người Nam không “chịu” được món Bắc, có nhiều người Bắc không “chịu” được món Huế, lý do của sự không chịu thường khi chỉ ở nơi chút mùi riêng: mùi mắm tôm Bắc không gặp sự thông cảm ở người Nam, mùi ruốc Huế không gặp sự thông cảm niềm nở ở ngoài Bắc... Và tình trạng ấy kéo dài từ đời nọ qua đời kia. Tình đồng bào ruột thịt có thể mỗi lúc một khăng khít, con đường xe lửa Xuyên Việt, đường máy bay có thể xoá bỏ cách trở, thấu ngấn giang san, nhưng chờ mãi tới hiện nay người Nam kẻ Bắc vẫn không thể thống nhất được “quan điểm” về thành phần một đĩa rau mùi ăn gói cá, về lối pha chế một chén nước chấm rau chấm thịt.

Như thế là vì cái “lập trường” về mùi vị của con người ta, và ở đây là người Việt nam, quá vững chắc. Là vì cái mùi vị trong thức ăn đối với chúng ta quá quan trọng.

Thế cho nên sự thông cảm, chấp nhận của những người Mỹ nọ khiến chúng ta lấy làm kinh ngạc.

●

Ở Mỹ, cũng như ở bất cứ đâu, sự khảo sát của các nhà xã hội học đều cho thấy con người tha thiết bảo thủ các món ăn quen thuộc của mình. Những ai đâu từ xa tới gia nhập vào cộng đồng mới, đại đa số trước tiên chịu hoà đồng với xung quanh về các phương diện ngôn ngữ và y phục, chứ còn cái ăn thì không. Hoặc từ Bắc Âu từ Trung Đông, hoặc từ Đông Á hay Phi châu đến Hoa Kỳ sinh sống chỉ trong ít lâu, ai nấy tập nói Ăng-lê như gió, ăn mặc đúng điệu thời trang cả. Nhưng về chuyện ẩm thực thì gia đình gốc Đức vẫn nấu ăn lối Đức, gia đình gốc Pháp vẫn khoái ăn cách Pháp... Chính vì dân xứ nào khư khư giữ riết lấy món ăn xứ nấy, rồi truyền từ đời cha xuống đời con, đời ông xuống đời cháu, cho nên ở những địa phương quy tụ nhiều giống dân đến cư trú, rất cuộc có hẳn một nền gia chánh cực kì phong phú, tích tụ đủ mọi món lạ muôn phương.

Người Hung Gia Lợi, người Ba-lan, người Moravie, người Bohême... chạy đến trú ngụ ở nước Áo, đã có công góp vào cái thực đơn đặc biệt dồi dào của những tiệm ăn thành Vienne. Còn Hạ-uy-di thì nổi tiếng lừng lẫy như là nơi hội ngộ của lắm món ăn mang quốc tịch khác nhau: cà-ri Ấn-độ, rong bẻ Triều Tiên, xúc-xích nóng và bíp-tết Hoa Kỳ, cơm với cá sống kiểu Nhật Bản, gà vịt tiềm lối Tàu, heo quay nước cốt dừa gốc Polynésie...v..v... muôn thứ gì có ngay thứ nấy.

Phải chăng vì vậy mà Hoa Kỳ, ở miền đất mới quy tụ nhiều giống dân đến tụ khắp các chân trời, ở đây món ăn chen vai thích cánh đông đúc hơn ở các lục địa khác: tại các siêu thị lớn người ta có thể gặp sơ sơ chừng sáu hay bảy ngàn món ăn khác nhau được trưng bày. Người ta bảo rằng có những siêu thị còn trưng được nhiều hơn nữa, hàng vạn món chẳng?

Có phải vì sống ở một môi trường như vậy cho nên người Hoa Kỳ làm quen, thích ứng, tiếp nhận các món ăn mới dễ dàng hơn chúng ta?

Cái hơn ấy chúng ta không ham. Trong trường hợp đối với các món hương liệu, thái độ chấp nhận dễ dãi khiến chúng ta nghi ngờ về một lập trường mùi vị không mấy vững, một

khieu thường thức không mấy tinh.

Sống sát cạnh bên dân tộc Trung Hoa mà tài nấu nướng được đồn đại khắp năm châu, chúng ta chỉ thông cảm với họ một cách hết sức dè dặt về vấn đề hương liệu: đôi ba món gia vị như đinh hương, đại hồi... thỉnh thoảng mới được dùng tới. Quế, thảo quả, đậu khấu..., các bà nội trợ của chúng ta gần như không cần biết đến.

Như vậy không phải là vì chúng ta đặt nhẹ cái mùi, mà là vì chúng ta quá đặt nặng chuyện mùi, chúng ta là một dân tộc có cá tính mạnh mẽ về phương diện này. Thật vậy, đối với những người Việt miền Bắc, thiếu một cái lá húng, một lát riêng là đĩa thịt cây không còn ra đĩa thịt cây nữa, thiếu thìa là không ra chả cá, thiếu chút lá chanh hồng cả con gà xé phay. Đối với người Huế, món ăn bún bò nửa phần là “ăn” cái mùi thơm ngát ngào của sả, của ruốc...

Những người Việt Nam sành ăn đều ăn bằng... mùi. Đối với nhiều dân tộc khác, rau chỉ là rau. Đối với chúng ta có cả một thứ rau gọi là “rau thơm”, rau mùi. Mớ rau thông thường của thiên hạ đi vội vàng vào bao tử, bất quá chỉ cần đáp ứng một vài đòi hỏi của vị giác, công dụng chính của nó là công dụng bồi bổ sinh lí, là nhằm một ích lợi thực tiễn. Rau mùi không phải là thứ rau cho bao tử, mà là cho lỗ mũi, cho cái khứu giác tinh vi của một dân tộc không phàm phu, một dân tộc nhằm thưởng thức hơn là ăn. Rau mùi không làm ai no ruột thêm chút nào, nó chỉ có công dụng nghệ thuật mà thôi. Và trong một bữa gỏi cá sống chẳng hạn, hàng chục thứ rau chọn lựa công phu, tất cả đều là rau mùi: thuần túy nghệ thuật. Chỉ vì một hạt tiêu, người phương Tây hì hục hàng nghìn năm tìm đường sang Ấn-độ, gian nan vất vả không biết bao nhiêu mà kể. Gì chứ tiêu thì ta vẫn dùng. Nó có cái hay đấy, nhưng mùi của nó sao linh động được bằng những ngọn rau kia vừa hái từ cây xuống, vừa ngắt từ vườn vào? Nó ngắt cái mùi đầy sinh khí của cây cỏ tươi mát.

Trong một đĩa rau thơm, mùi nọ lẫn với mùi kia, tôn nhau lên, chế hoá nhau: Đó là một cuộc hoà tấu, một bản nhạc

mùi. Cho nên khi người ta có năng khiếu thì ngay sau vườn mình cũng có sẵn thường trực một kho hương liệu quý báu, hà tất phải cuời sóng vượt bể, gây ra binh đao mới tìm được hương liệu? Và lại cần gì phải đông dài mới chứng minh được cái thiên tài của chúng ta? Một dân tộc đã phát minh ra chất nước cà cuống tất nhiên phải là một bậc đại sư trong khoa hương liệu. Và cái thể của bậc đại sư là cô độc, lẻ loi. Thật vậy, tiêu, quế, tỏi, gừng... những món ấy ai mà chẳng thưởng thức được? Chúng xoàng quá, phổ thông quá, vừa tầm của mọi người, cho nên chúng được tiếp đón khắp nơi, chúng hoá ra nổi danh. Cho đến đinh hương, đại hồi, bạc hà, thảo quả, đậu khấu, cà-ri... cái mùi nồng nàn của chúng cũng không phải là khó nhận thấy. Cho nên nó toả khắp thế giới, chỗ nào cũng có.

Đến như mùi cà cuống thì nó siêu quá: giữa hàng hà sa số thực khách trên thế gian, dễ gì chúng ta tìm ra tri kỷ ở những dân tộc khác. Chúng ta có thể yên trí rằng dù cuộc chiến tại Việt Nam có tái phát, có kéo dài, dù người bạn Hoa Kỳ có tới lui lần la Việt Nam bao nhiêu lần đi nữa thì mùi cà cuống cũng khó lòng bay ra khỏi xứ sở. Còn lâu một hương liệu quý hoá như thế mới xuống đường. Người đường phố, người tục tử nói đây là tất cả những ai không phải chúng ta.



Nhận định khiêm tốn ấy không phải không biết rằng nó đụng đầu với một lập luận đáng ghét: Hương liệu đặc dụng với các thời xưa và đặc dụng nhất ở các xứ nóng. Nó dùng để chống lại mùi thịt giữ lâu ngày. Cho nên từ khi có kỹ thuật ướp lạnh, hương liệu mỗi ngày một mất giá.

Lập luận nọ ngầm ý cho rằng hương liệu không đi theo đà văn minh chứ gì? Chao ôi, nghĩ ngợi sao mà đại dốt. Ai mà có thể tưởng tượng rằng mùi lá húng, mùi thìa là, nhất là mùi cà cuống có thể bị làm nhục được chứ?

Võ Phiến (11-1974)

# VỀ ĂN TẾT

(bài về nói về hoạt cảnh rộn ràng của dân quê trong mấy ngày lo Tết. Những hình ảnh lo Tết xưa như giã nếp, phơi lúa, xay gạo, quét bánh phồng, rọc lá chuối gói bánh tét, chèo ghe đi chợ Tết, mua bánh trái, giấy hồng đào, viết liễn, chia thịt heo, đốt pháo, nhậu nhẹt say sưa v.v.. )

(trích từ Nguyễn Hữu Hiệp: Bài về ăn Tết - Giai phẩm Văn Học Mùa Xuân 1975)

## Ăn Tết ! Ăn Tết !

Kẻ lo hết gạo, người sợ tiền không  
Đừng lãng xãng mà nhắc mà trông  
Lo bảy bữa lo đà sản kiếp  
Mần thời không kịp  
Xóm trên chạy rạo đội nếp chia đàng  
Xóm dưới sắm sửa vắn sàng  
Lúa phơi rồi còn nổi chưa xay  
Đêm tới sáng thức làm lạo xạo  
Kẻ lo hết gạo, người sợ lá tươi  
Từ hăm lăm cho tới ba mươi  
Giã gạo vang trời động đất  
Mần sao lật đật như đũa mắc phong  
Nếp tẻ tính đã vừa xong  
Sức ai ai đặn mạnh mượn quét bánh phồng  
Hái mớ lá, dây, mua hành cùng họ  
Mần cho nhăm lẹ chó khá dật dờ  
Vừa đặn quét dọn bàn thờ  
Hỏi con vợ thức khuya đi chợ  
Ngày hăm tám dọn thòan đi chợ  
Kẻ không ghe chèo thề, quá giang  
Rạng đông rồi quán đã bày hàng  
Đông thiên hạ mặc tình buôn bán  
Nhà giàu người ta mua hồng, mua nhãn, mua nùm, mua mì  
Mua không thiếu vật chi  
Bồn phận mình nghèo muốn mua xấp vải

Nghiêng qua ngắm lại ngất nổi thiếu tiên  
Vái trời cho lành mạnh tết khác qua mua  
Người ta giàu, mình khó chẳng dám bì  
Tôi một củ, trà một bao  
Còn dư bao nhiêu mua giấy hồng đào  
Coi ai viết liền viết chơi vài cặp  
Nhang mua đủ thấp  
Giấy mua ít chục đủ đốt thời thôi  
Đặng lo dìu sớm mà đi chia thịt  
Muốn ăn cho bằm dạ nào có rít  
Thịt ba xâu, lòng lấy vài quan  
Cúng ông bà đôi cỗ cho bĩ bàng  
Rồi dọn xuống say sưa một bữa  
Ngày ba mươi canh năm vừa lưa  
Heo thiên trùng chết biết mấy muôn  
Nghe tiếng kêu mở cửa chạy tuôn  
Lợi mình dành phần chắc  
Đem về miếng thì kho, miếng thì xắt  
Bèn dọn lên mời vái cúng ông bà  
Rượu thì rót bằng chén, chung trà  
Nói chi lảng nhãng nghiêng qua ngã lại  
Nghe tiếng pháo đại kêu con vợ sắm sửa nấu chè  
Vác cây nêu đem cắm ngoài hè  
Nói con vợ sao cửa đóng sớm  
Làm hơi mặt bọm, mở pháo đốt um sùm  
Kêu con vợ lấy mền trùm  
Co căng quốc ngữ cho tới sáng  
Sáng ngày mừng một anh em bạn tới nhà  
Đem rượu đãi liền  
Ba ngày này ăn uống liền miên  
Rồi mãn Tết tính coi bao nhiêu sở hụi  
Thịt thời hai yên ba đồng  
Rượu thời mười hai chuỗi  
Tôi lạy khóc ông  
Tôi lạy bác nội đừng trông tới Tết .

## *Chủ đề*

# **VĂN CHƯƠNG CHỬI THÈ**



trần hoài thư

chửi thề trong văn chương  
thời chiến

### 1. Chửi thề và tình đồng đội

Chiến tranh đã chấm dứt từ lâu, vết thương do chiến tranh tạo nên - tinh thần cũng như thể xác- thì xem như đã

chai thành sẹo. Có gì để mà phải nhớ, khi trước mặt sau lưng là lửa đạn trùng vây, là lưới lê đâm, là xác người ráng mở thui đen vì bom vì hỏa tiễn. Nhưng mà vẫn nhớ. Nhớ cái tiếng chửi thề. Vâng, nó là tiếng xấu, tiếng chẳng được thanh, tiếng mà nhà Phật bảo là khẩu nghiệp, không dám thốt trong bàn tiệc cưới, hay trong những party, những lễ hội áo mũ vú ngực khoe khoang, vậy mà cứ mỗi lần được gặp lại một đồng đội cũ, lại thêm một lần nói tiếng **Đan Mạch** như diên.

Như đoạn thơ được trích sau đây của Lê An Thế. Bài thơ dài nhan đề là **tôi biết**. Trong thơ, tác giả đặc biệt đề cập đến một cấp chỉ huy cũ: thiếu úy Phú đại đội phó của tác giả:

*tôi biết thiếu úy Phú, đại đội phó, 26 tuổi,  
đã già khú đế  
lúc tập hợp chửi thề như máy  
sau 2 lần đụng trận  
thương lính như con  
phạt con cũng dữ  
đêm đóng quân bắt lính đào hầm tránh đạn  
biết cách tìm nước suối  
bẫy heo rừng, tránh hầm chông mìn bẫy  
cách bắt vịt và làm thịt nhúm  
sống chết không bỏ thẳng nào  
lính gọi bằng thầy  
gần hơn lãnh tụ, thánh cha, sư cố.*

Mấy mươi năm sau, người lính trẻ ấy trở về VN thăm ông thầy. Chàng mời ông thầy vào nhà hàng có rượu Tây rượu Mỹ. Ông thầy không chịu. Ông thầy đòi cái quán bên đường như thời nào.

Rượu lên, chửi thề cũng ngọt theo men bia sủi bọt. Vâng, tất cả mất hết. Chúng mất theo thời gian. Hai mươi bảy năm rồi còn gì. Vậy mà có một thứ không mất. Nó vẫn ở lại, nằm ở đâu đó trong người, trong máu huyết, để rồi òa vỡ tuôn trào khi có dịp. Đó là tiếng chửi thề:

27 năm sau gặp lại thiếu úy Phú  
ông chửi thề vẫn ngọt  
đụ mẹ thằng này bây giờ mày bánh  
thăng chức Việt kiều  
tao vẫn là thằng Ngụy một chân  
tôi rủ ông vào nhà hàng có rượu Tây rượu Mỹ  
ông đòi quán bên đường chơi rượu để bia hơi  
như đồng đội cũ  
bao nhiêu thằng tôi đã quên tên  
bên vỉa hè hát lại tình ca  
bao nhiêu năm vẫn vậy  
chỉ có giọng khàn như khóc  
tôi rủ thêm đám bóp, tắm hơi, động đĩ  
tìm phật bà thánh nữ như xưa  
đúng đồ đặc sản  
tôi lại chọn Má mì  
ông thầy cười rú  
dưới mấy sợi tóc lưa thưa  
bộ răng đã mất đi quá nửa  
khi tôi nói đụ mẹ ông thầy  
lần này  
tôi biết tôi không mót đái.  
(Lê An Thế- **Tôi biết**, nguồn Internet. Trọn bài thơ được đăng  
lại phần sau))

\*\*\*\*

“Ông thầy” có lý do để từ chối lời mời của người đệ tử vào  
một nhà hàng sang trọng. Nơi đó dù rượu đắt tiền. Dù hầu  
bàn trẻ đẹp. Dù thăm đỏ thăm xanh. Nhưng mà làm sao có  
được mùi rượu làm ta ngất ngây: “Mùi rượu bay thơm  
quá!”. Và tiếng chửi thề đầy ắp tình đồng đội chiến hữu.  
Như đoạn văn dưới đây:  
(Nhân vật “lão” là ông lính già. Và “tôi” là chàng chuẩn úy  
trẻ. Địa điểm là một đồn binh cạnh quốc lộ 13.)

*Lão mở mắt, há hốc miệng ngáp:*

*“Đ.M., say một bữa thích quá. Đêm qua, lão đái cần  
câu qua người quan, quan say, quan đếch biết gì cả!”*

*Tôi đập lão:*

*“Bố tiên nhân cái lão già khôn nạn này!”*

*Lão cười ha hả.*

*“Ngủ nữa đi quan ơi, mưa bỏ mẹ đi, hôm nay cho lính nghỉ hết, nghỉ trọn ngày. Lão thường vụ này chịu chơi rồi, quan ơi!”*

*“Đ.M., có lệnh mở đường cho mai bạc (\*) vào thăm đồn bây giờ đó, thường vụ ơi!”*

*“Thì quan dẫn lính đi, chớ lão có đi đâu!”*

*Tôi chỉ lão:*

*“Bố cái lão già bẻm mép. Thôi dậy kiểm lý cà phê cho tỉnh ngủ chớ! Mơ suốt đêm, ướt nhẹp cả quần rồi, còn chưa chán sao?”*

*“Mẹ kiếp, muốn ra ấp thăm em Minh thì nói toạc ra, còn kiểm cà phê cà pháo! Già này biết quá mà!”*

*“Ôi cái lão già bầy đặt quá! Già rồi mà còn lắm chuyện!”*

*Lão cười hình hích:*

*“Mùi rượu bay thơm quá!”*

---

(\*) Mai bạc: sĩ quan cấp tá

(Hoàng Ngọc Hiến - **Còn Say**, truyện đăng trên Khởi Hành, do TQBT sưu tập đăng trên số 67)

## **2. Chữ thề đặc biệt trong tháng ba gầy sùng: Từ Tin Mừng đến chiến công “đã quá”**

Trong *Tháng Ba Gầy sùng* (TBGS) của Cao Xuân Huy, chúng ta được đọc rất nhiều những mẫu đối thoại đầy tiếng chữ thề hay những chữ mà phái nữ khi đọc phải đỏ mặt. Có tất cả 50 tiếng “đụ mẹ” trong suốt cả tác phẩm. Đó là chưa kể những chữ như *đù má*, *đéo*, *cặt đầy dẫy* trong sách. Có phải điều này đã mang lại hình ảnh chẳng mấy tốt đẹp khi người ta đánh giá về một quân đội, một binh chủng ?

Có thật vậy không?

Vâng, họ chửi thề thật. Chửi thề từ trang đầu đến trang cuối. Quan chửi. Lính chửi. Thầy chửi. Trò chửi. Tuồng như hai chữ **đan mạch** này như một chất nhựa ma túy, không thể thiếu được trong đời sống của họ.

Chỉ khi họ không chửi là lúc họ chạy. Chạy thực mạng. Chạy để thoát thân sau khi cấp trên bỏ rơi họ, đào tẩu. Nhưng khi dừng lại, là họ lại chửi.

Ngay từ trang đầu của tác phẩm, chúng ta đã nghe tiếng chửi. Nhưng nó là tin lành, Là niềm cứu rỗi. Thật vậy, tác giả kể về tiếng chửi thề đầu tiên mà ông được nghe trong khi ông tìm cách về trình diện đơn vị sau một thời gian trốn phép. Không hộ tống, không mở đường, một mình lạc loài giữa cõi dữ, không biết nơi nào là địch, nơi nào là bạn. Trong tâm trạng căng thẳng lo âu tột độ thì tiếng chửi thề ở đâu đó vọng đến. Nó khiến ông vui mừng vì biết là ông đang ở vùng bạn chứ không phải vùng thù. Chỉ có lính miền Nam mới chửi thề như vậy. Nó “nghe sao dễ thương lạ”:

*Tôi vận dụng tất cả mọi khả năng, dồn hết sức sống của tôi vào đôi tai để chờ đợi, nhưng ngoài tiếng côn trùng và tiếng gió, tôi không nghe được một tiếng nói nào của mấy người trên sườn đồi kia. Tuy nhiên, tôi bình tĩnh thật lạ lùng, cái bình tĩnh của thằng lính khi ra trận đã biết rõ mục tiêu, biết rõ từng vị trí của địch, đã nghe tiếng súng nổ, không còn sự hồi hộp lo sợ của sự chờ đợi những viên đạn đầu tiên của địch thay cho lệnh khai hỏa ghim vào thân thể mình trước khi kịp nghe tiếng súng, không còn là chuyện may rủi trời kêu ai nấy dạ của những viên đạn bắn sể nữa, mà là cái bình tĩnh của một sự việc đã được tính toán, đúng thì sống mà sai thì... húp cháo rùa.*

*"Đù má, lâu dzây mảy?"*

*Tiếng nói đột ngột, không đủ lớn nhưng đủ lọt vào tai tôi. Xong rồi! Tiếng chửi thề nghe sao dễ thương lạ. Tiếng chửi thề đã chấm dứt sự nguy hiểm bao quanh tôi. Bọn này hẳn phải là lính đại đội tôi, đang gài mìn tại tiền đồn cấp tiểu đội.*

Rõ ràng, ở đây tiếng chửi thề là niềm cứu rỗi, là tin Mừng không hơn không kém.

Những trang cuối của TBGS là những trang sơn phết màu đen ảm đạm, nhưng trong cõi điều linh cùng cực, với cảnh hàng quân bị bắt làm tù binh, vậy mà có một tiếng chửi thề nào đó cất lên ở trang chót. Không phần uất. Không ghen ngào. Không oán trách. Không ô nhục. Mà nó làm chứng cho một thành tích thật hy hữu, có một không hai:

Đó là cảnh mấy tù binh lợi dụng lúc hai ả “chị nuôi” bận rộn phát nước, các chàng bóp vú hai nàng lia chia. Đến nỗi sau đó hai nàng phải mắc cỡ mà trốn tiệt, không dám lãnh phần phát nước cho tù binh nữa.

*Không còn nước, không còn đàn bà, mọi người ngồi trở lại trong hàng. Một người lính vừa ngồi xuống bên cạnh quay sang nhìn tôi cười.*

*"Đu mẹ, bị bắt mà còn được bóp vú Việt Cộng, đã quá!"*

“Đã quá” là cái chắc.

Ai đòi tù binh lại có thể đi bóp hai quả “đào tiên” của mấy nàng du kích hay chị nuôi !

\*\*\*\*\*

Có người nhận định trong *Tháng Ba Gãy súng*, tác giả xử dụng tiếng “đàn mạch” quá nhiều. Chúng làm hạ danh dự và truyền thống đẹp đẽ của một quân lực hay một binh chủng.

Vâng, những người lính ấy chửi thề thật. Nhưng họ đã chứng tỏ họ là người lính đúng nghĩa nhất, khí phách nhất, lắm liệt nhất.

:

**Dòng người chúng tôi tiếp tục chạy, lại một người tách ra ngồi trên cát, lại người thứ hai, người thứ ba, người thứ tư... nhập**

bọn, lại tùm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, lại một quả lựu đạn nổ bung ở giữa.

Dòng người chúng tôi vẫn cứ tiếp tục chạy, lại một người tách ra ngồi trên cát, lại người thứ hai, người thứ ba, người thứ tư...

Tôi không thể nhớ để mà đếm nổi là đã có bao nhiêu quả lựu đạn đã nổ ở giữa những vòng tròn người như vậy. Nhiều, thật nhiều quả lựu đạn đã nổ.

Chúng tôi vẫn cứ chạy, những người tự tử tập thể vẫn cứ tùm thành những vòng tròn, quân đội Nhật năm 45 khi đầu hàng cũng không thể nào hào hùng hơn thế này được. Lịch sử Việt Nam chưa thấy viết một dòng nào về những cái chết hiên ngang của những thằng tốt đen như vậy, nhưng họ có đó, vẫn oai hùng khí phách chấp nhận những cái chết vô danh như vậy.

### 3. Chửi thề và nước mắt ...

Người lính ấy nằm xuống. Người ta sẽ khoác cho anh một danh từ: chiến sĩ vô danh. Người ta sẽ nhắm mắt cúi đầu mặc niệm. Một phút mặc niệm bắt đầu. Và cái điệu kèn trompette quen thuộc nổi lên. Một phút mặc niệm chấm dứt. Mời quý vị an tọa.

Vậy đó. Cái cảnh tượng này quá chừng quen trong buổi lễ. Nhưng chỉ dành một phút.

Nhưng có khi, không cần điệu kèn trompette, không cần bài Chiêu hồn tử sĩ nức nở... Không cần những lời thống thiết của MC giữa một hội trường đầy quan khách... mà người có mặt lại khóc, mà tiếng chửi thề lại đầm đìa nước mắt nghẹn ngào. Như cảnh mấy người lính khóc đồng đội mình ra đi:

*“Trong “tăng-xê” thằng Nam vẫn đốt đèn ngòi cùng bọn thằng Hải, thằng Đắc. Trên một tấm ván thông vừa mới dựng, thằng Nam đã đặt cái cốc bằng nhựa đựng đầy gạo Mỹ, cắm mấy chân hương. Chỗ ngòi của mìn đó Nuôi. Chỗ ngòi không bao giờ mìn còn thấy, còn nhìn tao, còn say rượu nói tao mới ra trường chưa kinh nghiệm, chưa biết lấy tiền Việt-cộng đem xài...”*



Tranh Thân Trọng Minh

*Bên tai tôi, giọng thằng Nam từ tốn đọc bức thư tìm thấy trong túi áo thằng Nuôi lúc chiều :*

*“ Em Soạn. Anh đổi ra xứ Huế này gần trọn một năm nhưng vẫn chưa có phép về Sai-gòn để thăm em và các con, thăm tía má, bởi đơn vị bận hành quân mãi.*

*Tháng trước, thằng Tính bạn anh đã về Sai-gòn bảy hôm nhờ nó tìm được một hầm súng của Việt cộng. Anh thấy thế mà thêm.*

*Anh vẫn khoẻ mạnh, còn hơn dạo ở Pleiku nữa. Dạo đó, anh gặp hầm luôn, có tiền lại có phép nữa, bây giờ nghĩ lại, anh thấy anh tội quá, nhất là để em phai khổ một mình. Tuần trước, nếu ông trung đội trưởng anh chịu chơi một chút, anh đã kiếm được cả phép lẫn tiền rồi. Ông nhân đạo quá. Đ.m, Việt-cộng nó giết mình như ngoé mà bắt được thằng nào ông cũng cấm đánh đập. Anh thương ông quá chứ không thì anh xin qua tiểu đội quân báo rồi.*

*Nãy giờ anh nói nhiều vậy chắc em cũng khó hiểu. Thôi để lúc nào về phép được anh sẽ kể rõ hơn...”*

*(Lê Bá Lăng - Buổi dừng quân, Văn 121, năm 1969)*

Đấy. Ngay cả lá thư gửi cho vợ, người chết cũng phải tức mà buông tiếng chửi thề. Sao mà không chửi cho được khi mà:

***Đ.m, Việt-cộng nó giết mình như ngoé mà bắt được thằng nào ông cũng cấm đánh đập. Anh thương ông quá chứ***

*không thì anh xin qua tiểu đội quân báo rồi.*

Nhắm mắt một phút làm gì khi mà không thấy không nghe, không trái tim òa vỡ thốn thức. Dù mở mắt, nhưng trái tim tan vỡ, tiếng chửi thề tuôn trào, mà mỗi tiếng chửi thề là nỗi tức tưởi, uất nghẹn như những bài thơ được chúng tôi sưu tập sau đây:

## **phạm nhĩ dự**

### **BUỔI CHIỀU Ở NGHĨA TRANG CÀ ĐÚ**

*Gởi linh hồn mày, Tô Đình Sự*

Trở lại Phan Rang lần này nữa  
Thăm mày không biết ngắn hay lâu  
Thăm mày, dù má mày đã chết  
Hay chỉ thăm cỏ mọc xanh mồi.

Chiều nay sao gió nhiều mày nhỉ  
Gió nổi trong tao đến lạnh mình  
Đù má, nhang mày sao chẳng cháy  
Đốt mãi que diêm đến cạn cùng.

Bên kia dãy núi tro thân chó  
Cỏ dưới chân tao lại sứt sùi  
Mẹ kiếp, vợ mày đang khóc mướt  
Con này, trời hồi nó cười vui.

Còn tao, tao chẳng cười chẳng khóc  
Chẳng ngậm ngùi chi lũ kiếp người  
Đù má, tao chửi thề đây Sự  
Chửi suốt trăm năm chửi hết đời.

Bây giờ mày đã nằm yên phận  
Còn vợ, bào thai, ba đứa con  
Đù má, một đời làm thi sĩ  
Chẳng đủ cho con lấy một đồng!

Tội mình dẫm dĩa đời lang bạt  
Sống chẳng ra chi, chẳng bận lòng  
Việc nước, việc đời đem dẹp hết  
Uống rượu quanh năm đếch ngại ngừng.

Mày nhớ đêm tàn trên xa lộ  
Thằng Chương đem xế lái quanh trời  
Đù má, cũng còn cười khi sắp chết  
Ngỡ rằng mình hái được hoa mơ!

Thằng Chương giờ đã nằm biên giới  
Mày ở nơi đây biết được gì  
Rượu chắc đã thềm, môi đã tím  
Hơi nồng theo gió núi bay đi.

Chẳng khóc được mày mà nước mắt tao rơi  
Bạn bè dẫm dĩa chết dần voi  
Đụt núi mà tìm quên tri kỷ  
Còn thôi nắm mộ phủ quanh người.

Tao trở lại đây đường dịu vợi  
Đốt nén hương tàn hát biệt ly.  
Thăm mày, đù má lòng buốt xót  
Ngó trời chỉ biết chửi thề thôi.

Thôi hãy ngủ yên thằng chó chết  
Tao về đây - vui với cỏ cây  
Nếu nhớ tìm tao nơi thôn nhỏ  
Rượu với lang thang vẫn ngất trời.

phạm nhĩ dự  
(Phan Rang 1971)

Trong rừng mùa hạ  
*Nguyễn Phúc Sông Hương*

Đi trong rừng mùa hạ,  
Suối khô trơ lòng đá,  
Vắt nước mười giây leo  
Không ướt bao gạo sấy.  
Gặp bãi heo rừng đầm,  
Ép bùn không ra nước,  
Thế mà con ca cút  
Bay theo đòi xin cơm.  
Chập choạng mới ra sông  
Thằng em vừa xuống nước,  
Mức chưa đầy bi đông  
Đạn cứt cù bắn gục.  
Thương thằng em dại dột  
Ta buộc miệng chửi thề

**Trần Đắc Thắng**  
***Khóc chiến hữu***

*Khóc Trung sĩ Quý, Thành và Thiếu úy Tư*

Đ.M. Tụi bây chết thật rồi  
Ta nghe hồn chết giữa mưa rơi  
Bao giờ bây lại ngồi uống rượu  
Cùng kể nhau nghe những chuyện rời  
Nhớ buổi theo ta đi đánh giặc  
Bây thề mãi mãi ở bên ta  
Giờ đây, sao lại đi đâu hết  
Bỏ mặc ta đau, mắt lệ nhòa  
Bây khóc tình ta trong vắng lạnh  
Còn ta đứng khóc với quê hương  
Bỗng thấy lòng mình mùa đông xám  
Thấy bây đi kích dưới mù sương

Từ đây bây đón đau một cõi  
Còn ta đánh giặc giữa sa trường  
Thương bây chiến hữu ta ngồi khóc  
Đau đón nào dâng với nhớ thương !

## LINH PHƯƠNG

### Thắp hương cho thằng bạn

Đù má lòng tao buồn thật buồn  
Đù má chiều nay khóc rưng rưng  
Tao khóc một thằng vừa mới chết  
Bỏ vợ - bỏ đào - bỏ quê hương

Tao khóc cho mày khóc cho tao  
Khóc đời ba mươi mốt Hạ Lào  
Bạn bè dẫm dĩa ai còn sống?  
Chong mắt tìm thù trên núi cao.

Tao khóc mày tao thắp nén hương  
Để khói nhang bay ấp ủ hồn  
Để một lần nhân danh chiến hữu  
Đa tạ người ca tụng tên Đương.

Đù má hành quân suốt tháng ngày  
Có đôi lúc rảnh uống thật say  
Nâng ly rượu đế - nâng ly đế  
Đối ẩm cùng tao nhé hỡi mày.

Đù má nhiều khi nhớ thị thành  
Nhớ chiều Gò Vấp - nhớ lâu xanh  
Nhớ da - nhớ thịt vài con đĩ  
Nhớ ả làng chơi gái thập thành

Đù má Đương này - Đương hỡi Đương

Ngủ đi ngủ giấc mộng bình thường  
Ngủ đi quên hết đời chó đẻ  
Đời đã giết mình chẳng tiếc thương.

( 1972 )

**DƯƠNG KIÊN**

## **BÀI CHO QUANG**

*LTS: trong vài câu thơ có .... Đó là tiếng chửi thề bị kiểm duyệt.(chú thích của TQBT)*

tao đọc báo hàng ngày  
cáo phó nơi trang bốn  
sao lại có tên mày  
hy sinh vì tổ quốc

mày chết thật - ô hay  
sao mày đành vô nợ  
cuộc đời mày chót vay  
mấy mươi năm chắt bóp

công lao mẹ từng ngày  
còn con vợ mày nữa  
mày nợ những vòng tay  
xa nhau từ ngày cưới  
trông nhau từng heo may

mày chết thật sao Quang  
tiên sư thằng chơi hoang ,  
cuộc đời đàng đẵng thế  
đi đâu mà vội vàng  
ta còn ngông đã chứ  
say rồi cười huênh hoang

ta còn ... vào mặt  
lũ như nhuộm cầu sang  
ta còn ... vào mặt  
lũ ê a rao hàng  
quê hương, tổ quốc,  
mẹ ! toàn một ...

mày chết thật rồi nhỉ  
mày mới chết hôm qua  
hay chết hôm nào đó  
tự nhiên tao cười xòa

ta cười ta thương ta  
mày bây giờ sướng nhé  
đã được về quê nhà  
ngủ yên trong lòng đất  
mẹ hiền ôm thiết tha  
còn tao còn sống mãi  
một ngày một xót xa

chung quanh toàn lũ khốn  
quỳ gối cầu vinh hoa  
ao đành nằm gãi...  
làm thơ gọi hồn ma

- ới thằng Quang khốn nạn  
chí lớn mày nguy nga  
mà đành thua thế đó  
tao cười đến khóc òa

thôi Quang, thôi Quang  
thôi kệ mày yên nghỉ  
thôi kệ mày kệ mày  
thôi kệ tao còn say  
lá vàng bay còn bay  
mộ bia xin phủ đầy

DƯƠNG KIỀN

(Văn Học giai phẩm mùa xuân 1975)

## *Thơ chửi*

### Trần Văn Tích

Giận là một trong những tình cảm tự nhiên của loài người, kể từ khi con người còn trứng nước. Kèm theo tâm trạng giận dữ có những biểu hiện sinh lý như tim đập nhanh, mặt đỏ ửng hay tái mét, tay run; ở trẻ em có khi cứng đờ toàn thân, có khi ngất xỉu, khiến các bậc cha mẹ khiếp vía hoảng hồn. Ở người lớn, trong trạng thái nhiễu tâm, cơn giận thường nổi lên khi có người khác mục kích; người tâm thần phân liệt khi giận dữ thì lại đi tìm cô đơn; trong chứng động kinh hay xảy ra những cơn giận vô cớ, bất ngờ; trong chứng cuồng ám, cơn giận lại xuất hiện có tính toán, nhằm báo thù v.v.. Để cho hả giận, con người thường chửi bới, nghĩa là thốt ra những lời lăng mạ cay độc thô tục nhằm làm nhục đối phương, những lời này thường xúc phạm đến ông bà cha mẹ đối tượng bị chửi hoặc thường gán cho đối tượng chọc tức gây giận những tên thú vật.

Trong văn học, nhiều khi văn chương mang sắc thái nổi xung, văng tục. Một người rất mực trung hậu, hết sức điềm đạm như nhà văn quá cố Võ Phiến mà cũng từng có lần phải biện bạch : *“Khi mình là dân một nước đã trải qua bao nhiêu năm khói lửa, rồi lại trông thấy trước mặt một viễn tượng đầy máu me, khi ấy nói về kẻ gây thảm họa thật khó giữ lòng bình thản để nói lời tao nhã.”* (Tạp luận. Nhà Xuất bản Văn Nghệ, 1987, tr. 25). Nói cách khác, ông Võ Phiến chỉ muốn chửi tưới người cộng sản.

Nói chung và như đã trình bày, khoa “tu từ học” chửi bới thường cố ý phạm đến tiên nhân đối tượng bị thoả mạ coi như để sỉ nhục những người này cho hả giận; cũng có khi người lên tiếng chửi để cập đến các cơ quan sinh dục, đến động tác tính giao nhằm dùng những lời lẽ xúc phạm cay độc để nhiech móc kẻ bị nguyên rủa một cách tục tĩu thô bỉ. Ca dao chửi xéo con ong cánh bướm :

*Mồ cha con bướm trắng, để mẹ cái ong xanh*

*Khen ai uốn lưỡi cho anh nói càn*

hoặc :

*Mồ cha con bướm trắng, để mẹ cái ong vàng*

*Khen ai uốn lưỡi cho nàng nói chua.*

Lắm khi người ta tự chửi để xác định lập trường, nhằm bày tỏ quyết tâm. Cô gái *lộn chồng* nhất định cứ *lộn*:

*Sáng ngày ra đứng cửa đông,*

*Xem một quẻ bói, lộn chồng được chăng?*

*Thầy bói gieo quẻ nói rằng :*

*Lộn thì lộn được, nhưng năng phải đòn.*

*Mồ cha đứa có sợ đòn,*

*Miền là lấy được chồng giòn thì thôi.*

Trong khi đó thì người thiếu nữ chính chuyên lại đào mồ cuốc mả lũ đàn ông dâm bôn mắc dịch :

*Em là con gái có chồng*

*Mồ cha những đứa đem lòng nọ kia.*

Đối tượng bị lăng mạ có khi là một gã trai bạc hãnh :

*Mồ cha con bướm khôn ngoan*

*Hoa thơm bướm đậu, hoa tàn bướm bay.*

Lòng người đen bạc phụ phàng cũng có khi bị lên án qua một lời văng tục :

*Mồ cha cái áo rách này,*

*Mất chúng mất bạn vì mày áo ơi!*

Thầy Mạnh ở tuốt bên Tàu tuy hoàn toàn vô can mà vẫn có thể dính dáng vào chuyện *đù cha đù mẹ*. Trong một vụ hát hò đôi trao ở một phường nón, phường vải nào đó, bên cạnh số trai chưa vợ gái chưa chồng tham gia đông đảo, còn có những người ở tuổi trung niên, đã có gia đình con cái, nhất là các thầy đồ, thường ngồi “bê chuyện” ở hậu trường, đứng đằng sau gà các cô, giúp các cậu, đặt lời cho các cô gái hát nhằm đối đáp với những chàng trai từ nơi khác đến. Nhà nho đi hát gheo như thế cũng là một cung cách tham gia hoạt động văn nghệ như đi hát ả đào, hát cô đầu, có hát có xướng, có hện có hò theo cách sống hào hoa phong nhã.

Chẳng ngờ gặp phải một câu hỏi lắt léo, hóc búa, ác khẩu để bắt bí đối phương; đại khái hỏi rằng ai sinh ra Mạnh tử. Hỏi như thế thì chết cha bỏ mẹ người ta rồi. Nếu mọi người đều biết thân phụ thầy Khổng tên gì, ông có tên gì thì *Sử ký* Tư Mã Thiên, phần *Mạnh tử*, *Tuân Khanh liệt truyện*, lại chỉ

chép Mạnh Kha người huyện Trâu, thụ nghiệp học trò của Tử Tư. Phần còn lại về lý lịch thầy Mạnh là truyền thuyết : tương truyền thầy thuộc dòng dõi quý tộc, tục truyền thuở nhỏ thầy nhận sự giáo huấn rất chặt chẽ của bà mẹ. Còn ngoài ra chẳng ai hay thân phụ thầy Mạnh tên gì, cho nên giờ hỏi ai sinh ra thầy Mạnh thì chỉ có cách văng tục để mà trả lời và qua câu trả lời vừa chửi thẳng kẻ hát đồ vừa chửi xéo đũa xúi bẩy. Nội dung câu hát ứng đáp mang tính chất chửi bới như sau :

*Thầy Mạnh? Cụ Mạnh sinh ra*

*Đù mẹ con hát, tổ cha thẳng bày!*

Phần uất thì chửi rửa là phản ứng tâm-sinh lý lành mạnh. Hồ Xuân Hương ngứa gan vì cảnh đời làm lẽ, vì lối sống nàng hầu, vì những nỗi đau đón tủi nhục căm tức của *kiếp lấy chồng chung* nên chửi toáng lên :

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng,*

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.*

*(Làm lẽ)*

Không phải nữ sĩ chửi...chơi, nữ sĩ chửi thật. Bởi chính bản thân nàng cũng đã làm lẽ, cũng đã góa chồng. Cho nên nàng cảm thông sâu sắc với bao nhiêu kiếp (chứ không phải chỉ một đời) người đàn bà nạn nhân chế độ đa thê qua hàng ngàn năm xã hội phong kiến. Nữ sĩ chắc chắn cũng liên tưởng đến hoàn cảnh các cô gái chửa hoang hay chửa oan trong ca dao :

*Chém cha cái nước sông Bờ,*

*Nghĩ rằng báng nước, ai ngờ báng con.*

Người thiếu nữ đáng thương bám vào hy vọng mỏng manh mình chỉ bị báng nước chứ không phải có thai. Báng nước là tình trạng bệnh lý do các chất dịch cơ thể tích tụ lại trong màng bụng khiến bụng to phình lên như có chửa.

Nguyễn Du cũng biết chửi khi cần thiết. Từ tình cảnh bi thảm của Thúy Kiều, nhà thơ khái quát hoá để mô tả số phận chung của nữ giới :

*Chém cha cái số hoa đào,*

*Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi.*

*(Truyện Kiều, câu 2151-2152)*

Chém cha vốn là quốc hồn quốc túy của ngôn ngữ nòi Việt chứ chẳng phải tầm thường. Bằng cứ là các ngôn ngữ Âu

Tây đàn chịu thúc thủ không làm sao chuyển dịch được. Nguyễn Văn Vĩnh, Xuân Phúc đều dịch : “*maudite soit cette destinée...*“, như vậy là chỉ bảo rằng cái số đào hoa đáng bị nguyên rửa, đáng bị coi là tệ mạt chứ đâu có *chép cha* nó được như Nguyễn Du! Tiếng Anh cũng vậy. Lê Xuân Thủy dịch là “*The devil takes the fates of those girls who were born under the sign of the peach-flower star*“; Huỳnh Sanh Thông dịch “*The fate of peach blossom – what a curse!*“ thì chung qui cũng chỉ là một cách dùng lời lẽ độc địa cầu cho cái số đào hoa thế này thế nọ, chứ đâu có lột được cái ý rửa sả cay cú, chửi bới đay nghiến của Việt ngữ! Chẳng thế mà Tản Đà chú : “*Hai chữ chép cha, có dùng trong văn chương, chỉ riêng thấy ở câu đây và trong thơ Hồ Xuân Hương : Chép cha cái kiếp lấy chồng chung! Thật là tay văn mới dám dùng mà cũng mới dùng nổi chữ đó!*“. Sau Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ cũng sẽ câu kinh nguyên rửa cảnh sống túng bấn khó khăn, tài chánh khôn quần :

*Chép cha cái khó! Chép cha cái khó!*

*Khôn khéo mấy ai? Xấu xa một nó!*

*(Hàn nho phong vị phú)*

Sự việc xảy ra ở đời chẳng phải bao giờ cũng như ý muốn, sự đời rất lắm khi éo le, không trôi chảy theo ước nguyện, cho nên dân gian cũng đòi *chép cha* như các thi nhân thi bá :

*Sự đời như cái lá đa,*

*Đen như mồm chó chép cha cái sự đời.*

Thật ra thì dẫu sao Nguyễn Du cũng còn mực thước; có chửi bới cũng chỉ vừa phải. Quá lắm thì thi bá nghiêng răng treo trẹo :

*Hồng quân với khách hồng quần,*

*Đã xoay đến thế, còn vẫn chưa tha.*

*(Truyện Kiều, câu 2157-2158)*

hay nộ khí xung thiên thì quát tháo la lối :

*Phận sao bạc chẳng vừa thôi,*

*Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan?*

*(Truyện Kiều, câu 1763-1764)*

trái lại với Phạm Thái, Nguyễn Công Trứ; chửi vị này cứ xả lảng ĐM thẳng thừng. Nguyễn Công Trứ bất bình bực tức vì

cám cảnh sĩ khí đòi truy, nhân tâm điên đảo nên võ án chửi  
đồng, riếc móc cuộc đời :

*Đéo mẹ nhân tình đã biết rồi,*

*Nhật như nước ốc, bạc như vôi.*

*(Nhân tình bạc bẽo)*

*Đéo mẹ* là tiếng chửi thề nặng nhất, nhẹ hơn thì có *đéo bà*, nhẹ hơn nữa là *đéo hoá* (theo Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ trong *Việt Nam tự điển*). Cho nên khi mất mạng đến nơi, khi đối diện với đạo phủ thì người ta phải *đéo mẹ* số phần như câu chuyện truyền tụng về những giây phút cuối cùng của Cao Bá Quát :

*Ba hồi trống giục, dù cha kiếp!*

*Một nhát guơm đưa, đéo mẹ đời!*

Phạm Thái chán chường đến độ bi phẫn, xem những phường vô si quanh mình không xứng đáng là người mà chỉ toàn là chuột bọ, chó má; xem nhân gian không còn là môi trường sinh hoạt nên hẳn học nguyên rủa :

*Thôi về Tiên Phật cho xong kiếp,*

*Đù oả trần gian sống mãi chi!*

*(Cảm thán)*

Nguyễn Khuyến thì tập trung mũi dùi nhieć móc thoá mạ vào một thành phần xã hội – có lẽ đáng thương hơn đáng giận – là giới me Tây. Yên Đổ dụng công sưu tập những lời chửi chua ngoa tàn độc trong dân dã để mô tả tập thể *đĩ gặp thời, đĩ bao tử, đĩ mười phương chơi cho đủ chín, còn một phương nhịn để lấy chồng, đĩ vợ bợm chồng quan v.v..* Gọi đích danh những cô Tư Hồng, mụ Hậu Cầm để đả kích thấy chưa đã nư, quan Hoàng giáp buông một câu chửi rất tục :  
*Cho đời con đĩ cầu Nôm.*

*(Đĩ cầu Nôm)*

Đã có *đù mẹ* thì cũng có *đù cha*, dẫu rằng *đù cha* ít phổ cập hơn. Trong truyện *Phạm Công Cúc Hoa*, khi Phạm Công đánh đồng thiếp xuống âm cung tìm Cúc Hoa, chàng đã gặp nhiều cảnh ngộ tức đến càn hòng. Khi đi qua Giang hà, thấy nước trong dòng mát, trạng nguyên họ Phạm thoát ý nhào xuống tắm, chẳng dè lại rơi vào giữa một tập thể ba mươi cung nga thể nữ hầu hạ Cúc Hoa cũng đang truồng cời bơi lội nên bị các nàng tác sắc mắng cho một trận. Quan trạng dẫu kim băng đề danh, văn chương nét đất

mà cũng nổi đóa xì nọc, réo cha ra đù :

*Đù cha lũ đi ăn mày,*

*Cả tớ lẫn thầy ăn đếch cho tao!*

(*Truyện Phạm Công Cúc Hoa*, Nhà Xuất bản Nam Á, 1984, tr. 167)

Giới tu hành có một chữ riêng để chửi và được Hồ Xuân

Hương vận dụng một cách vừa ồm ờ vừa cay cú :

*Đầu sư há phải gì bà cốt,*

*Bá ngộ con ong bé cái nhâm.*

(*Sư bị ong châm*)

Nhà thơ nôm trút vào hai chữ *bá ngộ* tất cả sự chống báng của mình đối với đạo đức cấm dục của Nho giáo và chủ trương diệt dục của Phật giáo.

Thật ra và nói chung, ngòi bút có bản lĩnh không kiêng sợ từ ngữ thô tục bất nhã. Thô tục nhưng đúng chỗ có sức mạnh riêng của nó, bất nhã mà đặc địa có tính đa năng của nó. Nhà thơ trước hết là một con người, ngôn ngữ thơ chủ yếu là ngôn ngữ biểu hiện. Phẩm chất thi ca gắn với chiều sâu thể giới nội tâm. Cho nên nếu thơ có lúc mang rõ nét những hạt nhân lý tính, có khi đi sâu vào những suy tưởng triết học, thậm chí có bài du ngoạn vào những mê cung bí hiểm thì cũng có chỗ thơ chảy tràn trên dòng cảm xúc. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ không thể hiền lành, nho nhã trước những bất công quá đáng, những vô lý phũ phàng. Gặp các trường hợp này, phải ném thẳng vào mặt các đối tượng đáng khinh bỉ, các tình huống đáng phỉ nhổ những tiếng thét, những tiếng chửi cho hả hê, cho đích đáng.

Chẳng phải khi sử dụng những từ ngữ, những lời lẽ đó là để chửi cho sướng miệng; trong thực tế, có khi ĐM, *đù oả* trở thành *thanh từ lệ cú*. Và lại nói cho cùng, chửi bới nguyên rủa chỉ là một hình thức biểu hiện hung tính mà riêng ở loài người thì với sự xuất hiện của ngôn ngữ và trí tuệ, đã có một số hình thái tấn công tượng trưng được nhân loại sáng tạo ra.

# Văn Chương Chửi Thề

**Phạm Văn Nhân**

Theo tôi, chửi thề gắn bó với con người cũng từ "thất tình lục đục / hỉ, nộ, ái, ố... mà ra cả ". Chửi thề không phải chỉ dành riêng cho những người thất học, bình dân. Mà chửi thề đã có trong dân gian. Từ người bình dân, lao động chân tay cho đến những nhà trí thức. Không phân biệt ai. Ngay cả trong phim ảnh và trong văn học nữa. Chửi thề đã xuất hiện. Nhất là xem những cuốn phim chiến tranh của Mỹ quay về chiến tranh Việt Nam. Người lính chửi thề như ...điên. Rồi qua lãnh vực văn học cũng vậy. Chửi thề đã xuất hiện trên văn chương. Nó như là một hành động để xả stress khi nhìn thấy một sự việc " trái tai gai mắt ".

Theo tôi, chửi thề là một tiếng nói rất trung thực của từng con người trước mọi sự kiện trong xã hội: có thể là những người "thấp cổ bé miệng/ Có miệng ăn không có miệng nói" . Cũng có thể bị áp đặt bắt làm một việc gì đó của những người "có chức có quyền". Hoặc nhìn thấy những cảnh chương tai gai mắt... mà chửi thề xuất hiện.

Khi chửi thề là phải dùng đến những từ "rất nhạy cảm" giữa nam và nữ trong hành động giao tiếp, trong ngôn từ nhạy bén mới ra chửi thề. Ngay cả trong văn chương Việt thời nho học thịnh hành, cấm kỵ những "chữ tục/ dơ bẩn". Các cụ Trần Tế Xương, Cao Bá Quát ...theo tôi là bậc thầy đã đưa chửi thề vào văn học. Nhất là cụ Cao Bá Quát, trước giờ chết cụ còn :..." *Ba hồi trống đục **đu cha kiếp/ Một nhát gươm đưa **bổ mẹ đời*****". đã đi vào văn học, và lòng người đọc hôm nay. Theo tôi hai câu thơ của cụ Cao Bá Quát quá đã. Còn cụ Trần Tế Xương, cụ chửi thề là cụ chửi cái chế độ

thời nát thời quân chủ. Như trong bài Đùa Ông Hàn:

*Hàn lâm tu soạn kém gì ai?  
Đủ cả vung nôi, cả cồng chai  
Vĩ phông quyền thì ông được chắm  
**Đù cha, đù mẹ** đừa riêng ai*

Nhưng ở đây, tôi muốn nói đến văn chương chữ thề của một số người cùng thế hệ chúng tôi. Những người lính cầm súng ngoài mặt trận. Chính họ có nhiều bức xúc trong cuộc chiến. Bức xúc trong tình đồng đội. Bức xúc trong tình bạn hơn ai hết...Do đó, thơ văn của những người lính này cũng bộc lộ nỗi cảm xúc rất chân thật, không hư cấu khi họ về thành phố. Những cảnh "trái tai gai mắt" đập vào mắt họ. Họ thốt lên những câu chữ thề trong văn thơ của họ là đúng. Chữ thề không có nghĩa là "tục tũ", là "vô học", là mất "văn hóa" trong thơ văn. Là làm cho xã hội băng hoại. Thơ văn chữ thề của những người lính cũng là động thái làm bớt đi sự căng thẳng có trong cuộc sống của mỗi người.

Như những câu thơ của nhà thơ Phạm Nhã Dự khi ông viết về nhà thơ Tô Đình Sự. Một người bạn của ông. Sự mất năm 1970. Khi nghe tin Tô Đình Sự mất, tôi về muộn, ghé lại nhà thăm chị Sự. Ngôi nhà nằm sâu trong con hẻm đường Lê Lai ( ? ) Phan Rang. Thấp cho Sự nén nhang. Trong ngôi nhà tôn nhỏ bé, nghèo nàn. Chị Sự ngồi trên chiếc võng tiếp tôi. Bàn thờ của Sự chỉ là cái bàn mà bạn bè thường ngồi mỗi khi đến nhà. Chẳng được cái bàn thờ nghiêm chỉnh. Hai đứa con còn rất nhỏ. Đứa còn nằm trong nôi. Đứa nằm trên võng. Trích một đoạn thơ ngắn của Phạm Nhã Dự tôi mới thấy tình bạn thơ của Phạm Nhã Dự dành cho Tô Đình Sự. Chữ thề là phải. Nếu ai đã từng thân quen với gia đình Tô Đình Sự. Sự mất đi chị Sự và mấy đứa cháu sống ra sao? Xin trích hai đoạn thơ của Phạm Nhã Dự để thấy cái bức tức, cái bức xúc của người bạn thơ dành cho người bạn thơ cả đời làm công chức ( thuế vụ ), làm lính, làm thơ. Để rồi khi nằm xuống : *chẳng đủ cho con lấy một đồng*. Nhớ lại, khi Tô Đình Sự được biệt phái về lại công chức, làm lại ở ty thuế vụ Ninh Thuận. Sự lái xe gắn máy

lên đơn vị tôi nói là đã biệt phái, không còn trong quân đội nữa ( Quân trưởng Đồng Đế). Tôi mừng. Nào ngờ, Sự đã mất trên xa lộ Biên Hòa... năm 1970.

.....

*Còn tao, tao chẳng cười hay khóc  
Chẳng ngậm ngùi chi lũ kiếp người  
**Đù má, tao chửi thề đây Sự**  
**Chửi hết trăm năm chửi hết đời***

*Bây giờ mây đã nằm yên phận  
Còn vợ, bào thai, hai đứa con  
**Đù má, một đời làm thi sĩ**  
**Chẳng đủ cho con lấy một đồng**  
(Trích: Buổi Chiều Ở nghĩa trang Cà Đú)*

Bên cạnh bài thơ của Phạm Nhã Dự viết về Tô Đình Sự thì cũng có nhà văn Hoàng Ngọc Hiến. Ông là một nhà giáo dạy triết. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm. Lại mang nghiệp lính. Một người lính tác chiến 100%. Hơn ai hết, ông đã thoát ra ngoài cái khuôn khổ của một nhà giáo để sống thực, viết thực với những đồng đội của ông ở chiến trường. Những tiếng chửi thề " Đ.M " của người lính nói chung và cấp chỉ huy " cấp nhỏ" chỉ biết thi hành lệnh là chuyện thường ngày trong sinh hoạt của lính ngoài mặt trận. Bỏ đi cái đạo mạo của người thầy. Bỏ đi cái đáng của người trí thức, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến đã sống thực, viết thực từ cuộc sống của người lính trên Quốc Lộ 13. Một Quốc Lộ máu mà, chúng ta, ai cũng biết trước năm 1975. Tôi xin trích một đoạn văn trong **Quốc Lộ 13 của Hoàng Ngọc Hiến đi trên Vết sứt 130** mà TQBT số 65 tưởng niệm nhà văn HNH ( 1942-2014) để đọc giả thấy được " văn chương chửi thề" cũng chỉ là cái bức tức, cái bức xúc trong cuộc sống mà ai trong chúng ta cũng có thể chửi thề. Xin trích một đoạn văn của Hoàng Ngọc Hiến: Quốc Lộ 13: ( xin trích ).

Nhưng cái sinh hoạt ấy chợt dừng đứng lại.

Một tối, vừa cho trung đội tới vị trí kích, thằng Thành mang máy C10 lại bên tôi.

- Chuẩn úy.

Tôi thở một hơi thuốc, thản nhiên như mọi lần:

- Gì vậy?

- Dạ thẩm quyền muốn nói chuyện với chuẩn úy.

Tôi cầm lấy ống liên hợp đưa lên tai nghe.

- Thanh Thúy, Thanh Thúy, đây Thanh Thúy Một gọi.

Cái giọng nói rề rề của ông Trung úy Đại đội trưởng ở bên kia đầu máy:

- Thẩm quyền tư tưởng đó hả?

- Vâng, thẩm quyền có gì cho?

- Anh bảo đàn em của anh đó. Sáng sớm mai, sau khi đi kích về, sửa soạn một ba-lô với mười lăm ngày ăn, một bộ đồ trận. Mang theo xẻng, hỏa lực đầy đủ. Tám giờ xong. Anh có thể cho chúng nó về sớm hơn mọi bữa để làm cho kịp. Đại đội chúng ta phải đi đóng “đồng da” đó, thay thế cho thằng 215 đã quá nhiệm kỳ. Nhận rõ trả lời?

Tôi bấm cái nút nhựa trên ống liên hợp:

- Nhận thẩm quyền rõ. Còn gì cho tiếp.

- Có vậy thôi anh. Dứt, tạm dứt nghe anh.

**Tôi rầu rĩ lắm lắm: “Đ.m., đúng là lệnh nhà binh, ban ra lúc nào đi ngay lúc ấy...”**

•

Chiếc camion đầu tiên chở tôi và trung đội của tôi xả ga xuống cái dốc cuối cùng rồi chồm lên, sau đó mới dừng khựng lại nơi vọng gác của đồn. Tôi còn thấy gần vọng gác, một bàn thờ dựng bằng một cột, không nhang khói. Trong tâm mắt có tới cả chục chặng dây thép gai căng chằng chịt. Rồi tới cổng vào căn cứ, dựng một tấm biển màu xanh loang lổ có hàng chữ màu vàng sắp phai mất hết: “Đồn Tân Hưng”. Tôi phải chăm chú mới đọc được hàng chữ đó. Xa hơn và thu hút nhất là cột cờ với lá cờ vàng ba sọc đỏ bay nhẹ và cái mirador màu gạch cua cũ dựng từ hồi Pháp thuộc còn để lại. Tôi biết chắc như thế, không cần phải giải thích, vì cái kiểu cách đó, tôi đã thấy ở nhiều đồn bót Pháp hồi người Pháp còn đặt những bước viễn chinh của họ trên quê hương này. Tôi thấy từ hồi còn nhỏ, một túi trên lưng,

khăn quàng trên cổ, theo gót chân mẹ tôi tản cư xuôi ngược, vùng nọ sang vùng kia, vùng này sang vùng khác. Lửa bốc cháy sau lưng. Đạn bắn bay trên đầu. Và bóng tối mưa dài vây bủa chung quanh. Mẹ ơi, mẹ còn nhớ không. Mấy mẹ con mình ngã dấm ngã dúi. “Tội nghiệp con tôi”, mẹ kêu không biết bao lần, con còn nhớ lắm. Tiếng nói đó đã khắc sâu vào tâm con và bây giờ nó đã trở thành một thứ trầm tư thẳm kín trấn giữ đời con. Như khí giới của tên lính trấn thủ lưu đồn. Thứ khí giới ấy, con đã cất giữ, và bây giờ đem theo tôi tiễn đồn này nằm ở phía đông tỉnh lỵ Bình-long, cách quốc lộ Mười-ba gần mười lăm cây số. Giờ này, mẹ ở Sài-gòn, mẹ đâu đã biết. Vâng, mẹ đâu đã biết đưa con của mẹ trôi nổi tới chốn địa đầu của một quê hương tranh chấp lý tưởng. Cộng quân lại mới tung vào đây những trận đánh lớn. Các căn cứ quan trọng ven quốc lộ Mười-ba hầu hết đã bị tấn công. Đài phát thanh đã loan tin đó đi, mẹ có nghe không, mẹ có gửi gắm cho con những giọt nước mắt âm thầm rơi trong bóng tối nào không...

- Ê, Tướng, mày vào đây hả?

Thiếu úy Cung, xử lý thường vụ Đại-đội trưởng 215 đã ra đón tiếp chúng tôi. Tôi mở cửa xe nhảy xuống bắt tay Cung:

- Ô, tôi hứng cái khổ cho tụi mày đây. Chiều nay mày tha hồ mà bay bướm với các em ở thành phố...

Hắn toét miệng ra cười:

- Đ.m, cũng phải cho tụi tao xả ga chứ, không ứ lên chịu sao thấu mày. Thôi mày cho xe vào đi, bảo thằng truyền tin của mày gắn antel dù vào ngay, nó pháo kích còn liên lạc xin pháo binh. Tao xong nhiệm vụ rồi, tao đeo biết nữa đâu.

Tôi cũng văng tục:

- **Đ.m., chưa đi hẳn đã lồi. Tôi cũng đeo biết, tôi đâu phải Đại-đội trưởng mà anh tính bàn giao cho tôi.** Trung úy của tôi còn ở dưới kia kìa, xe sau đó, pan mẹ nó rồi, còn chữa ở dưới đó. Xe tao đi đầu, trung đội Một mà.

- À, có mấy xe mày?

- Bốn camion, đại đội tao đầy đủ cấp số chứ đeo như đại đội mày đâu. Việt Cộng đeo dám thử. Thử là chúng nó lúa vàng hết.

Vẫn cái nụ cười toe toét của Cung:

- Thôi lên xe vào trại đi cha, biết rồi khổ lắm... Cho con còn

*gồ sồ sầm sầm.*

*Chiếc camion len lỏi qua nhiều chặng dây thép gai vào trong đồn, đổ quân, đổ đồ, đổ đạn xuống. Tôi liền ra lệnh cắt gác, phân chia quân và hỏa lực bố trí tại các hệ thống phòng thủ, bảo truyền tin gắn anten vào máy C10, sẵn sàng đối phó với phản trắc bất ngờ. Địch chỉ lợi dụng lúc hỗn tạp này. Trung đội tôi trực bữa nay nên đã phải tới đây trước hết, xong xuôi mới kéo cả đại đội vào.*

*Cung chỉ cho tôi sơ lược địa thế, hầm hố. Tôi ngó qua, thất vọng rửa nó:*

**- Đ.m., tụi mày sắp đi tụi mày ỉa cả ra cho tụi tao tới hốt hủ. Gì mà bắn thủ, đột nát, xập xệ, rác rưởi quá xá thế này.**

*- Mùa mưa mà mày.*

**- Mưa thì mưa chứ. Tụi mày chắc chỉ chơi không, ăn rồi ỉa thôi, chứ đéo gì. Chỉ chết tụi con... Thôi tụi mày xéo bỏ nó đi cho rồi. Để các con làm lại cuộc đời.**

*Những chiếc xe sau chở đại đội tôi lần lượt vào đồn. Sau khi Đại-đội trưởng nhận bàn giao, và những chiếc xe chở chúng tôi tới đây đã chở hết những tên lính của đại đội 215 ra khỏi doanh trại, thì trời đã trưa. Mặt trời đã bắt đầu nghiêng bóng về tây. Trưa rồi. Tôi nhận khu vực phòng thủ của trung đội: mặt Nam hướng về xã Tân-hung.*

Còn nữa, nhà văn Trần Hoài Thư, một người lính thám kích của Sư đoàn 22/BB. Sinh tử là chuyện bình thường trong cuộc sống của những người lính. Họ chửi thề trong văn chương là đúng thôi. Đúng với thật tế. Đúng với bản thân. Họ không những chửi cái mà họ nhìn thấy "những sự việc" xảy ra bên họ, mà đôi khi họ lại chửi chính họ nữa. Tôi nhớ một truyện ngắn của Trần Hoài Thư trong tập Những Vì sao Vĩnh Biệt của anh, xuất bản năm 1970 do Ý Thức in. Trong truyện ngắn : Cuộc Sống Tôi ( xin trích )

....

*Nhân rời khỏi bàn tiệc, đến đằng sau tôi. Chỉ một mình hần là thẳng hiểu rõ tâm sự của tôi. Tôi nghe tiếng của Nhân hỏi*

*nhỏ: Tân, mày buồn hả? Tôi vắt điều thuốc xuống sân, đi mạnh:*

**- Đ.M. Buồn cái đéo gì?**

*- Mày có về bà má không?*

**- Về cái đéo gì? lũ mình là con hoang.**

*Tôi vòng tay lại, ép chặt vào ngực:*

*- Nhân, mày cho tao một lời khuyên đi...Có nên về hay không?*

*- Dù sao bà cũng là má mày.*

*- Tao không muốn thấy lại những gương mặt ghê tởm trong căn nhà đó.*

*Nhân nhìn xuống biển, yên lặng một chút rồi nói tiếp:*

*- Dù sao bà cũng còn là má mày. Mày về để bà thấy mày còn sống để bà mừng.*

*Tôi nói, như khóc:*

*- Nhân, sao mày lại khuyên tao vậy. Mày không biết tao ốm yếu thế này, cũng vì bọn nó hành hạ tao sao? Mày có thấy những giọt máu tao đổ tràn ra cốc không? Mày có thấy những thằng con lão dượng, bà hai, hành hạ tao không? Tao là con chó ghê. tao trốn ở viện mồ côi, tao ngủ ở gầm cầu. Bọn nó xô dúi tao như xô đuổi một con chó..( hết trích ).*

Cuộc Sống Tôi, rõ ràng Trần Hoài Thư, một người lính thám kích khi trở về phố nơi tuổi thơ anh đã lớn. Những nhân vật trong truyện là thật. Bối cảnh trong truyện là thật. Mà tôi, người đã chứng kiến cái thật ấy. Rõ ràng tiếng chửi thề trong truyện ngắn của anh đi trên Ý Thức và sau này in thành sách là tiếng chửi thề cho bản thân anh trong cô đơn.

trong túi nhục. Tức quá: Chửi thề.

Cho nên, trong văn chương họ chửi thề cũng là việc bình thường. Đôi khi lại còn hay. Thay đổi cuộc sống tinh thần. Thay đổi một món ăn tinh thần trong lối viết của người lính cầm bút cũng là một thú vị cho người đọc. Không nên "ru ngủ" trong tháp ngà văn học nhiều lắm, ủy mị, khô cứng trong nề nếp một xã hội nho học, quan liêu với những tác phẩm trong Tự lực Văn đoàn ru ngủ theo nề nếp nho phong. Bên cạnh đó còn có những tác phẩm đời thường, trần tục. Nói lên cái nỗi khổ của người dân nghèo trong xã hội, mà đa phần bị bóc lột mà các nhà văn một thời đã miêu tả: như Nguyên Hồng, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng đã có những tác phẩm để đời cho độc giả hôm nay.

Nên nhớ: "Văn chương chửi thề" khác hoàn toàn "văn hóa chửi mắng". Chửi thề để xả stress khi thấy những sự việc xảy ra cho mình, cho bạn mình. Tức, nói không được : chửi thề. Thế thôi.

Houston, ngày 5/1/2016

# NGHĨ VỀ HAI TIẾNG CHỬI THỀ

## LÊ CẦN THƠ

(Houston - Texas)

Tôi tra từ điển cố tìm xem những bậc thức giả định nghĩa thế nào về hai tiếng "CHỬI THỀ", nhưng không có. Trước hết, ở trang 201 và 202 của Từ Điển Tiếng Việt do Trung tâm từ điển ngôn ngữ Hà Nội Việt Nam xb năm 1992 chỉ ghi:

**Chửi** (đg): Thốt ra những lời xúc phạm cay độc để làm nhục cho hả giận. *Chửi như tát nước vào mặt. Chửi cha không bằng pha tiếng* (tng). **Chửi bới** (đg): Chửi bằng những lời moi móc xúc phạm quá đáng (nói khái quát). **Chửi chó mắng mèo** (đg): Chửi cạnh khoé, không chửi thẳng. **Chửi đồng** (đg): Chửi to tiếng nhưng không nhằm vào ai cụ thể, không chỉ đích danh. *Chửi đồng mấy câu cho bõ tức. Quen thói chửi đồng thiên hạ.* **Chửi mắng** (đg): Chửi và mắng (nói khái quát). *Chửi mắng thậm tệ.* **Chửi rửa** (đg): Chửi bằng những lời nguyên rửa (nói khái quát). *Bị thiên hạ chửi rửa.*

Tìm sang chữ THỀ nơi trang 916 (sdd), chỉ ghi: **Thề** (đg): Nói chắc, hứa chắc một cách trịnh trọng, viện ra vật thiêng liêng hay cái quý báu nhất (như danh dự, tính mạng) để đảm bảo. *Lời thề danh dự. Thề yêu nhau đến trọn đời. Tôi thề là tôi không biết gì cả. Thề có quỷ thần chứng giám. Xin thề!* **Thề bồi** (đg - cũ): Thề (nói khái quát). **Thề nguyện** (đg): Thề để nói lên lời nguyện với nhau (nói khái quát). *Thề nguyện chung thủy.*

**Thề sông thề chết** (đg - khẩu ngữ): Thề bằng lời lẽ độc địa, cốt để cho người ta tin. **Thề thốt** (đg): Nói lên lời thề (nói khái quát). *Nặng lời thề ước.* **Thề ước** (đg - ít dùng): Thề nguyện và ước hẹn với nhau. **Không có hai từ chửi và thề ghép chung làm một để được định nghĩa.**

Sang cuốn từ điển Từ và Ngữ của GS Nguyễn Lân

(nhà xb tổng hợp TP.HCM - 2006), tôi tìm ở chữ CHỬI nơi trang 383 chỉ thấy tác giả định nghĩa: **Chửi** (đgt): 1. Dùng lời thô tục mà mắng người nào. *Bà cụ lắm điều, suốt buổi chửi con gái.* 2. Nói hai thứ mâu thuẫn nhau, không hợp nhau. *Hai màu này chửi nhau.* Và tiếp theo tác giả cũng đưa ra một số từ và ngữ mà vẫn không thấy CHỬI THỀ. Chỉ thấy tác giả đề cập các cụm chữ thường nghe hoặc được viết trong văn chương: Chửi bóng chửi gió, chửi bới, chửi cạnh chửi khoé, chửi cha không bằng pha tiếng, chửi chó mắng mèo, chửi chữ, chửi đồng, chửi lắm nghe nhiều, chửi mắng, chửi mèo mắng chó, chửi như chó ăn vãi mắm, chửi như mật gà, chửi như vật thịt, chửi rửa, chửi xỏ... Vậy là, trong **từ điển về ngôn ngữ Việt Nam** tôi không tìm thấy có hai từ ghép CHỬI THỀ.

Trên thực tế, hai từ này đã gắn liền với sinh hoạt và đời sống con người Việt Nam từ rất lâu đời. Còn nhớ lúc tôi tuổi nhỏ ở thôn quê chưa có trường học dạy chữ nghĩa, nhưng ba má tôi đã nhắc nhở và căn dặn anh em chúng tôi nói chuyện **không được "chửi thề"**! Có lần, thằng Bảy trạc gần bằng tuổi tôi, nhà ở gần nhau, chỉ cách một con mương ranh có bắc cầu bằng cây dừa khoảng 5 thước tây, nhưng không có tay vịn. Hai đứa tôi thường qua lại cây cầu này chơi với nhau, nhưng thằng Bảy nói chuyện thường hay "chửi thề". Một hôm hai đứa cãi cọ gì đó (tôi quên), nó "*chửi thề (Đ.M.) với tôi*", tôi nói "*mày còn chửi nữa tao đánh mày!*". Không hiểu lúc đó nó quạu thế nào mà tiếp tục chửi. Cứ mỗi tiếng chửi thề là tôi "tát tay vào mặt nó", tát riết chịu không nổi nó nhảy xuống đứng giữa mương nước, khóc lớn lên. Kịp lúc Thiêm Ba Xuông là má nó đi chợ về thấy vậy, mới hỏi: "*Sao con đánh nó?*". "*Tại nó chửi Đ.M. con!*". Thiêm biểu thằng Bảy lên bờ, hỏi "*con có chửi thề với anh V. không?*". Hỏi mấy lần như vậy nó vẫn không trả lời. Thiêm Ba hiểu ngay là con mình có chửi, nên bảo: "*con phải xin lỗi anh V., nếu không Má đánh đòn con*". Nói vậy nó mới chịu xin lỗi tôi. Chiều lại, Má tôi nghe chuyện, bảo tôi qua xin lỗi Má thằng Bảy. Tôi nói: "*Con đâu có chửi thề mà phải xin lỗi?*". "*Con xin lỗi Thiêm Ba là lỡ đánh thằng Bảy. Đáng lý ra lúc nó chửi, con hăm sẽ mét Thiêm Ba, chắc nó không dám chửi con...*". Nghe Má tôi nói vậy, tôi

phải qua nhà xin lỗi Thiêm Ba: "*Con xin lỗi Thiêm, con lỡ đã đánh thằng Bậy*". Thiêm Ba vỗ đầu tôi. "*Giỏi lắm. Thôi hai anh em vui vẻ chơi với nhau nghe! Thằng Bậy nhớ lời má dặn, từ nay về sau không được mở miệng chửi thề. Chửi thề xấu lắm!*". Hai đứa tôi lại hoà nhau, sau này tôi cũng không bị thằng Bậy chửi thề nữa. Đó là chuyện đã in sâu trong tâm hồn thơ trẻ và theo tôi suốt chặng đường dài.

Suốt thời gian đi học rồi đi lính, ra đời, tôi vốn không thích nghe tiếng chửi thề. Nghe tiếng chửi thề, chợt nhiên tôi "nghĩ xấu" về hai tiếng đó. Trong đơn vị, lúc làm Trung Đội Trưởng, tôi sinh hoạt với lính mình, thỉnh thoảng tôi cũng nhắc nhở anh em cố gắng khi nói chuyện đừng "đệm tiếng chửi thề", nhất là đối với bà con cô bác xung quanh chỗ đóng quân, dù có giận nhau cũng vậy, nghe không đẹp lắm. Vậy mà **ngày 01 tháng 3 năm 1970, tôi lại dùng tiếng chửi thề với cấp chỉ huy của mình** trước cái chết của Đại Đội Trưởng Lâm Đình Thảo, tôi đã đề cập trong truyện ngắn "ĐIỀU THUỐC SAU CÙNG" đã in trong tạp chí KHÔI DÒNG, đọc trong chương thi văn VỀ NGUỒN trên Đài Phát Thanh Cần Thơ năm 1972 và một vài tờ báo khác. Ra hải ngoại, tôi có đăng lại, đặc biệt trên Đặc san Thủ Đức số đầu tiên tại Houston TX 1997 và đặc san khoá 5/68 kỷ niệm 40 năm nhìn lại (25-01-1969 - 25-01-2009) ngày rời trường BB Thủ Đức. Để quý bạn đọc có thể hiểu được tâm trạng của tôi lúc đó, xin được trích đăng lại một đoạn, dù biết bài viết này kéo dài đôi chút, mong quý bạn thông cảm.

(trích):

"Tôi cầm tay Thảo/ Cả tay chân anh mềm nhũn, hai mắt thâm đen và anh cũng không còn thấy được nữa. Hơi thở thoi thóp, miệng lắp bắp: "*Thái ơi, Thái ơi ba chết!*". Tôi lắc khề vai anh: "*Thảo, Viện đây. Anh không sao đâu, trờc thẳng sẽ đưa anh về quân y viện ngay. Cố gắng lên!*". "*Thái ơi, Thái ơi! Ba chết!*". Thảo cứ gọi tên đứa con trai cưng nhất của mình, hơi thở môn dần, và anh đã trút hơi thở sau cùng lúc 10 giờ 15 phút sáng ngày 01 tháng 3 năm 1970.

"Thảo chết, Trung sĩ Trai bị thương với 4 người lính khác. Tôi báo ngay về trung tâm chỉ huy hành quân tại chi

khu và yêu cầu phương tiện tản thương. Bạch Hổ bảo đã báo tiểu khu và chờ. Mặt khác lại ra lệnh:

"- Đại Bàng chỉ định Victor (Viện) quyền Dzũng Chinh điều động các đứa con tiến chiếm các mục tiêu còn lại. Để một chắm (tiểu đội) ở lại trông chừng số "kilo" (người chết), "whisky" (người bị thương).

"Tôi trả lời qua máy là, không đồng ý bỏ lại dọc đường Dzũng Chinh và mấy đứa con bị thương, bởi em út họ không chịu đi nếu như việc tản thương không được thực hiện nhanh chóng. Bạch Hổ thông báo với Đại Bàng. Ông Đại Bàng bay lên vùng, và liên lạc thẳng với tôi:

"- **Đ.M.**, tôi ra lệnh cho Dzũng Chinh phải tiến quân. **Đ.M.** cứ bỏ thẳng "kilo" (người chết), với đám "whisky" (người bị thương) lại đó sẽ có chuồn chuồn đến bốc. Bây giờ đám điều hầu đã vỗ cánh lên vùng, tất cả ưu tiên cho "Delta Quebec" (đổ quân)... **Đ.M.** chú thi hành hay không? **Đ.M.** tôi đưa ra toà án mặt trận bây giờ.

"Tôi nóng ran cả mặt. Một tư lệnh cuộc hành quân mà giải quyết sự việc với những tính toán và ngôn ngữ như vậy khiến tôi bất bình, và chẳng hiểu xuất phát từ đâu, tôi đã nói qua máy:

"- **Đ.M.** Đại Bàng chớ Đại Bàng đừng **Đ.M.** tôi như vậy. Ông muốn gì tôi thách ông đó. Bây giờ tôi nói dứt khoát với ông, tôi không đi cho đến khi nào có chuồn chuồn đến bốc Dzũng Chinh và mấy đứa con của tôi..." (hết trích).

Ở đoạn gần cuối truyện, xin nhắc thêm một chi tiết khiến tôi đã bình tâm suy nghĩ.

(trích): "... Mãi đến 5 giờ chiều thì Đại Bàng lại lên máy, lần này chính ông cần gặp tôi, nhưng Bé (âm thoại viên) trình với ông là "Thẩm quyền Dzũng Chinh không chịu lên máy!". Ông bảo: "khi nào về tới chi khu, báo Dzũng Chinh vào gặp Đại Bàng!". Bé báo với tôi như vậy, bất chợt nó lại nói nhỏ:

"Ông Thầy, lát nữa tới chi khu, mình cứ vào gặp xem Trung tá nói gì. Em dặn ông Thầy, hãy bình tĩnh đối đáp với ông ấy, mọi chuyện để em giải quyết. Chén sành đối chén kiêu, em không tiếc đâu! Ông Thầy đừng bao giờ nhúng tay vào. Có gì để em lãnh đủ cho. Chỉ khi nào ông Thầy ra dấu

hiệu thì em... "bụp" liền! Em thương ông Thầy và muốn trả chút ơn mà ông Thầy đã đối với tụi em". Vừa nói, Bé vừa ra hiệu bằng dấu tay bóp cò của nó, khiến tôi rùng mình. (hết trích).

Câu nói mà tôi nghe khi vào chi khu gặp, chính Đại Bàng vỗ vai thân thiện làm sao tôi quên được: "À, tôi nóng tính mà đừng chuyện "chửi" còn nóng hơn tôi. Thôi, mấy lời chửi thề ban sáng là do thói quen của tôi chứ không có gì đâu, đừng buồn tôi chuyện đó... Tất cả chỉ vì thương em út mà ra". Như vậy, chửi thề, tôi đã thoáng nghĩ, có thể để giải tỏa những nỗi bức tức, uất ức trong lòng, những cơn nóng giận (giận mất khôn) nếu không dần nén có thể dẫn đến bạo lực, đâm đá nhau, xô xát, cấu xé nhau đến chết người cũng nên!... Để tránh tình huống này nên họ mới xài tới mấy ngôn ngữ mang giọng điệu chửi thề. Tuy nhiên, mãi đến bây giờ, nhiều người vẫn cho chửi thề là thiếu văn hoá, mất lịch sự?.

Mốc thời gian để trong tâm trí tôi mất đi "định kiến" với hai tiếng CHỬI THỀ kể từ sau sự kiện đó. Tôi chợt hiểu rằng, chửi thề là một thói quen của nhiều người trong giao tế với nhau. Ông Chi Khu Trưởng Phụng Hiệp (tỉnh Phong Dinh) - Trung Tá P.V.Nh. có thói quen mở miệng là "chửi thề Đ.M", nhưng lời chửi thề đó tôi nghĩ là không có ác ý nào hết. Những người lớn tuổi thời trước, mỗi khi nghe ai nói chuyện có đềm tiếng chửi thề, quý cụ thường nói "xổ tiếng nhỏ" (tôi không hiểu xuất xứ từ đâu?), rồi sau này có người mỗi khi nghe tiếng chửi thề lại nói "xài tiếng Đan Mạch". Chỗ này tôi nghĩ, có thể họ lấy hai âm đầu của chữ Đan Mạch mà nói (Đ.M. ?). Hoặc họ nói "xài tiếng... Đức" phải chăng nhắc đến chữ tắt Đ. (trong Đ.M.)? Nếu đúng như vậy thì... thật tội nghiệp vì xúc phạm với đất nước và con người Đan Mạch và Đức lắm! Tôi lần lượt mới hiểu thêm được là, từ xa xưa chứ không phải mới đây, trong văn chương chữ nghĩa (ngoài ca dao tục ngữ không tìm thấy nói tục, chửi thề) đã có các văn nhân thi sĩ, các người trí thức đã sử dụng ngôn ngữ CHỬI THỀ rồi, không riêng hai chữ Đ.M. mà thôi, còn rất nhiều chữ khác, như nói tục, chửi

mắng, lời lẽ chanh chua, ác ý, ẩn dụ so sánh... cho "đã nư cơn giận".

Chẳng hạn Cao Bá Quát (\*) đã thốt lên khi ra trước pháp trường: **"Ba hồi trống giục mồ (đều) cha kiếp. Một nhất gươm đưa bổ (đéo) mẹ đời"** [hai chữ trong ngoặc (...)] là dị bản tôi có dịp đọc được, không biết đúng ngôn ngữ của CBQ hay ai sửa, đúng, sai thế nào?]. Có một giai thoại khác về Cao Bá Quát, muốn "châm biếm" hoặc "chửi xéo" đả kích lại nịnh thần, mà thời đi học tôi có dịp đọc được [cũng không biết rõ có phải của ông hay không (?) và cũng quên đọc từ sách nào]. Kể đại ý rằng: **"Một hôm Cao Bá Quát vào triều chầu vua sớm, nhưng bắt gặp hai nhóm quan "trung - nịnh" nổi gân cổ sừng sỏ cãi cọ nhau, vội bỏ ra ngoài. Cùng lúc đó nhà vua vì hành tẩu, hỏi chuyện gì? Ông đáp: "Chẳng hiểu vì sao. Hai bên cãi nhau. Bên này bảo CHỐ. Bên kia bảo CHỐ. Thần thấy thế nguy. Thần bỏ!"**

Hoặc trong tác phẩm của nhà văn miền Bắc nổi tiếng trong nhóm Nhân Văn (Trần Dần ghi 1954-1940), đã có lần viết **"Và đa số là ngại học tập, ngại nghe đã thông. Ngại nghe cán bộ nói nhiều. Ngại bị nắm tư tưởng. Năm... năm con cặc (tục)"**.

Nhà văn quá cố Xuân Vũ trong bài viết **"Sơn Nam, Hà Huy Hà: Cây Đàn Miền Bắc và Đẹp Hậu Giang"** có kể một giai thoại mà tôi có lưu lại trong bài viết về thi sĩ Kiên Giang Hà Huy Hà [in trang 124 - **Những BẠN VĂN NGHỆ NGANG QUA ĐỜI TÔI** - Tâm bút - Bản Thảo Lưu Lại - Thư Án Quán 2010] xin trích một đoạn ngắn: **"Anh Tày là người rất tự do sáng tác. Ngoài những bài viết cho báo, anh và Hà Huy Hà làm thơ văn riêng không theo đơn đặt hàng. Ông chủ bút Rum Báo Việt thì thông cảm sự sáng tác, nhưng có vài ba ông kệ trong Phòng Chính Trị lại bắt bẻ các anh là "sáng tác cá nhân". Anh Tày và Huy Hà phản ứng kịch liệt. Tuy không đối đáp chánh thức nhưng lời nói của các anh cũng đến tai họ:- **Đ.M.** chúng nó chớ sáng tác cá nhân! Sáng tác cá nhân là nghĩa gì? Người làm thơ viết văn là phải có thơ văn cho dân cho lính đọc chớ!**

*Không có thơ văn, báo lấy gì in, lính và dân lấy gì đọc. Sao họ không sáng tác luôn đi để bắt tội này làm? Về quân sự thì ông Giáp rành hơn tội này, nhưng văn chương thì phải để tội này làm chó!". Sự phản ứng cao nhất của hai anh là cáo bệnh và xin phép về nhà dưỡng bệnh...".*

Theo một tài liệu mới đây tôi có dịp đọc được mà một nhà văn đã ghi lại: "Timothy B. Jay, giáo sư tâm lý học người Hoa Kỳ, tác giả một cuốn sách mới xuất bản với cái tên lạ lùng "**Tại Sao Chúng ta Chửi Thề**" cho rằng đó là một cách duy nhất để giải tỏa những nỗi ẩn ức trong lòng, như người bệnh chửi thề cho đỡ những cơn đau đớn, các nhà thể thao trên sân đấu đôi khi chửi thề để nguy hiểm cho một bàn thua. Theo tác giả cuốn sách này, chính sự chửi thề có giá trị để tránh được các cuộc xung đột bằng vũ lực, bằng đấm đá, cẩu xé nhau như loài vật, vì chúng không thể hiện giận dữ bằng ngôn ngữ được". Tuy vậy người ta vẫn thường đánh giá thấp việc chửi thề và coi như những người thiếu văn hoá xử dụng nó. Đàn ông lại hay xử dụng chửi thề hơn đàn bà và giới trẻ ngày nay cũng tham gia... chửi thề không kém. Vậy phải chăng, nói tục, chửi thề ngoài thói quen không được kiểm soát ra, là một thái độ để giải tỏa những gì đã dồn nén lên con người: cơm áo, công ăn việc làm, đời sống...". (\*). [**Văn Hoá Nói Tục, Chửi Thề** - Huy Phương - Con Ong Texas số 308 ngày 4 tháng 12-02015].

Khi anh Trần Hoài Thư gợi ý muốn thực hiện một số đặc biệt THƯ QUÁN BẢN THẢO về chủ đề này, tôi rất tâm đắc với anh. Bởi vì, dù trong từ điển không có tác giả nào định nghĩa cụ thể hai chữ CHỬI THỀ, nhưng qua kiểm nhận trong cuộc sống, tôi thấy hai tiếng CHỬI THỀ lúc nào cũng xuất hiện. Nghe qua tưởng là xấu, kém thanh lịch, nhưng xét cho cùng, cũng nhờ có nó mà giữa con người với con người có một sự gần gũi, thân thiết nhau hơn, đôi lúc làm dịu bớt những phần hận, những ẩn ức trong lòng... mà đã hoà hoãn để xích lại gần nhau hơn, cảm thông hơn, và nhân ái hơn trong giao tiếp xã hội. **Đã đến lúc chúng ta nên nghĩ chửi thề cũng cần có chỗ đứng đầy thiện cảm**

**trong văn chương chữ nghĩa, bình dân nói riêng, sự hoà hợp của cộng đồng các dân tộc nói chung trong cuộc sống đầy hi, nộ, ái, ố này.**

Ngày 23 tháng 12-2015

## **LÊ CẦN THƠ**

---

(\*). Danh sĩ triều Nguyễn [đời Minh Mạng (Thánh Tổ 1820-1840) - Thiệu Trị (Hiên Tổ 1841-1847) - Tự Đức (Dục Tông 1847-1883) - 3 đời vua theo VN **Sử Lục** của **Trần Trọng Kim**], tự Chu Thần, hiệu Cúc Đường, biệt hiệu Mẫn Hiên, quê làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, sinh năm Kỷ Ty 1809 mất năm Giáp Dần 1854. Năm 22 tuổi (Tân Mão 1831) đậu Á nguyên trường thi Hà Nội, nhưng thi Hội 2 lần đều bị đánh hỏng, ông buồn không thi nữa, ngao du non nước. Năm Tân Sửu 1841 quan đầu tỉnh Bắc Ninh đề cử ông với triều đình, ông được triệu vào kinh sung chức Hành tẩu bộ Lễ. Ít lâu được cử chấm thi ở trường Hương Thừa Thiên. Rồi dính vào tội chết vì cùng bạn đồng sự là Phan Nhạ dùng khói đèn chữa một ít quyền văn hay mà phạm huỷ, nhưng được Thiệu Trị giảm tội, chỉ cách chức và phát phối vào Đà Nẵng. Gặp khi có phái bộ Đào Tri Phú sang Tân Gia Ba công cán, ông được tha cho rời khỏi phối sở, theo sứ bộ đi lập công chuộc tội. Xong trở về, ông được phục chức cũ, rồi thăng làm chủ sự. Năm 1854, ông phải đổi lên Sơn Tây, làm Giám thị ở Quốc Oai. Ông buồn chán, phần chí bỏ quan theo làm quân sư cho Lê Duy Cự chống lại triều đình. Việc khởi nghĩa ở Mỹ Lương thất bại, ông bị bắt rồi bị hành quyết cùng với 2 con là Cao Bá Phụng và Cao Bá Phong năm ông 45 tuổi. Anh sinh đôi với ông là Cao Bá Đạt (1809 - 1854) lúc đó đang ngồi chức Tri huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hoá cũng bị liên lụy, bị bắt giải về kinh. Dọc đường ông Cao Bá Đạt làm một bài trần tình rồi dùng dao đâm cổ tự tử. (tham khảo **Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam của NBT & NQT - 1992**).

# HỒ XUÂN HƯƠNG: THAY ĐỔI MỘT QUỐC GIA BẰNG THƠ

ELENA NGUYỄN (ĐẠI HỌC MARY BALDWIN)

**Người dịch: Nguyễn thị Hải Hà**

## Lời giới thiệu của TQBT:

Bài gốc này nhan đề HO XUAN HUONG: CHANGING A NATION WITH HER WORDS của Elena Nguyen. Tác giả viết bài này lúc 18 tuổi.

Bài viết đề cập nhiều đến một loại chữ đặc biệt mà nhà thơ Hồ Xuân Hương đã dùng để khai thác tận tình trong thơ bà - loại thơ nếu mà không bản lĩnh có thể bị xử trảm như chơi.

*... Thơ của bà càng đáng sợ hơn bởi vì ý tứ chua cay phê phán xã hội đương thời, ẩn chứa nhục cảm, và sự khôi hài dí dỏm ngụ ý tình dục đã phản kháng phá vỡ những qui luật xã hội, mang giọng nói cho phụ nữ Việt cũng như tạo tiếng vang cho ngôn ngữ Việt.*

Được biết, tác giả vừa tốt nghiệp Y khoa Bác sĩ tại đại học MARY BALDWIN COLLEGE lúc 21 tuổi và đã được Bệnh Viện West Virginia tuyển chọn làm Bác sĩ nội trú Giải Phẫu Nhân Khoa..

Nhân Khoa có nhiều ngành, ngành Giải Phẫu Nhân Khoa là cao nhất và khó nhất. Chỉ có những ứng viên giỏi hạng 1 hay 2 mới được xét, hạng thứ 3 cũng bị loại bỏ.

Xin được chia sẻ niềm vui với tác giả và gia đình.

(Quý bạn nào cần đọc bản gốc Anh Ngữ có thể đọc ở TQBT số 53) (TQBT)

Nhà thơ Việt Nam Hồ Xuân Hương từ xưa đến nay vẫn được xem là một trong những nhà thơ lớn nhất và gây nhiều tranh luận nhất. Vào thời kỳ vị trí của người phụ nữ trong xã hội càng lúc càng trở nên khiêm nhường vì bị ảnh hưởng bởi học thuyết Khổng Tử, chỉ riêng cái ý muốn làm thơ của bà cũng đủ làm dư luận bất bình. Thơ của bà càng đáng sợ hơn bởi vì ý tứ chua cay phê phán xã hội đương thời, ẩn chứa nhục cảm, và sự khôi hài dí dỏm ngụ ý tình dục đã phản kháng phá vỡ những qui luật xã hội, mang giọng nói

cho phụ nữ Việt cũng như tạo tiếng vang cho ngôn ngữ Việt.

Cơ cấu và kỹ thuật thơ đã hữu hiệu đưa những bài thơ của bà Hồ Xuân Hương vượt qua mức đơn giản của ẩn dụ và so sánh. Thơ Hồ Xuân Hương giống như những mảnh rời nối kết với nhau một cách rất phức tạp không chỉ mang một nghĩa ngầm, mà có hai nghĩa – nghĩa thứ nhất có tính cách trên cọt gọi cảm và nghĩa thứ hai nghiêm túc hơn kêu gọi cải cách xã hội. Thường khi, cái có vẻ như miêu tả phong cảnh Việt Nam thật ra tràn đầy những ẩn dụ tình dục. “Đèo Ba Dội” là thí dụ điển hình của loại thơ này được John Balaban dịch ra như sau: (1)

*A cliff face. Another. And still a third.  
Who was so skilled to carve this craggy scene  
The cavern's red door, the ridge's narrow cleft,  
The black knoll bearded with little mosses?  
A twisting pine bough plunges in the wind,  
Showering a willow's leaves with glistening drops.  
Gentlemen, lords, who could refuse, though weary  
And shaky in his knees, to mount once more?*

Nguyên tác:

*Một đèo, một đèo, lại một đèo  
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo  
Cửa son đỏ loét tùm hum nóc  
Hòn đá xanh rì lún phún rêu  
Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc  
Đầm đĩa lá liễu giọt sương gieo  
Hiền nhân quan tử ai mà chẳng  
Mỏi gối chồn chân vẫn muốn trèo(2)*

Đôi với tư tưởng người trinh bạch, bài thơ này có vẻ như lời kể vô tư về chuyến leo núi của một nhóm quan chức. Mặt khác, những người ít “trong sạch” ngay tức khắc sẽ nhìn thấy sự ví von về âm hộ cũng như giao hợp (ở Việt Nam, cây thông là hình ảnh tượng trưng cho đàn ông và cây liễu tượng trưng cho đàn bà).

Điều thất thoát trong bản dịch bài thơ “Đèo Ba Dội”, là

cách chơi chữ ranh mãnh độc đáo của bà, đôi vị trí của chữ - cách chơi chữ phổ thông của người Việt gọi là nói lái - và “âm vang của chữ” (cùng vần nhưng khác dấu) làm cho bài thơ mang nhiều ngụ ý rất thú vị. Thí dụ, câu đầu tiên của bài thơ trong nguyên tác là “Một đèo, một đèo, lại một đèo” (Dinh, para. 7). Bởi vì tiếng Việt dựa vào sự lên xuống giọng của chữ, “đèo” có thể biến thành nghĩa khác tùy theo dấu của chữ và nội dung của bài (văn cảnh). Trong bài thơ, chữ “đèo,” trích từ câu “một đèo, một đèo, lại một đèo.” Tuy nhiên, nếu dấu trên chữ nghiêng về phía ngược lại (ý nói là dấu sắc), như trong chữ “đéo,” câu thơ dịch thành “Một đéo, một đéo, lại một đéo” (B&N.com) – điều này đa số người Việt nhận ra ngay lập tức.

Trên bề mặt, những bài thơ tương tự “Đèo Ba Dội” dường như là những bài thơ hoàn toàn đúng niêm luật và bảo thủ dùng hình ảnh cổ truyền của Khổng giáo liên quan đến thiên nhiên. Tuy nhiên, cái tư tưởng dục vọng trác táng gói ghém trong sự miêu tả cảnh thiên nhiên đã thêm chiều hướng phản kháng vào trong nền thi ca tượng trưng cho sự cao quý của xã hội bị ảnh hưởng bởi Trung quốc. Trong khi chính quyền có vẻ như liêm chính và đức hạnh trong việc áp dụng quan niệm Khổng tử để ngăn cấm sự lỏa thể và tình dục trong nghệ thuật, nhà thơ Hồ Xuân Hương đã vạch ra rằng đám quan lại nam giới này gian dối và đạo đức giả trong cách cai trị, hầu hết bọn họ có nhiều vợ và ngoại tình – một sự thật mà bà Hồ Xuân Hương có thể làm nhân chứng, vì bà cũng là vợ lẽ.

Bên cạnh những câu thơ khéo léo ngầm chứa những lời phê phán xã hội và chính trị thấy trong thơ của bà, trong nhiều bài thơ khác bà cũng bày tỏ cảm tưởng về các nhà lãnh đạo tôn giáo. Một lần nữa, trong khi chủ đề tôn giáo trong những bài thơ biểu hiện lòng tôn kính và mộ đạo của bà, đọc kỹ sẽ nhìn thấy sự phê phán chua cay về giới chức tôn giáo đã bị băng hoại. Thí dụ, “Vịnh Sư Hoàn Hâm” (3) diễn tả sự cố gắng của ông nhà sư đương đầu với cuộc hành trình đi đến “Tây Trúc” tìm Phật (dịch bởi John Balaban):

Bản dịch:

*A life in religion weighs heavier than stone.*

*Everything can rest on just one little thing.  
My boat of compassion would have sailed to Paradise  
If only bad winds hadn't turned me around*

Nguyên tác:

*Cái kiếp tu hành nặng đá đeo  
Vị gì một chút tẻo tèo teo  
Buồm từ cũng muốn về Tây Trúc  
Trái gió cho nên phải lộn lèo*

Trong nguyên tác tiếng Việt, câu đầu tiên “Cái kiếp tu hành nặng đá đeo,”(Dinh, para. 12) với chữ “đeo” có nghĩa là “mang hay khiêng.” Đọc trại giọng một chút, “đeo” có thể biến thành “đéo,” có nghĩa là “giao hợp,” như đã nói trong bài thơ “Đèo Ba Dội.” Bài thơ còn mang ý nghĩa ngầm rất tục tằn biểu lộ trong câu cuối “Trái gió cho nên phải lộn lèo.” Ở đây nhà thơ đã nhẹ nhàng ám chỉ dụng ý của bà qua hai chữ “lộn lèo,” có nghĩa là “quay trở lại hay quay hướng khác” (para. 13). Khi nói lái, nó biến thành “lẹo lòn” là một cách diễn tả chuyện giao hợp và âm hộ một cách rất tục tằn. (4)

Mặc dù điều này có lẽ đã được ám chỉ ở tựa đề của bài thơ, giọng điệu ẩn chứa trong bài thơ “Vịnh Sư Hoàn Dâm” đã thay đổi hoàn toàn nghĩa của bài thơ. Cái đường như là cuộc hành trình đi tìm Phật thật ra đầy dẫy gian dối dâm dật. Cái “tẻo tèo teo” đã hành hạ nhà sư và “trái gió” đã ngăn cản nhà sư tìm về Tây Trúc được dùng để ám chỉ cùng một thứ - tình dục. Trong khi bài thơ không có ý nói rằng các nhà sư lúc nào cũng lén lút ân ái với phụ nữ, chắc chắn nó biểu lộ tình trạng đạo đức của các giới chức tôn giáo lúc bấy giờ.

Thêm vào những thông điệp hấp dẫn được giấu giếm tài tình trong vẻ lấp lánh của cái tục, tính chất độc nhất vô nhị về thơ của bà Hồ Xuân Hương nằm ở trong chính cái ngôn ngữ bà dùng. Trong khi hầu hết mọi nhà thơ Việt thời bấy giờ dùng chữ Hán, bà Hồ Xuân Hương chọn cách viết bằng tiếng Việt – hay nói đúng hơn là dùng chữ Nôm cổ, cách viết tiếng Việt trước khi dùng mẫu tự La Tinh như cách viết

bây giờ. Dùng chữ Nôm, bà Hồ Xuân Hương đã chế nhạo văn thi sĩ thời bấy giờ, những kẻ đầy tự phụ tuân theo cái được xem là ảnh hưởng cao quý của Trung quốc – chọn những chủ đề tầm thường vô vị của Khổng giáo mà, thật tất yếu, đã ruồng bỏ dân tộc của mình. Bằng cách dùng chữ Nôm, bà Hồ Xuân Hương đã đi ngược lại thói thường và làm vang vọng tiếng nói của người dân bình thường – trái tim của Việt Nam – cũng như đã trình bày cái thâm mỹ và khả năng văn chương phi thường của ngôn ngữ Việt.

Trong khi thực hiện kỳ công sáng tác ba bài thơ gồm trong một, Hồ Xuân Hương không những làm độc giả thú vị với sự tinh quái tục ngầm mà còn trung ra lời phê bình về xã hội phụ hệ đặt nền tảng trên ảnh hưởng của Trung quốc – một “toan tính” khá nguy hiểm đã thành công trong việc lẫn tránh và tự giải thoát khỏi vòng kiểm duyệt nhờ sự giả trang khôn khéo này. Nếu như tài làm thơ của bà kém đi một chút, có lẽ bà đã bị trừng phạt và có thể bị xử tử ngay lúc ấy. Sự thật là những bài thơ của bà đã được kính trọng và bảo tồn cả hàng mấy thế kỷ đã chứng minh rằng bà đã đi trước thời đại của bà rất xa, bằng sự hiểu biết sâu sắc đầy tính xúc tác của bà và cái óc khôi hài sắc sảo không ai có thể so sánh bà đã mạo hiểm đến những nơi mà những văn thi sĩ đồng thời với bà – cả nam lẫn nữ - đều không dám đến và làm nổi bật bà thành biểu tượng tuyệt đối của lòng can đảm và nhiệt huyết của người Việt Nam.

Nguyễn thị Hải Hà dịch.

---

(1) Bài thơ dịch của John Balaban được giữ để độc giả tiếng Việt thưởng thức hay tham khảo

(2) [http://vi.wikisource.org/wiki/%C4%90%C3%A8o\\_Ba\\_D%E1%BB%99i](http://vi.wikisource.org/wiki/%C4%90%C3%A8o_Ba_D%E1%BB%99i)

(3) <http://www.johnbalaban.com/articles/translating-vietnamese-poetry.html>

Chú thích của người dịch: tôi tìm thấy tên của bài thơ trong bài tiểu luận của Giáo Sư John Balaban. Tôi không có điều kiện để kiểm chứng sự chính xác của tựa đề. Rất có thể tựa đề

là Vịnh Sư Hoang Dâm chứ không phải Hoành Dâm do đó ông Balaban dịch chữ “hoang dâm” thành chữ “lustful.” Có một nguồn khác dùng là “Vịnh Kiếp Tu Hành.”

(4) Chú thích của người dịch: Ở đây tác giả bài viết đã không chú ý đến chữ “trái gió” nếu nói lái sẽ biến thành “dái chó” cũng là một cách để mắng các nhà sư hoang dâm. Xin nhớ cách phát âm của người miền Bắc chữ “tr” thường được phát âm giống như “ch” và chữ “gi” thường được phát âm giống như “d.”

# Thái Kim Lan

## VÀI SUY NGHĨ VỤN

TQBT lần này ra đề triết đề, anh THT đã gọi thẳng thừng trong một bài viết: “Văn chương Đ..M..”, bây giờ nhẹ hơn, tổng quát hơn “chủ đề văn chương chữ thề”, anh cũng xác nhận “Đây là một đề tài ít ai dám viết”. Quả thực trí thức khoa bảng thẳng hoa ít ai muốn đụng đến thể loại có thể đối với họ quá trần tục...Không những họ, ngay cả chính người bắt đầu viết bài này, thoát tiên cũng ngại ngần trước sự thẳng thừng gọi đích danh của Trần Hoài Thu. Cả một trời mâu thuẫn, khi chính mình đã sử dụng thứ ngôn ngữ ấy trong chính tác phẩm của mình, vậy mà khi nghe ai gọi đích danh nó, lại ngỡ ngàng không muốn nghe, lại muốn từ chối không phát âm nó.

Có một thứ ranh giới chi đó phải vượt qua, nơi cửa ải của sĩ diện, của chính danh, của bác học, và anh Trần Hoài Thu đã quơ thiết bảng chạy ào qua, đặt vấn đề văn chương chữ thề, sục sạo những ai đã sử dụng nó và hỏi lý do.

Có lẽ tôi là người mà Trần Hoài Thu không ngờ đến nhất cho đến khi anh đọc “Thôi Thua”, tôi đoán như thế qua nhận xét của anh sau khi đọc những chương đầu của tập truyện dài này:

“Tôi đọc bài chị, thấy chị viết còn “anh chị” hơn cả Phùng Khánh trong dịch phẩm *Bắt Trẻ Đồng Xanh*...”...Sự bất ngờ ấy còn được anh nhấn mạnh trong bài viết “Văn chương Đ...M...” về hiện tượng Phùng Khánh và Thái Kim Lan sử dụng ngôn ngữ văn chương sát đất, văn chương chữ thề (xem thêm TQBT phần giới thiệu *Thôi Thua* của Lan Chi). Ngạc nhiên của anh hàm chứa quan niệm thông thường (nhưng sau đó THT đã vượt qua nó và còn cảm khái đặt ra thành chủ đề cho TQBT) cho rằng đã là những Cao Bá Quát, Trần Tế Xương... và mới đây Phùng Khánh,- để lấy một ví dụ - một vị tu sĩ thanh cao thoát tục, một nữ sĩ với văn phong thanh nhã, lời lời châu ngọc, thì ngôn ngữ „anh

chị“ hầu như là một thứ cảm kị, và có thể có hại cho thanh danh của chính tác giả??? Ấy thế mà chị lại dùng, và dùng rất “anh chị”, rất bạo bực. Thế mới là vấn đề!

Có hai câu hỏi từ đó anh THT đặt ra cho tôi, một thực tiễn và một lý thuyết. Câu hỏi thực tiễn liên quan đến cách sử dụng ngôn từ cho nhân vật Tốt trong “Thôi Thua”. Câu hỏi lý thuyết nhằm vào tra vấn bản chất “văn chương chữ thề”. Trong điện thư anh viết cho tôi, anh đã lấy một quan điểm: “tôi nghĩ chữ thề không phải tục mà là thói quen” (THT, điện thư). Trả lời câu hỏi thứ nhất sẽ dẫn đến một số nhận thức có thể khác với nhận định của THT.

Tôi nhớ sinh thời dịch giả Phùng Khánh đã cười dòn khi được hỏi “ở đâu mà cô biết thứ ngôn ngữ anh chị để dịch Bất Trê Đồng Xanh ngon lành đến thế?”. Người hỏi như thế đã cho rằng ngưỡng cửa thư viện Vạn Hạnh và chợ Trương Minh Giảng trời vực xa nhau, họ quên rằng vị sư cô thanh tú thoát tục ấy là người dân thân hết lòng cứu vớt trẻ lạc loài đầu đường xó chợ, trong khi cứu vớt cô không ngừng thanh cao trong lúc tận hiếu góc ngách của con người sa đọa. Nhưng cười xong thì bảo: “Đó là Salinger, đúng hơn đó là nhân vật của Salinger chứ có phải tôi đâu, tôi chỉ dùng ngôn ngữ thật của từ vựng Việt Nam để diễn tả lại”. Salinger mà không phải Salinger, Phùng Khánh mà không phải Phùng Khánh. Cười là hội nhập với chính nhân vật, từ chối đồng nhất với nhân vật là lấy khoảng cách phản tỉnh. Thói quen đồng hóa tác giả với nhân vật thường xảy ra trong phê bình văn học và cả trong tâm trạng người đọc, trong lúc ấy tác giả chỉ là người chuyển tải câu chuyện, mặc dù câu chuyện ấy là tác tạo của chính người viết, nó vẫn còn một khoảng cách, dù là nhỏ nhất. Cười đồng thời cũng là để nhắc nhở sự phân biệt tinh tế ấy.

Trường hợp “Thôi Thua”, sự chọn lựa ngôn ngữ cho nhân vật Tốt đã hơn một lần lưỡng lự nơi dị ứng “thanh - tục”, “thăng hoa hay bụi đời”, cuối cùng Tốt đã thắng trong cách thể hiện thực sống của chính nhân vật. Ở đây tác giả để cho Tốt như là Tốt trong đời, chứ không uốn nắn bằng một thứ

văn chương thăng hoa, lịch sự mà khả năng thuyết phục của loại văn chương này cũng có thể không bị giảm nếu được dùng. Dù thể tác giả không nở giết chết Tốt bằng một thứ văn chương giả tạo dút vào mồm. Hơn nữa chính ngôn ngữ của Tốt cho người đọc biết một phần nào xuất xứ xã hội nguyên thủy, trình độ văn hóa giáo dục, hoàn cảnh hiện tại ... và nhất là tâm lý của chính nhân vật như là một người tị nạn đang hàng ngày đối diện với một thứ ngôn ngữ lạ lẫm mà anh ta chưa làm chủ. Mặt khác, khoảng cách phản tỉnh về ngôn ngữ của Tốt cũng đã được chính một nhân vật khác trong truyện thực hiện : phản ứng dữ dội của người thông dịch, trước ngôn ngữ tục tĩu “vô văn hóa” của Tốt. Thái độ từ chối không chịu dịch những chữ chữi thề sang tiếng Đức, vì thể diện văn hóa không cho phép, nói lên một thái độ khác của người trong cùng cảnh ngộ tha hương như Tốt. Phản ứng gay gắt và sự lúng túng của Tốt trước vẻ văn hóa của người đồng hương là nét bi hài trong quá trình hội nhập vào một xã hội mới của người nhập cư. Rào cản hội nhập trước hết là ngôn ngữ như một phản ứng chống lại sự gia nhập. Ở Tốt mọi thứ gọi là văn hóa đều còn sống sượng, thô thiển được biểu hiện bằng lời tục tĩu mà anh đã thu nhận từ khi sinh ra cho đến khi lên thuyền vượt biên. Chính nét thô thiển này là đối tượng của tiến trình đồng nhất hóa văn hóa (Identification culturelle, kulturelle Identifizierung) mà nhân vật Tốt về sau trong vô thức hay có ý thức sẽ tự mình thao tác biến đổi.

Khi R. M. Rilke thực hiện “thi ca vật thể” thoát tiên đồng ý với Flaubert, Courbet, Zola, Proudhon, cho rằng nhà thơ nên là người giải phẫu đối tượng, hay là một nhà khoa học thiên nhiên đi sâu vào sự quan sát yếu tính của đối tượng để đưa ra ánh sáng thể giới bên ngoài chính vật thể như nó là. Tôi xin chia sẻ phần nửa quan niệm về chủ thể văn chương của Rilke, rằng sự quan sát trước hết khách quan theo tính trung lập, tác giả trước hết trình bày yếu tính của nhân vật như nhân vật ấy sống.

Trong chương 2 của Thôi Thua, có một đoạn phản tỉnh về việc chữi thề nói tục ở nước ngoài như một cách thể “xả xú báp” của những người xa nhà. Trong ngữ cảnh song đôi

giữa hai thứ tiếng đang tranh nhau một cái lưỡi phát ngôn như trường hợp của Tốt, trọng lượng ý nghĩa của cả hai hầu như đều giảm. Một đẳng ngôn ngữ mới còn non nớt, nên chưa được hiểu sâu, có thể trở nên hài hước, đẳng kia ngôn ngữ cũ càng ngày càng giảm cường độ sống thực, để chỉ còn là dụng cụ trong một sơ trường hợp riêng tư. Nói tục giữa những người bạn với nhau trong một khung cảnh lìa xa hậu trường sống, cách xa bản địa của ngôn ngữ tục khác hẳn với sự chửi thề, nói tục giữa những người trong nước. Đôi khi nó như một thoáng tình hoài hương, một thứ trở về quê cũ cho người tha phương. Ngoài ra, nói tục hay chửi thề giữa những người bạn cùng lứa còn được xem như là một thứ bông đùa thân tình. Thủ giáo hoạt Phi Lư trong chương 3 chỉ cười hềnh hếch khi nghe đàn anh Tốt nói với hần bằng từng chuỗi Đ.M. như bắp rang. Thay vì có cảm giác bị xúc phạm, Phi Lư lại cảm thấy dường như ấm áp, được che chở, nó cảm nhận như gặp được bạn, như đang ở nhà... Trong những chương sau của Thôi Thua... chúng ta chờ xem...Tốt có thua luôn hay không... là chuyện sắp tới.

Có thể nói với Trần Hoài Thư, ngôn ngữ chửi thề, nói tục là một thói quen, nhưng ngược lại không phải vì thế mà ngôn ngữ ấy không “tục”. Bản chất của nó là tục, tuy nhiên tùy theo ngữ cảnh có thể nó trở thành bớt tục, nhưng bớt tục không có nghĩa là không tục tùy theo ngữ cảnh của mỗi tình huống.

Thói quen nói tục biểu hiện hành trạng xã hội của một nhóm người, của một dân tộc, của cả loài người, thói quen ấy được huấn tập hoặc do kinh nghiệm bản thân hoặc do ảnh hưởng của môi trường chung quanh. Tính thô lậu của “tục” mặc định trạng thái của con người còn thô sơ (primitiv), của phần người còn nặng tính thú vật, chưa được giáo dục uốn nắn để thành người có văn hóa, như triết gia người Đức I. Kant có lần nêu ra khi ông nói giáo dục văn hóa vun xới con người từ thô lậu trở thành văn minh. Giáo dục văn hóa thăng hoa con người từ đời sống thú vật (animal) đạt đến thể cách tinh thần (Geist), tâm linh.

Có thể nói một cách giả thuyết, ngôn ngữ tục thuộc vào thành phần tiền văn hóa, không có thứ giáo dục nói tục, giáo

dục chữ tục, vì thế một con người nói năng thô tục thường được xếp hạng vào thành phần vô giáo dục. Truyền thống văn hóa học đường khai trừ ngôn ngữ tục, mỗi thanh thiếu niên được uốn nắn trong cách học ăn học nói học gói học mở. Cử chỉ và lời nói để lộ cho thấy một người xuất thân từ môi trường có văn hóa hay vô văn hóa. Đó là một thứ giai cấp văn hóa, khác với giai cấp kinh tế, mặc dù điều kiện kinh tế có thể - có thể nhưng không bắt buộc - ảnh hưởng lên giai cấp văn hóa. Vice versa điều kiện văn hóa có thể ảnh hưởng đến giai cấp kinh tế và đẩy giai cấp này lên một trình độ khác mở ra điều kiện sống khác với tình trạng thô lậu và tương đối hóa tính phụ thuộc kinh tế.

Trên đây, như đã nói, ta hãy giả thuyết sự phân biệt giữa tục và thanh, thô lậu và thăng hoa văn hóa (kulturelle Sublimation) trong ngôn ngữ là có thực và đứng vững, ít nhất đối với một nhóm người thuộc dạng cô Chi - đối đầu với nhóm người khác Tốt, Nam, Phi Lư ... ngôn ngữ chữ bới không thể chấp nhận. Ngay trong ngôn ngữ, đã có sự phân cấp xã hội. Đối với Chi, dù cô không nói ra, những chữ mà Tốt dùng thật là hạ cấp, thuộc một tầng lớp khác. Người có học như cô, cũng như ông luật sư người Đức, không dùng những thứ ngôn ngữ ấy. Chúng ta hãy tạm giữ sự phân biệt sắc cạnh ấy như một giả thuyết.

Nếu nói với S. Freud, thăng hoa văn hóa có động lực ngầm từ chiều sâu của tính dục, thì tương quan giữa thanh và tục lại nằm trong gang tấc với hai chữ chữ thê cổ hữu Việt nam. Dục tính hóa ra là một thứ đáng nguyên rủa??? Thăng hoa theo Freud bao gồm những hoạt động vượt bản năng tính dục bằng sáng tác văn học, nghệ thuật, tư duy trí thức và tâm linh, những hoạt động này thế chỗ cho những ám ảnh tính dục, nhưng lại khởi từ động lực ấy. Freud cũng nhấn mạnh rằng trong khái niệm thăng hoa (Sublimation) bao hàm ý nghĩa đánh giá về giá trị trong xã hội. Ngược lại sự thô lậu, tục tằn, thô lỗ không được xã hội chấp nhận, bởi lẽ từ đó, bạo lực sẽ được nuôi dưỡng. Freud cho rằng động cơ tính dục mang mầm mống bạo lực, nó không biến mất dù đã được sự thăng hoa hoán vị. Theo quan niệm cổ điển, một xã hội càng ít thô lậu thì cơ hội tiến gần văn minh mở ra nhiều

hơn, trong đó con người trở nên tinh hoa, lịch lãm.

Định kiến xã hội về thanh và tục như thế đã kết chặt từ khi con người thoát khỏi tình trạng ăn lông ở lỗ và học văn minh. Ở anh, ở tôi, chúng ta đều đã được giáo dục theo chiều hướng ấy.

Ở thế hệ chúng tôi, hầu như trong giới bạn bè tại Việt Nam, tôi chưa bao giờ nghe họ nói tục hay chửi thề. Chửi thề thuộc đường phố, vỉa hè, bờ đê, chợ búa v.v... đáng chê cười, như mục Bành đứng ở đường phố Thượng Tứ cửi quần chửi mẹ cha nó hàng nửa tiếng đồng hồ và lũ trẻ hò reo chọc ghẹo. Có một lúc nào không hay, những tiếng chửi ấy thâm nhập vùng ngôn ngữ của lũ trẻ, trở thành thói quen phát ngôn trong khi giao tiếp. Ngôn ngữ chửi thề cũng giống như cỏ dại, mọc tràn lan mà không cần vun xới, chăm nom, nó chiếm đất văn hóa nhanh hơn chúng ta có thể ý thức được.

Tính lưỡng phân (ambiguite) của văn chương chửi thề mọc lên chính từ sự chối từ giá trị của ngôn ngữ chửi thề, một thứ dị ứng có tính xã hội như đã đề cập ở trên.

Trước khi thử tìm một lý giải có thể đánh giá vai trò của văn chương chửi thề trong lãnh vực văn học, tưởng nên kể ra một câu chuyện của người đi xa nước trở về quê hương liên quan đến chửi thề trong hai hoàn cảnh:

Ở nước ngoài khi nghe các người đồng hương gặp nhau văng ra một tiếng chửi, người rộng lượng bao dung – chứ không khát khe như cô Chi của Tốt - nghe thấy vui tai mặc dù có sốc chút ít. Sự bao dung ấy có được có lẽ vì biết rằng „chửi thề“ chỉ là một “ca” riêng lẻ, không phải là thường xuyên.

Ấn tượng hoàn toàn khác khi có lần về Việt Nam hẹn gặp một người bạn trong quán cà phê. Bàn chúng tôi cạnh bàn của hai người đàn ông trẻ, ý chừng là cán bộ kinh doanh nhà nước, phỏng đoán như thế do cuộc nói chuyện của họ lớn tiếng nghe rất rõ vì bàn kê gần nhau. Suốt cả buổi, cuộc đối thoại làm cho người bị nghe theo thoát đầu đờ mắt, vì mỗi câu nói qua lại đều bắt đầu bằng chữ chửi thề cố hữu Đ.M. liên tục không bỏ sót trong một câu nào. Nghe càng ngày càng bùng tai. Thật là kinh hoàng đến nỗi chúng tôi phải bỏ cuộc, đứng lên đi như chạy trốn. Trong những lần giao tiếp khác thì biết rằng, không những giới trẻ mà cả nhiều thế hệ -

trừ thế hệ lớn tuổi - gặp nhau trao đổi là chửi thề nói tục, ngay cả đứa cháu trai của mình vốn có trình độ học thức, nhưng khi gặp bạn thì nói tục luôn miệng.

Điều đó có nghĩa là gì khi ngôn ngữ đối thoại thường ngày của một xã hội là chửi thề? Kết luận về xã hội ấy là vô văn hóa và con người trong ấy vô giáo dục có thể có được biểu đồng tình? Tôi nghĩ đa phần nói có.

Vậy trong chừng mực nào văn chương chửi thề có thể đứng vững?

Ngoài khía cạnh hiện thực của thể loại văn chương này, như đã nêu lên trong trường hợp của Thôi Thua, hãy thử nêu lên một số trường hợp khác trong văn chương:

Trong chuỗi thơ hơn ba ngàn câu bất tuyệt, có một lúc Nguyễn Du đã cho Kiều bật lên một tiếng chửi:

“Chém cha cái số má đào!”

Chửi rất ngon, rất gọn, nàng Kiều ấy, đã từng “tay tiên một vẩy đủ mười khúc ngâm”, đã từng “tay tiên gió táp mưa sa” với tài “nhả ngọc phun châu” đến lúc cùng đường, thốt ra tiếng chửi số phận của mình.

Cao Bá Quát, một nhà thâm Nho, một trí thức lỗi lạc trong lịch sử Việt Nam, trước giờ hành hình, đã thốt lên hai câu thơ chửi thề:

Ba hồi trông giục dù cha kiếp

Một nhát gươm đưa đến mẹ đời

(xem THT, Nghĩ về hai câu thơ của Cao Bá Quát)

Và bài thơ “Khóc Bạn” của Phạm Nhã Dự (tài liệu Trần Hoài Thư)

*Chiều nay sao gió nhiều mây nhĩ  
Gió nổi trong tao đến lạnh mình  
Đù má, nhang mây sao chẳng cháy  
Đốt mãi que diêm đến cạn cùng*

*Bên kia dãy núi tro thân chó  
Còn dưới chân tao lại sứt sùi  
Mẹ kiếp vợ mày đang khóc mướt  
Con mày, trời hời nó cười vui*

*Còn tao, tao chẳng cười hay khóc  
Chẳng ngậm ngùi chi lũ kiếp người  
Đù má, tao chửi thề đây Sự  
Chửi hết trăm năm chửi hết đời*

*Bây giờ mày đã nằm yên phận  
Còn vợ, bào thai, hai đứa con  
Đù má, một đời làm thi sĩ  
Chẳng đủ cho con lấy một đồng*

(trích Buổi chiều ở nghĩa trang Cà dú – PND )

Không, PND không khóc mà chửi, chửi hết trăm năm, chửi hết đời

*Còn tao, tao chẳng cười hay khóc  
Chẳng ngậm ngùi chi lũ kiếp người  
Đù má, tao chửi thề đây Sự  
Chửi hết trăm năm chửi hết đời*

Cả ba trường hợp nằm trong ngữ cảnh của trường hợp giới hạn (Grenzsituation), trong đó chủ thể văn chương bị dồn vào cuối tường, không còn lối thoát, đối diện và đụng độ tuyệt đối sự tước đoạt tự do, sự bắt lực hiện hữu, đứng trước vũ lực giết người, đứng trước cái chết, văn chương chửi thề như đến đúng lúc. Năng lực của nó nằm trong sự phủ định toàn diện thế giới mà chủ thể văn chương bị giam cầm bằng mọi định chế văn hóa, đạo đức, chính trị, phủ định mọi thăng hoa, hư vô hóa những chấp chặt trói buộc con người trong trường thiên khổ nạn. Nó bày tỏ một thứ phản kháng dấy chết và phơi trần thể tính nguyên ủy của con người là TRẦN- TỤC. Chính nơi giới hạn của thể tính, chửi thề không còn tục theo nghĩa giá trị, mà TỤC như nguyên ủy thể tính thô sơ. Cho nên không TỤC mà ngược lại nó bộc lộ một thứ tình người chân phương của nhà thơ, chủ thể tác tạo văn chương, trong cảm thông nỗi khát khao làm người vượt trên mọi tục lụy, mọi giả hình trói buộc giăng mắc trên trần thế.

**Thái Kim Lan**

# LAN CHI

## THÔI THUA

(tiếp)

*LTS: Đáng lẽ phần truyện dài này đăng ở những trang cuối như cách layout thông thường của tạp chí TQBT, nhưng vì nội dung của nó thuộc loại “văn chương chữ thể” chúng tôi phải đăng ở phần chủ đề để dễ dàng cho sự nhận xét của bạn sau bài viết “Vài suy nghĩ vụn” của chính tác giả (Thái Kim Lan) nhận định về loại văn chương này và lý do tại sao bà lại “đút” vào miệng nhân vật Tốt nhiều tiếng chữ thể như vậy (TQBT).*

.

### NHÂN VẬT

Nguyễn Văn Tốt: Nhân vật chính, ở Bà Rịa, vượt biên, trại tị nạn Nam Dương, định cư ở Đức

Chi: Thông dịch viên

Lohn: Luật sư

Thi: Con gái của Tốt

Nam: Bạn láng giềng, gần 30 tuổi, người thấp nhỏ nhắn

Maria: Nhân viên thiện nguyện của sở xã hội Đức, độc thân

Phi: *alias* Phi Lư Thu Lanh, 20 tuổi (khai gian 15 tuổi), dân Hải Phòng, đi qua ngã Moscow.

## Chương III

### *THỦ GIẢO HOẠT*

Tốt giật mình thức dậy, tia nắng muộn của buổi sáng chọc vào mắt anh qua tấm màn bị gió hất sang một bên làm anh nhắm mắt. Anh giụi mắt, chưa hoàn hồn, có cảm giác như đã

ngắt đi một khoảng lâu, tay chân bải hoải, anh nằm thườn người không nhúc nhích, chợt nghe lạnh nơi vai, nhìn xuống, thấy mình tồng ngồng, anh kéo tấm chăn lòng thòng bên mép giường lên, rúc đầu trong chăn trốn ánh sáng.

Anh định ngủ thêm, lim dim mắt chưa biết đâu là đâu, theo thói quen khi thức giấc, anh lùa tay xuống bụng dưới, đụng nhằm chỗ lông lá của mình, anh nắm lấy, tần mẩn, rồi như chợt nhớ ra, anh bật cười, buột miệng chửi đồng: “Mẹ kiếp nhà nó! Gớm thật!” Anh nói chữ gớm thật, nửa ngạc nhiên, nửa thích thú. Dạng hai chân trong chăn, tay mân mê, anh nằm ngửa nhớ lại chuyện xảy ra hôm qua, chuyện thật quái lạ, bất ngờ, chẳng hiểu mô tê gì cả.

Chỉ có điều... Ui chao đàn bà chi mà quá quắt thật, nó đè mình ra như là hiếp vậy. Ai đòi từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chỉ biết đàn ông hiếp, đè đàn bà chứ có đâu cái chuyện đàn bà đi đè đàn ông bao giờ. Táo tợn thật! Nó đè mình ra, nó tuột quần mình... chẳng bù với con vợ anh, hôm động phòng, mụ ả cứ kẹp hai cái chân lại cứng ngắt, nắn nỉ mấy cũng không buông, anh phải dùng thói vũ phu... À mà về sau cũng thế, con mẹ đi cứ nằm chờ, kẹp hai cái đùi lại, như khúc gỗ, ... chẳng bù với cô gái Đức, xông xáo phanh ngực, ưỡn đôi vú đầy úc lên mặt anh, anh chưa kịp làm gì thì nó đã kéo hai tay anh luồn xuống dưới, anh còn quờ quạng chưa biết làm sao thì nó đã rúc vào đùi, làm cho anh đèn ngạt thở, tối tăm mặt mũi... Bạo hết cỡ, mình chưa kịp gì cả thì nó đã ra tay... thật mình, xơi tái...

Hừ hừ, Tốt nhe răng rên hừ hừ như vừa được đồng ộp nhả ra, người anh còn như bị tẩm thuốc mê, khật khừ, một thứ bải hoải lạ lùng, dư âm khoái cảm như giòng nước ngầm len lõi trong tứ chi... kích thích rờn rợn.

Bỗng anh vắng tục: “Đ.M., con đi ngựa”, sao nó bạo thế chứ, còn hơn cả đàn ông, nó hôn, nó cào nó cào, rồi nó biến mất. Anh thè lưỡi liếm vành môi, nghe rất; anh đưa tay lên môi dưới, thấy vương chút màu đỏ, anh không biết là màu son hay màu máu. Tổ mẹ, nó hôn mà còn hơn cắn.

Sao tổ nó bạo thế – anh không biết dùng chữ gì khác ngoài chữ “bạo” để chỉ thái độ của cô gái Đức trong việc làm tình so với vợ anh, thụ động, ngờ nghệch và phục tùng. Mân mê vành môi, anh bỗng chợt buồn, anh nhớ đã lâu anh chưa

được vợ hôn như thế, hầu như chưa bao giờ, có lẽ tại chị nhà quê, nhút nhát đối với đàn ông, bảo sao làm vậy... Nghĩ đến vợ, anh thấy lòng tự nhiên nhũn ra, cơn say sóng tình với cô gái Đức tản ra thành uể oải, anh nhìn ra bàn cạnh góc phòng thấy trống trải vô chừng, không nghe tiếng bé Thi buổi sáng nhõng nhẽo đòi ăn. Chưa kịp chửi thề con vợ chết tiệt thì nghe có tiếng đập cửa rầm rầm. Anh tưởng thằng Nam sang réo bia buổi sáng, quát:

“Mẹ mày, ông chẳng mở!”

Nhưng thật ra cửa chẳng khóa, nên anh vừa quát xong, tấm cửa đã bật ra, lộ nhô mấy thân hình cao lớn chứ không bé choắt như thằng Nam nơi khung cửa. Tốt giật bắn người, anh vội lồm cồm ngồi dậy, chưa kịp xỏ chân vào ống quần, nhóm người đã tiến sâu vào phòng, đến cạnh bàn. Hai người Đức mặc áo vàng ka-ki, đội mũ cát-két cũng màu vàng, có chạy đường viền màu xanh, một người có ria mép cũng màu vàng, người kia trẻ hơn, mặt trắng hồng phúng phính, họ đứng công kênh chiếm hết cả gian phòng, theo sau là một anh người Việt, ý chừng thông dịch viên và bà Giám đốc trại. Tên cảnh sát có râu mép lầy trong cặp một tờ giấy nhỏ, hẩn ngó chăm chú vào Tốt vừa choàng chiếc áo sơ mi xong, hỏi:

“Ông có phải là... Ngu...yen fan Tốt???”

Tốt gật đầu trước khi người thông dịch lên tiếng:

“Vậy thì mời ông theo chúng tôi!”

Tốt giật mình, quay qua hỏi người thông dịch:

“Có chuyện gì thế anh?”

Người kia nhún vai lắc đầu. Gã cảnh sát lớn tuổi chìa một tờ giấy màu hồng, giải thích ôn tồn bằng giọng lạnh lẽo của người thông dịch:

“Có lệnh của tòa cho mời ông đến ty cảnh sát, xin ông theo tôi!”.

Tốt ngó người chưa kịp cất tiếng hỏi thì tên cảnh sát đã đưa tay ra dấu hiệu mời anh đi.

Tốt lập cập vớ lấy cái áo khoác, riu riu theo mọi người ra cửa. Anh vừa đi vừa run trong bụng, chả biết lý do gì mà cảnh sát đòi anh?

Chuyện anh thua tòa xử xong rồi, thằng cha luật sư L. đã làm tắt tẩn tật mọi thủ tục “thua” cho anh, còn gì nữa?

Chui vào xe ngồi với anh thông dịch nghiêm nghị, anh chả nói được lời nào. Bụng lo.

Anh chợt nghĩ hay anh bị cô nọ thừa anh vì tội hiếp dâm hôm qua. Anh giật mình đánh thót dạ dày, nhưng anh lại tự bảo, cô ấy hiếp mình thì có, làm sao mình hiếp được cô? Nhưng nào ai biết được, chuyện vu vạ của đàn bà con gái ghê gớm lắm, biết đâu mà lường; đàn bà con gái bên này lại được bênh vực như con vợ dĩ nhà anh, bỏ đi theo trai mà lại còn thắng kiện, vô lý thật.

Nghĩ đến đây anh tái mặt, nếu bị vu oan tội hãm hiếp thì biết sao mà nói năng đây. Anh quay người sang bên anh thông dịch, khều tay, định hỏi, nhưng hắn ta hất đầu ra dấu về phía hai người cảnh sát ngồi trước, ý bảo ngậm miệng. Vừa lúc xe thắng lại. Đã tới ty cảnh sát.

Hình như chỉ có nơi này là anh thấy e sợ nước Đức, từ ngày anh được nhận vào đất nước này. Không biết ai đã nghĩ ra cái màu xanh úa bênh bệch cho khung cửa, song sắt, đi đôi với nền xi măng toát hơi nhà tù rờn rợn.

Tốt bỗng thấy buồn nôn, anh thêm một liều thuốc châm lửa ấm. Anh nhìn sang người thông dịch, nhưng hắn cố tình không nhìn anh, thọc tay vào túi quần, lúi lúi đi xa xa như không dính dáng đến anh với hai tên cảnh sát. Lên mấy tầng cấp xi măng, cánh cửa tự động sập lại đằng sau, chỉ có tiếng giầy của hai người cảnh sát vang dội trong hành lang lạnh lẽo. Nhiều cửa phòng có đề số, họ dùng chân lại trước phòng số 0010.

Sau tiếng gõ cửa của gã cảnh sát to cao, nghe có tiếng “*da*” (*ja*) từ bên trong, âm trầm như tiếng “*dạ*”, có lẽ chữ duy nhất đồng âm đồng nghĩa giữa hai thứ tiếng Đức-Việt mà Tốt duỗi bụng hiểu được, mọi người bước vào trong phòng. Nơi đây không khí có vẻ căng thẳng dù trầm lắng, hình như mùi mồ hôi của những gã đàn ông có mặt dào dạt rộn ràng hơn cả tiếng nói cùng tiếng gõ máy chữ của cô thư ký vừa dừng đột ngột phía sau chiếc bàn thẩm vấn. Ở đó Tốt nhận ra cô thông dịch quen thuộc ngồi giữa hai người ngồi đối diện nhau, một người cảnh sát, thẩm vấn viên, còn rất trẻ, và bên kia, một người Việt, mà vừa nhìn thấy hắn và các thứ trên chiếc bàn, Tốt đã nhảy xổ vào đồng thời quát to: “*Thằng chó đê!*”, hai người cảnh sát vội nắm vai anh cản

lại: “Hê, hê, từ từ, từ từ chứ!”.

Tốt chỉ tay lên bàn, nhìn hai người cảnh sát đang nghiêm mặt với anh, lắp bắp nói trong cơn giận: “Cái ví, cái ví của tôi kìa!”

Bấy giờ người cảnh sát đứng tuổi hơn mới ôn tồn nói:

“Anh hiểu lý do tại sao chúng tôi mời anh đến đây rồi chứ. Khi chúng tôi bắt nhân vật này, chúng tôi thấy trong túi hắn ta chiếc ví có tên họ của anh. Anh bị tình nghi có dính líu đến với người đang bị thẩm vấn này, chúng tôi cũng sẽ thẩm vấn anh. Vậy mời anh sang phòng bên cạnh, trước hết chúng tôi thẩm vấn người này sau đó sẽ lấy lời khai của anh”.

Tốt kêu lên: “Tôi chẳng quen biết gì người này cả!” Anh ném tia nhìn giận dữ như muốn nuốt sống thẳng láo ngồi kia, miệng nó méo vênh, mắt lăm lét tinh ranh, cái đầu trọc tếu đứng trên chiếc cổ cao đen đui, đang đưa bộ dạng thiếu não trước những người cảnh sát.

Nhưng người cảnh sát đã đẩy anh ra phía cửa: “Mời anh sang phòng bên!”

Sau khi đưa cho Tốt xem cái ví có tên của anh, viên cảnh sát bảo:

“Cái ví này ở trong túi của bị cáo, lại có tên của anh ở trong đó, vì thế chúng tôi cho rằng anh có liên quan đến thủ phạm, chúng tôi phỏng vấn anh với tư cách là nhân chứng.”

Tốt nhìn cái ví nằm trên bàn, bụng bảo thầm: “Mẹ tổ nhà nó chứ, đám ăn cắp của ông, thẳng trời đánh!”

Anh ngăn người rồi tự đánh đết vào đùi, đúng rồi. Cái hôm anh đi đến ông luật sư ở đường Noi-hau-xờ em (*Neuhausser 11*), lúc anh chống hông cúi xuống mở giày, bị đám người đang sau bắt ngờ bước tới tông vào, làm anh chúi mũi. Đúng lúc ấy, anh có cảm giác túi áo mình đang đưa, đồng thời có cái bóng thoát qua trước mặt, rồi mất tăm, ngỡ như thoáng gió tạt qua, anh không chú ý vì mãi xin lỗi khách bộ hành bít-tờ đặng-cờ rồi rít. Tối về nhà cởi áo choàng, anh mới phát giác cái ví trong đó có đựng mấy chục đồng tiền túi của xã hội vừa lãnh hai hôm trước đâu mất. Anh lại nghĩ chắc mẹ vợ đã lấy bóp của anh khi bỏ đi nên chưa kịp hỏi. Đúng là bàn tay thẳng chó đã thò vào túi anh chớp nhanh món hời. Cũng may cái ví có giấy tờ tùy thân được cất ở túi áo trên nên không bị mất, nếu không càng khổ.

“Anh có bà con hay sui gia gì với phạm nhân hay không?”

Tốt vừa lắc đầu vừa rửa thẳng chó:

“Đ. M. nó. Chẳng bà con dòng họ gì với tên ấy cả. Nó lấy cấp của tôi rồi biến mất tiêu...”

Người thông dịch rùn vai không dịch mấy chữ đầu.

Người cảnh sát đẩy cái ví ra trước mặt anh:

“Có đúng ví này là của anh không?”

Câu hỏi có tính thủ tục, vì rõ ràng trong ví có giấy chứng nhận lãnh trợ cấp tiền túi của sở xã hội và chữ ký của Tốt. Chỉ duy số tiền 75 đồng không còn trong đó. Sau khi Tốt đã xác nhận, người cảnh sát đưa trả lại cho Tốt chiếc bóp và dẫn Tốt trở lại phòng 0010.

Căn phòng lần này còn ngọt ngào hơn khi mới vào, hơi thở của anh chàng cảnh sát trẻ phỉ phò như người sắp hụt hơi, đám tóc vàng non chải tém gọn ghề nạy rũ xuống trán, đôi môi đỏ non nót mím lại ra chiều tuyệt vọng. Nhìn sang “thằng chó”, Tốt thấy mặt nó lảng cặng mồ hôi bóng nhũng, loại da rái cá, lột hoài vẫn như thế, không chọc thủng được để thấy cảm giác trước đối phương, mặt nó vẫn vêu ngất ngưỡng trên cái cổ cò, mắt nó ươn ướt như khóc, mấy ngón tay lêu khêu xoắn vào nhau. Tốt biết cỡ này, đồ búng ra được từ thẳng nhãi điều gì có thật. Cái đầu tếu lắc lư bất cần đối với mớ tóc vàng cắt tươm tăt kia, quả tương quan lực lượng so le!

Viên cảnh sát trẻ quay sang hai người đồng nghiệp mới vào, nói với vẻ tuyệt vọng:

“Không xác nhận được lý lịch của đương sự, bị cáo khai tên Phi, trong hồ sơ là Phi *alias* Lư *alias* Thu *alias* Lanh. Hỏi hần thì hần lắc đầu cười rồi nói một lần cả bốn tên. Dạ Phi dạ Lư à quên dạ Lanh dạ Thu đều đúng cả ạ. Ghi vào biên bản cũng lại phải ghi Phi *alias* Lư *alias* Thu *alias* Lanh!!!: Anh ta đưa hai tay lên đầu như kêu cứu.

“Chỉ có tuổi là hần nói rõ 15 tuổi!”

Tốt nhìn thẳng khôn, chửi thầm trong bụng:

“Mẹ mày, mày mà 15 thì ông đi đầu xuống đất, ít ra mày cũng đã 20, con ă!”

Tốt biết đối với người Đức, tuổi tác của người Á châu với dáng nhỏ thó và gầy guộc rất khó đoán, cho nên đối với họ thẳng khôn 15 tuổi cũng vừa thôi.

Người cảnh sát trung niên chắc lưỡi:

“Còn vị thành niên đấy, không giữ lại được đâu!”

Quay qua Tốt:

“Ông có nhận diện được anh ta là người quen hay bà con của ông không?”

“Quen???” - Tốt trợn mắt nói to như quát: “Tôi chẳng biết hẳn là ai, tôi không quen!” Răng anh nghiến kèn kẹt làm mọi người giựt mình.

“Còn anh”, quay qua tên nhiều *alias* người cảnh sát hỏi thêm để xác định, “Anh có quen biết hay bà con với ông này không?”

“Thằng chó” nhìn Tốt đang lườm lườm nhìn trả hắt, cười đại như xin lỗi rồi lắc đầu:

“Không, không quen gì cả.”

Giọng của người cảnh sát trung niên trở nên thân thiện với Tốt hơn:

“Ông Tốt, bị can khai không quen biết ông, như thế thay vì tình trạng có liên quan, ông trở thành nạn nhân bị đánh cắp đấy, ông có muốn thưa bị can về tội chiếm đoạt tài sản của người khác không?”

Tốt định chửi thề thằng chó nhưng kìm lại vì ngại cô thông dịch, anh lắc đầu:

“Thôi tôi xin hai chữ bình an, không thưa gửi chi hết, kệ cha hắt!”

Thằng chó gật gật đầu cười mỉm, trong khi Tốt nóng nảy muốn đi ra khỏi nơi u ám ấy:

“Các ông thả tôi ra được chứ?”

Tên cảnh sát này giờ gọi điện thoại liên tục, bỗng dừng lại, quay qua hỏi Tốt:

“Hãy hượm ông Tốt, chúng tôi cần ông một tí.”

Với hai người cảnh sát kia, người cảnh sát trẻ phân tích:

“Với tình trạng vị thành niên của bị can và mức đánh cắp không lớn, chỉ vài thời son và chai nước hoa trị giá 35 €, có thể chỉ cảnh cáo bị can và cho tại ngoại. Hiện nay bị can lại khai không có nơi cư trú, tôi vừa điện thoại các cơ sở tị nạn thì biết các nơi khác đều chật cả chỉ có trại tị nạn nơi ông Tốt còn phòng trống, vậy tôi làm giấy tờ báo tin cho sở xã hội tạm đưa ông Phi về đó, chờ các cư xá cho thanh thiếu niên học nghề trả lời.”

Quay qua Tốt:

“Ông Tốt xin lỗi và cảm ơn ông, người này là đồng hương với ông, anh ta sẽ đến trại của ông tạm trú. Vậy sau này có gì ông giúp đỡ tí chút nhé và hướng dẫn cho em cư xử tốt...”

Tốt kêu thầm trong cổ họng:

“Ôi trời, đúng là của nợ!”

Nhưng anh vốn tốt bụng và hiền lành, lại cảm cảnh tị nạn như nhau, nên gượng cười trả lời:

“Vâng, vâng, *ja ja* dạ dạ, tôi sẽ giúp!”

Trong khi anh lầm bầm nói trong bụng... “Ông đá văng ra sân để biết lễ độ cư xử trước cái đã, thằng chó!”

Tốt về đến trại không lâu thì có tiếng gõ cửa, nhìn ra cửa sổ thấy cái đầu trọc tều lúp lỏ, anh hừ một tiếng nhưng cũng ra mở cửa, Phi bước vào nhăn nhó cười.

“Đ.M. mày!”

Tốt mở chai bia, chìa cho nó, thằng nhỏ vớ lấy ngay, ực một nốc, rồi ngồi xuống bọc cấp, Tốt ngồi nơi ghế:

“Đ.M tên gì mày, nói thiệt.”

“Em tên Phi.”

“Thiệt?”

“Vâng, thật!”

“Còn mấy tên khác? Đ.M sao mày lắm tên thế?”

“Thì ở mỗi trại em khai một tên, người ta dặn em vậy.”

“Vậy mày nếm... cú 4 trại rồi phỏng?”

Thằng nhỏ cười hềnh hếch.

Tốt núc một ngum hơi cái chai:

“Người ở đâu?”

“Hải Phòng!”

“À ha, mày tị nạn đáo gì?”

“Đáo tị nạn! Mẹ em bảo đi thì đi!”

“Đi làm sao? Bộ mày chạy bộ à?”

“Bố mẹ mua vé cho em đi. Bay đến Mốt-cơ-va rồi từ đó có người dẫn qua biên giới. Mà chạy bộ thật anh ơi, đi qua biên giới phải đi bộ!”

“Thấm thía gì với bọn tao. Chúng tao mười phần chết chín đó mày, lênh đênh trên biển, may mà có tàu vớt lên không thôi chết cả lũ.”

Giọng Tốt như nắc. Giọng Phi hình như cũng nắc theo:  
“Nhưng em nhớ mẹ...”

“Bao nhiêu tuổi? Cầm láo đáo mày!”

Không để Phi trả lời, Tốt nói mau:

“Tao nói mày 20 chứ không phải 15, Đ.M. thằng nói dối!”

Phi cãi:

“Họ bảo nếu khai đúng tuổi thì nước Đức không nhận!”

“Ra thế! Đúng 20 phải không thằng chó? Mà họ là ai?”

Phi lại cười hềnh hếch:

“Thì hai mươi. Đéo anh hỏi họ, em đâu biết! Nhưng em muốn học lại vì em bỏ học nên khai láo!”

“Đéo mày ấy, đi ăn cắp mà đòi muốn học cái con khi! Tao nghe mày khá nổi tiếng ở vùng Marienplatz rồi đấy. Có phải mày không hở? Nghe nói có thằng chúa ăn cắp gia truyền của anh chị từ bãi Hải Phòng qua đây, có phải mày không hở? Tụi nó bảo có thằng “thủ giáo hoạt” nào ấy, có phải mày không? Phi Lư Thu Lanh, có phải là thủ lĩnh ăn cắp không? Phi lư thủ lĩnh cái thứ chết tiệt nào ấy!”

Phi đỏ mặt cãi ú ớ:

“Có phải em đâu!”

“Không mày thì ai vô đây! Tao nói mày nghe, ở trại này mày mà động tới của ai cái gì thì chết với bố mày, Đ. M. nghe chưa?”

Nhìn đôi mắt long lanh của Tốt, Phi đầu dụi:

“Vâng, vâng. Em hứa... em hứa.”

Bỗng Tốt hạ giọng:

“Mày ăn cắp nhà nghề đúng không? Hôm ấy mày chạy nhanh qua tao như điện xẹt, tao chưa kịp ngẩng đầu thì mày đã biến mất, chỉ còn mấy tên Đức ngó chung quanh, nên tao không ngờ. Giỏi đấy!”

Tốt cốc cái chai bia lên đầu thằng khôn một cái nhẹ, nó lẹ như chớp né đầu tránh khỏi, một tay đỡ cái chai, tay kia ngoái ra sau lưng Tốt thọc vào túi quần bên hông lấy ra xâu chìa khóa. Thủ pháp bất ngờ như điện chớp đến nỗi Tốt không kịp nhận thức, nó đã cười hềnh hếch:

“Của anh đây!”

Tốt giật nảy cả mình, thâm thán phục ngón thủ giáo tuyệt trần của thằng nhỏ, nhưng anh đâm cau:

“Gì thì gì, tao nói mày rồi, mày mà động đến cái trại này là

biết tay bọn tao. Phải ăn ở đảng hoàng nghe chưa?”

Thằng Phi cười nhạo:

“Vâng, em nghe rồi. Anh Tốt, em thích anh ngay từ khi anh bước vô phòng cảnh sát, em nói thật.”

Tốt bĩu môi:

“Thích cái đeo mày, hể mày đeo gì của ông là ông chặt đứt ngón tay, nghe chưa?”

Tốt bắt ngờ xông đến thằng nhỏ dùng thế võ nhu đạo khóa tay vạt nó xuống đất, miệng bảo:

“Nghe chưa, nghe chưa?”

Chuông điện thoại bắt ngờ reo, anh bỏ thằng nhỏ, vớ cái điện thoại trên bàn. Ở đầu giây nghe có tiếng nũng nịu, anh Tốt anh Tốt. Mười phút sau Tốt ra khỏi phòng chạy đến bến U-bahn để lại thằng Phi ngồi cười một mình. Nó có một cảm giác mới với người đồng hương này, một linh cảm về một người bạn chân tình...

Ba tháng sau, một ngày cuối tuần, Tốt dẫn cô bạn mới đi chợ ở khu đi bộ Marienplatz, người đi lại chen chân không lọt, cả hai đang dung dăng cà nhông, bỗng nghe tiếng người chạy rầm rập, tiếng la hoảng vì va nhau té nhào, tiếng kêu “*Halt! Halt!*” (dừng lại dừng lại) và tiếng té huỳnh huỵch.

Đám đông người xô giạt ra ra hai bên, một người vừa ngã lăn kềnh xuống nền, hai người theo sau đỡ lên, cùng lúc có hai nhân viên cảnh sát vừa đến công tay dẫn đi.

Diễn biến tuy gây xáo động bất ngờ cho đám đông nhưng đủ nhanh để bảo vệ sự kín đáo cho phạm nhân và tái lập sự bình thường cho người qua lại.

Dù thế cũng vừa đủ nhanh để Tốt sừng sốt nhận ra: “Ồi trời! Thằng Phi Lư Thu Lanh!”

## Lan Chi

*(còn tiếp)*

# THƠ CHỦ ĐỀ SƯU TẬP

NGUYỄN BẮC SƠN

## Bài ca khổ nhục

Mày về thăm ta như chuột lột  
Thất thểu chỉ còn xương với cốt  
Trắng sãi kia hề qui cổ hương  
Thê thảm còn hơn thẳng cốt đột

Trắng sãi kia hề qui cổ hương  
Chinh chiến sao mày không chết tốt  
Dẫm đồng rượu trắng vội bày ra  
Nhậu để khói sầu lên ngút ngút

Đó là phương thuốc trị bùi ngùi  
Đốt lòng uất hận cao ngùn ngụt  
Ngửi mày một tí xem làm sao  
Thân thể mày bay mùi binh đao

Ngày trước mày hiền như đất cục  
Giờ mở miệng ra là chửi tục  
Hà hà ra thể con nhà binh  
Ngôn ngữ thơm tho như mùi cứt

Ngày trước mày định đi tu tiên  
Giờ lính tu bi-đồng ừng ực  
Người đời dễ đầu theo ý mình  
Như hạt bụi nhảm con gió trời

Bạn mày nằm nhà thất nghiệp dài

Mẹ già không tính tiền cơm thuốc  
Ngày xưa vẫn nghề ta mê làm  
Cách mệnh còn hăng say vượt bực

Giờ tối nằm mơ chỉ thấy tiền  
Nhân nghĩa gì gì quên tuốt luốt  
Thèm tiền song quả đũa vô tài  
Nên thằng ta đây chỉ có nước

Mỗi tuần một vé số mười đồng  
Thê thâm ôi làm sao tả được  
Hai ta cùng quần như thế này  
Nhắc làm chi nữa cho tui nhục

Vậy xem như mình đã chết rồi  
Chí lớn mộng to đều đã vút  
Quên trời quên đất quên luôn ta  
Dầm đồng rượu trắng cùng say khướt.

## **Tha lỗi cho tôi**

Tiệc mầy không gặp tao ngày trước  
Ta cho mầy say quất cần câu  
Rượu bia bốn chục chai đồ bỏ  
Uống từ chạng vạng suốt đêm thâu

Thành phố giới nghiêm ta ngắt ngưỡng  
Một mình huyết sáo một mình nghe  
Theo sau còn có vầng trăng lạnh  
Cao tiếng cười buông tiếng chửi thề

Thời đó là thời ta chấp hết  
Lũng lơ hoài trên chiếc đu quay  
Đời mình như ly rượu cạn  
Hắt toẹt đời đi chẳng nhúu mầy

Thời đó là thời ta bất xá

Sẵn sàng chia khổ với anh em  
Hơi cay, đạn khói, dùi ba trắc  
Bước cũng không lui trước bạo quyền

Bây giờ ta đã thành ti tiểu  
Uốn vào khuôn khổ cuộc đời kia  
Loanh quanh trong chiếc chuồng vuông chật  
Sống đủ trăm năm kiếp ngựa què

---

## LÊ AN THẾ

### TÔI BIẾT

*tôi biết bắn súng M16 trước khi mất trình  
năm 19 tuổi  
tôi biết bắn cả M60, M72, M79  
tôi biết thêm súng cối, mìn, lưỡi lê, lựu đạn  
biết hết*

*18, 19, 20*

*súng là vợ đạn là con  
không rời một bước  
một cấp số*

*120 viên*

*bắn thoải mái*

*những viên đạn đồng sáng chói  
made in USA.*

*2.*

*tôi biết thiếu úy Phú, đại đội phó, 26 tuổi,  
đã già khú đế*

*lúc tập hợp chửi thề như máy  
sau 2 lần đụng trận*

*thương lính như con  
phạt con cũng dữ*

đêm đóng quân bắt lính đào hầm tránh đạn  
biết cách tìm nước suối  
bẫy heo rừng, tránh hầm chông mìn bẫy  
cách bắt vịt và làm thịt nhím  
sống chết không bỏ thẳng nào  
lính gọi bằng thầy  
gần hơn lãnh tụ, thánh cha, sư cố.

3.

tôi biết rượu đế pha bia đựng trong nón sắt  
uống rất chì, nốc từng hơi  
ở rừng ra là vào động đĩ  
chứa toàn phật bà, thánh nữ  
lần đầu tôi đựng Má mì  
lùng danh đường lười  
trên cái bụng trắng hếu  
tôi phát run  
hô thêm mót đái  
Má mì cười rú  
thách tôi đái nổi  
chị khỏi tính tiền  
tôi biết từ một đôi môi  
chỉ chừng 5 phút dạy tôi nên người.

4.

tôi biết thằng Hữu cháy đen trong tư thế ngồi  
cách Dakto 9 cây số đường chim bay  
là cả ngày khiêng đường rừng  
đem về tắm liệt  
phải đổ vào người nó nửa bi đông rượu đế  
phần còn lại chúng tôi chia nhau  
cho bớt thối  
tôi biết thằng Hữu hay đọc Kim Dung  
nó thuộc nhiều tên tuổi Trung hoa  
sao viên đạn B40  
của nước Tàu  
bắn nó như một con chó thui  
thằng Hữu già hơn tôi 3 tháng  
đụng trận 2 lần  
chết năm 19 tuổi.

5.

tôi biết thằng Mạnh bị một viên vào ngực  
đạn AK47,  
tiếng nổ khàn như khạc thẳng màng tang  
máu ối ra và kêu lên tiếng ối  
cái thằng vừa nói vừa cười  
sao mày chết mau đến thế  
đụ mẹ thằng này  
có người yêu cả năm cũng không dám cầm tay  
nó đã xem phim Bác sĩ Zivago 3 lần trước khi lên ngã ba  
biên giới  
đủ để biết nhịp bài Quốc tế ca  
giữa rừng già nó thối sáo tôi nghe  
bản đồng ca của những người lao động  
thằng Mạnh chưa kịp biết nước Nga  
khi vừa 21.

6.  
tôi biết thằng Út chưa 17  
đã làm giấy giả  
cho đủ tuổi tòng quân  
gia đình bị nguyên viên pháo  
già trẻ tan xác 9 người  
nó chỉ thêm cầm cây súng  
để bóp cò  
nghe đạn nổ như lân nghe pháo  
nó bị một viên cối 82 xác không còn hình  
thiếu úy Phú mất luôn một bàn chân trái  
tôi vào quân y viên gặp ông thầy một tháng sau  
cái chân băng bột treo ở cột giường  
lần đầu tiên thấy ông khóc  
không biết vì tiếc bàn chân hay thương thằng Út  
giấy khai sinh giả  
không biết ai để phát tiền tử tuất  
đụ mẹ ông trời  
sao một nhà trọn gói  
chết đủ 10 người.

7.  
tôi biết thượng sĩ Ngô chó mắt đỏ ngầu  
tiếp liệu đại đội  
đi lính từ thời thằng tây ông Diệm

nấu rượu đế rất đậm  
 không pha thuốc tẩy  
 bán giá hời  
 đôi khi còn cho thêm miếng thịt chó phơi khô  
 đã 7 đứa con cũng chửi thề như máy  
 đụ mẹ tụi mày những thằng lính mới  
 không biết tụt quần, chùi mũi  
 cặc chưa lột da đầu  
 tao bị lậu còn lâu hơn thời gian tụi bây trong lính.  
 8.  
 tôi biết bộ quân áo cứt ngựa của người lính bên kia  
 dép râu mòn trên đôi bàn chân xanh hơn tàu lá  
 bị hàng trăm mảnh  
 mìn Claymore  
 món quà viện trợ từ xa  
 có 2 bàn tay đan nhau thân ái  
 của 200 triệu nhân dân Mỹ  
 trong ba lô vẫn còn trang nhật kí  
 thấm mưa và thấm máu  
 đụ mẹ thằng này ngon  
 người xâm “sinh bắc tử nam”  
 mà nét chữ nắn nót hơn nữ sinh trung học  
 đã chép bản tình ca ra trận  
 “trường sơn tây nhớ trường sơn đông”  
 đụ mẹ cái thằng lì  
 tuổi chắc cỡ chúng tôi  
 trước khi chết còn ngẩng mặt nhìn trời  
 gọi tiếng “bu ơi”  
 tôi đâu ngờ thằng này nói cùng tiếng Việt  
 và biết gọi mẹ như tôi  
 đụ mẹ cái thằng đúng số  
 bao nhiêu thằng như mày chép thơ ra trận  
 nằm chết nơi đây là đúng í  
 rừng cứ xanh xanh thêm xác anh hùng  
 cái bài thơ của Phạm Tiến Duật  
 tôi đọc lần đầu trên một xác người  
 cũng Việt như tôi  
 tôi không ngờ tôi yêu thơ từ đó.  
 9.

tôi biết bắn trước khi biết chửi thề rất ngọt  
đụ mẹ tùm lum  
xứ sở chưa chế tạo được cái bi đông, đồng hồ, xe đạp  
nhưng đạn bom từ đâu vô kể  
chưa thằng nào biết gì về nước Tàu nước Nga nước Mỹ  
cứ xa như chỗ thiên đường  
chúng tôi bắn  
và bị bắn như nhau  
thoai mái  
18, 19, 20  
chúng tôi đã biết  
đụ mẹ Nixon đụ mẹ Thiệu Kỳ  
tôi biết cả Má mì  
lâu lâu cho chơi thiếu  
tôi biết luôn bệnh lậu  
vì trùng dữ còn hơn đạn pháo  
sáng cà phê đen  
chiều đãi ra cà phê sữa  
là cả tuần không uống rượu  
quân số 1/4 bệnh lậu, 1/4 sốt rét, 1/4 lính mới  
số còn lại đào ngũ, thương binh, lính phép, lính ma, lính  
kiếng  
tôi biết thêm các em Hoa, Tuyết, Hồng, Lệ, vân vân  
biết hết thánht lương  
hết tiền cơm tiền rượu tiền cà phê thuốc lá  
tôi biết  
biết hết  
biết cả những cánh rừng trụi lá  
vì thuốc khai quang  
những đoàn B52 thả từng bữa  
rừng nào cũng loang lỗ hố bom  
cỏ dại chề không mọc  
tụi bây ơi quê hương cũng mang bệnh lậu  
đâu thuốc nào chữa hết  
chúng tôi 18, 19, 20  
có khi 17  
thằng nào cũng biết  
đụ mẹ tụi mày đụ mẹ chiến tranh.  
10.

27 năm sau gặp lại thiếu úy Phú  
ông chữ thể vẫn ngọt  
đụ mẹ thằng này bây giờ mày bảnh  
thằng chức Việt kiều  
tao vẫn là thằng Ngụy một chân  
tôi rủ ông vào nhà hàng có rượu Tây rượu Mỹ  
ông đòi quán bên đường chơi rượu đế bia hơi  
như đồng đội cũ  
bao nhiêu thằng tôi đã quên tên  
bên vỉa hè hát lại tình ca  
bao nhiêu năm vẫn vậy  
chỉ có giọng khàn như khóc  
tôi rủ thêm đám bóp, tắm hơi, động đĩ  
tìm phật bà thánh nữ như xưa  
đúng đồ đặc sản  
tôi lại chọn Má mì  
ông thầy cười rú  
dưới mấy sợi tóc lưa thưa  
bộ răng đã mất đi quá nửa  
khi tôi nói đụ mẹ ông thầy  
lần này  
tôi biết tôi không mót đái.

LÊ AN THỂ

(3-2007)

(nguồn: [damau.org](http://damau.org))

## Trần Đắc Thắng

### Khóc chiến hữu

*Khóc Trung sĩ Quý, Thành và Thiếu úy Tư*

Đ.M. Tụi bây chết thật rồi  
Ta nghe hồn chết giữa mưa rơi  
Bao giờ bây lại ngồi uống rượu  
Cùng kể nhau nghe những chuyện rời  
Nhớ buổi theo ta đi đánh giặc  
Bây thề mãi mãi ở bên ta  
Giờ đây, sao lại đi đâu hết  
Bỏ mặc ta đau, mắt lệ nhòa  
Bây khóc tình ta trong vắng lạnh  
Còn ta đứng khóc với quê hương  
Bỗng thấy lòng mình mùa đông xám  
Thấy bây đi kích dưới mù sương  
Từ đây bây đón đau một cõi  
Còn ta đánh giặc giữa sa trường  
Thương bây chiến hữu ta ngồi khóc  
Đau đón nào dâng với nhớ thương !



## NGUYỄN PHÚC SÔNG HƯƠNG

### Khi là mặt người

Rừng Thị Tính khuya màu lợ nghe  
Quân qua sông trét mặt đen thui.  
Quý ma lắm tướng ta cùng loại,  
Sẽ sướng vui tay bắt, miệng cười.

Nương khóm lục bình, ma chẳng thấy  
Ngờ đâu bây quý biết hơi người,  
Lưới đạn đan nhau cày mặt nước,  
Sao trời rụng xuống đáy sông trôi!

Tập mạnh vào bờ, bờ phía trước  
Bờ đưa tay nín, kéo tay người,  
Lộp lộp trên bờ cây ngã rạp,  
Bùng bùng tiếng hét máu mình sôi.

Chửi loạn thằng em đã chiếm được  
Đầu cầu, sao lại khóc em ơi?  
Đại đội dù còn vài chục mạng  
Thừa sức đêm này tiếp cuộc chơi.

Mai sáng ra sông vốc nước rửa  
Mặt ma, trở lại mặt con người.  
Mặt người, tôi sợ mình sẽ khóc  
Bên bờ tìm kiếm bóng sao rơi!

(Nhớ đêm tấn kích qua sông Thị Tính,  
Bến Cát, Bình Dương 1973)

*(trong Tháng Tư, Lính Không Cần Hớt Tóc, thi phẩm, tác giả xb)*

████████

## **Phạm Quang Ngọc**

### **Ly chiến sĩ**

đ.m, sao mày không uống đi  
mặt con gà chết thấy mà ghê  
ngày mai xung trận còn hay mất  
phú quý, công danh, một tiếng khi  
tao biết mày buồn, có phải không  
được tin em bé sắp đi đoong  
thằng này khờ quá, nghe tao phán:

một trái là xong, khỏi lấy chồng  
đ.m, còn thằng ngựa chứng kia  
uống đi rồi đón, má mày kia  
đăm ba ngày phép về du hí  
cơm hẩm ăn hoài chữa-chán-chê  
ê, thằng lính cận đầu văn chương  
xếp bút, treo nghiên, bỏ mái trường  
bàn luận anh hùng, gan cóc tía  
Phạm Thái hê, ta cũng chẳng gờm  
gươm mài chưa bén , mong chi nguyệt  
kệ cứ say đi, mặc chuyện đời  
ta chẳng màng đâu, gươm tráng sĩ  
một đời lính trận đã phong ngôi  
ai như lão trọc Tiêu Sơn ấy  
ôm mộ Quỳnh Như khóc một đời  
ta chẳng phí đầu giòng nước mắt  
chẳng tình, chẳng nghĩa, một ly bôi !  
ê, thằng gà chết, sao mày khóc ?  
uống phí hiên ngang cả một trời  
lính trận hê chi ba lê tẻ  
đầu đời sương khói sắp xa khơi  
ê, thằng mắt trắng, ngôi lơ lảo  
hãy uống cho say một trận cười!  
mai lỡ xác thân vùi chiến địa  
mà sâu hun hút vẫn chưa nguôi



## **Dã Nhân**

### **Uống-rượu-với-duyên ở Thạnh-phú-đông**

Buổi sáng buồn tình ta uống rượu  
Hình như có nắng ở trên cao  
Bạn bè ngồi ghé chưa đông đủ  
Không lẽ mời em thế chỗ sao ?

Làm cặn cốc này đi thẳng bạn  
Đề lâu rượu nhạt uống không ngon  
Ba năm trôi nổi miền quan ải  
Không lẽ mầy chưa đủ trí khôn ?  
Ta biết mầy buồn em lấy chồng  
Thì coi như gió thổi trên sông  
Tình đâu có đẹp bằng hiên quán  
Rượu xé lòng vui Thanh Phú đông.  
Ta có thẳng em đi đánh giặc  
Bốn năm trấn thủ ở đồn xa  
Lâu lâu về phép nâng tay rượu  
Ngồi nói nhâm nhi với mẹ già  
Những lúc ngồi buồn trên chiến đỉnh  
Nắng lên ta thấy nhớ trong lòng  
Người yêu tóc xòa tình lưu xứ  
Biên biệt chiều xưa mưa trắng sông.  
Ngồi hát hò đi bằng hữu cũ  
Thời gian bỗng thấy lướt qua mau  
Ngày xưa đi học ta nào biết  
Chữ nghĩa đâu dùng để đánh nhau  
Chinh chiến tạm quên đi thẳng bạn  
Mềm môi **đù má** cuộc đời chơi ...

## Linh Phương

### *Hành quân*

Dẫm thẳng đánh trận. Dẫm thẳng chết  
Chỉ sót mình ta cứ sống nhăn  
**Đù má** nhiều khi buồn hết biết  
Lo mãi sau này cụt mắt chân  
Mấy tháng hành quân chưa ngơi nghỉ  
Tóc tai dài thượt giống người rừng  
Kinh Kha vác súng qua Dịch Thủy  
Thề chẳng trở về với tay không

Chiến hữu ta toàn dân thứ dữ  
Uống rượu say chửi đồng dài dài  
Bồ bở. Tức mình xâm bốn chữ  
“ Hận kẻ bạc tình “ trên cánh tay  
Chiều qua sém chết vì viên đạn  
Du kích bên sông bắn tia hù  
Cũng may gặp phải thằng cà chớn  
Thấy mặt ta ngầu bắn **đéo** vô  
Nhớ hôm bắt được em Việt Cộng  
Xinh đẹp như con gái Sài Gòn  
Ta nổi máu giang hồ hảo hán  
Gật đầu ra lệnh thả mỹ nhân  
Mai một này đây nơi trận tuyến  
Gặp ta em bắn chó ngại ngùng  
Cuộc chiến đâu dành cho nhân nghĩa  
Đời nào đạo lý với bao dung



## NGUYỄN ĐỨC SƠN

Đụ mẹ  
Cây bông  
Hắn không  
Lao động  
Ai trồng  
Chật chỗ  
Mày nhỏ  
Xem sao  
Máu trào  
Thiên cổ

## Đặng Kim Côn

### Cũng Cám On Đời Cái Bắt Tay

Tao sẽ cho mày tấm hình mới chụp  
Tóc trên đầu đã lều lảo mây bay  
Thêu thào một đám lông quanh mép  
Cũng gọi là, giống như là, ô hay!

(Bên ấy máy hình còn không lớn,  
Bên này một tấm hình đã to  
Có người đến chết còn chưa có,  
Chả biết tìm đâu tấm ảnh thờ).

Bạn bè bảo mặt mũi gì hoang dã,  
Nhăn quắc nhăn queo cái sự đời,  
Ồ nhỉ, sao mình không thấy lạ,  
Cũng mới đây mà đã sáu mươi,

Giày dép có đôi nào không số  
Số tao số mấy quên đã lâu  
Số mày, dù má, còn hên chán  
Mà số, hì hì, ai biết đâu!

Đừng buồn, bộ xương này biết nói  
Giung giăng giung giẻ thể nhân hành  
Biết rót mừng mình ly rượu đắng  
Hạt gạo trên sàng sau chiến tranh.

Muốn tao gửi luôn cho mày cặp nặng?  
Tay bước thay chân tiểu ngạo giang hồ  
Mang về bên đi, một đời la lét  
Làm mối nhậu với bạn bè xưa

Mày nhớ, bên này tao cũng nhớ  
Một chút quê hương, chút bạn bè

Còn lại là những gì đã mất,  
Thiệt tình, mày có muốn tao chia?

Quá đã, tao chia mày cái thiếu,  
Chỉ có không cho kiếp đọa đầy  
Lỡ một mai về không gặp nữa  
Cũng cảm ơn đời cái bắt tay

08/2010

████████

## TRẦN VÀNG SAO

### **tau chuối**

tau tức quá rồi  
tau chịu không nổi  
tau ghen cuống hòng  
tau lộn ruột lộn gan  
tau cũng có chân có tay  
tau cũng có đầu có óc  
có miệng có mắt  
có ông bà  
có cha mẹ  
có vợ con có ngày sinh tháng đẻ  
có bàn thờ tổ tiên một tháng hai lần  
rằm mồng một hương khói bông ba hoa quả  
tau đầu tắt mặt tối  
đổ mồ hôi sôi nước mắt  
vẫn đồng không trụ nổi có  
suốt cả đời ăn tro mò trủ  
suốt cả đời khổ chuối Trần Minh  
kêu trời không thấu

tau phải cầm miệng hén  
không được nói  
không được la hét  
nghĩ có tức không  
tau chưởi  
tau phải chưởi  
tau chưởi bây  
tau chưởi thẳng vào mặt bây  
không bóng không gió  
không chó không mèo  
mười hai nhánh họ bây đem lư hương bát nước  
giường thờ chiếu trải sắp hàng một dãy ra đây  
đặng nghe tau chưởi  
tau kêu thẳng khai canh khai khẩn tam đời mười đời  
cao tăng cổ tổ ông nội ông ngoại cha mẹ chú bác cô dì  
con cháu thân hoi cật ruột bây tau chưởi  
tau chưởi cho tiền đời dĩ lai bây mất nòi mất giống  
hết nối dõi tông đường  
tau chưởi cho mồ mả bây sập nắp  
tau chưởi cho bây có chết chưa liệm ruồi bu kiến đậu  
tam giáo đạo sư bây  
cổ tổ cao tăng cái con cái thẳng nào móc miếng cho bây  
hà hơi trún nước miếng cho bây  
bây i thể i thần  
cây nhà cao cửa rộng  
cây tiền rương bạc đồng  
bây ăn tai nói ngược  
ăn hô nói thừa  
đòn xóc nhọn hai đầu  
ngâm máu phun người  
bây búng cây sống trồng cây chết  
vu oan giá hoạ  
giết người không gươm không dao  
đang sống bây giả đồ chết  
người chết bây dựng đứng cho sống  
bây sâu độc thiềm phước  
bây thủ đoạn gian manh  
bây là rắn  
rắn

toàn là rắn  
như cú dòm nhà bệnh  
đêm bầy mò  
ngày bầy rình  
dưới giường  
trên bàn thờ  
trong xó bếp  
bỏ tên bỏ họ cha mẹ sinh ra  
bây mang bí danh  
anh hùng dũng cảm vĩ đại kiên cường  
lúc bầy thật lúc bầy giả  
khi bầy ẩn khi bầy hiện  
lúc người lúc ma  
lúc lên tay múa ngón sủi bọt mép gào thét  
lúc trộn mắt khua môi múa mỏ đả đảo muôn năm  
lúc như thầy tu vào hạ  
lúc như con nít đói bụng đòi ăn  
hai con mắt bầy đứng tròn  
bây bắt hết mọi người trước khi chết phải hô  
cha mẹ bầy ông nội ông ngoại bầy tiên sư cô tổ bầy  
sống dai đời đời kiếp kiếp  
phải quỳ gối cúi đầu  
nghe bầy nói không được cãi  
phải suốt đời làm người có tội  
vạn đời đời ơn bầy  
đứa nào không nghe bầy hót mỏ chôn sống  
thằng nào không sợ bầy vằm mặt thủ tiêu  
bây làm cho mọi người tránh nhau  
bây làm cho mọi người thấy nhau nhỏ nước miếng  
đồ phản động  
đồ chống đối  
đồ không đá bàn thờ tổ tiên  
đồ không biết đốt chùa thiêu Phật  
thượng tồ cô bà bầy  
mụ cô tam đời mười đời bầy  
tau xanh xương mết máu  
thân tàn ma dại  
rách như cái xơ mướp chùi trách nồi không sạch  
mả ông bà cô tổ bầy kết hết à

tụi bây thẳng nào cũng híp mắt hai cằm  
bây ăn chi mà ăn đoản hậu  
ăn quá dã man  
bây ăn tươi nuốt sống  
mà miệng không dính máu  
người chết bây cũng không chừa  
năm năm mười năm hai mươi năm  
xương chân xương tay sợ dứa vải liệm`  
bây nhai bây khới bây mút  
cả húp cả chan bây còn kêu van xốt ruột  
bao nhiêu người chết điều tha quạ rút xương  
khô cốt tàn dọc bờ dọc bụi giữa núi giữa rừng  
để bây xây lăng đắp mộ dựng tượng dựng đài cho  
cha mẹ cố tổ bây  
hồi cô hồn các đảng  
hồi âm binh bộ hạ  
hồi những kẻ khuất mặt đi mây về gió  
trong am trong miếu giữa chợ giữa đường  
đầu sông cuối bãi  
móc họng bóp cổ móc mắt bọn chúng nó  
cho bọn chúng nó chết tiệt hết cho rồi  
bây giết người như thế  
bây phải chết như thế  
ác lai thì ác báo  
tau chưởi ngày chưởi đêm  
mới bét con mắt ra tau chưởi  
chập choạng chạng vạng tau chưởi  
nửa đêm gà gáy tau chưởi  
giữa trưa đứng bóng tau chưởi  
bây có là thiên thù mười tám con mắt tau cũng chưởi  
mười hai nhánh họ bây  
cao tăng cố tổ bây  
tiên sư cha bây  
tau chưởi cho bây ăn nửa chừng mẻ chai mẻ chén  
xương cá xương thịt mắc ngang cuống họng  
tau chưởi cho nửa đêm oan hồn yêu tinh ma quỷ  
mình mẩy đầy máu hiện hình vây quanh bây đòi trả đầu trả  
chân trả tay trả hòm trả vải liệm  
tau chưởi cho cha mẹ bây có chết cũng mò xiêu mả lạc

đọa xuống ba tầng địa ngục bị bỏ vào vạc dầu  
tau chười cho cha mẹ bây có còn sống cũng điên tàn  
đui què câm điếc làm cô hồn sống lang thang đầu đường xó  
chợ  
bốc đất mà ăn xé áo quần mà nhai cho bây có nhìn ra  
cũng phải tránh xa  
tau chười cho con cái bây đưa mới đi đưa đã lớn  
sa chân sẩy tay đui què sút mề nửa đòi nửa đoạn  
chết không được mà sống cũng không được  
tau chười cho đứt nọc dòng giống của bây cho bây chết sạch  
hết  
không bà không con  
không phúng không điều  
không tưởng không niệm  
không mờ không mả  
tuyệt tự vô dư  
tau chười cho bây chết hết  
chết sạch hết  
không còn một con  
không còn một thằng  
không còn một mống  
chết tiệt hết  
hết đời bây

**Trần Vàng Sao** 29 tháng 6 năm 1997

████████

# Cái Trọng Ty

## Chuyện Tháng Ba Gãy Súng

ngồi đây nơi ngã ba biển vắng  
trời chiều vàng ệch  
gió mùa xa  
mấy dặm đường đi  
chiến trường nước mắt

theo tôi về một bóng trôi buồn bã  
cát trắng khăn xô  
chuyện đời lính trận tang thương  
bãi hoang còn đó tiêu sơ  
đều hiu quán gió  
chiều mờ ghé chân

*tháng ba gãy súng\**  
đoạn đàn  
đi vào tử huyết  
chôn vùi xác thân  
vàng phai bia đá trăm năm  
rêu phong mộ cũ  
xương tàn cốt khô  
người lính Kinh Ngự  
Thủy Quân Lục Chiến  
manh áo oan cừ  
tươi máu  
tắm bia thịt bảy nhầy  
trước họng súng kẻ thù  
lính dân đồn đông rồi mù  
*Chiến trường mẹ kiếp*  
rã đàn bó tay

những cái chết hào hùng bi tráng  
chưa một lần được kể

của người lính vô danh  
vũ khí cầm tay  
chỉ thêm nặng nợ  
Đạn không còn  
Lấy gì đây chống lại quân thù

ôi thân chiến tranh  
Lưỡi hái quỷ sầu chết đấp  
ngày bùng bít trời xa hồn lảo đảo  
địa ngục gian manh toang hoác gầm gừ

một người lính ngồi lại trên bờ cát  
Thượng Đế đi rồi  
hố thẳm rói núi  
rồi một người nữa...  
*Họ kết thành vòng tròn chết*  
*Quả lựu đạn nổ tung ở giữa\**  
Máu thấm tận cùng tai kiếp

đâu Tổ Quốc tôi  
một thời chó má  
những người lính Anh Hùng  
tuyệt vọng cùng đường  
bị bán đứng  
những vòng tròn chết  
kết vương miện hải hùng

dòng người chậm dần...tắt nghẽn  
*Đu mẹ sao không chạy tiếp\**  
chạy con mẹ gì nữa cha ơi  
ôi cửa Tư Hiền đã quá xa vời\*\*

*\*ngôn ngữ trong Tháng ba gãy súng*  
*Của NV Cao Xuân Huy*  
*\*\*điểm hẹn lên tàu di tản*

Cái Trọng Ty

■

# SỬ MẶC

## đ.m

### *một.*

viết như khùng điên  
đều má  
vòng đai chết khiếp áp siết chặt ghen thờ nỗ con người lọt  
tròng  
đờ đờ đờ                      ứ . . . mớ  
đồng năm này sao ngựa lãng  
xẹt tên trời sáng hoặc  
bù da  
lậu má cái ghẻ tàu

### *hai.*

bọn ma cà chớp ở đâu  
khi không đổ ào vào nhào  
nấn đất nước như nhào bột  
nặn từng con giống sơn phết  
lem nhem lèm nhèm vô cảm  
lũ con giống được thổi phồng  
[không đàn đầu cũng đàn đít]  
bận đại cán khoan tay ngời  
râm ran trên bụi trên bàn  
giống con gì ăn châu ngẫu  
xực hết chục này qua chục  
khác đều má lũ con giống  
đứng tông ngồng không giống ai  
4 tháng 12 - 2015

## b à i c h ử i t h ề , r á t n g ự a

dựa đời  
trên dốc ho lao  
tổ cha con ngựa  
thò vào hư không  
chạy loanh quanh chỉ thấy  
đồng  
không mộng quạnh bờm lông  
đứ đừ  
phóng đàn nào cũng  
thặng dư  
bởi người tư mã  
mẹ đều tương lai  
kệ tía  
đăng khẩu lưng dài  
mặc phùng đầu hót  
đăng dai tích tuồng  
mai tê  
còn kẻ đứng đường  
chỉ lối cho ngựa  
về phương tị đào

*11 juin 2012*

# *GIOI THIEU TAP CHI NGHE THUAT*



## **Sơ lược**

Nghệ thuật là tuần báo văn học nghệ thuật , phát hành vào ngày thứ bảy. Số đầu tiên ra ngày 1-10-1965. Số cuối cùng là số 57 phát hành tuần lễ 10-11 tới 15-11 năm 1966 . Nghệ

thuật có mặt trên văn đàn được hai năm..

Chủ nhiệm:, chủ bút: Mai Thảo. Tổng Thư ký tòa soạn : Thanh Nam . Kể từ số 18, thêm nhà thơ Viên Linh phụ trách thư ký tòa soạn.

Bắt đầu số 30, tòa soạn chỉ còn Mai Thảo (chủ nhiệm kiêm chủ bút), Viên Linh: Tổng thư ký tòa soạn.

Về hình thức, khổ báo là khổ lớn, bằng nửa khổ giấy nhật trình. Số trang cho mỗi số là 34.

Về nội dung, bao gồm 4 phần. Phần 1 là Vấn đề - Nhận định. Phần 2 : Thơ - Kịch - truyện. Phần ba: Truyện dài. Phần bốn là Mục Thường Xuyên gồm: Thời sự nghệ thuật, Những người viết mới và Nghệ thuật và bạn đọc.

Với một tờ báo thuần túy văn học nghệ thuật, lại phát hành hàng tuần, bìa lại là bìa offset màu rực rỡ (đến số 49 mới thay đổi mẫu bìa) , - thì quả là một hiện tượng lạ trong sinh hoạt văn học nghệ thuật bấy giờ.

## Trần Hoài Thư

# *HÀNH TRÌNH CỦA TẠP CHÍ NGHỆ THUẬT*

### **bông hồng cho Nghệ Thuật**

Thực hiện một tạp chí thuần túy văn học nghệ thuật đã khó , huống hồ tờ báo là một tuần báo thì phải khó khăn gấp bội phần. Hãy nghe thư ký Tòa soạn Viên Linh giải bày về nỗi khó khăn này:



Một tấm biểu ngữ treo trên đường phố Sài Gòn loan báo một tờ báo mới sắp ra đời, tuần báo Nghệ Thuật xuất bản vào tháng 10, 1965  
 Hình Năm Ròm cung cấp.  
 (nguồn: Internet)

*Sau một tuần làm việc, hoàn thành một tổ báo và sửa soạn một số báo khác, tòa soạn Nghệ Thuật thường kiểm điểm những bài vở đã chọn đăng số này và sẽ chọn đăng trong số tới, cùng là những ghi nhận rút ra từ các thư tín của bạn đọc cũng như các nhà văn nhà thơ, các tác giả cộng tác thường xuyên. Sau mỗi tuần làm việc thường là chẳng bao giờ bằng lòng. Ngồi trước tờ báo mới chưa khô mực, có một nô nức và một băn khoăn. Bạn đọc gửi bài về nhiều lắm, nhưng tại sao lại chỉ chọn đăng được ít thế. Mỗi tuần ít ra cũng là trên một trăm lá thư, kèm theo là những sáng tác, nhưng truyện chọn quá ít và thơ chọn không được nhiều. Nói chung thì thơ của những người làm thơ trẻ tuổi bây giờ vững vàng, có suy nghĩ, có tư tưởng, ở trên một bậc những người trẻ tuổi những năm trước. Nhưng nếu vấn đề kỹ thuật đạt được như vậy thì vấn đề đề tài còn quanh quẩn lắm. Đồng ý là ngày nay thơ tình hết rồi, tiếng kêu tán tỵ cũng không còn nữa. Nhưng vẫn chỉ là thân phận, là cuộc chiến, là hóa châu, là những vấn đề chung. Thơ là vấn đề riêng. Thơ là thế giới riêng trong đó một người làm thơ phải là giáo chủ, không liên kết gì tới thế giới khác. Tạo dựng một thế giới riêng đồng thời là xây dựng một ngôn ngữ riêng.*

*Chọn vấn đề chung để nói, là lựa chọn tư cách kẻ cộng đồng : làm một công dân có từng ấy nhiệm vụ và quyền lợi. Do đó mà thơ giống nhau quá : thường có những bài hay mà không đáng được : nỗ hay chung chung, không mở được thêm một cánh cửa nào hết.*

● *Bạn đọc muốn nhiều truyện ngắn hơn, nhưng một tuần lễ có được hai truyện ngắn đã là khó. Chúng ta có nhiều nhà văn tên tuổi, nhưng không phải tháng nào cũng viết được một truyện ngắn. Có người nhiều năm mới cầm lấy bút. Trong - hai truyện ngắn lại cần có một truyện dịch, có thể là nặng, khó đọc, nhưng cần thiết đọc khó. Tờ Nghệ Thuật đã chặn con đường phá thạch ngay từ số 1. Cho nên dấu có truyện chưa tới cái ngà ngọc nhưng nó là tinh huyết, đành phải quý tiếng khóc hơn tiếng cười.*

● *Về mặt mỹ thuật, nhiều khó khăn không thể tưởng tượng. Có giấy để in là quý, có anh em sắp chữ là quý, có điện là quý. Nó chạy chậm vì nhân công hiếm, người thợ nghề đã đi lính, bây giờ chuyên viên offset là đàn bà, anh em sắp chữ, chạy máy, là thiếu niên nhiều hơn thanh niên. Và điện là một cụ già nhiều bệnh.*

(Nghệ Thuật số 24)

## **Bông hồng thứ hai**

Một điểm nổi bật của Nghệ Thuật là tờ báo đăng rất nhiều tin tức thời sự về văn học nghệ thuật. Thời ấy, có lẽ chúng ta ít để ý đến ông văn hào này chết, tác giả kia vừa hoàn thành cuốn sách, ông họa sĩ nọ triển lãm tranh, hay tin về một đêm đọc thơ , một vở kịch được trình diễn... Có rất nhiều để phải cần nhớ : những lo âu, những tin tức chiến sự, Mỹ oanh tạc Bắc Việt, hay những ngày những đêm cùng với chiến trường mặt trận. Giữa một bản tin trên nhật báo trang nhất và một bản tin trên Nghệ Thuật, đối với chúng tôi, bản tin trên nhật báo cần lưu tâm hơn...

Bây giờ, ý nghĩ này đổi khác. Những bản tin trên trang nhất ấy đã để lại những biến cố đau thương như những vết sẹo

trên thân thể, nhưng những bản tin trên tuần báo Nghệ Thuật đã khiến chúng tôi ngắc đầu. Bởi đó là những thước phim bằng chữ, chứng tỏ miền Nam đi quá xa miền Bắc, trong lãnh vực văn học. Điều này được thể hiện và phản ánh qua những tin thời sự nghệ thuật tràn ngập trên Nghệ Thuật hàng tuần.

Chúng tôi xin chọn một số tin được đăng trên NT để giúp quý bạn thấy rõ điều nay.

## THỜI SỰ NGHỆ THUẬT

TRƯỜNG SƯ PHẠM QUI NHƠN

với vở kịch

### Người viễn khách thứ 10

của NGHIÊM XUÂN HỒNG

Ở một thành phố mà ảnh hưởng chiến tranh sâu xa nhất như Qui Nhơn, kể ra đại nhạc hội là điều hiếm có. Dân thành phố này quần quật với kinh doanh, lo kiếm «đô la» càng nhiều càng hay, đâu còn thì giờ để xem cũng như trình diễn văn nghệ. Thế mà vào những đêm 11, 12 tháng 3, nhạc hội do trường sư phạm Qui Nhơn tổ chức tại hí viện Kim Khánh đã thu hút một số khán giả đông đảo. Vì uy tín của trường, hay nhạc hội là cái gì mới lạ đối

với dân chúng ở đây, nhất là mấy năm sau này, khi đường giao thông bị gián đoạn không cho phép những đoàn văn nghệ từ thủ đô ra Trung.

Theo chương trình, ngoài vở kịch nòng cốt *Người viễn khách thứ mười* của nghiêm Xuân Hồng, đêm trình diễn còn xen kẽ những màn ca múa. Đây chỉ nói đến vở kịch «*Người viễn khách thứ mười*»

Nếu không lầm đây là lần đầu tiên một vở tường kịch,

xem tiếp trang 32

TÁC PHẨM MỚI  
CỦA  
NGUYỄN MẠNH CÔN

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn vừa cho tập chí Văn xuất bản cuốn truyện ngắn nhan đề là *con yêu con ghét*. Tập sách gồm bảy truyện ngắn của tác giả. Trong một kỳ sau, Nghệ Thuật sẽ ~~đọc~~ <sup>phê</sup> bình cuốn sách này nơi mục phê bình.

TRÌNH DIỄN  
DÂN CA VIỆT-MỸ

Hội tương trợ Đại học Quốc tế tại Việt Nam (WUS VN) đã tổ chức trình diễn dân ca Việt Mỹ tại trụ sở của hội vào tối 27-3.

Các cô Pratt, sinh viên Đại học Văn khoa Saigon và Phương Oanh đã tham dự vào chương trình dân ca này

Ngoài ra, ông Giuliano, Phó tùy viên cơ quan JUS-PAO và bốn nam sinh viên Việt Nam đã trình bày các bản dân ca Việt Mỹ.

Gần 200 thích giả phần đông là sinh viên đã thưởng thức nhiều bản dân ca Việt Nam, Hoa Kỳ, và dân ca hỗn hợp Việt Mỹ.

FATRAS, TÁC PHẨM  
THƠ BẦY CỦA JACQUES  
PRÉVERT

Cuối tháng 2 vừa qua, nhà thơ Jacques Prévert cho phát hành tác phẩm thơ bảy của ông, do nhà Gallimard xuất bản. Ông cho biết đây là một cuốn sách như những cuốn sách khác chỉ thêm rất nhiều hình ảnh mà thôi.

Hình ảnh trong Fatras là loại hình ghép, như được rút ra từ một phim quái dân Dracula, ví dụ như hai tấm hình « Le Divin Marquis » và « Le Chateau de Gilles ». Những bài thơ trong tập này có nhịp

PHẠM DUY  
ĐI, HOA KỲ

Nhạc sĩ Phạm Duy đã lên đường đi Hoa Kỳ hôm thứ năm 24-3, theo lời mời của một tổ chức thanh niên Mỹ. Ông mang theo kho tàng dân ca và những bản nhạc mới nhất. Trong sổ có những bản lời tiếng Anh, như bản Nhân Danh. Một đêm, ông đã ôm cây đàn Guitare, mặc bộ đồ nâu ông cao ông thấp, hát cho phái viên tờ Nghệ Thuật nghe nhạc bản này. Đại khái tôi còn nhớ lời như sau

Nhân danh tôi  
Tôi đã giết  
Đã giết 1 người

RAU và hơn nam sinh viên Việt Nam đã trình bày các bản dân ca Việt Mỹ.

Gần 200 thích giả phần đông là sinh viên đã thưởng thức nhiều bản dân ca Việt Nam, Hoa Kỳ, và dân ca hỗn hợp Việt Mỹ.

### FATRAS, TÁC PHẨM THƯ BẢY CỦA JACQUES PRÉVERT

Cuối tháng 2 vừa qua, nhà thơ Jacques Prévert cho phát hành tác phẩm thư bảy của ông, do nhà Gallimard xuất bản. Ông cho biết đây là một cuốn sách như những cuốn sách khác chỉ thêm rất nhiều hình ảnh mà thôi.

Hình ảnh trong Fatras là loại hình ghép, như được rút ra từ một phim quái đản Dracula, ví dụ như hai tấm hình « Le Divin Marquis » và « Le Château de Gilles ». Những bài thơ trong tập này có nhịp nhanh và dịu dàng.

### DOSTOIEVSKY LÊN SÂN KHẤU SAIGON

Sinh viên trường Quốc gia Âm nhạc, sẽ trình diễn vở kịch « Giòng tội lỗi » tại thính đường của trường hồi 20 giờ ngày 3-4. Vở kịch trên do Hoàng trọng Miên phóng tác cuốn « Les frères Karamazov » của văn hào Dostoievsky

Giấy mời phát tại văn phòng trường Quốc gia Âm nhạc từ 19 đến 22 giờ các ngày 30, 31-3 và 1-4.

### MỘT TUẦN BÁO MỚI «DÂN MỚI»

Chúng tôi vừa được tin Tuần báo DÂN MỚI, cơ quan Văn hóa chính trị xã hội do ký giả Nguyễn Văn Cường chủ nhiệm kiêm chủ bút, sẽ phát hành số ra mắt vào ngày thứ bảy mừng 2-4-1966.

Tòa soạn tại 441/34B Phan Đình Phùng Saigon.

□ Trong tuần này, nhà xuất bản *Lá Bối* đã cho phát hành tập sách *Đạo Phật Trong Lòng Dân Tộc* của Thích Thanh Từ. Sách dày trên một trăm trang, in chữ thân lớn, trình bày đẹp.

□ Tập san *Văn cho xuất bản Hội Ký Việt Dưới Hầm* do Thạch Chương dịch Dostoevsky. Sách dày 100 trang in chữ nhỏ, là cuốn thứ 11 trong năm 1966 của cùng một nhà xuất bản. Đây là một bản dịch mang cái hào hứng của một cuộc gặp gỡ thông cảm.

□ Trong Châu trong tuần này cũng cho ra mắt tập thơ *Giới Thích*. Sách in đẹp, bìa của Nghiêu Đề, tựa của Đặng Tiến. Một đoạn tựa viết: « Thơ Trang Châu là một tìm sự khuya khoắt giữa tự tính của T.C. nhẹ và êm' chậm lại và tan đi trong sương sớm. Tìm một thi nhân trong thơ T.C. người đọc sẽ gặp một người bạn, một người tình đôi khi chỉ gặp lại chính mình qua một hình ảnh xa khơi đang vụt tắt. Thơ T.C. phải lớn là thơ tình.

□ Một tác phẩm khác được phát hành trong tuần là cuốn *Đàn Ông* của Võ Phiến. Bọn đọc trong số này bài nhận định về cuốn sách trong mục phê bình.

□ Hai tập sách sắp được phát hành có cuốn *Căn Nhà Vàng Nước Mặn* của Mai Thảo do An Tiêm xuất bản. Sách dày lối 100 trang, bìa của họa sĩ Thái Tuấn.

□ Cuốn thứ hai, *Người đàn bà mang thai trên kinh Đông Thiệp* của Thao Trường do nhà Trình bày xuất bản. Đây là cuốn sách sáng thứ nhất của một nhà xuất bản mới nhưng đã hoạt động từ nhiều tháng nay mà những buổi thảo luận đều được Nghệ thuật đăng lại qua những bản tóm tắt.

Trên đây chúng tôi chỉ chọn một số tin thời sự nghệ thuật tiêu biểu trên một vài số để giúp quý bạn có cái nhìn về sinh hoạt nghệ thuật tại Saigon vào nửa năm cuối 1966.

Không hiểu bây giờ Việt Nam có cái không khí tập nập về sinh hoạt văn học nghệ thuật như miền Nam đã có cách đây hơn nửa thế kỷ không?

## **Bìa mới và diêm chẳng lành**

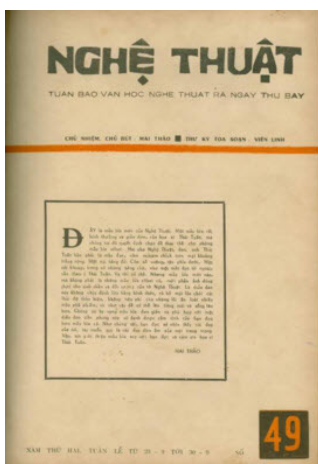
Kể từ số 49, việc từ tranh bìa offset với màu sắc rực rỡ, qua những họa phẩm của những họa sĩ nổi tiếng, không còn thấy nữa. Mẫu bìa mới được thay vào

Sự thay đổi mẫu bìa được chủ nhiệm Mai Thảo giải thích lý do::

*(....) Nhưng mẫu bìa mới này, mà không phải là những mẫu bìa offset cũ, mới phản ánh đúng thực tình thần và đối tượng của tờ Nghệ Thuật. Là diễn đàn này không chịu đánh lừa bằng hình thức, rũ bỏ một lần chót cái thái độ thỏa hiệp, không tiêu phí cho những lối ấn loát nhiều mẫu phù phiếm, và như vậy để có thể lên tiếng mãi và sống lâu hơn. (NT số 49)*

Bây giờ nhìn lại hai mẫu bìa, tôi nghĩ rằng, chính những lời giải thích kia là cố che dấu một diêm chẳng lành như cái diêm xấu mà nhà văn Mai Thảo đã trải qua trong thời ông chủ trương tờ Sáng Tạo.

Từ cái bìa màu in offset rực rỡ khiến ai ai cầm lên phải tấm tắc khen thán. Nó không phải được dùng để lừa mị người đọc. Trái lại là khác., Những tranh hình của các họa sĩ nổi tiếng in như cuốn lịch treo tường, cộng vào phần nội dung - nếu hay, thì lại càng làm tăng vẻ bề thế của tạp chí từ nội dung đến hình thức, chứ sao mà lại lừa dối được ?.



Mặt khác, nhà văn Mai Thảo đã đề cập đến hai chữ thỏa hiệp. Ông không muốn nội dung mang tính chất thỏa hiệp. Nhưng mà một câu hỏi. Thỏa hiệp với ai ? Câu trả lời: thỏa hiệp với kẻ đã bỏ tiền ra bảo trợ, để Nghệ Thuật có những bìa báo lộng lẫy mà chắc chắn chưa có báo văn nghệ nào đẹp sang như thế trong lịch sử báo chí văn học nghệ thuật miền Nam.

Qua hồi ức của nhà thơ Viên Linh đăng trên báo Người Việt, ông cho biết tờ Nghệ Thuật có nhận sự tài trợ từ thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ - chủ tịch Ủy Ban Hành pháp trung ương thời bấy giờ. Số tiền dĩ nhiên rất lớn. Người làm việc đều trả lương. Nhuận bút thì trả hậu.

Bây giờ, có lẽ ngân quỹ cạn hay vì một điều kiện gì đó mà nhà văn Mai Thảo không đồng ý nên ông phải dùng “chiến thuật đánh giấc nhà nghèo” chẳng.

Giống như Sáng Tạo, khi nhà văn Mai Thảo đăng nguyên một bài dài phản công tố cáo “bọn bảo thủ phản tiến hóa” đã tìm cách triệt hạ Sáng Tạo, để rồi chỉ hai tháng sau, Sáng Tạo chết thì Nghệ Thuật cũng vậy: Sau khi bìa được thay đổi từ số 49, thì cũng hai tháng sau, tuần báo Nghệ Thuật nằm xuống vĩnh viễn, sau khi phát hành số 57 !

## Nghệ thuật và người viết mới

Đây là mục thường xuyên, có nghĩa Nghệ Thuật chú trọng đến việc giới thiệu những tài năng mới.

Sự chú trọng này qua bài viết của Mai Thảo:

*“Nói chuyện với những người viết mới, với những dấu chân sáng nay xuống núi, với những tiếng nói mới đây thôi nhập cuộc, những ý thức thoát kia thôi vào đời, tôi có cảm tưởng đứng trước một bãi biển sớm mai, mặt bãi phẳng gương, chân trời xa và xanh, và trước mắt tôi, đang dấy lên, đang đổ về. đang dâng tới một ngọn triều thanh xuân dào dạt. Trong cái hướng đang dâng bát ngát của triều đầy những người lữ hành làm nên đoạn đường sau này của văn học nghệ thuật Việt Nam đang khởi một cuộc hành trình tập thể đi vào đời sống. Các bạn trẻ làm nghệ thuật của chúng ta hôm nay đứng lên, đông lắm. Những người đi sau đang đuổi kịp, vượt qua, những người đi trước, hiện tượng này trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam là hiện tượng của những đường máu hồng hào sinh khí nhất, những tế bào nhiều sức khỏe nhất, những mầm hạt tươi non phơi phới nhất, và tôi nghĩ đó, và tôi tin hành thật tin tưởng rằng những người viết trẻ của chúng ta, con đường đi tới của những người viết trẻ của chúng ta, với những nhành hoa đang mọc lên từ lòng tay và khối óc những người viết trẻ chúng ta đích thực và duy nhất là nơi có chân trời, mùa màng của nghệ thuật, tương lai của văn học.” (NT số 18)*

Suốt 57 số, chúng ta nhận thấy rất đông, đông lắm như nhận xét của nhà văn Mai Thảo. Trong số có những người sau này thành danh như Ngô Nguyên Nghiễm, Triều Uyên Phụng, Mường Mán, Phạm Triều Nghi (một bút hiệu của Phạm Ngọc Lự), Trần Dạ Lữ, Nguyễn Tịnh Đông, Nguyễn Vạn Hồng, Huy Tường, Chu Trầm Nguyên Minh, Lâm Chương...

Nhận xét về mục này, nhà văn / nhà thơ Lâm Chương nhớ lại qua bài nói chuyện với nhà thơ Triều Hoa Đại:

*“... Những năm về Sài Gòn, tôi tập viết văn xuôi. Ông Mai Thảo đăng trên Nghệ Thuật, trong mục ‘ Những Người Viết Mới’ . Tôi mắc cở, không gửi cho Nghệ Thuật nữa. Tôi gửi bài cho báo khác, chẳng thấy đăng. Nghe thuật lại rằng, có một nhà văn lớn (đã mất rồi) đọc bài bản thảo của tôi, lần nào cũng kêu lên: ‘Thằng Phá Hoại. Thằng Phá Hoại’ và ném vào sọt rác. Từ ấy, tôi không viết văn xuôi. Sau này, nghĩ thương ông Mai Thảo. Ông cho ‘Thằng Phá Hoại’ vào mục ‘ Những Người Viết Mới’ là nâng đỡ lắm rồi”*

(Lên Rừng Đêm Lá - Triều Hoa Đại)

Tại sao ông mắc cở. Phải có lý do. Hãy nhìn những Cung Tích Biền, Cao Thọaی Châu, Tàn Vy... Họ bắt đầu hành trình văn thơ qua cánh cửa của Nghệ Thuật, nhưng không phải cánh cửa của *Những Người Viết Mới*, mà ngược lại họ vào thẳng lòng Nghệ Thuật như những người viết xứng đáng được trao tặng vòng hoa A+.

Mục Giới thiệu những người viết mới là con dao hai lưỡi, nếu người chủ bút không thận trọng. Nó có thể làm người được giới thiệu “thừa thắng xông lên”, nhưng nó cũng làm người ấy xấu hổ, mặc cảm. Một ví dụ là trên Hiện Đại, nhà thơ Nguyên Sa giới thiệu Viên Linh, Hoang Vu (bút danh của Nguyễn Xuân Hoàng) là tài năng mới. Sau này, nhà thơ Viên Linh trong bài viết về tạp chí Hiện Đại đã tỏ ra bất mãn vì Nguyên Sa đã giới thiệu ông là tài năng mới, còn Hoang Vu thì sau đó chẳng còn thấy một bài thứ hai xuất hiện trên Hiện Đại nữa (Muốn biết rõ xin đọc TQBT số 66, số 67).

Tôi đọc thật nhiều báo văn nghệ nhưng thú thật tôi chưa bao giờ thấy báo nào đăng thơ của một tác giả nhiều như Nghệ Thuật đăng thơ Tàn Vy. Thơ Tàn Vy đăng hầu như thường xuyên và trang trọng trên hầu hết các số Nghệ Thuật kể từ khi Viên Linh phụ trách thư ký tòa soạn. Lúc ấy nhà thơ nữ này chắc là phải trẻ lắm - 18 là cùng. (Năm 1966 người chị ruột của Tàn Vy là một thí sinh kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp - kỳ thi mà tôi là một giám khảo chấm thi ). Tên Tàn Vy lại được xếp chung với Bùi Giáng, Vũ Hoàng

Chương, Viên Linh, Nguyên Sa, Trần Dạ Từ hay những nhà thơ nổi tiếng khác... .

Theo nhận xét của chúng tôi, Tản Vỹ là nhà thơ có thực tài. Tuy nhiên, có một điều là thơ Tản Vỹ không tạo nên một cõi riêng cho mình, mà bài nào bài nấy đều “*chung chung không mở được thêm một cánh cửa nào hết*” (nhận định của nhà thơ Viên Linh về những người làm thơ trẻ mà chúng tôi vừa trích dẫn)

Ví dụ bài thơ sau đây được đăng trên Nghệ Thuật số 24, để bạn đọc thẩm định.

## TẢN VỸ

### cơn gió mùa hạ

*Bằng những cơn gió từ biển khơi  
Em sẽ đem anh vào cuộc phiêu lưu.  
Đề tìm đến những thung lũng mơ ước.  
Hãy hóa thân thành chiếc diều con  
mà em đã làm trong những ngày còn bé.  
Và em sẽ đem anh vào miền an nghỉ ở thính không.  
trong cơn gió mùa hạ.*

## Số 57, số cuối cùng

Số 57 phát hành tuần lễ từ 19-11 tới 25-11-1966, gồm những bài sau đây:

Viên Linh: Trong một tháng nay

Mai Thảo: Văn Nghệ và cuộc sống

Trần Thiện Vũ: Dostoievsky và những kẻ đáng thương

Trần Triệu Luật: Thực tại trong văn chương

Trương văn Ngọc: Chiến tranh và tai nạn qua tác phẩm

Thụy Vũ

Du Tử Lê: Giữa đời

Hoang Luông Hoài: Đêm ở đó

Thơ của Boris Pasternak - Thành Văn - Phạm Triều Nghi-

Trình NH - Nguyễn Tịnh Đông

Những người viết mới:

Nguyễn Tây Sơn, Thế Tùng, Nguyễn Xuân Hùng

Nguyễn Ngoài Trung: Đọc tác phẩm mới Đàn Ông của Võ Phiến

Viên Linh: Từ đó.

Số cuối cùng, ta đọc gì ở bài viết của chủ nhiệm Mai Thảo và Tổng thư ký Viên Linh để có thể biết thêm về một ra đi vĩnh viễn của một tờ báo, để chia sẻ cùng với nỗi buồn, nỗi đau hay niềm tự hào mà họ đã làm nên một tờ báo lịch sử?

Không.

Viên Linh trong bài “Trong một tháng nay” cho biết :

*“Tháng này vẫn chương có kinh vẫn chương hồi hám và rây rớt trên đôi chân của một người đàn ông.”*

Đoạn cuối cùng, ông kể là ông thấy cơn ác mộng trong một cơn mê sảng thật sự:

*“Ác mộng không chìm chết nổi ai, nhưng ác mộng đưa tôi tới gần những chân tường cao vút. Bức tường cao lắm, trơ vơ ẩm ướt. Tôi đứng ngó bức tường. trên ấy có khắc tên tôi. Tên tôi khá sâu vào lớp vôi vữa hoen rêu...”*

Riêng Mai Thảo, qua Văn Nghệ và cuộc sống, thì không có một chữ nào nói lên tình trạng bi quan. Bài viết chỉ là những ghi nhận những thực trạng của sinh hoạt văn nghệ và những đề nghị (ngày 14-11, ngày 15-11). Đoạn cuối của bài ghi nhận này được viết vào ngày thứ năm 17-11 nhân dịp Cung Tích Biền ghé thăm tòa soạn:

*Thứ năm 17-11*

*Cung Tích Biền vừa từ Cà Mau về ghé thăm tòa soạn. Vẫn viết đều. Có chân tình và nhiệt tình ở những điều anh nghĩ và đã viết ra. “Phải ra thoát những cái mòn cũ, những cái nhàm chán. Phải biết đứng trên nhau ném cái nhìn bao trùm xuống thấp, phải biết đứng thật xa ném cái nhìn rộng rãi trở về. Anh thấy phải như thế ?” Biền hỏi tôi. Cố nhiên là thấy như thế, bao giờ mà chẳng thấy như thế. Diễn đàn này là để như thế. Đất đai mới cho những dấu chân mới và những cái*

*nhìn mới. Với những cái đã mòn cũ, nó đứng ở phía bên kia.  
Với những cố gắng tìm đường, nó đứng chung một phía.*

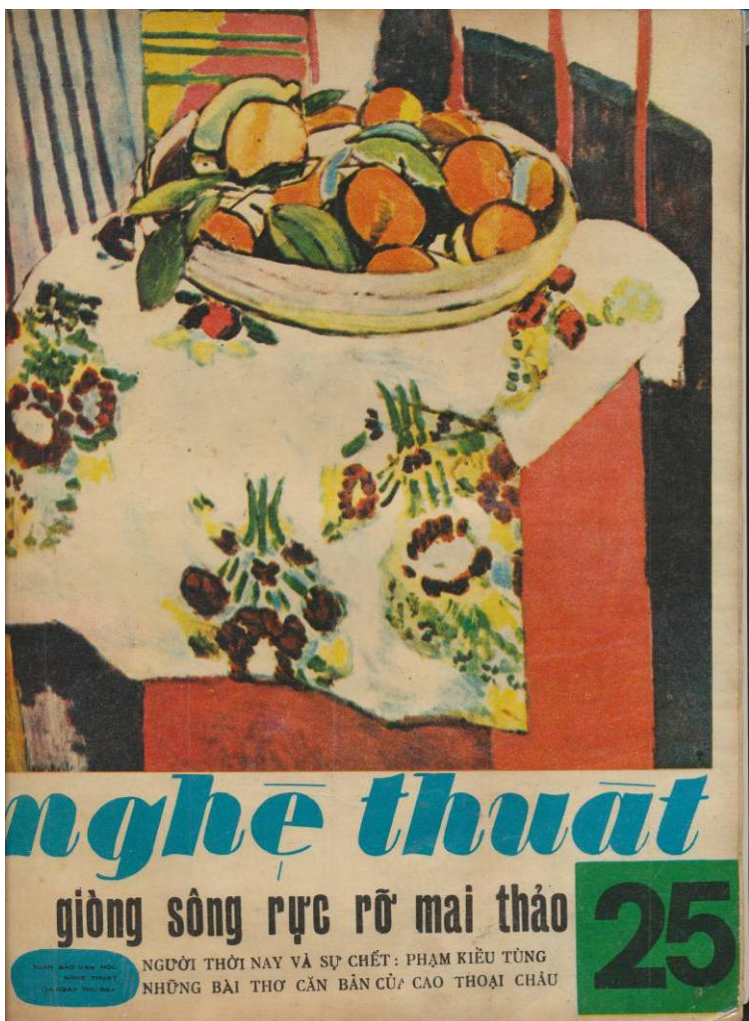
Đây là những giòng chữ cuối cùng in trên một số báo cuối cùng của chủ nhiệm Mai Thảo và tổng thư ký Viên Linh sau 2 năm có mặt.

Xin được cảm ơn nhà thơ Viên Linh. Chúng tôi mong rằng, ông sẽ không còn những cơn ác mộng, mê sảng mà nhà thơ đã gặp khi thực hiện tờ Nghệ Thuật nữa. Và tên ông, khắc trên bức tường cao vút kia, trong nỗi cô đơn tột cùng không phải chỉ một mình ông thấy trong cơn ác mộng đâu. Trái lại rất nhiều người đều thấy : thấy về sự đóng góp tích cực và lớn lao của ông để chúng ta phải tự hào rằng miền Nam đã có một nền văn học lẫy lừng, tự do nhân bản và sáng tạo để còn ngẩng đầu sau ngày 30 tháng 4, 75.

Riêng nhà văn Mai Thảo, qua bài viết, chúng ta càng thương ông hơn bao giờ. Ông là nhà văn. Nhưng ông lại lao vào con đường đầy sạn đạo mà lẽ ra nhà văn không thích hợp chút nào. Bởi nhà văn cần giấy cần chữ, cần bàn viết, cần sự bình lặng của tâm hồn... Chứ nhà văn không cần máy in chạy rầm rập, nỗi lo toan về bài vở, về giấy in... hay làm sao để mỗi ngày báo mỗi khởi sắc. Nhà văn cần tự do, độc lập chứ không phải bị bó buộc hay bị chi phối bởi một thỏa hiệp nào...

Vậy mà ông vẫn lao vào, chấp nhận gánh trên vai những khối đá tảng. Để có Sáng Tạo. Để có Nghệ Thuật. Để có Văn Đền. Để có Văn trước 1975 và sau 1975 ở Mỹ.

## THƠ VĂN TRÍCH TỪ NGHỆ THUẬT



MAI THẢO

# giòng sông rực rỡ

**P**HÍA đông bắc của thành phố này, mây biết không, có một vùng trời đất đêm ngày nguy nga. ở đó ngày cũng như đêm, đất bốc hao quang, nước đồn ánh sáng, những cuộc đời hèn mọn của cỏ bờ cũng lóng lánh kim cương, và đêm nào thì cũng là sự kỳ diệu hân hoan của sao trời xa xớ hằng hà muôn phương hợp mặt. Ở đó, mây biết không, ngày cũng như đêm, mỗi thước không khí là một phiến ngực trần chói lợi thổ, gió và nắng chan hòa lẫn lẫn, ở đó là niềm kiêu hùng vạm vỡ cuối cùng của tạo vật, và tất cả, như thế, chỉ bởi vì có một giòng sông rực rỡ chảy qua. Ngày xưa hoang đường và hằng cửu bình yên có lẽ ẩn náu ở đây, dưới thăm thẳm đáy cùng của giòng sông rực rỡ. Có lẽ. Mây, tao đi đây. Đã hết ngạc nhiên, thôi chẳng đợi chờ, cười ngất vào cuộc đời phi lý, cất bồng mình bay, tao đi đây. Như một cây pháo thăng thiên, cười lên một ngọn gió khinh thanh xa thỗi ngoài đời, trong di động thần tốc nhân ảnh thấp thoáng, một thân một mình, một về một hết, vô tận ời nguy nga, vô cùng ời rực rỡ, một biển hân hoan, một trời ngây ngất, tao đi đây *Đêm hỏa táng trần tâm cõi đời nghiêng đổ thịt xương ời*, người đi rồi đây. Tao sinh ra, không nợ một kẻ nào. Vay một, trả một. Từng đồng, từng đồng, sông phẳng từ phú; đầu cho tới phút chót, và tao đi đây. Đảo mình, nghiêng thân, hóa thành một trận lốc. Nghe đâu đó, tiếng công kinh dị đã chấm dứt trên một vô đài nào. Dươn lên, thoát đi, định mệnh chỉ là một động tác của thân thể. Vút một cái, mũi tên vàng bay đã cắm đúng điểm hồng tâm. Nhớ trả chiếc chìa khóa buồng tao mây giữ cho thẳng chà và. Đời mây hình như lúc nào cũng phải leo những bậc thang, qua những hành lang, có một cái chìa khóa. Hấy

cố gắng tìm kiếm cho đời mày một chiếc chìa khóa mới, trong giây chìa khóa của những thằng còn lại.



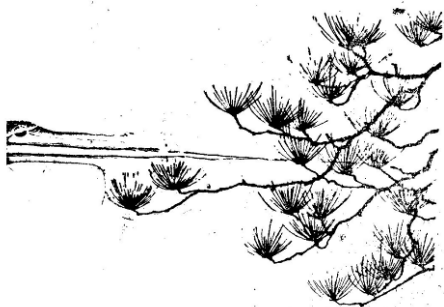
Anh Vũ Xuân là một tư chức, kiểu mẫu và điển hình. Những người chung một hành lang với anh, đã gặp tôi, đã bảo với tôi như thế, sau đêm anh đóng cửa, xuống đường, cười ngất như anh nói, và đến với giòng sông rục rở của anh ở phía tây bắc thành phố. Tôi không nghĩ đến cái chết bao giờ, kể cả cái chết phải nghĩ đến nhất là sự tự mình tìm đến với nó. Cho nên tôi đã ngạc nhiên vô kể về sự anh Vũ Xuân có một giòng sông rục rở là nơi anh đã lựa chọn để ra khỏi cuộc đời này. Con người anh, mà tôi biết, không có một dấu hiệu gì về sự lựa chọn khốc liệt, ở anh Vũ Xuân, lựa chọn này nhẹ thênh như tham dự một trò chơi rồi từ bỏ một trò chơi không mấy may mắn tiếc.

Tôi đang ngồi một mình trong căn buồng khách sạn của Vũ Xuân đây, nơi anh chỉ cho phép tôi từ đêm hôm đó, được lui tới nhất định một tháng hai lần, cách một tuần lễ một lần, chín giờ tối, ngày thứ sáu, với cuộc hành lạc giải quyết sinh lý kéo dài đúng nửa giờ, lần nào cũng vậy, không hơn không kém. Đêm hôm đó! Tôi nhìn lên cây dù đen vẫn treo ở chỗ cũ, cạnh cái giá sách, gần cửa sổ ngó xuống sân sau khách sạn, và tôi nhớ lại được như in, đêm hôm đó, tôi thấy anh Vũ Xuân lần đầu. Để đã khuya. Mười hai giờ đêm, một giờ sáng, không chừng. Từ trong cuối đáy ngõ hẻm, ở đó có một nhà chứa và tôi là một món hàng của nhà chứa ấy, đi ra, tôi bước những bước mỗi nhọc rã rồi trên hè đường, đoạn đường đi khách bao giờ cũng là đoạn đường chán nản nhất. Chủ chứa không cho tiền xe, tôi phải đi bộ. Con đường Hiền Vương vắng lặng chỉ có tôi và hai người đàn ông đi trước tôi chừng ba thước. Một người tầm thước, không có gì đáng nói. Người kia lùn, mặc một cái quần soóc ngắn cũn cỡn, hai bắp chân nặng nề ngắn chùn. Tay y cầm một cây dù đen. Tôi hừ một tiếng, đồ quê mùa gàn dở, đêm không mưa không nắng cũng mang dù y vừa đi vừa nói chuyện; hai chân lạch bạch hối hả, cây dù chống xuống mặt nhựa lộc cộc làm nhịp cho bước chân, tuy tôi chỉ nhìn thấy từ sau lưng, nhưng y quả thực là một hiện thân hoàn

toàn của hồn nhiên vui sướng, bởi vì, vài bước, dẫm bước, lại nghe thấy y ngựa cồ cật tiếng cười vang động cả con phố về khuya tĩnh mịch. Gã đàn ông béo mập, mang dù tôi gặp đêm đó trên đường Hiền Vương là Vũ Xuân.

Đến ngã tư Hiền Vương-Hai Bà Trưng, người bạn đi thẳng, Vũ Xuân vung dù rẽ về tay mặt, hóa ra y đi cùng một hướng với tôi, đến cùng một nơi với tôi, chúng tôi cùng đứng lại trước khách sạn ba tầng và cùng đi thẳng vào cầu thang. Theo thói quen của nghề nghiệp, tôi vượt thật nhanh trên những bậc thang, như bao giờ tôi cũng đi thật nhanh qua những vùng ánh sáng. Bước rào và vượt Vũ Xuân tôi đã lên tới tầng lầu thứ ba, mà ngó xuống, cái sự béo mập ịch ạch chống dù vẫn chưa lên tới tầng lầu thứ nhì. Hãy nhìn Vũ Xuân chống dù, hãy nhìn Vũ Xuân đi lên. Anh Vũ Xuân đã qua khỏi bờ bên kia giòng sông rực rỡ của anh, anh trở thành một sự kỳ lạ khó hiểu, anh chết rồi, anh mới hiện rõ, và em đang thấy anh đây, anh là một người, anh là Vũ Xuân, anh đang chống dù, đánh vật với từng bậc thang, và đi lên. Thoạt trông lúc đó, sao cái dáng đi vất vả lạ thường. Bây giờ nhớ lại mới thấy là trong cái lạ thường vất vả ấy có cái lạ thường nhàn nhã ung dung, như thế, anh Vũ Xuân cầm dù đi hứng gió, anh Vũ Xuân cầm dù ung dung trở về, anh sống ung dung từng bậc thang đi lên, anh chết ung dung từng bước ịch ạch mà thanh thoi, nặng nề mà siêu thoát trên con đường đưa anh ra ngoài ô gió thổi, đến với vùng hào quang của giòng sông rực rỡ.

Tôi liên hệ với Vũ Xuân ngay từ đêm đó. Kể đến tận nhà chứa, hẹn chủ bắt tôi đến, đi vắng. Cửa buồng y đóng im im. Bên trong tối đen. Tôi rời tay gõ cửa, vừa quay lại, định đi xuống, đã thấy Vũ Xuân đứng đó tự



bao giờ. Thì ra buồng anh ta đối diện với căn buồng tôi tìm đến. Cửa buồng mở thật rộng, tầm mắt thấu suốt được toàn thể diện tích bên trong. Cái sự béo mập lúc đó đã trút gần hết quần áo, Vũ Xuân chỉ còn mặc độc một cái quần cut, cạp quần căng phồng chung quanh cái bụng mỡ tròn hoay. Vũ Xuân đứng đó, ngó tôi, tựa lưng vào thành cửa, mỉm cười, y mỉm cười ngó tôi, ung dung không thế nào tả được. Nhìn Vũ Xuân lúc đó, chỉ có tôi và y đứng nhìn nhau giữa hành lang khách sạn dài thăm, y đứng giữa một nền ánh sáng, tôi nghĩ đến một con bò mộng, không hiểu tại sao lại lên được tới tầng lầu ba một khách sạn, đứng đó với hai chân, và cười nói như người. Rồi y cất tiếng cười, tiếng cười hềnh hếch, vang động, tiếng cười đã vang động con đường Hiền Vương ban nãy.

— Đi vắng hả ?

Tôi hừ một tiếng tức bực :

— Cửa đóng tức là đi vắng chứ sao ?

— Về ?

— Về chứ sao ?

— Vào đây.

Con bò mộng vẫn cười, cười vang động, khi cánh cửa buồng đóng sầm lại sau lưng chúng tôi.

Từ đêm đó, tôi nghiêm nhiên trở thành một vật lưu dụng lâu dài của Vũ Xuân, tôi đến với anh ta như anh ta đã dặn dò không cho phép làm khác, hai lần một tháng cách một tuần lễ, chín giờ tối, để giải quyết sinh lý, mỗi lần ở lại nửa giờ, không sai lệch, không hơn kém bao giờ. Đòi anh có chuyện gì lạ lùng ghê gớm không ? Không. Anh có nhớ thương ai bao giờ, đã từng đau khổ ? Không. Anh đã lập gia đình chưa, anh Vũ Xuân. Cười lớn. Tên thật anh là gì ? Vũ Xuân. Không. Cười lớn. Cười vang động. Không. Và cười thật lớn, cười vang động. Hồn nhiên, vô tư, gần như đần độn như thế, anh Vũ Xuân, làm sao em tin, em ngờ được rằng anh đã có một giòng sông rực rỡ ở phía đông bắc thành phố này, ở đó, đất bốc hào quang, nước dồn ánh sáng, những cuộc đời hèn mọn của cỏ bờ cũng lóng lánh kim cương, và đêm nào thì cũng là sự kỳ diệu hân hoan của sao trời xa xớ hằng hà muôn phương họp mặt. Trở thành một vật lưu dụng của anh, Vũ Xuân không nâng tôi lên địa vị một người tình đâu, mọi ảo tưởng lãng mạn về đêm nay đối với Vũ Xuân đều là một ngộ nhân lỗ bịch được dính chính thức thì, anh chỉ đặt tôi ngang hàng những đồ vật có từng vị trí thực tiễn rút khoát trong đời anh, và như thế mãi mãi, cho đến khi giòng sông rực rỡ gọi anh, anh

tường lãng mạn về đêm này đối với Vũ Xuân đều là một ngộ nhân lỡ bịch được dính chính tức thì, anh chỉ đặt tôi ngang hàng những đồ vật có từng vị trí thực tiễn rút khoát trong đời anh, và như thế mãi mãi, cho đến khi giòng sông rực rỡ gọi anh, anh



đến với nó, những đồ vật lưu dụng vẫn nằm nguyên vẹn ở chỗ cũ, như tôi vậy. Cái dù treo lên tường. Cái tẩy mòn vẹt hai đầu. Cái bút chì xanh đỏ, hai đầu vót thật tròn, thật nhẵn. Miếng thủy tinh hình lục lăng để chặn giấy khỏi bay những đêm gió lớn đập như bão vào những bờ tường khách sạn. Vũ Xuân nói tao đi đây, và mọi vật lưu dụng của Vũ Xuân vẫn nằm đó, im phắc, không sáo trộn. Cái tẩy, cái bút chì, miếng thủy tinh chặn giấy kia, và tôi, mọi người vẫn có thể dùng, vật thể truyền từ tay một người này sang tay một người khác là đã có một hình thù mới, một định mệnh mới. Tôi ngồi đây, đêm nay, trong căn buồng anh Vũ Xuân đã bỏ đi, tôi thấy tôi như cái tẩy, cái bút chì, sự rùng rùng của Vũ Xuân qua liên hệ sông phẳng và vô tính đối với kẻ khác và kẻ khác chỉ còn là đồ vật. Thốt nhiên tôi rùng mình. Thằng béo mập, cầm dù, hành lạc trong sáng suốt chừng mực khả ố, mày thật ghê gớm. Trên giòng sông rực rỡ chảy qua phía đông bắc thành phố, tiếng cười vang động của Vũ Xuân đang nổi lên.

Xác anh nổi lên vướng vào cái bến đá sau lưng một trại binh. Hai chân anh dựng đứng, chụm lại, bị trói chặt bởi một đường giây thép gai bao bọc khu cấm địa. Bên này hàng rào thép gai là một bãi mìn. Em chưa xin được thằng đàn ông nào một chiếc chìa khóa mới : Đừng lo cho em. Leo cầu thang, qua hành lang, khi thân thể còn là một ngân hàng ham muốn, xin một chiếc chìa khóa khác khăn cái quý gì. Nhưng anh tao đi đây, mày làm rồi, anh thấy chưa, xác anh đã nổi lên, đã vướng vào cái bến đá ấy của một trại binh kia, anh nào đi được. Tội nghiệp cho anh. Trưa hôm qua, người trưởng đồn đã cho lính kéo lết cái xác trần truồng của anh lên bờ, ném lên một cái xe, chở qua cầu, trả lại cho thành phố.

Cười nữa không, Vũ Xuân, cười nữa đi, còn cười được nữa không, Vũ Xuân ? Đi dễ dàng, về yên ổn như thế, chó cũng về được. Cái tẩy. Cái bút chì. Cái dù đen, ở trên tường, ở chỗ cũ. Anh cũng không hơn gì cái tẩy, cái bút chì, cái dù đen, ở trên tường, ở chỗ cũ. Tôi đã đến nhìn mặt Vũ Xuân một lần cuối cùng ở nhà xác. Thân thể anh chương phình, nhiều chỗ tím bầm lại như dấu tích của những vết đạn ghim vào da thịt. Nhẹ thoát hình hài, tao đi đây, Vượt tường nhà giam và phát đạn bắn theo. Mũi tên vàng bay trúng điểm hồng tâm. Anh Vũ Xuân, tôi là một con điểm, tôi sẽ duy trì tôi là một ngân hàng ham muốn, tôi sẽ có một chiếc chìa khóa mới như một liên hệ khốn nạn với đời, nhưng vô ích lắm, cái việc tôi cũng sẽ như anh, tìm kiếm ở phía đông bắc thành phố này một giòng sông rực rỡ.

(Nghệ Thuật số 25 tuần lễ từ 2-4 tới 8-4-1966)

## NHÌN TRỞ LẠI MỘT ĐOẠN ĐƯỜNG

Một anh bạn, giám đốc một nhà xuất bản, người đó là anh Nguyễn Đình Vượng - đang sửa soạn cho in lại mấy tập truyện ngắn đầu tay của . tôi, in lại những cái tôi đã viết ra , hồi đó, bây giờ đã trên mười năm, và tập sách tái bản thốt nhiên trở thành một cơ hội bất ngờ cho người viết ở tôi nhìn lại được một đoạn đường, đoạn đường nổi dài theo hướng trở ngược của tôi đang viết bây giờ với cái tôi của những ghi nhận đầu đời, những bài văn thứ nhất. Đọc lại những cái từng làm thành rung động và biểu hiện bản thân đã đóng khuôn, yên và xong rồi, của một thì quá khứ, đặt mình làm đối tượng, lần theo một trình tự sinh thành, tôi cũng không lượm lặt được những điều lớn lao khác thường, như một hóa thân hay một phục sinh, như một thoát xác hay một trở chiều nào đó. Nhưng sự nhìn ngắm có cái tốt. Nó làm nổi hình một vài sự thật, vẫn còn hay đã mất, có ở con người mình xưa, đã mất ở con người mình nay, hay vẫn có từ xưa vẫn có tới bây giờ.

● Tôi có cái mà tất cả những người viết văn đều có. Sự chinh đốn của một văn thể đi dần mãi được tới cái sáng, cái đúng, của một biểu hiện chính xác hơn. Xưa, viết như đu trên giây cao, nhào lộn trên cọc nhọn. Thích lắm là cái sự tìm kiếm ngắm nhìn những khía cạnh phơi mở tâm kỳ của đời sống, nhưng thích lắm, thích nhiều hơn là phiêu lưu là viễn du trong “ khu rừng mới ” của những danh từ. Đọc lại những đoạn văn điệu dáng nhấp nhô của mình, ở đó mỗi chữ mới tìm ra như một tiếng kêu lên vui thú, mới thấy là mình lên đường lúc đầu, cái tôi mười năm trước đã mê thích quá chừng cái phương tiện chuyên chở, mê thích con tàu, cái thuyền, cái xe, hơn là lưu tâm đến những hàng hóa chở theo.

Truyện cũ của tôi có tất cả những cái hay cái dở của một nghiêng nặng vào hình thức biểu hiện. Bệnh chung đó phải không ? Nếu đọc lại văn mình xưa, thấy cái bề mặt cơ chừng trải rộng hơn bao giờ, nhưng cái bề sâu thua với bây giờ.

●Hồi đầu, tôi viết thật nhiều về Hà Nội. Về tâm trạng người vượt tuyến, thành phố thân yêu ném trả sau lưng, cái mất mát lớn lao tưởng chừng là một hố sâu thăm thẳm không lấp được bao giờ nữa đâu, bởi ra đi là những cái đáng nói đáng sống nhất của đời mình đã mất. Tuổi trẻ tôi lớn lên như thế, đi trên con đường mà trên đầu treo đầy những khẩu hiệu. Viết văn hồi đó cũng là thứ bắc thang lên từ một niềm tin giản lược, treo cao lên những khẩu hiệu trên đầu. Viết văn hồi đó ở tôi, là chỉ tin phần đất cũ, hoài nghi trên đất mới, không hay rằng những mùa màng nhận được là ở sự nẩy mầm được hay không của chủ quan ta. Cuốn sách đầu tay, thật đúng như mỗi tình thứ nhất. Nó thần tiên mù quáng. Nó tin tưởng thơ ngây. Nó là bằng chứng sự thiếu bản lĩnh của ta chưa được tôi luyện trong lửa hồng sự thật.

●Mười năm qua, tôi đã thành thực trong cố gắng tháo vát dần đi trên con đường mình những khẩu hiệu cũ. Trên đầu ta, thực ra không thể có một khẩu hiệu nào. Cuốn sách đầu, nhìn ngấm lại, chợt thấy nó như một ngôi nhà tiền chế. Và nhận thức được ở đây, một điều khác : những bước khởi đầu đi vào văn nghệ, sơ dĩ ngất ngư choáng váng, là bởi vì mới viết cũng như lần đầu tiên mới bước lên đài. Đài đời cao ngất. Tiếng cồng kinh dị. Sự thật đi tới, quật đập tới tăm và xô ngã tan tành những ảo tưởng đóng khuôn. Tôi nghĩ là thảm kịch chính yếu tự thân của bất cứ một người làm nghệ thuật muốn suy nghĩ nào là bao giờ cái mình làm bao giờ, sớm muộn, rồi cũng đẩy mình tới đối diện với những chân trời và những bến bờ sự thật. Sự thật đó nhiều mặt. Tàn nhẫn và ghê gớm. Sự thật đó là khả năng tinh thần, ý thức và trí tuệ. Và vốn sống. khía cạnh này, nghệ thuật là một kiểm tra anh tàn nhẫn, tận cùng và không tha thứ. Ở khía cạnh này tôi nhận cho tôi rằng nghệ thuật là một khổ hạnh.

● Người viết văn dẫu có phóng đầy tưởng tượng mình vào xa xôi trong những thế giới mơ tưởng nào của chủ quan, rồi

cực vẫn sống kế liền với xã hội, thời đại mình, với cái hôm nay và những vấn đề của cái hôm nay. Văn chương là liên hệ mật thiết nhất, cấp thiết nhất nữa, với đời sống có có mặt, phía ấy không bao giờ che giấu, phía anh không thể nào chạy trốn. Đọc lại mấy tập truyện ngắn cũ, tôi thấy những vấn đề tôi đặt ra trong chúng, là những vấn đề đúng, nếu người viết văn quả thực không thể bỏ qua được cái vấn đề tìm kiếm và lựa chọn chủ đề. Trình tự suy tưởng và rung động ở những bài viết cũ khởi đi từ những niềm tin tưởng tiên thiên. Tôi nghĩ tôi sẽ trở lại với những vấn đề đã chỉ được đề cập tới xưa kia một cách phiến diện, như treo cao từng khẩu hiệu sơ lược và cứng chết trên đầu. Nhưng trình tự suy diễn phải được đặt ra, ngược lại : Hãy phải bằng những sự thực đưa tới, nếu có, những niềm tin. Chính là trong ngõ vực và trong hoài nghi mà sự thật dần dần hé cánh. Người ta bảo thời đại này là kỷ nguyên mới của hoài nghi. Tôi suy mình ra, muốn nghĩ chung cho tất cả, qua mình. Chưa từng bao giờ chúng ta khát khao như bây giờ, trong kiếm tìm sự thật.

● Rouault trước phút lâm chung, đốt cháy tất cả họa phẩm là công trình sáng tạo vô song của một khả năng thiên tài sáng tạo. Sau những chiến dịch cải tạo tư tưởng, định lại lập trường của người làm văn học nghệ thuật mác xít là những tuyên bố đầy ăn năn khai tử những tác phẩm cũ như những đứa con đẻ hoang, những vấp ngã lạc đường. Nhiều nhà văn Pháp, trước đây từng đã lên tiếng về tác phẩm thiếu thời, thơ văn đầu tay của mình. Để chúng đó. Như những cái đã có, đã thành của một trở thành liên tục. Nhìn lại một đoạn đường : chỉ là những cái hồng, những cái yếu, những cái non. Ta đó. Nhận là ta đó. Cổ mà khá hơn.

# NGUYỄN NGHIỆP NHƯ ỜNG

## MƯA TRONG VƯỜN NHÀ CÔ FRANÇOISE (Nghệ Thuật số 19 tuần lễ từ 19-2 tới 26-2-1966)

Vòm kính nháng những tia chớp tím hay hơi nước bay tỏa đã nhuộm mặt nàng trong thứ ánh sáng thật dịu, từ màu tím chuyển qua những màu khác hoặc xanh trắng, pha hồng, liên tiếp nháng lên trong bầu trời đen mà chính những tia chớp đó đã làm cho rộng rinh. Hai dãy cây ương có lá cong; chốc chốc, một cơn rung chuyển nào đó từ ngoài đưa tới, như thể từ phương xa, trong một chuỗi tinh hệ khác, xảy ra từ triệu năm trước mà lúc này ảnh tượng mới chuyển tới. Tôi đi rất nhẹ nhàng chung quanh vòng kính, ngang những cọng lá, những chậu sứ trắng men xanh, qua đầu nàng. Nhưng nàng không hề biết. Đó là một cái đầu nhỏ, tóc dài xuống lưng không buộc lại và có vẻ như ướt nước. Mùi thơm từ mái tóc đó tỏa ra khắp gian nhà lớn. Nàng bất động.

Nhưng chính như thể sự bất động đó của nàng trong gian nhà đầy ánh sáng thay đổi và những cơn rung chuyển xa vắng không tiếng động làm nàng có vẻ như đang trầm tư. Hơn nữa, lúc này, nàng đang với tay tới một cọng lá cong, một cánh tay để trần, trắng và dài. Điều này không chắn chắn mấy.

Nàng nói: “ Con ngủ rồi .”

Từ cánh tay trần của nàng, ánh sáng chớp liên tiếp chói lòa như thể cánh tay đó có bôi mỡ và khi nàng thả cọng lá ra, nó bật lên, một vài giọt nước rơi xuống. Nàng cũng dùng cánh tay để trần này xoa nắn hai bả vai, xoa bụng và mạn sườn. Rồi đó, nàng cởi áo khoác thả xuống nền đất. Cái áo mỏng, dài như kiểu áo choàng ngủ, có những lỗ tròn cháy, bằng đồng xu nhỏ. Lốp da bụng của nàng hiện ra căng tròn về phía trước. Nàng thông tay che một cách chậm chạp phần cuối cơ thể, bấp tay gần như ngáng trên bụng. Nàng mỉm cười và lại bất động.

Chính lúc đó, một người đàn ông hiện ra. Anh mở cánh cửa nào để vào tôi cũng không biết. Chỗ anh đứng, đằng sau là những ô kính vuông liền khít nhau đóng bằng nẹp gỗ. Nhưng một tay anh ngoái lại phía sau như động tác để khóa chốt; rồi đó, anh buông thông tay xuống.

Tôi nói với nàng: “ Có ai vào.”

Nàng nói, lơ đãng: “ Ai đó.”

Nhưng hình như nàng mỉm cười mà không nói gì thì đúng hơn. Lúc này, nàng như cục sắt bị nam châm hút cứng xuống đất, không nhúc nhích, không thở, và nụ cười của nàng yên giữ như thế. Mắt nàng nhìn xuống, cũng bất động, ngay cả khi tôi ngó vào. Núm vú nàng đỏ hồng, quàng sung mộng và nổi ốc.

Người đàn ông đã đứng bên cạnh nàng từ lúc nào. Anh đứng thẳng, mắt hướng về phía trước với một cái nhìn thật xa xăm như thể không thấy nàng.

Anh có những nét duỗi thẳng trên khuôn mặt, khiến cái đầu dài khác thường. Anh đeo một cái mũ rộng vành tô xanh đỏ gì đó bằng một cái quai nơi cổ, hai bên tai thừa ra hai đường cong của vành mũ. Anh thông tay đứng yên, chỉ có đôi môi bập bập cái tẩu thuốc dài. Anh cao hơn người đàn bà nhiều.

Anh nói: “ Mũ cối của Hector gửi tặng. Em thấy có đẹp không ?”

Anh bập bập mấy hơi thuốc, đưa một tay lên giữ ống điếu.

“ Cả ống điếu. Bây giờ anh ta đang ở nhà hay đi chơi với bạn bè. Hector Louis Végas, mau thật. Hồi nãy trong khi đi xuống đây, mưa lớn quá anh tới ngồi dưới cái vòm chầu, tự nhiên có cảm tưởng như...như...”

Bây giờ, một tay nàng đặt lên vai anh, mái tóc dài che ra trước ngực. Một chuỗi cười thật dòn dã như ở trên nóc vòm kính đưa xuống rồi đột ngột ngưng hẳn. Nàng trở lại bất động nét mặt có một chút ủ rũ nào đó. Giọng người đàn ông mà lúc này đã đội cái mũ rộng vành lên thật trầm như khi anh đọc một đoạn thơ.

“ Xin lỗi, xin lỗi em. Nhưng hề cứ trời mưa là anh lại vậy.”

Nàng không nói gì, ánh mắt thật mơ màng.

“ Thời kỳ này anh sống giật lùi thật xa. À, chỉ tại trời mưa.”

Anh đi tới một bước, hất cái mũ cối xuống ghé sát vào má của nàng và cọ cọ bộ râu vào đó. Anh nói trên giọng mỉa:

“ Tại mùa mưa này làm anh hồng.”

Nàng vẫn không nói, mắt nhìn xuống trong im lặng không biết tại sao. Lúc này thì mưa nhỏ hơn, nhưng chớp liên tiếp sáng chói ngồn ngồn trên bầu trời đen, lâu lâu có những lần chớp dài chạy nhỏ rúc như chỉ trắng, nổi rộng trời ra như một tấm màn kéo, và vòm kính chớp nhoáng những tia sáng đỏ. Một đôi khi, ánh sáng tím và nhạt nhạt như soi lên bụng nàng, một màu nhẹ nhàng huyền hoặc kỳ lạ.

“ Anh có kể cho em nghe chuyện trên núi chưa nhi? Trên núi, sống thật là tuyệt. Thời kỳ này anh gần với núi hơn. Mầu xanh của núi mát mẻ hơn cái gì khác, lâu lâu anh tưởng như hơn cả em nữa.”

Anh ngừng nói và hút thuốc. Anh cúi đầu đi loanh quanh. Hai tay chấp sau lưng. Trong một lúc nào đó, anh vẫn đi và tiếp tục nói:

“ Nhưng mà, hồi nãy, anh nói khi đi xuống đây, khi đi xuống đây đó. Anh sợ sợ. Anh bê bối thật. Em thấy đó, hồi này anh sống như mất trí nhớ. Trí nhớ của anh lúc trước phi thường, hả? ”

Anh đứng lại và ngó ra ngoài. Lát sau, anh tiến tới tỳ trán vào một ô kính, hai tay làm như cái khung bầu vào nếp gỗ và gần chạm vào thái dương. Cái mũ cối vẫn ở sau lưng.

“ Giá mà anh nhớ được. Giá như hồi trước, em hả? Lúc này, anh quên thật nhiều thứ, không nhớ gì hết. Nhưng mà, làm như anh đã thanh toán xong cái của nợ đó chứ không phải anh bị chúng bỏ anh.”

Anh làm một cử chỉ vung tay, rồi cầm cái ống điều vầy vẩy.

“ Anh nhẹ mình.”

Anh hút vài hơi thuốc và nhả khói:

“ Tại anh sống trên núi đó.”

Bất chợt nàng nói:

“ Anh sống trên núi với ai ?”

Câu hỏi như câu nói, không cao giọng, như thể là nàng không hỏi anh mà là hỏi một cái tượng gỗ nào đó. Tẩu thuốc lá đã hết, anh bập bập rồi gõ vào thành gỗ, gõ nhẹ vào mặt kính, nhưng không có tiếng động. Những cử chỉ giới hạn nào đó làm anh có vẻ như đang nghĩ ngợi.

“ Có ai. Như vậy mới thật tuyệt. Nhưng mà, anh đã nói, hồi này anh sống khó khăn quá. Hừ, anh muốn nói gì với em đây? Cũng như...cũng như...à như là anh tạc nàng đó.”

Anh quay lại, một tay thọc vào túi, tay kia cầm ống điều vầy vẩy.

“ Anh quên nàng. Khó khăn lắm anh mới nhớ hay nhận ra mặt nàng. Mà không biết anh định tạc nàng làm gì. Anh làm công việc vô ích thật, hả ?”

Tôi bước ra khỏi những chậu sứ trắng men xanh vừa đi vừa nhìn nàng và những cọng lá cong cong. Mưa vẫn đều đều, chớp liên tiếp. Không hiểu gian nhà này làm từ hồi nào nhưng

nó có vẻ như sắp nứt đôi. Tiếng động ì ầm xa vắng có một lúc nào đó thốt nhiên rõ lớn trở lại như trước. Người đàn ông đã đi mất và lúc này chỉ còn tôi với nàng, với mùi thuốc phảng phất. Nhưng nàng làm như không có tôi. Nàng cất tiếng hát nho nhỏ và nói:” Con đang ngủ ngon, phải không con ?”, và nàng bước chậm rãi quanh những chậu cây ương.

Những tia chớp xanh và tím vẫn liên tiếp nháng chiếu. Tôi bỗng nhớ tới một giấc mộng đã lâu lắm, trong đó, như ở một gian nhà có mái kính màu, một đứa trẻ đang khóc và người mẹ bế nó vừa nựng nịu vừa ru. Anh sánh tím nhiều hơn cả chiếu rọi khắp nơi, chiếu lên đứa nhỏ và cánh tay cùng thân thể người mẹ.

“ Con sắp ra đời mà anh không thèm để ý gì hết.”

Tôi muốn đi tới, nhưng thân thể tôi bỗng nhiên cứng nhắc.

“ Anh xem. Nó quấy dữ lắm. Đôi khi em thấy một cục cứng. Như cái đầu. Với lại, đôi khi nó quấy cả hai bên như là....như là có hai đứa. Em sợ quá.”

Tôi cười lớn tiếng, nói:

“ Sinh đôi. Như vậy càng nhiều chứ sao.”

Nàng bỗng tới và ghé vào tai tôi. Hơi thở ấm khiến tôi tỉnh thức như tỉnh thức sau một giấc mơ dài. Trong hơi thở, tiếng nàng nói thật nhỏ:

“ Có phải anh không ?”

Cũng vẫn ghé sát như thế, nàng thì thầm:

“ Ở trên núi của anh, lúc này chắc mưa lớn hơn, nhỉ? Em muốn lên ở đó, mình tìm một cái hang động trú mưa, lót lá ngồi cho tới sáng .”

Thốt nhiên nàng rời xa tôi, tới chỗ lúc này của nàng. Tôi bắt đầu cảm thấy nhẹ nhõm hơn, như vừa thoát khỏi một sức hút nào đó. Tôi chậm rãi ra khỏi gian nhà ương cây. Trong một góc tối giữa vườn lớn, người đàn ông đội mũ rộng vành đang đứng bên một mái cong giống như kột cái tàn lớn đúc bằng xi măng.

Mưa nhỏ. Trong những lối đi lót sỏi trắng, một vài vũng nước thỉnh thoảng lấp lánh. Người đàn ông đội cái mũ rộng vành rời cái mái cong đang đi trên những lối đó. Anh dừng lại trước một cây cảnh nào đó, giơ tay vuốt những chùm lá. Anh vẫn hút thuốc.

Anh đứng yên lặng trước bụi cây. Mưa đã ngớt hẳn, chỉ còn những bụi nước rơi cong cong như những sợi chỉ. Đêm yên

tĩnh rõ hẳn những giọt nước rớt thánh thót. Đột nhiên, về phía ngôi nhà gạch lớn phía trong, một khung cửa sáng lên và tiếng nhạc thoát từ một loại nhạc khí nào đó, rời rã đưa đến. Anh có vẻ hơi quay lại phía cửa sổ, nhưng tay vẫn đặt trên một chùm lá. Lát sau, anh có vẻ như không chú ý đến tiếng nhạc nữa tuy nó vẫn nhẹ nhàng rời rạc thoát ra. Anh rời bụi cây đi loanh quanh trong vườn.

Người nào đó chơi đàn có lẽ để cho hết thời giờ. Những hợp âm đưa tới khiến tôi biết đó là tiếng Tây ban cầm. Tôi rời chỗ đứng đi lại gần cái cửa sổ sáng ngổ vào nhưng không thấy ai. Có lẽ người chơi đàn ngồi khuất sau những tấm màn màu xanh nhạt, bằng nhung, óng ánh và có vẻ hơi buồn bã. Gian phòng không rộng lắm, nhưng cao và có trần. Tường quét vôi vàng nhạt, trong ánh đèn yếu ớt màu vàng nhạt đó tăng thêm một chút đen do những mảng bóng tối từ góc khuất phát ra. Chính giữa gian phòng, đối diện với cửa sổ là một bức chân dung lớn, có lẽ vẽ hơn là ảnh chụp. Người trong bức vẽ béo tốt, râu ria xồm xoàm mặc võ phục có nẹp đỏ, ngang lưng đeo một thanh kiếm chuôi tua chỉ vàng. Một mắt của ông ta đeo kính trắng thêm vẻ dữ tợn nghiêm nghị. Phía trước bức chân dung là một cái tủ kính, trong để các thứ trang trí mỹ thuật gì đó. Cửa ra vào thông với một phòng khác hé mở nhưng không thấy người. Tiếng nhạc có lẽ phát ra từ sau một cái chụp đèn tròn và lớn, gần khuất trong tấm màn nhung.

Tôi rời cái cửa sổ đi theo đường rãnh nước ven tường vào những lối mà người đàn ông đội mũ cói rộng vành lúc này đã đi qua. Không biết lúc này anh ở đâu, bốn bề vắng ngắt mờ tối, mưa vẫn rơi cong cong. Gian nhà kính ở về phía trái ngôi nhà lớn, bên này là vườn cây nhỏ và thưa. Có một cái nhà gỗ thấp trong những cây đó.

Có lẽ anh tới nhà kia chăng? Nhưng ở đó tối om, vắng ngắt và không có vẻ gì có người cả. Tôi đi quanh quần trong khu vườn thưa, những chiếc lá rớt xệp xuống dưới chân. Ở đây có vẻ đọng nước, mưa cùng hơi ẩm thấp tạo thành một bầu không khí nặng nề, ngưng đọng và không chuyển động. Tiếng đàn trong phòng sáng lúc này nghe tiếng được tiếng mất, như thể những âm thanh kia bị chặn lại ngoài cửa vườn.

Dù sao tôi cũng đi tới cái nhà gỗ nhìn vào. Bên trong tối nhờ nhờ nhưng không tối đặc như tôi đã tưởng. Vô số những que gỗ, buộc với nhau thành hình này nọ bởi những sợi giây thép

và những thanh gỗ đó thì dính đất hay một chất trắng cứng nào đó. Một số khác có hình thù hơn treo lủng lẳng trên những cái móc, trên những thanh gỗ bắc ngang hoặc dựng sát vào tường. Có một pho tượng cao và lớn hẳn so với những hình thù kia, giống như một người đàn ông; đầu và hai tay dài khác thường. Bất chợt, một giọng nói sau lưng tôi.

“ Ông bạn làm gì đó?”

Tôi lạnh toát, quay lại. Người đàn ông đã đứng sau lưng tôi từ lúc nào. Tôi ngạc nhiên vì giọng nói của anh không có gì tỏ vẻ khó chịu hết dù tôi đột nhập lén lút, hơn nữa điều khiến tôi ngạc nhiên hơn là anh trông không giống người đội mũ rộng vành chút nào. Anh có vẻ ốm yếu, mép dễ rìa, hai mắt sâu và lớn, tóc hơi quăn.

“ Ông bạn đừng ngạc nhiên. Tôi thấy ông bạn từ lúc trời mưa.”

Tôi hỏi một câu ngô nghê:

“ Ông là ai ?”

“ Tôi hả ? Hà, buồn thật. Không ai hiểu tôi hết.”

Anh im lặng một chốc, cúi nhìn tôi qua những sợi giây leo ở cửa. Anh nói trong lúc nhìn đó: “ Tôi buồn rầu quá. Tôi nhìn thấy sự buồn phiền.” Anh thò tay vào cửa lấy một cái mũ máng đầu trong vách và đội lên đầu. Anh nói:

“ Phải không?”

Tôi nhìn sững người đàn ông, tôi không tìm ra được nét giống nhau nào giữa anh ta và kẻ ở trong nhà ương cây, trừ cái mũ cối rộng vành mà anh ta đang đội. Nhưng ai cũng có thể có một cái mũ cối rộng vành hết.

Người đàn ông vẫn nói bằng giọng đều đều lúc đầu:

“ Tôi không biết làm gì bây giờ. Hơn nữa, tôi không biết nói với ai.”

Anh chợt thay đổi giọng nói: “ Hà, bây giờ có ông bạn.” Sau đó anh lắc đầu tiếp:

“ Có những chuyện không thể nói với đàn bà được.”

Tôi hỏi:

“ Ông ở đây phải không?”

Tôi lại hỏi một câu ngô nghê nữa. Người đàn ông cười lớn:

“ Tôi đâu ở đây được. Phải sống nơi khác. Ở đây, mùa mưa làm ai cũng thấy buồn cả. Mà mùa mưa thì kéo dài tới tám tháng.”

Anh ngừng nói bằng cả vẻ mặt. Anh có vẻ bồn chồn như đang chờ đợi cái gì đó. “ Tôi muốn nói chuyện, à, muốn kể chuyện

với ông bạn...”, anh nói không nhìn tôi như đang chú tâm nghe ngóng đâu đó, “ Nhưng khoảng đã, tôi cần tới đây một chút.” Anh vụt rảo bước vào khoảng cây và bóng tối mà lúc này anh tới. Anh đi như bóng ma và rất nhanh chóng. Hơn nữa, tôi cũng không để ý mấy. Tôi tiếp tục nhìn ngắm những thứ lung củng trong cái nhà gỗ.

Trời đang có vẻ tạnh bỗng lại mưa. Gió nổi rất lớn, rung ào ào trên đầu tôi. Tôi nép vào mái gỗ, nhưng mưa lớn quá, hai chân tôi bắt đầu ướt. Tôi tìm cửa vào nhưng không thấy, liền trèo cửa sổ. Mái nhà lợp bằng những tấm tôn mỏng, mưa xối ầm ỉ, tôi thu hình ngồi trên một cục gỗ khá lớn không biết dùng làm gì. Chung quanh tôi, những hình thù và các thanh gỗ ngang dọc trở thành đậm màu hơn, lẫn với bóng tối, như thể chúng là cả một khối đang nổi rõ vài đường nét góc cạnh nào đó. Tôi nhớ người đàn bà trong nhà kính, hình dung sắc đẹp của nàng, hình dung những nét diễm lệ và nhất là vẻ im lặng quá mức của nàng. Ánh sáng tím nhạt cách quãng của những tia chớp, làn da bụng trắng của nàng, cánh tay dài và cong lá cong cong, những thứ đó hợp thành một khung cảnh rung rinh như giấc mơ, hay chính là giấc mơ thật, nhưng dù sao, đó là một khung cảnh không thể tìm thấy ở đâu khác, huyền hoặc và thơm ngát. Trận mưa kéo dài không biết bao lâu. Tôi cứ ngồi thu hình yên lặng và nhìn ngó trong bóng đêm những hình thể lơ mờ chung quanh và những hình thể dễ nhận biết khác, như những cụm mây, góc cây, cái bờ tường, cánh cửa sổ, những vũng nước, ở xa tít phía cuối vườn hay trong nhà ở, và những thứ đó càng lúc càng xa thêm, lơ mờ, chập chờn. Một đôi lúc tôi tự hỏi về lai lịch cái nhà và khu vườn này, hay những người sống ở đây, người đàn bà trong nhà kính, người đàn ông đội mũ rộng vành, tiếng đàn, bức chân dung vị võ quan...nhưng những tra vấn này hình như không làm bận tâm trí tôi nhiều. Chúng lướt qua, như thể không phải là lướt qua trí tôi nữa.

Khi mưa tạnh trở lại, tôi bắt đầu thấy mọi mê cùng khắp. Tôi trèo qua cái cửa sổ đi ra bên ngoài. Tôi đạp lộc bọc trên những vũng nước và lá ướt, trở lại căn nhà ở. Đèn ở cái cửa sổ lúc này vẫn sáng, nhưng cửa đã đóng. Tôi đi chậm chậm trong những lối sỏi cũng ướt nước và tiến về cái nhà kính. Ở đây là một cái nền cao, xây bằng gạch miếng không tô vữa, những ô kính loáng thoáng vì ướt nước. Tôi trèo lên nền gạch, bước vô. Nhưng tôi chưa kịp trông thấy người đàn bà thì đụng phải một

cô bé.

Cô bé ngẩng nhìn lùi lại như muốn la lớn . Tôi nói:

“ Có gì thế ?”

Cô bé đứng tới ngực tôi, tóc gần chạm vai và hơi cong, mắt như vừa khóc. Tôi lập lại: “ Có gì thế ? Cô bé là ai thế ?”, cô bé nói:

“ Ông tới đây làm gì ?”

Tôi lúng túng không biết trả lời sao. Sao cùng tôi nói:

“ À, tôi đi chơi thôi. Tại sao em khóc ?”

“ Ông không phải là bạn của cô Françoise sao ?”

“ Cô françoise nào ?”

Cô bé nhìn tôi, lau nước mắt bằng một cái khăn mỏng rất lớn và tiếp với màu áo.

“ Ông tới đây từ bao giờ thế ?”

Tôi cười cười đáp:

“ Hồi nãy.”

Đột nhiên, cô bé tỏ vẻ sợ hãi hỏi:

“ Ông đã gặp cô Françoise chưa? Cô Françoise là chủ nhà.”

Tôi đáp: “ Chưa. Tôi chưa gặp.”, và ngó chung quanh, “ À, nhưng có lẽ tôi gặp rồi. Cô Françoise thật là đẹp phải không ?”

“ Đẹp.”

Tôi nhớ tới cái bụng trắng nõn và căng tròn của nàng, tôi hỏi cô bé:

“ Chồng cô Françoise là ai thế? Cô sắp có con đấy, nhì ?”

“ Ông nói lạ thật. Cô chưa có chồng.”

“ Như vậy...như vậy....Em nói gì thế ?”

Đột nhiên cô bé bỏ chạy. Tôi đuổi theo. Thật ra tôi có thể chụp nó dễ dàng nhưng tôi chạy lúp xúp coi sao. Cô bé chạy giữa những hàng chậu sứ, thỉnh thoảng kêu nho nhỏ: “ Cô Françoise” như thể một nỗi sợ hãi nào đó làm miệng cứng không há được. Phía cuối góc gian nhà kính, người đàn bà trắng toát vẫn đứng yên, không nói gì, hình như nàng đang chăm chú nhìn tôi và cô bé đuổi nhau. Sau cùng cô bé không chạy giữa những chậu sứ nữa mà thoát ra ngoài thêm gạch. Tiếng kêu nhỏ vẫn gọi tên cô Françoise với nỗi sợ hãi gì đó.

Tôi nói hơi lớn:

“ Đừng chạy nữa, em nhỏ. Cô Françoise ở đây này.”, và tôi hơi dừng lại để nhìn người đàn bà. Bóng cô bé thấp thoáng phía trước trong những lối sỏi, chạy hót hải kỳ lạ. Tôi lớn bước đuổi

theo. Dù sao, tôi vẫn không muốn gây tiếng động gì trong vườn này.

Cô bé đang chạy vào vườn cây, chỗ có cái nhà gỗ. Tôi đuổi kịp không khó khăn lắm. Khi vừa tới trước cái nhà gỗ, tôi nghe bịch một tiếng.

Cửa đã mở. Một cái cửa lớn và quá rộng ngay sát bên cửa sổ mà lúc này tôi không biết. Cô bé với quần áo trắng toát ngã sòng soài trên mặt đất. Tôi nói nhỏ: “ Có sao không?” và bước vào kéo tay cô bé. Đầu tôi đụng vào bức tượng cao lớn không biết ai mới treo lên, lủng lẳng, đen ngòm. Bức tượng yên lặng kỳ cục. Có lẽ cô bé đã va vào đó nên ngã lẩn.

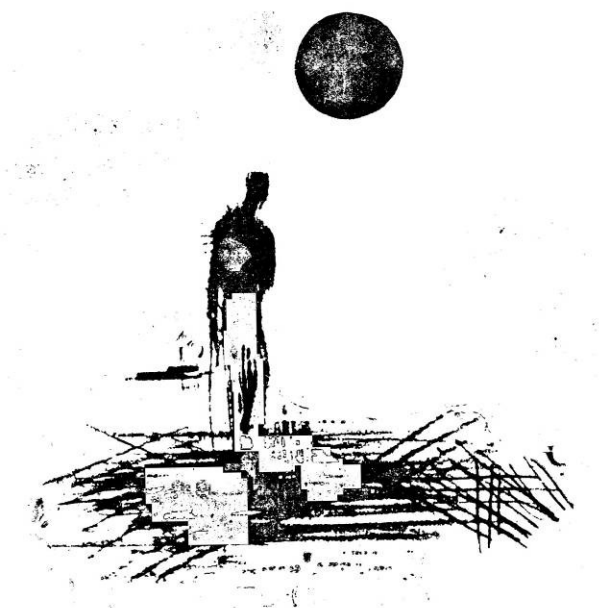
Tôi cúi xuống ẵm ngang thân hình bé nhỏ đó lên, bước ra khỏi nhà và đi thẳng tới cái mái cong mà lúc này người đàn ông đội mũ rộng vành đứng trú mưa, Tôi đặt cô bé xuống. Nó đã ngất xỉu và lạnh. Tôi ngẩn ngừ một lát rồi làm loa tay kêu lớn:

“ Cô Françoise, em bé ngã.”

Không chờ trả lời, tôi chạy thật nhanh thoát ra đường.

*(Trích Tuần báo Nghệ Thuật số 19. Phát hành ngày 19.2.1966. Và, đối chiếu lại trong tuyển tập truyện ngắn: Dạ Khúc do Hồng Đức xuất bản lần thứ nhất vào tháng 7 năm 1969 )*

# CUNG TÍCH BIÊN



**trong nghĩa địa xanh**

"Ta đi đây. Ta đi đây."

- Cô thắng rồi. Cô thắng rồi.

Đạo cô đứng trân cứng người, đôi mắt lơ dờ, hai tay buông xuôi, da mặt tái hẳn đi. Trông toàn thân, cô như người bị ma quỷ đoạt hồn.

Những người đàn bà đứng chung quanh Đạo cô bây giờ cảm những nén nhang đi về phía cuối điện. Tiếng nói của họ nhỏ dần: "Cô thắng rồi. Cô thắng rồi". Chú tiểu trở lên bàn thờ Phật gõ chín tiếng chuông. Ông Chủ tự đi vội về phía sau vườn, ngang qua các am cúng đầu xá lia lịa.

Chùa Hải Tiên là một ngôi chùa tu. Chủ tự xưa kia là một người giàu có, từng có tới năm cô vợ. Người vợ nào sống chung với ông cũng không lâu. Những bí mật giữa ông cùng các bà vợ đã trở thành những huyền thoại mà rất ít người quanh đây có thể biết được.

Trước đây tám chín năm chi đó khi bà vợ thứ năm qua đời, Chủ tự trở thành một người thất chí. Ông bỏ vào Sài Gòn. Không ai hiểu ông vào trong ấy Làm gì. Có người nói ông vì buồn tình bỏ xứ mà đi.

"Cái ông ấy đã chẳng tan gia bại sản rồi sao?"

"Có khi lão ta đã tự tử rồi cũng nên"

"Không đâu. Ông ấy vào trong lập lại cuộc đời. Giàu có như vậy mà chết được à?"

"Ôi, cái tên thất nhân bất đức ấy mà!"

Dư luận sôi nổi trên đầu môi bao nhiêu người ở cái xóm vắng vẻ này. Nhưng chỉ vài năm sau đó không ai nhắc tới ông ta nữa. Mỗi lần có ai đi ngang qua ngôi nhà của ông ngày xưa chỉ thấy khu vườn hoang phế, cây cối um tùm không hàng lối, buổi chiều nắng soi vàng vọt buồn thảm.

Con cái ông không còn ai ở đây nữa. Nghe đâu người con đầu du học bên Pháp, anh đỗ Bác sĩ, lấy vợ đầm, sau vợ anh ngoại tình, anh ta bắn vào đầu mình bốn viên đạn súng sáu. Người con thứ hai của Chủ tự nghiện thuốc phiện, tiền của hết, anh bỏ xứ vào Phan Thiết rồi chết trong đó. Người con thứ ba là một thanh niên thông minh, du học bên Mỹ, đậu cử nhân, về nước một lần. Anh làm việc tại một thư viện lớn. Chàng thanh niên tuần tú đó, oái ăm thay, lại đem lòng yêu người vợ thứ năm của cha mình. Nàng còn ít tuổi. Thân hình phoir phoir, dáng dấp quý phái, và nhất là tánh tình lãng lơ đã làm cho con chồng mình say đắm. Câu chuyện chưa đi tới đâu thì một đêm nọ nàng chết một cách bí mật trong căn

phòng riêng của mình. Cảnh sát có đến điều tra vụ án. Họ không thấy gì khả nghi. Người chết có thư tuyệt mạng. Những bông hoa huệ xông mùi thơm ngát trong phòng. "A, cái bà Diễm Trang tự tử. Kể cũng lạ, người có tính tình hồn nhiên như bà mà chết như thế." "Không đâu, bà la bị đánh thuốc độc đó mà." "Ai vậy kìa." "Thì bà vợ cái ông

cử nhơn chứ lạ gì". Quan tài Diễm Trang ngang qua đường phố buổi mai trời mưa rả rích với những lời đàm tiếu như điệu nhạc đệm mĩa mai.

Ông cử nhơn mang vợ qua bên Mỹ. Nghĩa địa có nàng Diễm Trang là một khu vực buồn nơi ngoại ô thành phố ít ai đến thăm viếng. Nàng đã có cuộc hành trình riêng lẽ và có hư vô để chôn dấu bí mật một đời người.

Bốn năm sau ông Hường Diên trở về. Hường Diên là tên ông Chủ tự đó. Lần trở về này ông đem theo một cô vợ trẻ, người Sài Gòn. Cô vợ thứ sáu. Gái Sài Gòn thì nổi tiếng về tính tình vui vẻ, thân hình man mác gọn gàng. Nhưng cô Sáu - thực sự cô tên Kiều Nga - thì khác hơn. Dáng cô gầy, nụ cười không được hồn nhiên, tính tình kiêu ngạo, xảo trá, rất ham tiền của, địa vị.

Hường Diên xây một ngôi chùa to lớn ngay trên khu vườn cũ của mình.

Cổng vào chùa lên nhiều tầng cấp, có bốn con rồng đúc bằng xi măng vững vàng, lưng rồng được gắn miếng sành, sự trẻ nít trào lên phá hư. Sân chùa có nhiều cây bóng mát. Một hồ bán nguyệt, giữa hồ có cây trụ lớn, bánh xe luân hồi. Mỗi tối bánh xe luân hồi quay đều, những ánh đèn màu nhấp nháy như các cửa hiệu tạp hóa. Hường Diên thường nhìn bánh xe luân hồi nói với tôi: "Cậu Linh là sinh viên văn khoa hẳn cậu biết ý nghĩa bánh xe luân hồi này chứ". Nói xong Hường Diên vội xuống hồ vớt mấy con thiêu thân chết cháy đọng trong mấy tàn lá.

Hồ đầy nước trong và những cụm sen không bao giờ nở

bông. Đi vào thêm nữa người ta thấy chánh điện có hai tầng. Trên, thiết bàn thờ Phật, thập phương chư Phật, chuông trống nhang đèn, tầng dưới là nơi, để một ông đồ già, thảo các bài vị, những tờ sớ, những... văn bản mà theo Đạo cô là để thông tri tới cõi Âm những tin tức nơi trần thế. Đúng ra tầng dưới này được chia làm ba phòng, một phòng dành cho tôi, một dành cho người thảo sớ, một là nơi tiếp khách.

Bên trái chánh điện là nơi thờ cô Hai, thờ lung tung. Nói chung, thờ tất cả những kẻ vắng mặt mà họ gọi là linh thiêng giáng hạ trong các cuộc lên đồng. Bên phải chánh điện là tư phòng trang hoàng khá lộng lẫy cho cô con gái của Kiều Nga. Dãy sau cùng là nhà ăn, nhà bếp, nhà tắm, nhà dành cho khách thập phương vắng lai trợ nghỉ. À quên, còn một cái chuồng gấu nơi góc sân trước. Con gấu to mập, đôi mắt híp, màu lông đen mượt; lạ thay, gấu ưa nhìn đàn bà qua đường.

Từ ngày ngôi chùa được cất xong, Hường Diên tự phong mình làm Chủ tự. Cô Kiều Nga là một cái xác đồng. Lúc âm binh nhập vào cô nói những câu xanh dờn, lạ lùng. Kiều Nga mang danh là Đạo Cô. Dân tứ phương - phần lớn là đàn bà - đổ về đây xin xăm, bốc quẻ, chữa bệnh cho con cái đã xem Đạo Cô như thần linh. Họ quỳ lạy, nghe theo bất cứ điều gì mà Đạo Cô phán ra.

Một hôm tôi hỏi Yến, con gái Đạo Cô:

- Má em là bà thánh hà Yến?
- Trời, sao anh dám mỉa mai. Đạo Cô biết được thì chết.
- Em cũng gọi má em là đạo cô à?
- Má em bảo vậy. Má em là thần linh, em không có quyền gọi mẹ hay má nữa.
- Úy chao, thế chết có hơn không em.

- Thôi đi, Bà vật anh cầm họng cho coi. Anh chơi đàn cho em nghe đi có hơn không. Hồi chi lung tung.

Tôi chơi đàn. Trong ngôi chùa này có mình tôi là người không tin vào tài năng của Đạo Cô và lòng tu hành của ông Chủ tự. Chỉ có mỗi mình tôi mới ôm đàn chơi nhạc yêu đương khi trên chánh điện mọi người đang lễ Phật. Tôi hát to lên khi Đạo Cô nhập xác nói huyền ảo giữa đám tín đồ quê mùa.

Ông Chủ tự ghét cay đắng tôi. "Cái thằng vô thần đó nên tổng cổ nó ra đường là vừa!" Nhưng Chủ tự, trong những buổi chiều rảnh việc lại mê mẩn tôi, xem tôi như nhà triết lý không bằng. Tôi nói cho Chủ tự nghe về Đức Phật Thích Ca, giảng cho Chủ tự nghe về giáo lý nhà Phật. Tôi thì cũng có cái dốt riêng nhưng với Chủ tự tôi có thể nói thao thao bất tuyệt. Bởi vì Chủ tự, một ông Hường Diên xưa làm thầy khoán, ưa gái và tiền, Phật Pháp thì mù tịt. Tôi đâu triết lý trước một nhà chân tu mà sợ. Với Chủ tự, tôi là người múa rìu qua mắt người mù. Nghĩ mà thương.

Một hôm Chủ tự hỏi tôi về tinh tiến căn và tinh tiến lực. Chẳng là ông cần phải hiểu những ngôn từ xa lạ đó. Tôi giải thích: "Tinh tiến là định nghĩa từ chữ Phạn Virya. Tinh tiến có nghĩa là luôn luôn cố gắng với hết sức mình cho sống ích, đạo ích. Giữ cái tâm hăng say với chủ đích đã vạch. Còn tinh tiến căn là cái căn lý, cái gốc có sẵn trong mình. Tinh tiến lực là chiều hướng phát huy chính đạo"

- Cậu học ở đâu mà giỏi vậy? Bấy nay tôi cứ nghĩ cậu không hiểu biết gì về đạo Phật.

Chủ tự hỏi tôi khi mắt nhìn ra xa như mơ nghĩ đến kiếp người bèo bọt giữa biển đời bao la này.

Tôi cười thầm. Chủ tự lại hỏi tiếp:

- Hôm trước cậu giảng cho tôi nghe về Tứ diệu đế mà gấp quá không nghe kịp, bây giờ nhờ cậu.

Tôi bắt đầu vào đề thì có chú tiểu vào thưa với Chủ tự rằng có mấy đứa nhỏ liệng đá bể mấy cái bóng đèn ngoài cổng. Chủ tự vội chạy băng ra quên khuấy cả tôi trước mặt. Lát sau tôi nghe có tiếng lầm bầm từ bên ngoài của Chủ tự.

Nhiều khi tôi nghĩ ông Chủ tự không thể tu hành gì được. Có chăng thì cũng gọi là. Ông nhiều tội trời rồi. Một tấm bảng quá nhiều vết bẩn làm sao rửa sạch. Trong hiện tại, có thể, Chủ tự hết mình tu hành, nhưng khó thể trở thành như một trong thập bát La Hán.

Đạo Cô thì làm tiền công khai. Tiền của thập phương do khách đóng góp Đạo Cô đem cho vay để lấy lãi. Đạo Cô lý giải: "Phải sinh lợi để lo việc nhà Phật cho trọn vẹn!"

Một lần Đạo Cô mời tôi lên phòng, hỏi:

- Cậu Linh vẫn mạnh khỏe chứ?
- Thưa, cảm ơn, tôi vẫn được mạnh.
- Thế nào? Cậu thấy em Yến học hành có tiến bộ không?
- Thưa, em Yến học không tiến không lùi.

Đạo Cô nhìn tôi với đôi mắt kinh ngạc. Yến, năm nay mười bảy tuổi, học trường nữ Đồng Khánh. Yến đẹp, hát hay, giàu mơ mộng, có người tình ở ngay trong nhà, vậy mà học hành không tiến không lùi là giỏi lắm rồi.

Phòng ngủ của tôi nhìn ra hồ bán nguyệt. Nơi khung cửa sổ, có thể thấy rõ tượng Phật nhỏ, nhang đèn cùng những nải chuối chín đỏ bụng thấy thèm. Chùa cất trên nền cao từ bờ thành rêu ẩm những tàn cây đổ bóng xuống dịu dàng. Có lối đi nhỏ ven theo lớp cỏ úa. Nhìn ra xa hơn, kinh thành Huế chìm trong sương mờ. Buổi tối, ngồi ghé đá trong vườn, nhìn ngược lên cây sao cây phượng, nền trời xanh lá mạ, mây bay chậm, gió đuổi nhau xao xuyên tầng lá. Có hôm tôi

hỏi Yến:

- Ba em chết từ thuở nào, lý do gì em biết không?
- Em không biết mặt ba em. Má nói ba em là người phụ tình.
- Em thì cái gì cũng má nói má nói.
- Để em kể tiếp cho anh nghe...Má nói hồi trước má là người đạo Thiên Chúa... Vì yêu ba nên má bỏ đạo lên Vạn Tượng sống cùng ba. Anh có biết Vạn Tượng không?
- Anh biết Vạn Tượng rồi, nói tiếp đi.
- Vạn Tượng ở đâu hả anh?
- Ở trên môi em đó. Rõ con nít. Học ban tú tài mà không biết Vạn Tượng ở đâu thì tàn đời em rồi.

Yến xuyt một cái. Mặt con nhỏ xù xuống như bông hoa thiếu nước. Tôi nói:

- Vạn Tượng là thủ đô nước Lào. Ai Lao đó. Nó ở cạnh Việt Nam như hai đứa mình bây giờ đây nè. Hãy nói tiếp về ba em đi. Câu chuyện hấp dẫn đó.
- Má em ở bên Lào rồi sinh em, nếu quả thật Vạn Tượng ở xứ Lào. Ba em buôn đồ quốc cấm. Ba quen biết rộng, lại chơi với dân Tây, nên mau giàu. Má nói ba là người đa cảm đa sầu nên ba ngoại tình dễ dàng. Ba si mê một vũ nữ, sau đó mất hết cơ nghiệp vì cô ta. Không biết ba em đã qua đời như thế nào, chỉ khi lớn lên em không còn gần ba nữa. Má em rất giữ bí mật về cái chết của ba. Hỏi chi thêm buồn anh ời.

Cơn gió thổi đến xao động những tàn lá khô vàng. Lối đi trong vườn hôm nay đầy cỏ úa vì chú tiểu đau. Trông lên chánh điện, chuông trống im lìm, đèn nến mờ ảo. Tôi nói

với Yến:

- Phải chi ba em còn chắc má em không ở đây và không làm cái nghề này.

Yến nhìn quanh sợ hãi, than vãn:

- Ấy chết, sao anh gọi cái việc cứu nhân độ thế của má em là một cái nghề. Hèn chi ai cũng nói anh khùng.

- Tội nghiệp cho em thôi, em cũng nhiễm cái không khí u hàn này mất rồi. Em cũng là con vẹt nói những điều dị đoan mơ hồ. Tin vào đồng bóng là có tội với Phật tổ nghe em.

- Thôi đi anh, anh mà tin ở Phật há?

- Em lắm, anh rất tin tưởng đức Thích Ca. Nhưng điều má em làm anh không thể tin theo được. Đức Phật không phải là cái dù che cho những bùa phép dị đoan, tráo trở.

Lúc đó Chủ tự từ trong chánh điện bước ra nói "Nam mô A di đà Phật". Ông cúi chào một đạo chủ tới thăm chùa. Ba tiếng chuông đổ đều. Có người đang lễ Phật. Tôi hỏi Yến:

- Em vẫn tin má em là bậc cứu nhân độ thế?

- Em biết đâu. Chẳng qua là lời những người mang ơn má em ghi lại. Anh nghĩ coi, một người thường làm sao có thể chữa trị những căn bệnh ngặt nghèo mà tới Bác sĩ cũng đành bó tay.

- Ví dụ đi?

- Nhưng anh có tin em đâu mà ví dụ.

- Đừng có hờn dỗi. Hãy nói cho nghe đi nào.

Yến trở nên dài dòng:

- Em kể cho anh nghe há. Má nói nhân một đêm má nằm chiêm bao thấy mình được thần linh nhập vào. Thần linh dẫn má đi - đúng ra là bay đi - qua những khu vườn, đền đài, đồi núi, rừng thiêng, suối nước, có những nàng tiên dâng hoa quả lại có bầy voi thiêng, cọp beo lũ lượt, lại có mây và biển. Thần linh ban cho má phép lành và dạy cách chữa bệnh để cứu rỗi sinh linh. Khi bừng dậy, má bàng hoàng vì mộng, màu trời đã về sáng, những vì sao lưa thưa hãy còn nhấp nháy mỏng manh. Hôm sau má nhờ một ông thầy đoán hộ giấc chiêm bao. Ông thầy đó chính là ông Chủ tự bây giờ. Chủ tự nói là đêm qua - nghĩa là đêm má em mộng - ông cũng có một giấc mộng y như vậy. Về sau, hai người lấy nhau, trở về đây lập chùa, theo lời chỉ bảo của thần linh trong giấc mộng.

Tôi cười nói:

- Ông Chủ tự nhà ta cao tay ẩn quá há.

Yến ngạc nhiên:

- Anh nói gì đó?

- Thì ông Chủ tự có tài chim gái, biết chỗ yếu của người phụ nữ mà đánh vào. Làm gì trong đêm ấy ông cũng có một giấc chiêm bao y như vậy. Hèn gì ngày trước ông ta đã có tới năm bà vợ, bà nào cũng xinh đẹp.

- Anh nói xấu má em đó hả?

- Không bao giờ. Nhưng anh không chịu được cái ám khí ma cỏ này. Nếu anh là một nhà văn anh sẽ có dịp viết lại những sự việc xảy ra ở đây. Anh mong ngày tàn của một ngôi chùa tới càng sớm càng tốt.

Yến đột nhiên nói:

- Đạo cô chữa được cả những bệnh điên.

- Anh không tin. Chẳng bao giờ tin.

- Khi nào anh điên anh mới tin.

Tôi nghĩ, có thể do ngẫu nhiên hay do lòng tin của đám dân thập phương quê mùa mà Đạo cô chữa trị được vài con bệnh. Ngoài ra việc nhờ bùa phép chỉ là một hình thức dị đoan đáng chê trách, có khi làm phương hại tính mạng kẻ bệnh.

Tuy thế cái cảnh đồng cô bóng cậu vẫn hằng xảy ra nơi đây. Mỗi lần chú tiểu chạy vội lên chánh điện đánh chín tiếng chuông là đám người xin thuốc tay cầm nhang đèn, chén thuốc, vàng lá, miệng đọc những câu thần chú đến vô nghĩa, một lòng bao quanh Đạo cô. Lúc đó Đạo cô mặt mày tái nhợt, hai tay vung tròn, thân hình uốn éo trong lớp áo cà sa, hai chân run nhảy theo một vũ điệu man rợ. Đạo cô có danh xưng Quán Thế Âm Bồ tát, có lúc lại nhân danh Cô Hai nào đó ngày trước đã chết bất đắc kỳ tử, để truyền lệnh người này cúng mọn này kẻ kia tạ cái nợ. Đám người tội nghiệp - có con cháu lâm bệnh

- phải răm rắp tuân theo. Mỗi lần có linh nhập - nói theo cách ông Chủ tự - Đạo cô không đứng ngồi yên một chỗ mà đi cùng khắp trong vườn, dừng lại trước mỗi cái am thờ, nói thỉnh không: "Ta sai khiến những con voi thiêng trấn giữ nơi đây. Các người hãy quỳ xuống đi nào!" Tất nhiên đám túi đồ quỳ xuống lạy lới tấp.

Tôi thường đi theo đám người ấy, nhưng để xem như xem một vở kịch, không hề cầm nhang đèn hay quỳ lạy. Có lần Đạo cô thấy vậy, chỉ vào mặt tôi và nói: "Nhà ngươi phạm tội rồi thằng bốn mắt xanh kia (tôi mang kính trắng). Hãy quỳ xuống mà lạy tạ người khuất mặt đi nào". Tôi vẫn đứng yên. Mọi người nhìn tôi với những đôi mắt vừa hờn giận vừa lo lắng cho tôi. Giữ cái dấu hiệu chẳng lành nơi tôi, Đạo cô tìm một lối giải bằng cách nói lớn: "Nam mô A di đà Phật, người trần không biết kiêng nể thần linh ắt phải sự dọa dẫm. Nay để ta giải oan cho!" Nói xong, Đạo cô hướng về

phía bàn thờ Phật, hai mắt cô trợn trừng, hai cánh tay co cứng như hai thanh gỗ, thân hình bất động. Lát sau, Đạo cô hét lên một tiếng, rồi nói, lúc hai khước miệng đầy nước bọt!! Thần linh đã tha thứ cho nhà ngươi (tức là tôi) và cấm ngươi từ nay chí hậu không được có mặt hay đi theo ta trong những lúc ta hội ngộ thần linh như thế này nghe chưa?! Đạo cô nhìn trừng trừng vào tôi, lay vung hươi mấy cây nhang, những vòng khói tròn. Tôi đứng yên lặng.

Tối hôm đó Đạo cô sai chú tiểu mời tôi lên phòng riêng. Tôi ngồi vào ghế và Đạo cô bắt đầu nói:

- Khi mai cậu khinh thường chúng tôi quá. Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy lục, cậu hẳn biết câu nói đó. Cậu không tin vào tôi thì để kẻ khác tin. Cậu nghĩ lại coi.

Tôi biết Đạo cô giận mình. Hơn nữa lúc này Đạo cô là một người tỉnh táo, tôi phải thận trọng hơn. Tôi nói nhỏ:

- Cháu xin lỗi Đạo cô.

Sau đó tôi trở về phòng. Nằm trong đêm vắng tôi hiểu rằng cuộc sống không đơn thuần, trong sáng như mình tưởng.

Một thời gian sau, tiếng đồn Đạo cô là một người thần lan đi xa lắm. Bao nhiêu người tìm đến. Hàng ngày khách thập phương ăn ngủ trọ lại trong gian nhà khách có đến năm ba chục người. Mỗi tuần chùa tiếp nhận năm ba con bệnh điên đủ loại: điên nam, điên nữ, điên trẻ, khùng già, người ngây ngây, kẻ mất hẳn trí nhớ. Bà Thi điên cắn xé, không chịu mặc áo quần. Đó là con bệnh hung tợn nhất Đạo cô phải dùng roi và còng. Cô Vân thì điên thất tình, hay mơ màng; lúc gọi tên một người xa lạ, lúc khóc cười không chịu ăn uống, hay thăm thì, có khi cô cầm một nhánh lá vừa đi vừa quất quất vào khắp nơi như xua đuổi nỗi đau tình. Vân thường ra ngồi trên bờ tường thành nhìn xuống con phố nhỏ người lưa thưa qua về. Những đêm sáng trời Vân cũng biết ngồi nhìn trăng. Cô thuộc loại điên hiền, điên có niềm vui điên.

Trong số người điên đến ngôi chùa này có Thuyên là đặc biệt. Thuyên hai mươi tuổi, chưa vợ con, gia đình giàu có, cha mẹ anh có một đời sống đạo đức. Đang là một sinh viên, không hiểu sao, chỉ qua một đêm Thuyên hóa điên. Tối hôm đó anh đang học bài thi, khuya ra quán uống một ly cà phê, về nhà nói lảng; sáng hôm sau Thuyên không còn là người tỉnh trí nữa. Thuyên trở nên hung tợn, tự sát hụt, có thể giết người như chơi. Khi lên cơn, anh nhe răng, la hét, đập đầu thỉnh thoảng vào cây cột hay bờ tường.

Người ta đưa Thuyên tới đây như giải một tên tù. Đôi tay Thuyên bị trói bằng dây thừng, đôi chân bị giới hạn bước đi bằng sợi xích, loại xích cổ chó. Thuyên gầy còm, hai mắt đỏ mịt mịt, nước bọt luôn chảy dòng hai bên khóe miệng trông thảm thương. Ba mẹ cúi lạy Đạo cô cầu khẩn cứu giúp linh hồn Thuyên.

Thuyên được nhốt vào một cái chuồng có chấn song sắt tương tự như cái chuồng nhốt gấu. Ở đó, anh được cời trói. Mỗi lần có ai qua lại Thuyên nhe răng cười, một tay có khi thò ra ngoài như con khỉ trong vườn thú. Buổi trưa nóng nực anh cời trần nằm trên nền xi măng miệng hát nghêu ngao. Thấy tôi, Thuyên gọi: "Ê thằng cha giáo sư lại đây nói chuyện tiếu lâm nghe chơi. Thời buổi ni học hành chi mà dạy dỗ".

Lần đầu tiên tôi chú ý tới một người điên khi nghe Thuyên nói câu đó. Tại sao anh điên? Và, điên là thế nào? Cái gì phân biệt rõ ràng giữa điên và tỉnh.

Người ta cho Thuyên ăn chay trường. Ba ngày sau Thuyên được dẫn độ tới trước mặt Đạo cô. Lạ thay, hôm nay anh hiền từ. Anh quỳ xuống khó khăn vì hai chân vướng sợi xích. Đạo cô hỏi:

- Nhà ngươi có sợ ta không?

- Súc mảy mà sợ. Cha ta là dân Tây, đồ bán nước, à mà thôi

không nói nữa.

Thuyền trả lời rất tỉnh. Đạo cô đập cây roi xuống mặt bàn, nhìn thẳng vào mặt Thuyền, thét lớn:

- Ta hỏi nhà ngươi có sợ ta không?

- Sợ thì sợ chứ tốn kém chi mà không sợ. Ta hỏi lại, nhà ngươi có sợ ta không?

Đạo Cô bước đến quát vào lưng Thuyền ba roi thật mạnh. Thuyền quát:

- Dang ra. Đồ dã man.

Mọi người chung quanh ai nấy nhin cười. Đạo cô quay sang bảo chú tiểu: "Nhốt vào chuồng ba ngày nữa". Thuyền được bận một bộ đồ tu màu lam, được đeo một chiếc tượng Phật nơi cổ. Hôm sau tôi ra cạnh chuồng giam trò chuyện cùng Thuyền. Ngôn ngữ người điên có thể là khó hiểu nhưng tôi vẫn hỏi:

- Thuyền, anh có biết mình điên không?

Thuyền bỗng quát:

- Dang ra đồ con vẹt, hỏi nào cũng điên điên. Rồi anh nói lắm bầm một mình: "Ta về thăm mình sao mình làm ngơ. Mình bỏ ta, lấy ai mà tâm tình, lấy ai mà đắp đêm khuya. Mình bỏ ta sao? Ta về thăm mình sao mình khóc. Ta giết mình rồi, sống với ai đây. Ta chôn mình trong Nghĩa Địa Xanh. Ta ăn mình thay cơm thay cá. Mình ơi mình ru ngủ ta đi. Đừng ăn hột gà, đừng ăn hạt cơm. Tìm trái tim ăn, tìm máu tươi uống. Ta về thăm mình sao mình làm ngơ. Ha ha ha, cái thằng cha này, thôi bỏ đi em. Cái thằng cha này, ngọn gió đây đưa....?" Thuyền thò bàn tay ra ngoài, năm ngón co lại chạm vào bàn tay tôi, nói lạnh lẽo:

- Tha lỗi cho mình nghe ta. Nghe nói anh có vợ? Vợ anh

chết chìm dòng sông cái suối.

Thuyền cần tôi một cái thật đau - tôi không ngờ anh có thể thò đầu ra ngoài được. Anh cười thét lên, buông tay tôi ra rồi ngã vật trên nền xi măng vấy đầy nước tiểu. Tôi trở ra sân, thần thờ nhìn đỉnh cây sao buồn in hình lên nền trời xanh lặng ngắt. Mùa xuân qua rồi. Những con chim ém tìm về đảo xa, và mùa hè đến tràn ngập ánh sáng làm những nụ hoa héo hon bất ngờ. Bây giờ những chiếc lá khô rụng xuống mặt đường xào xạc. Những chồi non dừng lại và những thân cây phải tự chống chọi với sức nóng mãnh liệt.

Tối hôm đó tôi nói với Yến anh Thuyền là một thi sĩ. Yến không tin. Chủ tự nói "Nam mô A di đà Phật".

Tôi vào thư viện đọc sách suốt ngày. Tôi tìm hiểu thêm những điều Freud đã nói. Tôi buồn quá. "Ta về thăm mình sao mình làm ngơ. Giết mình rồi, sống với ai đây. Ta chôn mình trong Nghĩa Địa Xanh. Ta ăn mình thay cơm thay cá. Mình ơi mình ru ngủ ta đi. Đừng ăn hột gà đừng ăn hạt cơm. Tìm trái tim ăn, tìm máu tươi uống. Ha ha ha cái lũ người vàng hò hét đêm trắng. Ha ha ha này con ngựa vàng chết trên bãi cỏ..."

Tôi đi bách bộ từ thư viện về nhà. Đọc theo con đường Lê Lợi công viên lạnh buồn bên sông. Sông vắng. Những vòi nước phun trắng như sương, ghề nằm hàng hàng, một vài nữ sinh đi học về muộn đứng đợi đồ tà áo bay nơi bến Thừa phủ. Cuối đại lộ này là ga lớn con tàu khởi hành từ sớm mai bỏ lại sân ga những đường tàu vắng người. Đi khỏi trường Quốc học tôi rẽ tay trái: đường lên Bến Ngự đây.

Bước lên khỏi tầng cấp, vào sân, tôi thấy Thuyền nằm sóng soãi trong chuồng. Anh nhìn tôi nhe răng cười. Hai hàm răng vàng bản râu trên mép mọc bữa bãi, mái tóc không chải làm khuôn mặt Thuyền thêm vẻ hung tợn. Tôi cho anh mấy cây kẹo. Thuyền nhận mà không ăn. Lát sau anh nhờ chú tiểu đem mấy cây kẹo tặng cho con gấu ở chuồng bên. Tôi vào phòng nằm. Con thạch sùng trên bờ tường đang đuổi bắt

một con môi. Tôi nghĩ đến Yến, Đạo cô, đến Chủ tự cùng những người con của ông, những cuộc chia ly, những nỗi chết. Tại sao ra đi? Tại sao chết? Vì sao điên? Đạo cô sống mãi một cuộc sống ràn rụa như thế này ư?

Ba hôm sau, Thuyên tìm được một cái lưỡi dao cạo lờ đầu không biết; buổi sáng sớm người ta đã thấy Thuyên chết rồi, máu đọng quanh cườm tay, loang xuống nền gạch. Cuộc sống của anh trong ngôi chùa Hải Tiên này vốn vẹn có mười ngày. Mười ngày mặc áo tu, ăn chay trường, nói mấy tiếng Nam mô. Mười ngày bị giam giữ như một tù nhân, ăn đòn của Đạo cô, phải uống những chén thuốc đậm đặc nâu từ lá cây, bao nhang, Đạo cô cho rằng đó là linh dược cứu rồi linh hồn.

Từ hôm Thuyên qua đời Yến bỗng sợ hãi ngôi chùa. Nàng bắt đầu đối diện với ám ảnh, hồn ma ẩn khuất. Một hình bóng gần gũi hóa ra xa xôi mơ hồ, Thuyên, một người điên, một tâm sự bí ẩn.

Từ phòng của Yến tới phòng tôi đèn đuốc sáng trưng mà Yến không dám đi một mình. Đạo cô mất dần lòng tin cậy nơi đám khách thập phương, một loại tín đồ xưa nay vốn ngoan ngoãn, Chủ tự trở nên ít nói, buồn nhiều hơn vui. Chủ tự có ý khuyên Đạo cô nên từ bỏ cái vở kịch bi hài đó đi.

Cuối mùa hè Yến vào Sài Gòn. Tôi rời bỏ Huế. Chúng tôi bỏ lại đằng sau những kỷ niệm, thành phố rất nhiều lăng tẩm cùng dòng sông Hương êm đềm.

Thời gian trôi qua. Mấy năm sau, nhân đi lang thang bát phố trên đường Bonard tôi bỗng gặp Đạo cô. Vẫn khuôn mặt có nhan sắc nhưng tàn phai, vẫn chiếc áo nâu sòng, Đạo cô nhìn tôi nước mắt chảy dài xuống hai gò má.

- Trời ơi cậu Linh.

Tôi chấp hai tay trước ngực:

- A di đà Phật, thưa Đạo cô lâu nay vẫn mạnh giỏi?

Qua vài câu chuyện tôi biết Đạo cô đã vào tu trong một ngôi chùa ở Biên Hòa, Yên ở Đoàn thị Điểm. Tôi đó tôi tới tìm Yên ngay. Những ngày cũ thật mau phai nhạt, kỷ niệm cũ theo nhau chôn vùi. Yên thay đổi nhiều quá, già đi. Nàng là một ca sĩ phòng trà. Yên của tôi phong trần rồi. Yên hỏi tôi có vợ chưa, và nàng than thở: "Trời sẽ hành anh. Anh làm khổ người ta nhiều quá đi".

Tôi đến phòng trà có Yên hát mờ phai dưới ánh đèn màu. Tôi trở về với cái bóng xiêu vẹo của mình trong đường khuya, những cột điện cô đơn chảy nước mắt. Hình ảnh Đạo cô ốm gầy, chen qua phố thị phồn hoa để xin tiền cứu trợ cho nạn lụt miền Trung còn hằn in trong trí nhớ tôi.

Nằm trong phòng vắng tôi nghĩ tới Chủ tự, chú tiểu, Thuyên, cái sân chùa vắng, những thư phòng xưa giờ hắt hoang vu? và Thuyên, người đã chết với tâm sự bí mật có còn linh hồn nguyên vẹn, nếu quả rằng con người đang và sẽ có một linh hồn... "Giết mình rồi sống với ai đây. Ta ăn mình thay cơm thay cá. Mình ơi mình, ta về thăm mình sao mình làm ngơ..."

Bạc Liêu 1966

*(Nghệ Thuật số 30 tuần lễ từ 7-5 tới 13-5-1966)*

# Y UYÊN



(Nghệ thuật số 51 tuần lễ từ 8-10 tới 17-10-66)

"Cha mày vẫn chưa về sao?"

Má anh Kiều Con hỏi:

"Chưa má".

Hà ngồi thẳng lưng thở một hơi dài. Tay Hà múc từng lon nước đổ đều lên lớp gạo trong lòng cối. Bà già lẩm bẩm điều gì không rõ. Tiếng cối đá xoay tròn rít rít quen tai. Bà đứng doãi chân ở cuối tay cối, hay tay bấu chặt cái then ngang, đẩy lên kéo xuống lằm lì. Hà loay hoay trên cái đầu kê sắt cối, chốc chốc lại quay ra sau nhìn bà già. Hai mắt bà khép kín, khuôn mặt nom phẳng lặng.

"Đề tôi xay, coi má muốn mệt rồi".

"Ngồi đó còn trông bếp, còn ra vô lo chuyện này chuyện khác. Mới xay làm sao mệt".

Má anh Kiều Con nều đều đặn.

"Tôi muốn nói với má cho tôi đi thăm anh Hai một chuyến".

"Chờ cha mày về hỏi ông coi".

Hà yên lặng gạt lớp gạo trôi viền quanh cối vào giữa. Bột

nhão chảy đều quanh thót cổ dưới. Hai bàn tay Hà ảm, trắng. Người Hà như cũng nặn bằng bột với trái tim dư máu nhiều lúc đè nặng ngực đột ngột. Chiếc cối đá xoay đều đều sao không nghiền được Hà thành nước. Tiếng rít rít như tiếng động trong nhà, của riêng hai má con. Anh Kiều Con nghĩ sao mà nói đá làm bạn được với người? "Chờ cha mày về..." Ông già quyền thiết. Chuyện gì cũng cần tới ông. Hai mươi mấy năm ông vắng mặt ở nhà này, quyền hành của ông vẫn không giảm sút.

"Ông có về, cũng nhờ má nói giúp".

"Mày đi e thiếu người làm".

*"Mười một tháng Chín ta đi bầu mà cho đông..."* Ngoài đường làng một chiếc xe thông tin cổ động bầu cử chạy dập dình. Cùng với tiếng hát trong máy phóng thanh có tiếng trống thì thùng, xe dừng ở chỗ lò gạch để một giọng nữ lên tiếng hô hào... Chiếc cối xoay đều, Hà lại nghĩ về người con gái bằng bột có trái tim dư máu đè nặng ngực đột ngột. Những lần Hà đứng đoãi chân hăm hờ xay bột, nhiều lúc xây xâm mặt mũi Hà tưởng mình đang vò vập khối đá trước mặt. Đá mà làm bạn được với người. Anh Kiều Con nghĩ sao mà nói đá là bạn với người? Anh cũng có lúc khó hiểu như ông già. Ông già quyền thiết. Từ ngày ông về nhà tới giờ Hà vẫn chưa quen được ông. Sự có mặt của ông như chỉ giúp cho má anh Kiều Con mỗi cuối tháng khỏi phải lên trụ sở xã trình diện hoặc về mùa mưa khỏi đi canh cầu và có chuyện để lăm bằm trong miệng những lúc xay bột. Lòng tội nghiệp lúc mới nghe tin ông về không còn. Nói sao cho ông chịu nghe? Nói sao cho ông chịu thương người con trai ông chưa một lần gặp mặt? Lại mang thư của anh Kiều Con ra đọc như mọi lần? Anh Kiều Con hiền... [1]

... đại bác của anh, phải coi ông già như một người vắng hẵn tuổi thơ, vắng hẵn tuổi trưởng thành.

Bữa cơm dọn ra giữa những người uể oải. Ông già vừa ăn vừa gãi, máu nhỏ ròng trên cánh tay. Má anh Kiều Con hít hít đánh hơi, bỏ bát đĩa quờ lấy tay chồng. Ông già nói thật mạnh: "Bỏ ra!".

Má anh Kiều Con như không nghe, hai bàn tay vẫn chờn vờn trên mâm cơm toan nắm lại cánh tay ông già. Ông thu tay lại, nhấp nhòm cổ dẫn con ngựa. Bà già la:

"Tay gì mà máu những máu vậy na?"

"Ngứa gãi hoài hoài thì máu ra có gì mà la như chảy nhà vậy".

Giọng ông già bức bối. Bà già đưa tay lên ngửi, lăm bắm rồi cầm đũa bát lên ăn. Ông già bỏ ra ngoài giếng nước, vừa đi vừa gãi. Hà bảo bà già:

"Máu độc không hà. Hết gãi máu hết ra liền có chi mà má hãi".

Hà gắng dần xếp, mong thầm bà đừng làm ông bức mình thêm. Nội tối nay phải tạo nhịp gần ông, nói nhiều với ông, câu chuyện mới dễ đưa đẩy. Hà lau những vết máu quanh chỗ ông già ngồi, đặt lại đôi đũa của ông ngay ngắn bên thành mâm. Ông già trở vào lăm li nhai cơm. Những câu hỏi của vợ không được ông đáp. Được hai chén ông đứng dậy ra ngoài hiên ngồi trên chõng vắn thuốc lá, người có vẻ bồn chồn. Những mụn ngứa đã thành mề đay khó trị.

Mỗi lúc nhớ tới cơ thể chân tay lại không yên, muốn cắn chặt môi mà cho cào cấu. Câu chuyện tổ tiên dặt dao đeo gùi chống gậy vô núi kiếm tràm, kiếm kỳ nam lúc về hóa cộp như có điều gần gũi. Bóng cộp ngồi châu suốt đêm bên kia khe nước gà gáy cào cấu da thịt vừa bò vừa dựng hai chân khom người chạy vô núi đâu chỉ là một nỗi khổ không di truyền. Sau những năm tháng không hoàn thành mình như mẫu người dự muốn, không trở về được hình dạng cũ nữa thì sao. Có còn cánh đồng nào thấp hơn đồng bằng này một bức? Bữa cơm đã xong. Bà già kiểm guốc rửa chân, mang bông trái lần theo những bức đá xuống ngôi chùa dưới cánh đồng sau nhà. Hà rửa bát đũa rồi ra hàng rào ngoài đuổi đàn chim sẻ sà xuống mổ những phen bánh trắng. Bầu trời dịu màu. Hà ngồi xuống bờ đá nhìn ra phía lò gạch hai tay vuốt ngực. Hơi thở lại đây lại nặng. Hà thở từng hơi dài. Trăng chưa lên nhưng bầu trời sáng xanh. Hà lại muốn ưỡn người vùng vẫy, muốn bật miệng rên. Hàng tre lá ngọn bên kia lò gạch, phía sau mắt hắt nền núi thường màu đá xanh. Tầng đá có bài thơ của nhà vua Nam tiến không còn dấu tích.

Những con chim sẻ nhào xuống vội vã mổ những tấm bánh trắng phơi trên mặt phen dựng ngoài hàng rào. Nặng tắt, tiếng bánh khô tách dần khỏi mặt phen vẫn lắc rắc đều đều

mọi chỗ. Hà vỗ mạnh tay xua đàn chim, mồm kêu "ui da, ui da". Lò gạch vẫn còn khói trắng đùn lên cao. Một người thợ quần áo đen treo thang lên miệng lò, khom lưng luồn quần trong lớp khói. Một chiếc xe ngựa chạy muồn dừng lại trước một cái quán bên kia lò gạch. Một đứa bé gái đầu lắc lư cái mũ vải cong vành màu xanh đậm tò mò nhìn vào nhà Hà. Hà vỗ tay thành nhịp đều, "ui da, ui da". Những con chim vẫn lấp ló trên mái tranh, phía ngoài bờ rào. Con ngựa tiều trên mặt đường, nước bắn như bụi. Trong quán, có hai người lật đật bước ra chiếc xe đạp đĩnh, cái mũ xanh của con bé lắc lư rồi chiếc xe chạy. Hà xếp những tấm phen thành từng chồng ôm vào nhà. Tối nay nếu má anh Kiều Con về sớm, chắc phải thấp đèn xay hai chục ký gạo để có bánh kịp ngày kỵ của nhà họ Đặng. Hà đứng dậy, nhìn trời kêu băng quơ:

"Lại có rồi đó".

Ở trong nhà, ông già nằm chèo kheo trên chõng, mặt nghiêng ra sân. Hà tần ngần trông theo trái sáng le lói đung đưa trên nền trời chưa tối phía thôn Lâm. Một cái dù trái sáng lúc này bán cả hai trăm đồng bạc. Đêm qua, cả nhà cùng thức vớt được một chiếc rơi xuống ngoài khe. Hà ôm từng xấp phen bánh vào nhà chốc chốc lại kêu "Lại có rồi đó". Ngoài lò gạch khói loãng dần trên miệng lò. Những người làm ở đó đã về. Chiếc xe thông tin đã quay lại một lần nữa. Máy xe nổ tuồn khói mù mù. Giọng người con gái vội vã lập lại. "*Dậy sớm thu xếp cửa nhà. Mười một tháng Chín thời ta đi bầu*". Tiếng trống khua rộng cùng chiếc xe rô máy chạy. Ông già gọi Hà lấy một cái chậu nhôm đã móp để sẵn ngoài hiên để rạng sáng khua theo lệnh áp. Hà nhìn ông già, ngáp ngừng rồi lại quay vào nhà thấp đèn. "Nội tối nay phải nói cho xong". Căn nhà rạng sáng theo ngọn đèn được vắn cao lần lần. Người con gái màu xanh ôm bó lúa trong tranh nghiêm mặt. Những bông lúa xác xơ. Hà ngắt một hạt cắn cho đỡ buồn miệng, bước ra sân.

"Tối nay có xay bột sửa soạn đi. Để tao xuống chùa hỏi má mày về".

Ông già nhòm dậy khỏi chõng, kéo ống quần xuống, quơ guốc vào nhà. Hà ngạc nhiên nhìn theo. Có bao giờ ông sẵn sóc ai đâu. Hà nói:

"Tôi nay xay bột tráng bánh cho nhà họ Đặng".

"Ồ, thì sửa soạn đi. Họ Đặng lo kỵ bao giờ cũng lớn".

"Tráng hai chục ký bánh".

"Ồ, sửa soạn đi. Sớm mai còn đi bầu cử... làm gấp mới kịp".

Giọng ông già như giọng một người biết lo chuyện nhà. Hà quay vào ôn tồn:

"Có đèn bấm trên bàn thờ cha nhớ mang đi. Bực đá thứ tư có chỗ lở..."

"Từ ngày về nhà tới giờ mới gặp thầy dưới đó một lần. Bữa nay xuống thăm thầy một thể".

Ông già thay quần áo, lại bàn rót nước uống, giọng kể lể:

"Thầy dưới đó hồi chưa tu hành nổi tiếng gan dạ không ai sánh kịp. Trước kia mấy thôn Lâm, thôn Ngọc Hoài đều có thuộc xã mình. Nhờ thầy mà có đó. Hồi đó từ trên núi Ông có một xác người chết đã thúi rửa trôi về. Tới thôn Lâm thì dạt vô bờ. Người xã bên đó không ai dám lại gần. Xã bên này cũng hãi, có một mình thầy dám lội qua sông mang xác chết về chôn ở Gò Hồ. Quan huyện hồi đó là ông Ngô Cừ thấy vậy gọi thầy lên khen, rồi cho nhập vùng đất thôn Lâm, Ngọc Hoài về xã bên này để thưởng công cho cả xã. Sau này có nhiều vùng được thêm đất cũng vì biết thương kẻ xấu số. Vớt được xác chết ở đâu là đất mình ở đó.

"Truyện hồi đó giờ không nghe ai nói".

"Ồ, thầy đã tu hành rồi, còn nhắc lại làm chi".

Hà muốn nói thêm để giữ ông già lại nhưng ông đã lấy đèn bấm đi ra ngoài. Hà lại đầu nhà nằm xuống tấm võng hai đầu treo cao. Người Hà gần như dựng đứng. Thầy thuốc đã dạy treo võng cách đó năm cho đỡ nặng ngực. Chân Hà đưa đẩy trên nền xi măng thấy mát. Phút nghỉ ngơi tạm bợ mang ít nhiều thanh thoi. Câu chuyện vừa rồi nghe như cổ tích. Hà nhắm mắt vuốt ngực dưới người vì một cơn đau bất chợt, mồm kêu "ui da, ui da". Cơn đau thoáng qua. Hà cười một mình. Tiếng "ui da" nghe như của Hà hồi nhỏ.

Lúc ông già, bà già về, trăng vẫn chưa lên. Hà đã bắt đầu xay bột. Bà già từ trong nhà ra mắt nhắm nghiền, tay cầm cây đèn ánh sáng chao chao. Bóng Hà xô lên xô xuống, lúc xa lúc gần cối đá, vỏ vệp. Ông già lẩn quẩn bên hai người, vẫn với vẻ sẵn sốc khó hiểu. Khi ông đã ôm mừng ra mắt

ngoài chõng, Hà nghe tiếng ông trở mình luôn. Trăng hạ tuần lên chênh chếch phía ngoài lò gạch, hai người nghỉ tay. Hà lại gần chõng nhìn vào, thấy phía trong trống trơn. Ông vừa ở trong nói vọng ra đông dài chuyện bầu cử, giờ đã đâu mất. Hà thở dài, chợt nhớ ra. Ông sợ ngày mai bầu cử, đêm nay có những chuyện không hay xảy ra.

Chắc ông lại ngủ nhờ nhà một người quen nào hoặc chui vào một bụi rậm, chờ gà gáy lần về ngủ yên trong mừng như hồi trước kia.

Hà đóng cửa, nằm ngủ, thấy hơi thở lại nặng nhưng không dám xuống vống nằm sợ bà già lại mất công gọi lên giường. Về sáng Hà chợt thức giấc thấy lạnh. Ngoài nhà như có tiếng mưa rào rào, Hà loay hoay không ru được đầu óc ám áp như lúc bắt đầu nằm để ngủ lại. Tiếng gió nghe thiệt dữ, như bão. Hà nhồm dậy xuống giường. Qua khe cửa, ngoài sân trắng thiệt sáng. Hà ra hiên thấy ông già đã về. Chiếc mũng gió bật vào tường. Ông già nằm co, bụng chặn mền, hai cánh tay có những đường máu đọng. Gió nam từ ngọn núi trước lò gạch ào ào thổi. Những thân dừa ngoài gò đất lá đập dồn dập như mưa. Sau nhà, ngoài khe nước, đầu đầu cũng dậy tiến động mưa xối nước đó.

"Sáng rồi còn gì".

Tiếng ông già nói tỉnh táo. Sau lò gạch, mơ hồ những tiếng gà gáy tạt gió. Hà ngồi bệt xuống bậc cửa, không ngờ giấc ngủ đã dài thế.

"Kêu má mày dậy vừa rồi".

"Đề ngủ thêm chút nữa. Tôi lo sửa soạn trước".

Hà ra giếng sau nhà với cần kín nước, bung gạo ra cối, tra lại cái cần xay. Tiếng trống mõ bắt đầu nổi lên từ trụ sở ấp vọng về. Trong chóc lát khắp nơi đều vang tiếng đập, gõ. Tiếng ông già gọi Hà vào hiên. Ông đang vắn một điều thuốc.

"Hồi hôm định nói với má mày để tao đi thăm thằng Hai, một chuyến mà e má mày lại kêu tốn tiền".

Hà đứng bên cái chậu nhôm đã móp. Giọng ông già như giọng nói chơi. Mặt trăng lên cao vàng đậm. Hà lại thấy ngực nặng, muốn ườn người vùng vẫy. Ông già nói chơi thiệt. Nhưng rồi ông sẽ đi. Ông nào biết anh Kiều Con ra sao mà nói nhớ. Ông muốn mượn có để đi mà thôi. Đối với

ông, anh Kiều Con có khi chỉ là một người con trai như bất cứ người con trai nào khác.

"Sáng thật rồi còn gì".

Ông không tìm đến người con trai đó đâu. Ông muốn mượn cớ. Ông muốn đi để kiếm một cánh đồng bằng nào khác đó thôi.

"Bả không kêu đâu. Bả nhớ anh Hai nhiều đến không ngủ".

Ông nhìn Hà rồi bập bập từng hơi thuốc. Ông cứ đi đi, đi hoài tới bao giờ ông kiếm được một vùng đất thấp hơn những nơi ông đã đặt chân, ông đã hình dung từ trước tới giờ. Hà nhường ông mà không oán trách. Hà còn có những ngày chờ anh Kiều Con về.

"Để sáng tôi nói với má".

Hà cúi xuống cầm cái chậu tôn ra gần khe nước. Trăng cuối mà sáng tỏ như ban ngày. Hà cúi xuống cầm một thanh tre gõ vào thành chậu. Giờ đây Hà mong anh Kiều Con về lắm. Những lúc về sáng anh vẫn ưa gọi Hà dậy nói chuyện về đứa con sau này. Hà mong anh về như không lẽ bắt chước giọng người con gái trong vạt của một đài phát thanh bí mật trên núi trên rừng, ngày đêm đơn chiếc gọi xuống đồng bằng, kêu giết thiệt nhiều? Hà không kêu được thế. Hà chỉ muốn anh mau về. Muốn anh đừng để chiếc cối đá ăn ở với Hà. Đừng để Hà hoài hoài treo vông dựng đứng, chặn ngực, mơ cũng một đứa con của đá cắm đầu chạy vào ngọn núi có vua Nam tiến đề thơ.

# VIÊN LINH

## Anh lùn cạnh nhà thờ Đức Bà

(Nghệ thuật số 27)

Trên nguyệt san Tin Sách của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam số 44, tháng 2-1966, ông Vũ Hạnh được dành 4 trang để điểm cuốn tiểu luận *Tiếp Nói* của Trần Thanh Hiệp, do nhà Sáng Tạo xuất bản. Ở đoạn kết bài đó, ông Hạnh viết :

“Không có một cái nội dung dân tộc cụ thể, mọi sự đổi mới cũng sớm trở thành trừu tượng mâu thuẫn, và xa dân tộc. Trong bài *Sự thưởng ngoạn nghệ thuật bây giờ*, tác giả quan niệm văn nghệ không còn chọn lấy đối tượng trong đời sống dân tộc, không dựa theo một cảm quan dân tộc mà chỉ căn cứ vào sự suy luận chủ quan của người văn nghệ, và độc giả phải tìm thấy bốn phần tìm hiểu tác giả như là đối tượng của mình. Đó là một sự đảo ngược, và sự đảo ngược như thế chính là một thứ quan niệm vay mượn từ những sinh hoạt phân ly trầm trọng của một xã hội Tây Phương. Cho nên *nghệ thuật bây giờ* mà tác giả đem hết tình biện hộ, không còn vay mượn gì ở truyền thống của dân tộc nữa, như tác giả viết : “ *Sở dĩ nghệ thuật bây giờ lay động người thưởng ngoạn nhiều bởi vì nó đã thực sự ly khai được với nghệ thuật trước nó*” (trang 54). Thiết tưởng dù có đổi mới bao nhiêu, văn học nghệ thuật cũng phải là sự Tiếp Nói. Khi đã *thật sự ly khai* là đã chối bỏ, và đã chối bỏ là đã bắt đầu lạc lõng. Cũng như về thơ tự do, dù tác giả và bạn hữu có biện luận đến bao nhiêu cái thực tại ấy hiện nay cũng đang suy mòn rõ rệt. Nó không “*lớn mạnh một cách hiển nhiên*” như tác giả đã xác nhận theo lòng tin tưởng của mình, ở đoạn cuối bài, bởi vì trong khi khai sanh ra lối thơ đó, những nhà thơ của chúng ta cũng chỉ căn cứ vào sự chủ quan nhiều hơn là vào thực tại dân tộc. Qua những lý lẽ phân tích, người ta chỉ thấy tác giả đề cập đến phần kỹ thuật mà

không xác định thật rõ yếu tố nông cốt cấu thành ra nó, là một kêu đòi của xã hội thực sự hiển nhiên.

Không, xã hội chúng ta đang sống không hề biến thể theo nghĩa đổi mới mà chính trong nhiều địa hạt nó đang đi lại một cái vòng tròn lẫn quẩn, Và thơ Tự Do hiện tại là con đẻ của lý trí nhất thời, đã bị lý trí từ khước, và nếu nó còn tồn tại ở mức độ nào la nhờ nó được nuôi dưỡng ở lòng tự ái nhiều hơn.”

Ở đây tôi không bàn gì đến cuốn *Tiếp Nói*, cũng như đến thái độ của Trần Thanh Hiệp trước các vấn đề văn học nghệ thuật, nhưng tôi sẽ nói về thái độ của ông Vũ Hạnh, trong vài nhận định về nghệ thuật. Tôi không phải là một người suy nghĩ về văn học nghệ thuật. Vấn đề văn nghệ và nội dung dân tộc do đó không phải là vấn đề cần thiết đối với một người làm thơ, viết văn. Tôi là một người làm thơ, viết văn, nghĩa là không sống trong sinh hoạt văn nghệ như một người biên chép những tác phẩm đã hoàn thành, mà hoàn thành những tác phẩm. Do đó không bao giờ tôi bận tâm về vấn đề gọi là nội dung dân tộc, nhất là lại “nội dung dân tộc cụ thể” như ông Hạnh viết. Hạn định một nội dung dân tộc trong việc sáng tác là lỗi hạn định của một thứ cán bộ, không phải của một nhà văn. Mang dân tộc ra để nhận định về một vấn đề nghệ thuật là tác phong của các ánh đèn dầu cho văn nghệ hơn là một nhà đọc sách. Ông Hạnh viết:

*“Không có một cái nội dung dân tộc cụ thể, mọi sự đổi mới cũng sớm trở thành trù tượng mâu thuẫn và xa dân tộc”.*

Tôi không biết ông Trần Thanh Hiệp đặt vấn đề văn nghệ dân tộc ra sao, và ví dụ là có, thì tôi không cần biết, nếu không muốn nói thêm là ông Hiệp đã không nhân danh văn nghệ khi nói tới điều đó.

Ông cũng nhân danh một tư cách gì đó tương tự như tư cách một thứ cán bộ khi ông nói đến văn nghệ dân tộc. Văn nghệ của người Việt Nam là văn nghệ của Dân Tộc Việt Nam. Đặt vấn đề dân tộc trong văn nghệ chỉ là việc làm của những anh ở ngoài văn nghệ, hay muốn dựa dẫm vào văn nghệ, như anh lùn cạnh nhà thờ Đức Bà dựa dẫm vào lòng bác ái của kẻ ngoan đạo.

Anh ta chỉ có thể sống được khi tiếng chuông nhà thờ còn  
 đổ. Anh ta cần người ngoan đạo. Nhưng người ngoan đạo  
 không cần nhìn thấy anh lùn mới biết là mình đang đi nhà  
 thờ. Tôi không thấy có cái gì gọi là trù tượng mâu thuẫn  
 khi đọc một truyện ngắn “ không có một cái nội dung dân  
 tộc cụ thể”.. Ông Hạnh còn viết “*Cho nên NGHỆ THUẬT  
 BẦY GIỜ mà tác giả (tức T. T. Hiệp) đem hết tình biện hộ,  
 không còn vay mượn gì ở truyền thống của dân tộc nữa ..*”  
 Nói vay mượn tức là nói cái này vay mượn cái kia, hay là  
 cái này ở ngoài cái kia. Như thế là đặt văn nghệ như một  
 thứ gì đó tự nó ở ngoài dân tộc, và muốn có truyền thống  
 dân tộc, nó phải vay mượn. Tôi nghĩ không một nhà văn nhà  
 thơ VN nào có tự ty là mình phải vay cái này, vay cái kia  
 của truyền thống dân tộc mới hoàn thành được một tác  
 phẩm văn nghệ. Những người có tự ty ấy vốn thật sự hấn ở  
 ngoài văn nghệ, và thèm muốn được chấp nhận như có ở  
 đây ở Việt Nam, có nghĩ đến Việt Nam, văn nghệ Việt Nam.  
 Đặt vấn đề ấy ra là bởi vì hấn không có chủ quan của người  
 sáng tác: hấn đi vào sáng tác bằng lối suy nghĩ. Người sáng  
 tác đích thực là người nghĩ trong tác-phẩm-đã-hoàn-thành,  
 chứ không phải sáng tác theo một hạn định nào đó (vì hạn  
 định ấy sẽ được chấp nhận như một lẽ đương nhiên)  
 Người làm văn nghệ là kẻ duy nhất có quyền quyết định về  
 văn nghệ, và vấn đề của văn nghệ nằm ở trong nó chứ  
 không nằm ở trong một đối tượng nào khác. Có một nghìn  
 thứ nội dung nhưng chỉ có 1 thứ văn nghệ. *Chinh khí cụ*  
 không phải là văn nghệ. *Mười Điều Tâm Niệm* , không phải  
 là văn nghệ. Đặt đối tượng dân tộc cho văn nghệ cũng như  
 đặt đối tượng học trò cho nhà giáo.  
 Người làm văn nghệ không bao giờ sợ bị đuổi, bởi vì hấn tự  
 chọn đối tượng theo chủ quan - như tôi chỉ làm thơ về tôi  
 thôi - chứ không phải đối tượng chọn hấn. Vậy đối tượng  
 của văn nghệ là thuộc quyền người văn nghệ, do sự chi phối  
 của người văn nghệ hấn làm chủ một thế giới theo quyền  
 năng và cung cách của một Hoàng Đế, một nhà độc tài,  
 không cần do dân bầu : hấn hoàn toàn tuyệt đối, hoặc sống  
 hoặc chết, nhưng không cần ve vãn ai chỉ để thu lấy một số  
 phiếu vừa đủ để đứng ở đó. Nội dung này nọ chỉ là việc  
 nhòm ngó từ ngoài tới. Trong bài *Tùy Bút cho một thi sĩ*,

Nghệ Thuật số 12, tôi đã nói về điều này.

Ông Trần Thanh Hiệp cũng bàn về chủ quan của người văn nghệ, và cho rằng độc giả cần nhìn tác giả như một đối tượng. Ông Vũ Hạnh cho rằng đó *“chính là một thứ quan niệm vay mượn từ những sinh hoạt phân ly trầm trọng của một xã hội Tây Phương*.

Tôi không biết xã hội Tây Phương, dù là một xã hội Tây Phương nào đó thôi, nó như thế nào. Nó phân ly cái gì, với cái gì, nhưng theo tôi hiểu, ông Vũ Hạnh muốn chỉ sự phân ly giữa cuộc sống của người này với người kia. Cũng theo tôi hiểu, ông vũ Hạnh muốn, người viết phải *“dựa theo một cảm quan dân tộc”* để đến với người đọc. Cảm quan dân tộc ở đây không phải là tinh thần mà là số lượng : cảm quan của đa số. Ông Hạnh muốn tác phẩm là một thử cửa ngõ cộng đồng để nhiều người cùng có thể tới đó, tụ họp ở đó - thay vì các tác giả của nghệ thuật bây giờ muốn có một sinh hoạt phân ly, theo ý ông Hạnh. Nếu mười người đọc 1 cuốn sách cùng có một thứ “cảm quan dân tộc” - như lũ học trò cùng nhận được một lời giảng - thì cuốn sách đó chỉ là một thứ ca dao bằng văn xuôi - một thứ Thạch Sanh Lý Thông tuyên tập từa như tác phẩm Vượt Thác mà thôi. Cuốn sách không phải là một sân khấu cùng một lúc đón nhận bởi đám đông. Nó đến với từng người trong nhiều hoàn cảnh. Nó là sinh hoạt phân ly.

Tất cả là sinh hoạt phân ly, kêu gọi cộng đồng không phải là công việc người văn nghệ : người văn nghệ kêu gọi mỗi người sống lấy mình mà thôi. Kêu gọi cộng đồng là công việc của kẻ đã được sống sót vì lòng thương của kẻ khác, như anh lùn cạnh nhà thờ. Đức Bà được sống bởi các con chiên.

Ông Vũ Hạnh viết : *“dù có đối mới bao nhiêu, văn học nghệ thuật cũng phải là sự tiếp nối.”*

Tôi không thể nào quan niệm được rằng văn học nghệ thuật là sự tiếp nối. Người cán bộ này có thể tiếp nối người cán bộ kia, nhưng nhà văn này không thể tiếp nối nhà văn khác, nếu không lật ngược trở lại bởi chúng không nhận lãnh nhiệm vụ với ai, ngoài mình ra. Quan niệm văn nghệ là tiếp nối là một quan niệm có tính cách vui ích, công lợi, điều hòa. Lối văn nghệ ấy cũng cần phải có, chứng có là xã hội

này, dù bao đời mới, vẫn có ông Vũ Hạnh.

*“ Cũng như về thơ tự do, dù tác giả và bạn hữu có biện luận đến bao nhiêu cái thực tại ấy hiện nay cũng đang suy mòn rõ rệt... bởi vì khi khai sinh ra lối thơ đó, những nhà thơ của chúng ta cũng chỉ căn cứ vào sự chủ quan nhiều hơn là vào thực tại dân tộc” ... Và thơ Tự Do hiện tại là con đẻ của lý trí nhất thời, đã bị lý trí từ khước, và nếu nó còn tồn tại ở mức độ nào là nhờ nó được nuôi dưỡng ở lòng tự ái nhiều hơn”.*

Tôi không nghĩ rằng khi khai sinh lối thơ Tự Do, những người như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên phải nghĩ đến cái gọi là thực tại dân tộc. Thực tại là nơi sống của người văn nghệ, nhưng nó không cần thiết cho Thơ, như liên hệ hữu ích hay liên hệ nguyên nhân cũng vậy. Tôi không cho rằng TTT rất bình thân để tung ra một lời kêu thét. Nghĩ được như vậy chỉ có những anh lùn cạnh nhà thờ Đức Bà. Ông Vũ Hạnh muốn tách rời Thơ Tự Do ra khỏi cuộc sống hôm nay - dù đã 10 năm nó có mặt ở đây rồi. Cũng dùng những tiếng như nội dung dân tộc cụ thể, cảm quan dân tộc và thực tại dân tộc, nhiều quá, nhưng bị cáo vẩn hườn hườn đi qua đi lại và tự nó làm xấu hổ bọn phán xét. Ông muốn thơ phải khách quan. Có cái gì ở đời lại khách quan, kể cả viên đá ở trong tay thằng Ất thằng Giáp hay thằng Tý thằng Sửu ? Mang khách quan ra nhận định một sáng tác văn nghệ chỉ có cách đẩy một vài thể hệ trong đó có cả một thể hệ ngu muội. Ông dùng chữ các nhà thơ của chúng ta. Nghe lời đó, tôi cảm như nghe anh lùn cạnh nhà thờ Đức Bà chúc tụng kẻ qua đường. Không cần thiết. Và người làm thơ không là của ai hết Tôi là thi sĩ của tôi thôi, bởi vì tôi bất lực với đồng bào và cảnh vật. Tôi không giúp ích xã hội này bằng một cán bộ được. Làm thơ mà nghĩ đến thực tại xã hội - thực tại dân tộc - là làm về thời đại. Ông Vũ Hạnh và nghiệp đoàn cán bộ trong 10 năm nay phát giác được bao nhiêu thi sĩ qua tạp chí Bách Khoa ? Vai trò một người tự nhận là phê bình văn học, cộng tác thường xuyên của một tạp chí, đã làm được gì trước những tài năng chưa xuất hiện, hay chỉ sống nhờ vào những tài năng đã có ? Bỏ qua những thứ ấy, tôi muốn bàn về quan niệm thơ tự do là con đẻ của lý trí, đã bị lý trí từ khước. Lý trí phải từ khước thơ, một

thằng lùn cũng phải biết như vậy. Nói đúng hơn, biết bao nhiêu lý trí sáng suốt trong bao nhiêu thế kỷ qua không được Thơ chấp nhận. Ông Hạnh nói Thơ Tự Do là con đẻ của Lý Trí là chỉ muốn mang Thơ hàng phục lý trí. Tôi tưởng ở VN, những người làm thơ tự do đều khước từ trước hết sự chấp hành lễ phải trong Thơ. Nó không chỉ nhận cái Sáng mà còn nhận cái Tối, nó nghi ngờ lý trí như nghi ngờ những tên lùn. Người ta cũng không nghĩ ra thơ Tự Do như có kẻ đã ngồi nghĩ ra niêm luật cho thơ đều vận khi người ta nghĩ phải làm thế này, thế kia không phải từ cái nghĩ một đây tới cái nghĩ hai, mà vì thấy thực tại là khôn khổ, thấy thơ trước nó là mòn mỏi, và lao vào làm cho biến đổi đi, dù thân phận chỉ như một hạt bụi trong guồng máy.

Kẻ nuôi dưỡng tự ái để sống không phải là kẻ được đón nhận, có bạn hữu vây quanh, mà chính là kẻ cô độc và bị bỏ rơi. Thi sĩ Việt Nam, dù cà mềng như thi sĩ Đoàn Thêm vẫn không bao giờ bị bỏ rơi hết. Dùng chữ tự ái để chỉ những người làm thơ tự do hiện nay ông Vũ Hạnh đã phải dùng đến thứ khí giới đề (*hay để ??? chú thích của TQBT: chữ mờ quá, không đọc được*) hạ nhất là lòng ái ố của con người, dù rằng ông đang làm công việc của một người thẩm định sách vở. Gọi nó là con đẻ của lý trí, ông Hạnh đã quên cách đây nhiều năm, người ta kêu rằng không hiểu được thơ tự do trong khi ngày nay, ở bất cứ một tờ nhật báo nào cũng có thơ tự do. Ông Hạnh có thể dùng chữ con đẻ của lý trí vừa để chỉ Thơ Tự Do là một phát minh của sự suy tính, luận lý, vừa chỉ nó là một cái gì phi Thơ. Tuy nhiên trong cả hai nghĩa đều là không đúng. Tôi chưa thấy một thể hệ nào có Thi Ca giản dị như Thơ Tự Do, giản dị đến nỗi ai cũng biết nói đến cách làm thơ tự do. Nếu thấy sự lỏng chỏng hay đa dạng của nó thì không phải vì đó là một cố tình rắc rối, mà là một cách nói hết sự thật, nghĩ đến đâu viết đến đấy, nghĩ cái gì **nói cái ấy, nghĩa là không sửa soạn, xếp đặt**, không cầu kỳ, lập dị : Thơ Tự Do đã giản lược từ ngữ đến chỗ nhẵn bóng nhất.

Cho đến bây giờ có kẻ chưa hiểu được Thơ Tự Do chỉ vì chưa ai dạy hẳn cách đọc, cách ngâm, trong khi hẳn cứ tưởng rằng đi vào một bài thơ tự do cũng bằng cái lối đi vào

một bài lục bát. Nếu có thứ thơ để ngâm thì có thứ thơ để đọc. Nếu có thứ thơ rủ rỉ thì thầm thì có thứ thơ để hát lên, kêu lên, cử động cả chân tay mà diễn tả không phải là ngồi im, ủ rũ để ê a.

Tôi không thể nói cho ông Vũ Hạnh rõ những yếu tố cấu thành thơ Tự Do. Tôi chỉ biết nó đã cấu thành rồi. Tuy nhiên, sinh lý của thơ tự do ngày còn biến động, bởi vì sau một thời gian thoát thai, nó còn nổi trôi trong thế giới chưa xác định. Điều chắc chắn là sinh lý của nó là một sinh lý tự do, sản phẩm của một cõi đời mới vừa dứt bỏ cái mặt đất phẳng lì.

Thơ Tự Do cũng có nhân vật. Nó muốn là một nhân vật có bộ dạng riêng, và nhân vật thơ hôm nay không muốn chỉ làm kẻ hào hoa hay nhàn tản, nó muốn là kẻ có bản chất biết nghi kỵ mọi điều, bao gồm khả năng của một đời sống mỗi lúc một biến đổi và tan vỡ, làm đứa con hoang hơn là đứa con cầu tự. Nó không thích hợp lẫn nhau vì nó, nhân vật ấy, không chấp nhận là một công dân trong một cộng đồng, nghĩa là không phải là kẻ phải làm những nhiệm vụ xã hội mặc nhiên đổ lên đầu, mà muốn tự nó xây dựng lấy cái sống. Thơ Tự Do là một quốc gia không có dân, hay là cái cây duy nhất mọc trong sa mạc...

Tôi có đọc ở đâu đó rằng mỗi thân xác có một số khuyết đều nhau, mà những cơ quan có hai khuyết (như mũi, tai, mắt) thanh cao hơn là những cơ quan có một khuyết. Bởi thế, tôi gọi người có tầm nhìn thấp là anh lùn : ở thấp hẳn không thấy được những khuyết thanh mà chỉ thấy được những khuyết tục. Tôi tin đó không phải là điều hẩn cổ ý, thân phận một anh lùn, bất toàn sống nhờ, không thể nào làm hơn được.

VIÊN LINH  
(Nghệ thuật số 27)

# VÕ PHIẾN, THẾ GIỚI TRONG CON MẮT NGƯỜI TÙ

Người viết: VIÊN LINH

NĂM 19 tuổi tôi đã có dịp gặp nhà văn Võ Phiến, trong một chuyến đi Trung. Tôi nhớ rõ đó là năm 1957, năm Hội Chợ Kinh Tế Bình Định khai mạc. Hồi ấy tôi cộng tác với nhật báo Ngôn Luận với nhiệm vụ thông tin viên, cái nhiệm vụ càn tàng nhất trong một tờ báo, cái chức nhỏ nhất của nghề báo. Nhân Hội Chợ Kinh Tế Bình Định, tòa báo muốn cử một người đi Trung, theo ông giám đốc trị sự, vừa để thăm thú Hội Chợ, vừa để ghé mấy tỉnh miền Trung làm quảng cáo cho tờ báo, đưa plaque xiné cho các rạp chiếu bóng, cho kẻ vài cái banderôlê v.v. Do đó mà tới mỗi nơi, chúng tôi đều phải ghé thăm ông Trưởng Ty Thông tin địa phương để xin phép, và nhân thể, xin miễn hoặc giảm thuế quảng cáo. Chiều hôm ấy ông Lê tâm Việt, người giám đốc trị sự, bảo tôi.

- Mình phải đến cha Võ Phiến một cái.

Tới đó mới biết ông trưởng ty thông tin mà tôi sắp gặp là một nhà văn, một nhà văn mà tôi, khi còn ở Sài Gòn, đã đọc qua cuốn Chữ Tình là cuốn truyện ngắn đầu tay của ông. Võ Phiến ăn nói nhỏ nhẹ, trên khuôn mặt nhễ ra là đảm chiêu luôn luôn có một nụ cười không thành tiếng, người to mà gầy, dáng đi hơi hấp tấp, thái độ vô vậ nhưng im lặng. Mười năm trước, trong một căn nhà gia đình ông cư ngụ ở Qui nhơn, cho tới tuần lễ này, tôi vẫn không nhìn thấy sự khác biệt nào những hình ảnh đã thu vào cái nhìn đầu tiên. Cũng trong căn nhà này, trên tường treo một pho bản tấm tranh mây thiếu nữ của họa sĩ quá cố Tô Ngọc Vân. Những tấm thân trắng lá lợt như trong một vườn xuân. Sau này,

khi đọc một truyện ngắn của Võ Phiến, tới cái đoạn người cha nhíp trống mà làm Lữ Bố cho cô con gái múa lượn trên nền nhà làm Điều Thuyền, tôi có cảm tưởng liên hệ tới tấm tranh kia. Dường như trong truyện *Thương Hoài Ngàn Năm*, cô con gái 13 tuổi của đồng quê, cười trâu lông ngông ngoài đồng, quần áo tóc tai đậm mùi thuốc lá cuộn của cha, lớn tướng mà còn phải dễ chị mắng: “Trời ơi ! con gái chừng này còn ngủ với cha kỳ cục lắm” (1) cũng cho tôi một liên tưởng gì đó tới Võ Phiến. Có người dùng chữ “chẻ sợi tóc làm tư” để nói đến lối văn của ông. Riêng tôi mỗi khi nghĩ tới tác giả *Một Mình* tôi vẫn thích những đoạn ông tả về đàn bà. Đàn bà dưới mắt Võ Phiến nó hiện hình rõ rệt từng nét, từng miếng, nổi lên đằm đằm và nặng nặng. Trong một bữa ăn ngắn tại một tiệm cơm Tàu ở Saigon, tôi có nói với Võ Phiến về cả hai chuyện sợi tóc và đàn bà ấy. Và tôi thấy phải hiểu Võ Phiến như hiểu một Người Tù : ông là một người tù đích thực và là một người tù trong cái nhìn. .



Võ Phiến đã ngồi tù 2 năm, trong một nhà tù Cộng Sản, khởi từ 1952 và hết từ 1954, nhờ hiệp định Genève về Việt Nam. Câu chuyện không có tính cách chính trị, nó như lặn vào giòng máu của con người Việt Nam, nhất là con người miền Trung, đất cách mạng, đất nổi dậy. Mở mắt chào đời cách đây 41 năm, ở một nơi mà mới đây quân đội Mỹ đã giao tranh ác liệt với quân cộng sản, Phù Ly thuộc Bình Định, 50 cây số cách thị xã Quy Nhơn. Võ Phiến ngay khi trưởng thành, cũng như những thanh niên Việt Nam sau ngày toàn quốc kháng chiến, đã là một người tranh đấu. Năm 1946 sau mấy tháng học ở Hà nội, ông phải trở về quê hương vì chiến tranh đe dọa bùng nổ . Sống ở Bình Định, nơi đàn bà con gái múa doi đi quyền nghề như Triệu Minh với Chu Chỉ Nhược, Võ Phiến hẳn cũng phải làm một cái gì. Trong cuốn *Giã Từ*, ông viết về một người yêu tham gia kháng chiến trước ông, và do đó, ông bèn cũng phải lên đường. Ông nói : “Nàng nhập ngũ, không lẽ tôi lại ở nhà ngồi đan áo gửi cho nàng sao ?” Người bạn đời của tác giả *Một Mình* bây giờ chính là nhân vật nữ trong cuốn *Giã Từ* theo như tôi hiểu. Bởi vì chị lúc ấy là một liên lạc viên, và sau khi chị là một liên lạc viên rồi, Võ Phiến mới lên đường,

và cũng mới xung vào đội liên lạc : Năm ấy là năm 1948  
Những năm sau ông trở thành cán bộ tuyên truyền và sau  
nữa, trở thành cán bộ giảng viên. Nhưng vài năm sau, tại  
năm tỉnh miền Trung nổi lên phong trào chống Cộng, trong  
đó một thầy học cũ của Võ Phiến là một lãnh tụ. Công cuộc  
chống Cộng còn đang ở giai đoạn khai mở - chưa kịp tổ  
chức lấy một cuộc biểu tình, thì đã bị phát giác. Người thầy  
học đáng quý ấy một ngày kia nhận được bản án tử hình, và  
một đường mã tấu hay một băng đạn nào đó đã kết liễu cuộc  
đời ấy. Về phần nhà văn, ông bị kết án tù.



Giai đoạn đó quan trọng đối với Võ Phiến. Trong một gian  
phòng mỗi bề bốn năm thước, ông bị nhốt cùng ba chục  
người khác. Phòng chia thành tầng để có chỗ cho nhau cùng  
ngủ, theo lối tổ chức của một ký túc xá luận thuộ, nhưng  
vẫn phải chia ca. Có ca thức, có ca ngủ. Khi thức, người tù  
đứng đó, ngồi đó giữa hàng chục người khác. Khi ngủ, người  
tù nằm đó, mê sảng ở đó, giữa hàng chục người khác. Trong  
cuộc sống bốn tường ấy, bản năng con người hiện ra hoàn  
toàn không cách gì che dấu. Mỗi một ngày, người đó để lộ  
ra một cử chỉ không thể kiểm soát nổi. Trong nhiều năm,  
mỗi ngày một tý, anh ta đã để lộ ra bằng hết con người của  
mình. Hàng chục con mắt thay phiên nhìn ngó anh, anh  
sống hai nghĩa người tù. Người tù thể xác và người tù tinh  
thần, người tù cầm giữ bởi xiềng xích song cửa tường dày  
và người tù cầm giữ bởi cái nhìn của kẻ khác. Võ Phiến  
nói :

- Trong tù, cái tự do nhất còn lại là nhìn. Nhìn và thu nhận.
- Có lẽ đó là lý do khiến anh tỷ mỷ trong khi viết ?
- Có lẽ như vậy.

Bởi thế, Võ Phiến viết văn một cách cần mẫn, mỗi ngày một  
ít, vài ba trang, như trường hợp tác phẩm gần đây nhất của  
ông là cuốn *Một Mình*. Ông đã hoàn thành nó trong vòng  
một năm. Ông viết khó, sửa đi sửa lại. Tôi không nói ra,  
nhưng tôi hiểu vì sao ông đã tả đàn bà hay đến thế, đậm như  
vậy. Người tù có làm gì hơn được là dồn hết bản năng lên  
cái nhìn, và chính đời sống bản năng, chính một bản chất

nhân vật, là cái nổi rõ nhất trong tác phẩm của Võ Phiến. Đồng ý rằng truyện của Võ Phiến có cốt truyện, nhưng cốt truyện ấy dần trải ra mãi, và nhiều lúc đó chỉ là dịp để tác giả viết ra những điều ông đang nhìn hay đã nhìn. Văn của ông đi dần dần, soi rõ từng đợt từng đợt, từ đầu đến chân một con người. Nó cũng không chỉ đến đó là hết, mà ngày mai, con người ấy lại được nhìn thêm một lần nữa, từng đợt từng đợt, và trong mỗi đợt, bật ra một chi tiết mới, lại khiến người nhìn có một kết luận mới (2).

Đọc xong mỗi truyện của ông, người ta mới thấy nhân vật được hình thành. Chấm dứt một câu chuyện mới thấy cuộc đi tìm bản chất chấm dứt. Nó lộ dần, lộ dần, trong khi đời sống của nó khép lại, đóng lại. Nhân vật bị vây hãm trong sự quan sát kỹ càng, soi mói và lúc mà nó được thả tự do, nó trở thành một kẻ có quá khứ bị giam cầm, bị nắm chắc trong tay người khác. Quá khứ bị đánh dấu, như lý lịch nằm trong tay công an, từ đó họ vừa sống vừa tự kiểm soát để khỏi bị lộ hình tích. Và cũng từ đó họ phải sống trong một khuôn khổ nhất định,

□

Trong lúc vui chuyện, tôi hỏi Võ Phiến những dịp nào đã khiến ông bước vào nghề văn. Điều này hầu hết các tác giả đều có một câu trả lời tương tự. Viết từ hồi niên thiếu. Ôm ấp văn chương như một người tình nhân muôn thuở, hé biết từ ấu thơ và dan díu tới cuối đời mình. Có đôi khi xa cách nhưng đó không phải lòng người thay đổi, mà vì những lý do tự bên ngoài. Ngay những năm đầu ngồi dưới mái trường Thuận Hóa ở Huế, Võ Phiến cũng hé biết như thế. Vừa học vừa làm văn, vừa tìm thầy vừa tự dạy. Một trong những ông thầy học thường khuyến khích Phiến là Hoài Thanh, tác giả cuốn “Thi Nhân Việt Nam”. Tuy nhiên, Võ Phiến không nhận được một giúp đỡ nào khác những lời khuyến khích của người thầy này. Ông viết và tự mình phải dọn đường đi. Tới năm 17 tuổi, cái năm đáng nhớ nhất, là một trong những bản thảo đầu tiên, những bản thảo trên con đường phiêu lưu của nó, đã dừng lại ở một mảnh đất đầu tiên chấp nhận nó. Đó là tờ “Trung Bắc Chủ nhật”. Một bờ đất nhỏ của tân lục địa đã tìm thấy, người phiêu lưu cắm cờ và đi

nữa. Võ Phiến được giới thiệu với Đào Duy Anh, và chàng học sinh đệ ngũ của trường Thuận Hoá được ra Hà nội, kinh đô của văn nghệ, đất vàng của văn thơ tiền chiến. Tại đây, người học trò đệ tứ được trú ngụ dưới mái nhà học giả họ Đào, và chỉ trú ngụ mà thôi. Việc ăn học chàng phải tự lo lấy. Hanoi, Võ Phiến theo học trường Văn Lang của ông Đình xuân Cầu, nhưng về mặt văn nghệ, nơi đây vẫn không giúp gì được cho ông. Ông vẫn một mình học và viết, và suy nghĩ. Và chẳng thời gian này cũng không kéo dài được bao lâu, kháng chiến tới, ông thu dọn hành lý và trở về Bình Định ngay niên học đó.



Một trong những tác giả ngoại quốc mà ông đọc nhiều là Proust tác giả “A la recherche du temps perdu”. Những tác giả trong nước là Nguyễn Tuân, Xuân Diệu và Huy Cận.



Năm 1954, ngay sau khi hiệp định Genève được ký kết, Võ Phiến trở về Qui Nhơn, và làm việc tại đây tới năm 1958 thì được đổi vào Saigon. Hiện nay ông làm việc tại Cholon, ngành thông tin, chức Phó Giám Đốc.

Ông và gia đình có một căn nhà gạch ở đường Trương tấn Bửu, một xe Simca 1000 và một xe Velovap. Ngoài công việc nhà nước, ông còn chủ trương nhà xuất bản Thời Mới, cho tới giờ đã ấn hành được lối 50 tác phẩm, vừa sáng tác vừa phiên dịch. Bút hiệu thứ hai của ông là Tràng Thiên. Kể từ cuốn sách thứ nhất, Chữ Tình, in năm 1956, cho tới nay ông đã sáng tác được lối 10 tác phẩm và phiên dịch được lối 10 cuốn khác. Cũng nên nhắc lại rằng cuốn *Chữ Tình*, ngay từ khi tác giả nó còn xa lạ với giới văn nghệ, đã được đón nhận một cách nồng nhiệt. Tới năm sau, với cuốn *Người Từ*, Võ Phiến trở thành một nhà văn.

Trong những năm đó, cùng với một vài người bạn khác, chúng tôi đã đọc Võ Phiến. Lần lượt từ đó, ông cộng tác với tạp chí Bách Khoa của Huỳnh văn Lang, hồi đầu do Võ thu

Tịnh đảm nhận phần văn nghệ. Những năm 57 - 58, nhóm Võ Thu Tịnh. Võ Phiến, Phan Du, Vũ Hạnh, Nguyễn văn Xuân, Đỗ Tấn Nguyễn Ngu Í.... đã góp mặt thường xuyên và sôi nổi tại Sài Gòn, cùng với họa sĩ Phạm Tăng. Thời gian này Võ Phiến viết rất đều đặn, vững chắc. Ngày nay, công việc của ông khá bề bộn. Cùng với sự giúp sức của vợ, cái bóng thấp thoáng quanh ông mà tôi nhận thấy từ hồi ở Qui Nhơn, nhà Thời Mới hoạt động rất đều đặn, máy in như lúc nào cũng đang chạy hai tác phẩm cùng một lúc. Nhà xuất bản Võ Phiến là người đã đứng ra in lần đầu tiên những tác phẩm của những cây bút mới như Lê tất Điều, Y Uyên, Túy Hồng, trong đó Y Uyên là cây bút đã chọn những đề tài chiến tranh thành công nhất, đã mở ra một phần đất mới mẻ nhất, đã góp mặt bằng cái dáng lặng lẽ nhưng thắm màu nhất.

□

Thật ra, để có thể nói chắc về văn Võ Phiến, tôi không biết phải xác định như thế nào. Cái rõ rệt nhất mà tôi biết là văn Võ Phiến là thư văn nội quan, phơi bày bản năng đến tận cùng, và qua cái nhìn nội-quan, sự vật bật lên như một sân khấu. Nếu có những lối văn mà nhân vật trở thành những vai trò thì tôi nghĩ Võ Phiến ở trong lối văn đó. Dưới ngòi bút Võ Phiến thế giới hiện ra thân mật, không sống sượng nhưng có chút sỗ sàng, bên tình cảm là dục vọng, bên thân thiết là những giả tạo nhìn thấy. Nhìn thấy nhưng không nói ra, không từ chối, làm lơ làm như không biết để câu chuyện xuôi chảy đều đều như sự lạnh nhạt của con người quanh quẩn tiếp diễn.

## VIÊN LINH

---

(1) Thương Hoài Ngàn Năm, trang 22

(2) “Châu có bộ đi hơi chúi tới trước, đi hấp tấp, cho nên phần nửa người bên trên có vẻ vung vẩy...,”

“Châu mới lớn lên, con nhà làm ăn, không chú ý đến truyện trang điểm mấy. Nàng có mớ tóc rất dày, không được săn sóc, thường bờm xờm, bờm ra phía trước trán, làm cho khuôn mặt như sâu tụt vào trong. Trông khuôn mặt ấy nhiều lần thành

quen mắt, đến lúc nhìn những người con gái khác chàng có cảm tưởng như mặt họ lộ quá, cạn quá...

“ Có khi chàng chú ý đến cặp môi, và thấy cặp môi với cái miệng ấy vừa đẹp vừa có vẻ hiền lành, thực thà. Có khi chàng chú ý đến cái cổ và thầm nghĩ : nước da trắng trẻo thanh tú mà cái cổ trông lại khoẻ mạnh ..

“ Khuôn mặt bờm xờm của nàng cứ nghênh nghênh...” *Một*

*Mình* trang 445

## VÕ PHIÊN

# BỀ DẦU TRONG TIẾNG NÓI

Trên Nhật báo *Tiền Tuyến* có một lần Thọ Đầu “thuởng” một số lời nói mới của tạp chí *Lý Tưởng* (của Không quân) đăng lại cho độc giả xem chơi. Việc làm thật đáng công. Lời nói ấy đại khái thế này:

“- Bạn *rước đèn* đều đều với *em*, vậy chừng nào bạn cưới *em* đây?

- *Ít khi* cưới lắm.
- Bar Le Cochon có em *thơm* quá, mình là *người Giao chỉ*, em chê quá Thằng ấy lổ lảng trông đến ghét. *Nặng về phần trình diễn* thật.
- Nào, *đi một đường* cho đẹp mắt coi, ngưng gì nữa.
- Hẹn tám giờ mà chín giờ mới đến. *Lèo*”

Cái giới những tay phong lưu, sống hào hoa phóng túng hơn thiên hạ một chút, thời nào cũng có ít nhiều đặc điểm bay bướm trong ngôn ngữ. Nhưng thời này thì ngôn ngữ của họ phung phí quá lắm. Mà không riêng gì một giới ấy. Đề ý mà xem, trên mặt báo, trong chỗ chợ búa, quán xá, trong đám thợ thuyền phu phen, v.v... ở đâu ta cũng có thể nhặt được những danh từ mới, những cách nói mới.

Tiếng nói của chúng ta trong vài mươi năm gần đây hẳn là có nhiều biến cải. Người ta đã nói đi nói lại rất nhiều về hai mươi năm tang thương vừa qua của dân tộc: nào là thay đổi chính thể luôn luôn, nào là giặc giã liên miên không ngừng, nào là mất mát niềm tin, tiêu tan lý tưởng, v.v... Nếu trong một thời mà cuộc sống của tập thể bị xáo trộn sâu xa như vậy tiếng nói có phản ánh một phần nào những biến thiên ấy thì cũng là sự thường. Nhưng vẫn là một điều đáng xem xét, theo dõi, phân tích.

Tiếng nói sinh ra để đáp ứng những nhu cầu công việc, gần đây phạm vi hoạt động của chúng ta mở rộng ra rất nhiều. Tiếng nói phục vụ sự suy tưởng của con người;

gần đây hoàn cảnh đã đặt ra thêm nhiều vấn đề để suy nghĩ mà chúng ta cũng được tiếp xúc thêm với nhiều hệ thống tư tưởng mới. Tiếng nói dùng thể hiện tâm tình; mà tâm tình của dân tộc thì chắc chắn không có lúc nào ngổn ngang hơn từ hồi đệ nhị thế chiến tới nay. Cho nên giá có ai tìm tòi kỹ về những đổi thay trong ngôn ngữ, chắc sẽ giúp ta hiểu thêm về nhiều phương diện sinh hoạt cùng những nỗi truan chuyên của dân tộc.

\*\*\*\*\*

Kể ra, về sự đổi thay, không phải chỉ có lỗi nói của dân mình là đổi thay nhiều trong vài mươi năm nay.

Ai nấy đều biết tiếng nói là cái gì sống động, luôn luôn biến đổi qua các thời đại. Xưa nay vẫn vậy. Nhưng trước kia, sự biến đổi chậm chạp: một đôi thế kỷ chỉ ghi nhận chút ít đổi mới. Bây giờ thì ở bất cứ địa hạt nào, nhịp tiến hóa cũng tăng nhanh gấp năm gấp mười, cho nên sự đổi thay hiện rõ dưới mắt mọi người. Hồi trước, thơ văn đời nhà Trần so với nhà Nguyễn khác nhau không bao nhiêu. Sau này từ cái giọng nghiêm chỉnh, trịnh trọng, bóng bẩy của Phạm Quỳnh, đến cái giản dị của Tự Lực Văn Đoàn đã cách biệt xa lắc; lại so câu văn viết báo của Hoàng Tích Chu được coi như tân kỳ một thời, thì câu văn ngày nay quá đản biết bao.

Trong cái đà biến đổi dồn dập, gấp rút của thời buổi bây giờ, nhiều sự đáng tiếc đã xảy ra. Có lẽ ở đâu cũng vậy. Maurice Genevoix một hôm có dịp tiếp chuyện một người Nga miền Géorgie. Đó là một người trí thức, đã sống nhiều năm trên đất Pháp, ông ta nói tiếng Pháp trôi chảy, đúng giọng, đúng ngữ pháp, và dùng chữ chính xác đến nỗi rất cuộc chính cái tài xử dụng tiếng Pháp ấy đã nhắc cho nhà văn trong Hàn lâm viện Pháp quốc nhớ rằng kẻ đối thoại với mình là một người ngoại quốc. Chỉ có một ngoại kiều mới nói đúng tiếng Pháp như vậy, chứ còn người Pháp thì tất nói ầu nói sai. Hoặc người ta đọc bậy: *match* thì đọc là *matcheu*, *parc* đọc *parque*; hoặc người ta nói bậy: *prévoir d'avance*, *commémorer un anniversaire*; hoặc người ta dùng lộn xộn, lẫn lộn tiếng nọ với tiếng kia: đáng lẽ là *tribunal* thì gọi

*instance*, đáng lẽ là conseil thì gọi *comité*; hoặc dịch liều tiếng ngoại quốc bất chấp mẹo luật Pháp ngữ: *le vêtement prêt à porter*; hoặc câu văn Pháp xen lộn tiếng nước ngoài: *Tout pressing à la page doit avoir un lav express*.

Những chuyện như vậy cũng đang xảy ra trong ngôn ngữ chúng ta. Hai ông Nguyễn Hiến Lê và Trương Văn Chình, tác giả cuốn *Ngữ Pháp Việt Nam*, đã nêu lên trường hợp những tấm bảng sơn chữ rất to viết: “*Mỗ xe hơi công tĩ*” (thay vì: công ti xe hơi Mỗ), và trường hợp những câu văn ngớ ngẩn như: “*bất cứ thứ ngôn ngữ nào cũng được nói hết lịch sử của nó bởi người dân không biết đọc biết viết*”.

Hai ông nhận thấy cái tệ nói sai này lại chỉ lưu hành ở giới có học nơi thành thị. Trong hạng bình dân, nhất là hạng bình dân ở thôn quê, tiếng nói dân tộc không bị vẩn vọ. Nhận định này phù hợp với những người than phiền thường nghe về lỗi văn nhật trình, về văn chương cải lương, v.v... Có thể những cái này là đầu mối của sự hư hỏng. Kê trí thức xưa kia có lối phát biểu trau chuốt thận trọng của trí thức, người bình dân xưa kia có lối ăn nói hồn nhiên của người bình dân. Nhưng cuộc sống sôi nổi tại đô thị và tình hình phát triển của văn hóa ngày nay đưa quảng đại quần chúng tham dự vào hoạt động văn hóa và lôi các nhà trí thức xuống đường bắt họ làm việc cho đại chúng. Chị hàng rong, anh phu xe, em bé đánh giày, v.v... bây giờ đều biết chữ, đều đọc báo, xem truyện, xem hát, nghe ra-dô. Và kẻ sĩ, nhiều loại sĩ, phải vội vã đặt tuồng, đặt truyện, soạn ca nhạc... để thỏa mãn sự đòi hỏi ấy. Cái quần chúng tiêu thụ sản phẩm văn nghệ mỗi ngày mỗi lớn lên nhanh chóng, chẳng mấy chốc đã trở thành mênh mông. Để kịp cung ứng cho sự đòi hỏi lớn lao và của một khách hàng tương đối dễ dãi, kê trí thức dần dần mất đi sự thận trọng. Trong cái sinh hoạt văn hóa đông đảo, náo nhiệt, lắm lúc “loạn xà ngẫu”, làm gì chẳng có những buông lỏng, khiếm khuyết. Trách rằng tuồng cải lương không có giá trị văn chương bằng tuồng hát bộ là đúng, nhưng tác phẩm một đời cụ Đào Tấn được mấy, trong khi một soạn giả cải lương bây giờ phải bận việc tới tấp, lu bù!

Và lại trường hợp một nhà nho ngày trước ngồi rung đùi nặn nên bốn câu ba vần với trường hợp sáng tác của một

người viết bài đăng nhật báo hay đọc ở đài phát thanh hiện thời khác nhau rất xa. Nhật báo với ra-do là con đẻ của một nền văn minh mới: ở đây yếu tố thời gian cực kỳ quan trọng, con người lúc nào cũng cảm thấy bị thúc bách, giục giã. Cầm bút là phải luyện cái tài bảy bước thành thơ của Tào Thục.

Như vậy sự cầu thả trong lời văn, trong cách nói, hồi gần đây ở đô thị, chuyện ấy cũng giống như là sự sụt giá của nền văn nghệ đại chúng hóa vẫn thường được nêu lên. Càng là ở những chỗ văn minh, con số quần chúng có học càng đông, lại càng có nhiều lầm lỗi trong phạm vi chữ nghĩa, hiện tượng có vẻ nghịch thường mà cũng có lý. Để cho số đông được hưởng thụ, chúng ta phải chịu một vài sự mất mát. Đó là món thuế đóng góp cho sự thăng tiến của đại chúng. Nhà ngữ pháp học có thể buồn chút xíu, nhưng các nhà đạo đức, các nhà chính trị đều vui.

\*\*\*\*\*

Đã trót đem những lỗi ngữ pháp mà liên hệ với một nền văn minh, thì phải nhận rằng người dân quê gần như đứng ngoài cuộc. Về những gì đã xảy đến cho tiếng nói dân tộc gần đây, họ ít công và ít tội. Lỗi văn minh mới xuất lộ và tung hoành ở đô thị, chứ ít ảnh hưởng tới cuộc sống thôn quê.

Thuở xưa người nông dân đã có thời lừng lẫy của mình. Khi ấy họ có công lớn đối với ngôn ngữ, văn chương, nghệ thuật. Nền văn học ta đã bắt đầu bằng những câu hát câu hò góp nhặt được của người dân quê. Trong ca dao của ta cũng như trong Kinh Thi của Tàu, cảnh là cảnh quê, lời là lời quê, nông dân đã xử dụng đầu tiên, đã uốn nắn, trau chuốt tiếng nói của dân tộc.

Nhưng thời đó qua rồi. Thế kỷ 20 đối với thế kỷ 19 đã xa cách rồi, hướng hồ đối với các thời trước. Văn chương bây giờ ít đề cập đến thôn quê. Bây giờ ít ai viết chuyện *Ao ma* (*La mare au diable*) với *Cô bé Fadette* (*La petite Fadette*) nữa. Người nông dân lánh mặt khỏi các tác phẩm văn nghệ, lẽ dĩ nhiên tình cảm và ngôn ngữ của họ cũng dần dà bị thay thế.

Ngay ở xứ ta, nông dân còn chiếm đa số, nông nghiệp còn giữ vai trò kinh tế quan trọng, nhưng đề tài của phần lớn tác phẩm hậu chiến, của văn nghệ gọi là “hôm nay” cũng thường là lấy ở cuộc sống đô thị. Những chuyện tình được số nhiều độc giả bây giờ ham đọc là những truyện yêu nhau ở phòng trà, quán kem, chứ không phải những sự tích tình tự dưới bóng hoàng lan, bên rặng tre già, dưới giàn trầu không, v.v... Ngôn ngữ ái tình không còn là:

*“Trèo lên cây bưởi hái hoa*

*Bước xuống vườn cà...”*

nữa. Bây giờ phải xài thứ tiếng nói khác:

*“Bar La Cochon có em thơm quá...”*

Điều đáng chú ý là những sáng kiến ngôn ngữ kiểu ấy được phổ biến rất nhanh, lan tràn rộng, chẳng mấy chốc xâm nhập vào cuộc sống khắp nơi. Chữ *em*, dùng theo lối riêng, bây giờ thông dụng quá rồi. Chữ *sức mấy* vừa ra đời đột ngột, được truyền đi lẹ như điện. Lối nói của những nhân vật của Hoàng Hải Thủy, Văn Quang, v.v... đã vượt ra ngoài cái giới chơi bời. Trong xã hội có sẵn hoàn cảnh thuận lợi cho sự phổ biến, gần như có cả một không khí đón đợi, chực thu hút lấy những sáng kiến như thế.

Dĩ nhiên xã hội không gồm toàn thị dân, càng không gồm toàn hạng người ăn chơi tán tỉnh, nhưng ta đã thấy xã hội vui lòng chấp nhận họ, có vẻ có cảm tình với họ. Người tình điển hình hôm nay không lỏng buông tay khẩu trong tiết thanh minh, không làm chủ đồn điền thái ấp, không sâu mộng lên đồi thối sáo, v.v... Người điển hình đã thành một người đô thị sành sỏi, đập phá, đàng điểm một chút, bê bối mà thông minh láu lỉnh, Con người đô thị ấy đang làm chủ động trên sân khấu; nếp sinh hoạt, lối yêu đương, kiểu ăn nói của người ấy đang được chú ý, đang gây ảnh hưởng, tiếng nói dân tộc sẽ biến cải đi, tốt hay xấu một phần do người ấy. Người ấy đang nhận lãnh cái “sứ mệnh văn nghệ” từ chàng nông dân “đêm qua tát nước đầu đình” trao lại. Ca dao, tục ngữ đã ghi lại nếp sống tinh thần và vật chất của người dân quê ngày trước, thì những lối nói mới sẽ phản ảnh vào trong ngôn ngữ cái hình ảnh, cái phong độ của con người đô thị.

Các nhà nghiên cứu văn học đã hết lời ca ngợi công

lao của nông dân Việt Nam: nào là “mức ánh trắng vàng đồ đi” tuyệt đẹp, nào là người dân quê thi sĩ, đa tình mà lại thực tế, nào là người dân quê luyện cho tiếng Việt thuần thực v.v... Bây giờ có lẽ còn quá sớm để chúng ta có thể tán tụng về con người đô thị. Tuy nhiên, nhân nêu lên mấy lỗi nói riêng thịnh hành hồi gần đây của một hạng người ở đô thị, tưởng có thể đề ý đến phong thái của họ biểu lộ ở lối nói ấy. Cái phong thái đang được truyền vào ngôn ngữ chung của nước nhà.

Điểm nổi bật ở đây là tính chất hài hước tế nhị. Xem qua một loạt những danh từ, những cách nói mới do Thơ Đẩu lượm lặt cũng như trong các phóng sự hay truyện của Hoàng Hải Thủy, Văn Quang, v.v... chúng ta tưởng tượng đối diện với những con người lúc nào cũng sẵn sàng giễu cợt, và họ biết giễu cợt, giễu cợt có duyên, tinh quái. Phải nhận rằng như thế đã có một chút gì được thêm vào nếp sống tinh thần của người dân Việt.

Trong các thế kỷ trước, chúng ta nghiêm trang quá. Trong văn học Việt Nam từ thế kỷ thứ 19 trở về trước khó tìm thấy những tác phẩm có giọng hài hước. Bằng những câu đối ngắn, các nhà nho có kích bác châm chọc nhau, nhưng trò ấy có vẻ cay độc. Bằng các truyện tiểu lâm, người bình dân chọc cười nhau, nhưng lối pha trò ấy nhiều khi tục tằn và nặng nề, không bay bướm. Thơ Hồ Xuân Hương mà để cười ư! Cả Tú Xương nữa, cái xuất sắc của người cũng không phải ở chỗ trào lộng. Không có ở đâu trong kho tàng văn học cũ của ta mà bắt gặp được nụ cười ý nhị như trong văn Alphonse Daudet chẳng hạn. Trên sân khấu là nơi tất nhiên phải có trò vui thì cũng không xuất hiện được một Molière. Theo Đoàn Hồng, trong cuốn *Nghệ Thuật Hát Bộ*, chỉ có những tuồng bi hùng là được biên soạn công phu, còn phần tuồng khôi hài thì thực nghèo nàn và thấp kém.

Có cái gì đè nặng trên tâm hồn người dân Việt các thế kỷ trước mà khiến chúng ta không nở được một nụ cười nhẹ nhàng khoan khoái, cười mà không vì giải thoát những ám ảnh dục tình, không vì cay cú thời thế nhân tình? Và tại sao giữa lúc này, nước nhà phân ly điêu đứng, giặc giã giết chóc tứ bề, dân tộc khốn đốn về vật chất, não nề về tinh thần, giữa lúc này lại thân nhiên nở ra một nụ cười như bất

cần, như coi thường mọi sự?

Cổ nhiên không phải thanh niên ta chờ tới nay mới biết nghịch ngợm. Trên những tờ *Nam Phong*, *Đông Dương*, v.v... không khí văn chương “sang trọng khác vời”, nhưng đến *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, thì người ta đã đùa nghịch rồi. Tuy vậy, cái tinh nghịch thịnh hành lúc này trong ngôn ngữ vẫn đáng suy nghĩ: phải chăng đó là một đặc điểm của nếp sống đô thị? phải chăng là ảnh hưởng của một trào lưu tư tưởng phóng đảng? hay là cái phản ứng cần thiết để lập lại quân bình trong tâm hồn chúng ta vào một giai đoạn khó khăn của thời cuộc?

\*\*\*\*\*

Một lối nói tương tự đã đành là không xuất hiện ở thôn quê. Mà hình như nó cũng không xuất hiện được ở đâu cả suốt miền Bắc Việt. Trên báo chí, trong các sáng tác phẩm ngoài Bắc không tìm thấy một dấu hiệu gì có sự chuyển biến trong tiếng nói theo cái chiều hướng vừa thấy ở đây.

Như vậy là phải. Trong lối nói “... có em thơm quá” hiển hiện một tinh thần hưởng lạc, một phong cách bay bướm, một khiếu bông đùa tinh tế; lối nói ấy vẽ ra cái hình dáng của người tiểu tư sản có học, hạng người không được trọng vọng, đang phải vui đầu giấu mặt đi ở Bắc Việt. Thân phận của người đó gặp khốn đốn ở ngoài Bắc, làm sao họ có hoàn cảnh phát huy bản sắc?

Như vậy tung hoành tại Bắc Việt là mẫu người như thế nào? Là ai? – Theo Trần Lê Văn (*Giai phẩm mùa Thu* tập 1) thì ấy là anh chàng vốn tên Nguyễn vinh Hoa, sau đã cải danh thành Lê hùng Tiễn. Theo Như Mai (*Tổ Quốc số 41*) thì ấy là Nghiêm văn Túc, trưởng ban nội quy nông trường tập thể Con Én.

Những nhân vật vừa kể không bông đùa, không thèm cười, không biết cười. Lê hùng Tiễn được mô tả như thế này: người anh khô đét lại, thẳng đờ như một cái áo quan, mắt chỉ biết trợn chứ không biết nhìn, mặt tái đi vì luôn luôn giận dữ với các loại khuyết điểm trên đời, hai hàm răng xít lại, dầu có cạy cũng chẳng ra một nụ cười.

Chúng ta không nên xem nhẹ câu bông lơn của Trần Lê Văn, ông ta nói một sự thực: đề ý mà coi, óc khôi hài càng ngày càng tịt đi ngoài Bắc. Chính quyền ngoài đó cố gắng gây ra trong xã hội một không khí sinh hoạt vui tươi trẻ trung, cố gắng thúc đẩy giới văn nghệ dùng châm biếm làm phương tiện tấn công tuyên truyền nhưng nụ cười càng ngày càng lạt lẽo. Suốt mười mấy năm trời chỉ có một độ mấy tháng là nghe được những câu pha trò ý nhị: đó là thời kỳ nhóm Nhân Văn chế giễu giới lãnh đạo Bắc Việt.

Có những người vốn nổi tiếng nhờ tài trào phúng, như Tú Mỡ, mà sống dưới chế độ ngoài ấy ít lâu rồi giọng giễu cợt cũng gượng gạo vô duyên thế nào.

Tờ *Văn Nghệ* ở Hà Nội, trang chót, kỳ nào cũng dành một mục đăng cái món gọi là “Chuyện vui đả Mỹ”. Thường đó là một bài thơ, rất ít vui. Có khi Ông Lã Vọng sáng tác thế này:

*“Sư đoàn bộ binh Mỹ số một  
Được quảng cáo (đúng kiểu ngáo ộp)  
Là thiện chiến đệ nhất trên đời  
Là can đảm yêng hùng “có chớp”  
(số 138)*

Có khi Ông Lã Vọng dịch tác phẩm Trung quốc:

*“Bay trên trời  
- Rơi xuống đất chết;  
Đổ dưới đất  
- Nổ tung lên trời!  
“Ưu thế trên không” Mỹ  
- Tong rồi!”...*

(số 134)

Lời thơ cũng như đề mục cùng một vẻ thực thà ngây ngô, không có một tí gì cái chất ranh mãnh cần thiết.

Cho hay chỉ bao giờ có không khí cởi mở, có sự chống đối, chỉ trích, châm biếm bài bác tự do, năng khiếu hài hước mới phát triển, ngôn ngữ hài hước mới được mài dũa, con người mới hóa ra linh lợi tinh quái.

Thoạt tiên phân chia vì tư tưởng, vì chủ nghĩa, ai ngờ Bắc Nam dần dần khác biệt nhau cho đến cả nụ cười. Sự khác biệt ấy đã in dấu trong kho tàng ngôn ngữ của dân tộc.

Đó là nếp sống tình cảm. Nhưng dù tính tình, phong thái của Nghiêm văn Túc thế nào, thì giữa anh ta với những người Việt miền Nam vẫn có chỗ này giống nhau: là trong khoảng vài mươi năm nay phải vất vả thật nhiều vì công việc bề bộn và vì những vấn đề tư tưởng nọ, chủ nghĩa kia v.v... Thế cho nên ở cái phần có liên hệ đến công tác và đến sự suy tưởng thì tiếng nói cả hai bên đều có nhiều tăng gia và biến đổi. Ngoài Bắc thì *bắt rế, khâu chuỗi, bước nhảy vọt, chém vè, nước anh em* v.v... Trong Nam thì *tam tót tam giác, đoàn thiện chí, hội liên đới, sự hiện hữu* v.v... Nhiều tiếng đàn là tiếng cũ xưa nay, nhưng bây giờ nó gây một ấn tượng mới: *day dứt, buồn nôn*... Có những cách nói lạ tai hẳn: chữ *làm tốt* trước đây vẫn dùng với nghĩa làm đom làm đáng; từ khi có khẩu hiệu thi đua *làm tốt làm nhanh*, nó có nghĩa làm cho tốt.

\*\*\*\*\*

Thôn quê trước kia là nguồn gốc của văn chương, là lò trau luyện tiếng nói, bây giờ tiếng nói của đô thị lại phong phú hơn, sinh động hơn; ngôn ngữ nghề nghiệp của nhà nông, của dân chài chẳng hạn, trước kia dồi dào là thế, lan tràn trên tục ngữ phong dao, bây giờ ngôn ngữ chính trị lại đến lúc phổ biến rộng rãi, phát triển nhanh, và ngôn ngữ cao thâm của triết học cũng lăm le xuống đường. Tiếng nói phản ánh sinh hoạt xã hội; tùy từng thời kỳ, cứ hễ ở khu vực nào mà cuộc sống sôi động lên thì tiếng nói ở đó cũng được tiếp thêm sinh lực. Ở nơi nào cuộc sống lắng dịu, cầm chừng thì tiếng nói cũng ngưng phát triển. Tiếng nói, nó không thích mấy những chỗ thư phòng vắng lặng của các viện Hàn Lâm; nó lại lớn lên trong khung cảnh hoạt động hỗn tạp náo nhiệt, trong cảnh rộn ràng gấp rút, cho nên càng lớn nhanh nó càng mang nhiều khuyết điểm, dấu tích của hoàn cảnh trưởng thành của mình. Cuộc sống chen lấn, xô bồ, chup giựt, vùn hay xô đẩy, dày vò tiếng nói, làm cho nó sai lệch đi. Nhưng đã yêu mến cuộc sống nồng nàn, ta yêu luôn cái phản ánh của nó trong tiếng nói.

Bởi vậy có hai cái yêu ngôn ngữ nước nhà, Có cách yêu cái tính chất tinh thuần, cái dáng chải chuốt đẹp đẽ của

nó, như ông hàn lâm Maurice Genevoix yêu tiếng Pháp do một người trí thức ở Géorgie nói ra. Lại có cách yêu như Robert Pinget yêu thứ khẩu ngữ bình dân ở các quán cóc, tiệm chạp phô v.v..., thứ tiếng nói của những cuộc đấu hót tung bừng và vong mạng. Robert Pinget, nhà văn được giải Femina năm nay, không phải yêu mến một cách hời hợt; phải nói là ông ta si, ông mê, ông ghiền cái tiếng nói ấy đến độ ngày nào ông cũng la cà nghe ngóng, đến độ ông không thể xuất ngoại sống xa nước Pháp, tai ông không thể vắng cái tiếng nói thân thuộc nọ được.

Sự si mê của R. Pinget, không phải mỗi người trong chúng ta đều có, nhưng thiết nghĩ ai cũng có thể cảm thông với nó. Riêng tôi, bất cứ gặp đâu đó trong tác phẩm văn chương những lời nói đột ngột, không trau chuốt, mang thẳng từ khẩu ngữ vào, bao giờ vẫn lấy làm thích thú:

... “Người đàn bà móc túi áo bà ba lôi ra một điều thuốc cong queo. Nàng đưa lên chưa tới miệng, bỏ xuống và khều ông già:

- *Tôi cái lửa anh Năm*” (Viên Linh – *Người ngồi xe thổ mộ*)

“Một hòn gạch ném vụt vào đầu Hiệp. Chàng tròn mắt quay lại. Hai tên ma cô ban nãy nhìn anh nhâng nháo:

- Đ.m. mới ma cô tập sự thôi.

- *Từ từ chứ bạn.*” (Viên Linh – *Cảnh tượng đêm nay*).

Một người tài xế kêu: “Thôi dọt”. Một người đàn bà trong giới làm ăn triết lý: “Lâu lâu *du dương* cho đời bớt rầu chớ”.

Trong trang sách gặp một tiếng nói như thế, bỗng nghĩ đến cuộc sống ở những bến xe, gầm cầu, chợ búa, đến cả một cuộc sống mạnh mẽ ác liệt. Như tình cờ nhặt được một mảnh vỏ sò, một nang mực khô dạt vào bờ mà mơ tưởng đến trùng dương xa khơi, đến bể cả mệnh mông.

Những lời nói ấy mang những lỗi làm ngữ pháp? nghe có vẻ lố lăng, khắp khển? Mặc kệ, nó vẫn quyến rũ, vì nó nhắc gợi đến cuộc sống đang diễn ra quanh mình, nó đánh thức nơi mỗi chúng ta cái liên hệ thâm kín đối với xã hội hiện tại, cái hấp lực ma quái buộc liền mỗi người vào thời đại mình đang sống, vào những vui buồn, vào cả những

nét xấu, những lỗ lã, si mê, cuồng dại v.v... của thời đại. Kiểu áo xiêm công chúa bày trong Viện Bảo Tàng là đẹp, nhưng con mắt đời nay vẫn khoái thích thứ đồ “din” cũn cốn. Nhà ngữ học trong phim *My Fair Lady* hành hạ cô gái nghèo nọ chán chê để bắt cô ta luyện giọng, trau dồi lời nói, rồi cuộc trở về mở băng ghi âm nghe lại cái giọng sai be sai bét, cái giọng “ám sát Anh ngữ”, ông ta đã bị cuộc sống có bản sắc trả thù đích đáng.

**(trích tuần báo Nghệ Thuật số 22 ngày 12-3-1966  
tới 19-3-1966)**

# THANH TÂM TUYỀN

## TẠI SAO LÀM THƠ ?

Tại sao làm thơ ? Tại sao làm thơ lúc này ?

Tại sao anh làm thơ không làm gì khác ?

Phải không anh những tự vấn, tự khảo miên man úp chụp xuống đầu không gỡ thoát, mỗi khi thấp thoáng tiếng đập cánh của một loài chim muốn bay lên ? Loài chim nào đó ?

Của buổi hoàng hôn hay của đêm khuya ?

Đã lâu rồi chúng ta chẳng còn tin thơ là nhịp động phiêu mù của con tim, con tim rầy rụa vì ghi nhận cảm xúc của chấn động ngoại giới lan truyền. Con tim đã ốm yếu chỉ biết lắng nghe rồi than thở, con tim rách rưới nghèo nàn vì lãng mạn bán rao những tuyệt vọng chán chường. Đã lâu rồi phải không anh ? Thơ là mở cho nhìn thấy, nói như một nhà thơ hiện đại. Trong đời người rồi mù hỗn độn, tan nát và điên khùng che khuất mọi viễn tượng, trong lịch sử khắc nghiệt, tàn nhẫn quay cuồng như cửa ngõ hư vô, mở cho nhìn thấy những thực tại còn lánh mặt, bị chôn vùi, những điều khả hữu của đời người của lịch sử. Mở và nhìn thấy là tác động của trí tuệ - một trí tuệ tiến về mọi chiều đến tận cùng các giới hạn, một trí tuệ tạo tự do và muốn thực tại cũng tự do

Thơ chính là trí tuệ thiên nhiên lang thang kiếm tìm sự thật và hủy diệt sự thật- trí tuệ nảy sinh từ thực tại chia lìa, muốn đi thoát ôm theo thực tại, vào vùng trời nào.

Nhưng chúng ta, chúng ta nhìn thấy được gì phải nhìn thấy được gì không ? Hay bị chìm ngập trong hồi tưởng sót xa trong huyền ảnh thăng thốt? Trí tuệ chúng ta có đủ sức thành hình hay bị trối liệc trong cảnh ngộ ? sa đọa

vào vũng lầy ngôn từ - ôi những ý niệm giáo điều, hệ thống mòn mỏi, những bộ mặt lem luốc của thực tại - trong giả trá kỹ thuật - như tên hề đùa rồn bằng cung cách buồn bã - quy lụy hèn mọn, phô bày như một sản phẩm dư thừa ? Phải chăng tri tuệ của chúng ta đã chỉ còn là trí nhớ ray rứt về cuộc hành trình không thực hiện nổi - trí nhớ bi thảm đui mù - và thơ của chúng ta như con chim cất cánh bay cao. Trong đêm giá cô đơn tìm về mặt trời hay chỉ là con chim đã sập bẫy kêu những tiếng mê sảng ? Tại sao anh làm thơ không làm gì khác? Tại sao anh làm thơ lúc này ? Tại sao làm thơ ?

(Nghệ thuật số 52)

# TRẦN DẠ TỪ

## LÀM THƠ Ở SAIGON

Tháng rồi, đêm Saigon thường có những cơn mưa rả rích, thỉnh thoảng còn pha cả chút gió bắc nữa. Thời tiết ấy thật đáng khó chịu. Tôi đã khó chịu lắm. Và tôi làm thơ. Số thơ làm được lẽ ra in trong số này (mấy chữ “Trần Dạ Từ làm thơ ở Saigon mà Đăng Giao xếp ra bìa là tên trang thơ dự tính), nhưng phút chót, tôi đã đổi ý kiến.

Tình thế chung quanh chúng ta đang có nhiều biến đổi. Biết bao nhiêu lo lắng, mong ước, dằn vặt, đợi chờ đang được nói đến. Làm đi, làm điểm, làm ma cô, làm áp phe: làm chính trị. Mỗi người, mỗi nghề, lúc này đều có những tình cảnh đặc biệt.

Thơ và người làm thơ và việc làm thơ cũng có những tình cảnh đặc biệt của chúng. Tôi không phải là kẻ suy nghĩ hay nghiên cứu thơ, mà, là người làm thơ. Tôi cũng có và cũng thấy một số chuyện nên nói ra. Tôi sẽ nói những chuyện lan man ấy, thay thế cho trang thơ dự tính.

Làm thơ ở Saigon. Bề nào đó cũng là cái tên đã chọn. Vậy câu chuyện lan man của tôi xin bắt đầu từ cái hoàn cảnh đã tự đặt ra ấy. Sống ở Sài gòn lúc này, hoàn toàn an ninh và tiện nghi, trong khi cách chúng ta một bán kính chưa đầy vài chục cây số, đủ thứ chết chóc tan nát nhục nhã đang diễn ra, tất nhiên là sung sướng. Nhưng thơ thì khác. Thơ không sợ những người anh em mệnh danh là Bộ Đội Giải Phóng, thơ không sợ B 52, không sợ bom na-pan. Thơ cũng chẳng quan tâm đến đèn điện, xe taxi, phố xá. Cho nên sống ở Sài gòn là một chuyện, mà làm thơ ở Sài gòn lại là một chuyện khác. Các bạn làm thơ thân với tôi, theo chỗ tôi biết và nhớ, mỗi người đều có những cách thể riêng khi làm thơ. Đỗ quý Toàn, Nguyễn nghiệp Nhượng làm thơ khi tắm rửa và mặc quần áo sạch. Nguyễn Sa làm thơ vào buổi trưa, cởi trần, mồ

hôi nhể nhại vì đánh vật với chữ. Viên Linh làm thơ về đêm, một tay viết, một tay đưa đi đưa lại trước mặt và miệng thì đọc thơ theo điệu ru em Bắc. Nhã Ca làm thơ bằng máy chữ, lâu lâu dừng lại vài phút rồi gõ. Tú Kếu vừa làm thơ vừa đi đi lại lại và ngâm. Trần Tuấn Kiệt hình như cũng thế. Còn tôi, khi làm thơ, tôi yên lặng và hút thuốc lá. Đại để, cách làm thơ của chúng tôi là thế. Mỗi đứa có những dáng điệu riêng, những thói quen riêng, nhưng nếu tôi không lầm, thì trước đây, phần lớn chúng tôi giống nhau, hay phần lớn những người làm thơ đều giống nhau, một điểm chung là : khi làm thơ, mỗi người đều cần tập trung tất cả sức sống mình có để hướng về một điểm rung động chính. Điểm hướng về ấy, có thể là một người đẹp, một tình yêu, một thái độ, hoặc cũng có thể là một phần đời sống nào đó của chính mình. Sự hướng về ấy, phải, là một vận động toàn diện, liên tục. Có thể, thơ mới “ra” một cách suông sẻ, thống khoái. Điều cần thiết căn bản chung cho việc làm thơ, mà tôi vừa nêu trên, theo chỗ tôi nhận thấy ở bạn bè tôi và chính tôi, cũng như ở hầu hết những người làm thơ ở Saigon lúc này, hình như không thể đạt đến nữa. Nhiều chuyên chéo căng ngồng quá, đang tuần hành chung quanh chúng ta, trong chiến tranh, trong cách mạng, trong cái sống, cái chết, cái sướng, cái khổ. Cuộc tuần hành ấy , với lối sống và lối làm việc bình thường ở Saigon lúc này, có thể bị tiếng xe cộ ồn ào lấn át, có thể bị thì giờ cấp bách đẩy vào xó và trở thành không quan trọng mấy. Nhưng với người làm thơ, khi hấn ngòi vào bàn viết, ngòi trong cái mệnh mông lạng lẽ không có không được trước giờ tạo lập , thì cuộc tuần hành của những thứ treó căng ngồng kia lại dư sức hiện ra, ồn ào hơn cả, náo nhiệt hơn cả. Thế là hấn, người làm thơ, bị lôi chân, kéo tay và hấn không thể tập trung hết mình vào điểm mà hấn hướng về nữa, nếu hấn không rán sức cưỡng lại những thứ phá bình ấy. Việc rán sức này mệt lả. Và làm thơ lúc này, do đó, vất vả lắm. Đó là điều tôi thường than thở với các bạn thân khi chúng tôi gặp nhau. Cái vất vả ấy, theo lối suy nghĩ rồi rắm, vô tổ chức của tôi, có thể nhận thấy và qui vào ba chặng :

- Chặng thứ nhất, cái vất vả khi làm thơ của chúng ta, nói theo giọng các nhà giáo giảng Kiều, đã được “an bài” sẵn ở

ngay điều chúng ta quan niệm thơ, ở ngay tiếng động từ “làm” đặt trước thơ, (làm thơ), như chúng ta thường nói khi chỉ công việc sáng tác thơ. Thơ, theo tinh thần phương đông, là một thứ rất an nhiên tự tại như mặt trăng, mặt trời, sao hôm, Sao mai. Nói cho hợp lý hơn chút nữa, thơ, với tinh thần phương đông, như một đạo giáo, một con đường. Mặt trời, mặt trăng, sao hôm, sao mai, đạo giáo, đã có sẵn ở đó. Người ta không cần, và cũng không thể, làm ra những thứ ấy. Thơ cũng thế. Thi sỹ chỉ việc đợi một giờ xuất thân, dọn mình cho sạch, rồi đến với thơ, tan vào thơ, cùng biến hóa với thơ, thả hết đau khổ sung sướng phiền toái của đời sống mình cho thơ cuốn trôi đi. Và bài thơ hoàn tất, không phải như một công việc làm lụng vật lộn, mà như một cuộc chơi, chơi trăng, chơi hoa, chơi hình, chơi chữ. Nghề chơi có thể lắm công phu thật đấy, nhưng những công phu ấy được hoàn tất bằng một phong thái nhàn hạ, phong lưu, để hứng lấy hạnh phúc. Sự thật của thơ đông phương trước đây chả biết có khác thế nhiều không, nhưng trong tinh thần, đạo Lý Bạch, Tagore, Owakura, tôi nhận thấy rất rõ điều ấy.

Quan niệm thơ an nhiên tự tại kiểu trên, đối với chúng ta, từ lâu, đã được chấm dứt. Chúng ta không “chơi thơ “ nữa. Chúng ta “ làm thơ”. Chúng ta không muốn chỉ hành đạo, chỉ đi trên con đường có sẵn, không muốn chỉ tan vào thơ, hưởng những thứ do thơ mang lại. Chúng ta ngông nghênh và muốn nhiều thứ hơn : muốn tự đắp, tự dọn cho mình những con đường mới, muốn tạo cho thơ những sắc thái cá biệt, và, quan trọng hơn hết, chúng ta chê thứ hạnh phúc do thơ mang lại và chúng ta muốn xách cổ thơ lên, sai khiến thơ, bắt thơ tạo ra, hoặc dùng thơ như một phương tiện đòi hỏi những thứ ở ngoài thơ, không dính dáng gì đến thơ, như tự do, cách mạng, công bình, bác ái vân vân. Chúng ta muốn dùng thơ vào nhiều việc mới mẻ như thế. Tất nhiên cả thơ lẫn ta đều sẽ phải vất vả hơn trước. Bàn về chặng vất vả này, bạn tôi là Nguyễn Nghiệp Nhượng, khi ngồi tán dóc với tôi, cho đó là điều bất hạnh mà chúng tôi được thừa hưởng của văn minh phương Tây. Nhưng thôi, hãy tạm gác chuyện ấy.

- Chẳng thứ hai của sự vất vả khi làm thơ, là những thứ do quan niệm mới của chúng ta về thơ đẻ ra. Khi không “chơi” nữa, mà là “làm”, sự đắn đo, suy tính của kẻ làm tất nhiên phải nặng hơn kẻ chơi. Hôm mới đây, khi ngồi với các anh Lý Hoàng Phong, Kiêm Minh, Trần Lê Nguyễn trong một quán nước, tôi có hỏi thăm anh Kiêm Minh là dạo này có viết được nhiều không. Anh nói, khó quá, không viết nổi, bởi “cứ viết được một mình lại phải ngưng lại để đọc lại rồi không viết được nữa”. Cái vất vả của việc làm thơ hiện nay, theo tôi thấy, có chỗ giống cái khó mà Kiêm Minh nhắc đến. Một nhà văn hoặc một người làm thơ không viết nổi nữa, tất nhiên còn nhiều lý do khác. Nhưng cái sự kiện “cứ viết một đoạn, lại phải ngưng lại, rồi không viết được nữa”, nó bày ra một thảm kịch rùng rợn mà chúng ta nhiều ít đều phải chịu đựng. Đó là cái thảm kịch gây ra bởi sự phân ly cùng cực trong người làm thơ, phân ly giữa tình cảm và lý trí, phân ly giữa khả năng và ý thức, phân ly giữa những thực tế đang tuần hành trong đầu người làm thơ, với cái điểm rung động xa xôi nào đó mà hần muốn hương về. Sự phân ly này rất dễ hiểu, bởi ý trí của người làm thơ, nó biết là muốn từ tở phải chọn lấy một, và một thôi, giữa những cái mọc đặng trước để làm một điểm hướng về. Nhưng rồi hoàn cảnh thực tế tác động vào tình cảm và sinh con đẻ cái : “tôi có một người yêu ở xa, tôi nhớ nàng quá, tôi muốn về thăm nàng Về thì phải đi hoặc bằng tàu bay, hoặc xe lửa. Xe lửa hay bị mìn quá. Mìn. À, tôi có một người bạn vừa chết mìn ở Bình Dương. Hần có vợ đẹp. Người đẹp hồi này sao ưa đi với Mỹ quá. Ôi, nói gì ta là Mỹ ». Ấy, con đường của tình cảm đi đại khái như thế. Và chỉ cần vậy là cái vận động cần thiết toàn diện và liên tục rung động của người làm thơ đã bị cắt đứt. Tình cảm đi một đường. Lý trí đi một ngả. Cũng thế, khả năng và ý thức củaa một người viết, khi sáng tác, phải có sự phối hợp toàn diện. Nhưng khả năng của người viết là A. Ý thức của hần lại là B. “Anh” ý thức không tin “Anh” khả năng, thành thử vừa thực hiện được một đoạn (tức là còn dang dở), thì phần người ý thức trong nhà thơ đã tách rời phần người sáng tác, để đứng riêng ra, phán xét khe khắt đoạn vừa viết. Một cuộc hợp tác thiếu tin cậy như thế, tất nhiên không thể lâu dài hơn thứ hợp tác giữa các chính

khách. Và trong hoàn cảnh này, việc phối hợp nhất trí giữa khả năng và ý thức của người làm thơ, thật cực không kém việc thống nhất các đảng phái nước ta. Cái thâm kịch phân ly cực cực trong mỗi người trước bàn viết, như mấy ví dụ trên cho thấy, là chẳng vất vả thứ hai của việc làm thơ hiện nay.

-Chẳng vất vả thứ ba, chẳng cuối, và cũng là chẳng vất vả nhất, quan trọng nhất, mà theo tôi, mọi người làm thơ hiện nay đều đang bị mắc phải, là cuộc vật lộn tuyệt vọng giữa thơ và thực tại. Thơ, từ khi được chúng ta thổi vào những quan niệm gọi là mới, không còn là một thế giới riêng nữa. Thơ đã bị xách cổ đem vào đời sống, và nó, như chúng ta, cũng đã bị bắt buộc phải đối diện với thực tại. Từ thế giới cũ của thơ, đến cái thế giới mới của thực tại, tất nhiên phải xa cách. Thế là cuộc vật lộn khởi sự. Hôm mới đây, ở nhà riêng Thanh Tâm Tuyền, tôi có hỏi anh dạo này có làm thêm được thơ mới không, anh trả lời rằng không ? Tại sao không? Khi cùng với Kêu nhắc đến số thơ của những người trẻ hơn hiện đang có mỗi ngày một đông, anh Tâm cho biết là theo anh thơ hôm nay đang đau, đang sốt rét ngã nước, càng ngày càng bị thu nhỏ vào cái vỏ cá nhân. Chính thơ của anh cũng trong cơn đau ấy cũng thu dần vào cái vỏ ấy, và bởi thế anh không làm thơ nữa.

Thơ chúng ta thật quá đang có đau. Đau nặng là khác. Nhưng không chỉ đau ở chỗ “ thu nhỏ vào cái vỏ cá nhân” như anh Tâm nói. Theo chỗ tôi thấy, trong những ngày gần đây, thơ các hạn mới, phần lớn, đều đã mở vào những đề tài rộng lớn, như chiến tranh, xã hội. Nhưng, ngay những bài thơ hay và tốt, và mỏng vỏ cá nhân nhất, tôi lại càng nhận ra là thơ chúng ta đang đau nặng hơn: đau ở chỗ càng dần thân vào thực tại, càng vật lộn với thực tại, thơ lại càng bị thực tại dìm thêm xuống hố sâu tuyệt vọng. Cứ đọc những bài thơ hiện nay thì biết, bài nào cũng đen tối, hảm học. Thét một chập, chỉ còn rất cái đen, cái buồn, cái tuyệt vọng, cái khổ sở ngổn ngang bên nhau đến mất hết ý nghĩa. Một nghìn cái vực sâu giống nhau, sát nhau, nổi lằng nhằng với nhau, chẳng có một ngọn núi cao nào, một bờ vực nào để so

sánh. Vậy là khu đất do một ngàn cái vực sâu hợp lại ấy hết còn là vực sâu mà đã trở thành một thung lũng bằng phẳng. Cảnh tuyệt vọng, buồn phiền của thơ hôm nay mất hết ý nghĩa là thế. Thơ làm sao có thể khỏe mạnh nổi, tiến bộ nổi, khi trong thơ, trong mọi thứ tình cảm của người làm thơ thể hiện ra, không thấy le lói chút lửa của hy vọng nào hết. Đi từ chặng vất vả này đến chặng vất vả khác, để rồi cuối cùng, khi đã làm chủ được chiến trường để cho thơ ra đời, thì thơ lại rơi tòm xuống cái hố tuyệt vọng.

(Nghệ Thuật số 12, tuần lễ từ 18-12 đến 25-12 - 1965)

# THẢO LUẬN VỀ THỰC TRẠNG VĂN NGHỆ MIỀN NAM

NGUYỄN VĂN TRUNG

(Diễm Châu ghi)

*Ngày 1 tháng mười 1966, đáp lời mời của Nhóm Trình Bày, một số đồng đạo các bạn văn nghệ trong các tạp chí VĂN HỌC, THÁI ĐỘ, Nhóm sinh viên THÔNG CẢM, các bạn văn nghệ sĩ quân nhân, các thân hữu của Nhóm Trình Bày, đã tới trao đổi ý kiến trong một buổi họp mặt nói chuyện văn nghệ có thảo luận, tại tòa soạn tạm thời của tờ Trình Bày.*

*Mở đầu buổi gặp gỡ, Thế Nguyên có nói sơ qua về mục đích (nhằm tạo một sinh hoạt trong giới những người làm văn, tạo cơ hội để những người làm văn gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm, ý kiến về những vấn đề thuộc phạm vi của mình) và giáo sư Nguyễn Văn Trung xác định rằng tổ chức những buổi họp mặt là để anh em văn nghệ có thêm dịp ngồi lại với nhau, trao đổi ý kiến về một số vấn đề chung. Theo lời ông ngồi lại với nhau chưa hẳn là phải đứng chung với nhau trong cùng một nhóm, cùng một tổ chức. Mỗi nhà văn, mỗi nhóm văn nghệ vẫn giữ tính cách độc lập hoàn toàn. Không bắt buộc phải luôn luôn đồng ý. Tránh tất cả những ngộ nhận về chính trị. Nguyễn văn Trung còn cho biết mỗi kỳ sẽ có một đề tài văn học hoặc nghệ thuật. Người phụ trách dẫn khởi những buổi nói chuyện đó sẽ “không thuyết trình” mà chỉ đưa ra những suy tư riêng về vấn đề thuộc đề tài để “gợi ý” cho cuộc thảo luận chung.*

*Hôm 1-10 ông đã đưa ra vấn đề “Tìm hiểu tình hình văn học miền Nam. Những dữ kiện nền tảng quy định tình trạng làm văn nghệ”.*

*Việc tìm hiểu ở đây, theo ông, không có nghĩa là lược tóm, kê khai những tác phẩm, làm một biểu nhất lãm về văn học nghệ thuật, mà chỉ là nêu lên những nhận xét để tìm hiểu bầu*

*không khí chung.*

*Sau đây là bản ghi lược tóm những ý kiến nêu ra trong phần “gợi ý” của bạn Nguyễn Văn Trung:*

## **TÌM HIỂU TÌNH HÌNH VĂN NGHỆ MIỀN NAM. NHỮNG DỮ KIẾN NỀN TẢNG QUÝ ĐỊNH TÌNH TRẠNG LÀM VĂN NGHỆ – DỰ PHÓNG NỀN TẢNG CỦA NGƯỜI CẢM BÚT**

1/. *Sinh hoạt văn nghệ*: Rời rạc, không liên tục, sinh hoạt văn học “đứng bên lề” sinh hoạt xã hội, là một thứ xa xỉ không có tính chất cần thiết như các sinh hoạt khác. Nhìn vào thành phần độc giả ta thấy rõ là sinh hoạt đó không phải là một đòi hỏi xã hội. Quần chúng đông đảo không biết tới nó. Lớp độc giả khả hữu chỉ là một thiểu số ở thành thị gồm học sinh sinh viên và một phần nào những người trí thức thôi. Đối với tầng lớp trưởng giả hoặc tầng lớp thấp hơn, sinh hoạt đó không có ảnh hưởng gì. Họ không biết tới nó, vì đã có những giải trí khác. Đòi hỏi văn nghệ chưa phải là một nhu cầu như những nhu cầu khác, nhu cầu báo chí chẳng hạn.

Báo chí là một nhu cầu thực sự, thiếu báo chí quần chúng cảm thấy ngay là họ thiếu một cái gì. Trong khi đó một tạp chí văn nghệ ra, chết, hai hay ba tháng mới xuất hiện một lần, một nhà văn viết hay không viết... đều không thành vấn đề. Nhà báo có những quyền lợi chung (thí dụ: bon mua giấy) khiến họ có thể hợp thành nghiệp đoàn. Các tạp chí văn nghệ không có được những điều đó.

Làm báo là một nghề, người viết báo sống thực sự vì nó. Trái lại, làm văn học không phải là một nghề để sống ở Việt nam; cùng lắm nó chỉ là một nghề phụ, không thiết thân, không nuôi sống nổi nhà văn. Kể cả từ trước tới nay, sinh hoạt văn nghệ chưa bao giờ là một nhu cầu xã hội.

Do đó vai trò của nhà văn yếu kém rõ rệt. Xã hội không đòi hỏi họ gì cả. Sự yếu kém đó còn rõ rệt hơn nữa trong thái độ của dư luận đối với trí thức và lãnh đạo tinh thần. Nói đến trí thức, quần chúng nghĩ ngay tới những

người có cấp bằng cao, những giáo sư đại học... chứ không nghĩ tới nhà văn, nhà báo. Vậy mà thực ra, *trí thức trước hết và điển hình nhất là những nhà văn* vì họ làm công việc suy tưởng. Công việc đó được biểu lộ với mọi hình thức kịch, văn, thơ...

Tóm lại nhà văn chưa có một vai trò gì quan trọng đối với xã hội. Do đó vấn đề văn thơ, sáng tác... chỉ là tiêu khiển. Nếu đặt vấn đề nhà văn dần thân trong hoàn cảnh Việt nam thì trừ trường hợp Nhất Linh ra không thấy có ai. Bởi thực sự không ai đòi hỏi giới nhà văn lên tiếng cả.

Những nhận xét này đưa tới hai câu hỏi: Nhà văn ở Việt nam có vai trò gì trong xã hội, có trách nhiệm gì trước dư luận?

2/. *Điều kiện sáng tác*: Tự do là điều kiện sáng tác chính yếu. Tự do ở đây không hiểu theo tự do chính trị mà hiểu rộng hơn, tự do dư luận, tự do xã hội. Tự do chính trị tùy thuộc chính quyền nhưng tự do dư luận tùy thuộc đông đảo quần chúng trong xã hội. Mà xã hội có nhiều cấm kỵ độc tài. Thứ tự do dư luận, tự do xã hội này lại hết sức cần thiết và quan trọng hơn cả tự do chính trị là vì nhà cầm quyền thường hay dựa vào dư luận đó để biện hộ cho những hạn chế, những cấm cản của chính mình. Do đó nhà văn không có điều kiện để phát biểu, bộc lộ tự do. Xã hội Việt nam dựa trên những tương quan phi nhân, vô luân, (thực chất chế độ bất nhân, phi nhân, tuy nhiên trên lý thuyết luôn luôn quả quyết tính chất truyền thống, luân lý, đạo đức...). Thực tại càng phi luân lại càng nhân danh luân lý, đạo đức... để tự biện hộ, che đậy những thói nát. Chế độ Franco ở Tây ban nha chẳng hạn, càng phản động càng quả quyết tính chất luân lý của nó. Phạm tới những cấm cản của nó sẽ bị cho là phạm tới luân lý, là cộng sản...

Làm văn học cách mạng (văn nghệ đen) hiện nay chỉ có thể là làm văn học phản kháng, tố cáo, phản ánh chiều hướng nhân bản. Vai trò lịch sử của văn nghệ miền Nam (có lẽ) chỉ có thể có vai trò đó.

Tuy nhiên vai trò này bị chặn lại vì những lý do trên khiến cho đa số sáng tác phẩm còn lại mang tính chất thoát ly, mơ mộng, công thức, sáo, khiêu dâm, xa rời thực tại, không dính líu tới thực tại.

3/. *Giai cấp của người viết văn*: Trong xã hội miền Nam ta nhận thấy có:

a/ Tầng lớp trưởng giả thành thị: tư bản, mại bản, công chức cao cấp, thương gia... và giới lãnh đạo. Lớp người này có thế lực kinh tế tạo hoàn cảnh chính trị và là tầng lớp lãnh đạo thực sự (chứ không phải những trí thức như giáo sư, nhà văn... có thể chỉ là nô bộc). Lớp người này không cần văn học. Họ có những giải trí khác như cờ bạc, mạt chược... cùng lắm là tiểu thuyết kiếm hiệp, trinh thám...

b/ Đông đảo quần chúng thành thị và nông thôn. Lớp người này chưa đòi hỏi văn nghệ vì những khó khăn vật chất, hoàn cảnh chiến tranh... Đối với họ văn nghệ chỉ là xa xỉ. Trình độ hiểu biết thấp, lại thêm đời sống chật vật không đủ ăn, thành ra chỉ còn có thể thưởng thức... cải lương.

c/ Nằm lưng chừng giữa hai tầng lớp đó có giới tiểu tư sản bao gồm cả trí thức, nhà văn. Tâm tình và suy tưởng của giới này tuy còn gần với đa số nhưng đời sống đôi khi lại trưởng giả, tạm bợ, mong manh, ăn bám. Lối sống của ta (trí thức tiểu tư sản) không phải sản xuất. Tâm trạng của ta không phản ánh đa số quần chúng lao động, nông dân; cũng lại không đi với tầng lớp trên.

Thiếu những Mạnh thường quân, giới nhà văn lại không dám làm văn nghệ chiến sĩ (mà điển hình có thể lấy tờ *Sống Đạo* do lao động và trí thức viết và đi bán lấy, không lấy tiền nhuận bút...). Tạp chí văn nghệ sống vất vưởng, không căn bản vật chất đảm bảo.

Không phản ánh đời sống trưởng giả lẫn nông dân, lao động, vũ trụ nghệ thuật chỉ còn phản ánh những ray rứt, mâu thuẫn, giằng co của chính tầng lớp tiểu tư sản. Tâm trạng này đưa tới những “ảo tưởng trí thức” hoặc, bằng lời nói, chữ viết, tác phẩm, tỏ thái độ phản kháng, hoặc đặt ra những vấn đề xã hội (trí thức, trách nhiệm, chủ nghĩa cách mạng...). Đó là khuynh hướng một thứ văn chương xã hội. Tuy nhiên thứ văn chương này cũng không phát triển vì thực ra người làm văn đã chỉ sử dụng nó như là một phương tiện hầu cho lương tâm yên hàn, để sau đó ngủ yên vì lẽ “chẳng đi đến đâu”, “chẳng thay đổi được gì”. Nhà văn không đặt nặng vấn đề *viết cho ai*, cũng không hỏi *vấn đề ta*

*đặt ra có nghĩa gì đối với đa số quần chúng?* Không chia sẻ đời sống thực sự của đa số, không đặt vấn đề từ thực tại của họ. Và do đó mà quả thật văn chương của ta đã chẳng có tác dụng gì.

Một ảo tưởng khác khiến 10 năm qua sinh hoạt văn nghệ miền Nam trì trệ là ảo tưởng chính trị. Trong 10 năm trước, nhà văn – cũng vẫn trong tinh thần nhằm tạo ra một tình trạng lương tâm yên hàn – có thể nhân danh tư cách “vào Nam” nhưng “không lựa chọn” nên “chưa có thái độ” để khỏi phải có thái độ. Hoàn cảnh lúc ấy không đòi hỏi nhà văn phải có một lựa chọn bắt buộc, do đó nhà văn vẫn *làm như thể* mình chưa lựa chọn. Tất nhiên, tới lúc này, nhà văn không còn có thể ôm cái ảo tưởng đó để trốn trách nhiệm được nữa. Tình thế hiện nay đã thay đổi, mức độ và hình thái của cuộc chiến tranh đã khiến không một ai lại có thể không có thái độ, nghĩa là nhân danh một lựa chọn bắt buộc.

*4/. Dữ kiện chiến tranh lâu dài và chia cắt đất nước:* Chiến tranh và tình trạng chia cắt đất nước cũng là một trong những dữ kiện khách quan và căn bản giải thích tình trạng nghèo nàn của văn học nghệ thuật miền Nam. Đầu tiên là vấn đề chia cắt đất nước, rồi đến sự khởi đầu của chiến tranh, và sự “leo thang” của chiến tranh. Nhất là khi ý thức được rằng từ việc thống nhất đất nước đến việc giải quyết chiến tranh đều do những thế lực bên ngoài. Ta chưa thấy số phận mình được quyết định, chưa biết số phận đó sẽ ra sao. Vấn đề tưởng là tạm thời, lại cứ kéo dài, ngày càng bi đát hơn. Vì thế nhà văn luôn luôn sống trong tình trạng chờ đợi và với tâm trạng chờ đợi. Những biến cố lịch sử dồn dập từ 10 năm qua khiến chúng ta không ai có thể biết là tình thế sẽ xoay chuyển thế nào. Nó làm cho nhà văn chỉ kịp bản khoả, lo lắng về những sự kiện giai đoạn trước mắt. Do đó, không ai muốn tính tới những chuyện lâu dài, cũng không ai có đủ can đảm để làm những chuyện lâu dài. Tình trạng đó tất nhiên đã không thể giúp nhà văn hoàn thành một công trình lớn nào được.

Nhà văn mất sự bình tĩnh cần thiết, không có một thời gian ổn định tối thiểu nên không thể sửa soạn lâu dài cho những sinh hoạt văn nghệ. Lại cũng không muốn “dấn thân” vào một tình trạng khẳng định. Do đó chỉ còn có thể

làm văn nghệ “tài tử”. Hơn nữa, cũng chẳng ai bắt buộc phải làm.

5/. *Thực trạng giới làm văn học*: Nhìn vào thực trạng giới làm văn học ta thấy có một sự kiện đáng buồn: Đó là sự “hụt hơi”, “già quá sớm” của một lớp nhà văn. Ngoài ra, còn có một tình trạng chia rẽ, “không ai chấp nhận ai”. Nguyên nhân của sự kiện này là sự ngộ nhận, nghi kỵ giữa các thế hệ cầm bút.

Có thể tạm thời phân chia các thế hệ nhà văn như sau:

1. Thế hệ “già” (trước 1945)
2. Thế hệ kháng chiến cũ (1945 – 54)
3. Thế hệ “trẻ” (1954 và 1963)

Phân tách những thế hệ này ta nhận thấy sự chia rẽ giữa họ có thể có những nguyên nhân sâu xa:

Thế hệ “già” với những Vi Huyền Đắc, Vũ Hoàng Chương... bị coi như xa lạ, lỗi thời hay... hết thời hoặc không sao theo kịp thời

Thế hệ nhà văn kháng chiến cũ có một quan niệm văn nghệ chống Cộng rõ rệt.

Nhưng tại sao quan niệm của họ không thuyết phục được “giới trẻ”? Là vì *thái độ* chống Cộng của họ không làm cho giới “trẻ” tin tưởng chút nào. Giới “trẻ” nhìn rõ bộ mặt cầu an, cặn bã, sa thải, sa đọa, “tự biện hộ hoài” của quá nhiều người trong thế hệ đó. Võ Phiến có ví họ như những Silone. Nhưng họ không phải là những Silone là vì ta không thấy một nhà văn Việt nam nào có thái độ “tả” thực sự như nhà văn Ý đó cả. Bởi đó họ không tạo được uy tín.

Thế hệ “trẻ” 1956 – 66 không chia sẻ kháng chiến, không có kinh nghiệm sống với Cộng sản, không chấp nhận Cộng sản nhưng cũng không chấp nhận gì hết.

Tóm lại sự chống đối giữa những thế hệ làm văn có những căn nguyên chính trị, lập trường hoặc dự định cách biệt.

## **Diễm Châu ghi**

(Nghe thuật so 53 tuần le tu 22-10 den 28-10-66).

# NGỌN ĐÔI VÔ DANH

Truyện ngắn

## Song Linh

Cũng vẫn là con đường đá đỏ quanh co, bị giặc đào phá nát bấy, nham nhở. Cũng vẫn là ngôi nhà thờ loang lổ màu vôi trắng. Những ngôi nhà người công giáo im lìm hoang phế. Những ngọn Thánh giá dang tay gục mặt lằm lũi. Ngàn tre xơ xác gai góc. Rừng chồi mọc choán um tùm hai ven đường. Thằng Trẻ đã bỏ xác trên khúc đường này hồi ba năm về trước. Quả mìn đào một lỗ lớn đứt đôi quãng đường. Một mảnh to bằng bàn tay văng đứt hai lóng xương sườn, làm thủng lồng ngực, đứt phăng quả tim khiến nó ngã xuống chết ngay không kịp ngáp. Không kịp nói. Cũng cái thêm nhà thờ meo mốc bẩn thỉu này tôi ngồi nhìn xác nó nằm ngù trên băng ca. Trên đầu một nắm nhang cháy bập bùng cắm lên một khúc chuối thay làm bát nhang. Một người lính đã nhanh trí vào nhà dân kiếm tìm những thứ đó. Và đứng nghiêm bất súng chào nó lần cuối, trước khi xác được tải lên trực thăng đưa về nhà thương Cộng Hòa.

Con đường này, những xóm làng ven sông, ven rừng này đã nhuộm máu của những người bạn và binh sĩ nhiều binh chủng. Điều đó không quan trọng lắm. Bởi thế chiến tranh mới đẹp và ý nghĩa. Nhưng điều làm tôi buồn nhất là trí nhớ của mình. Tôi không thể nào quên được cái ấp Bung Còng, cái vùng Rạch Bắp. Con đường Bến Cát chạy về Dầu Tiếng bị vằm nát mặt, như một con rắn bị chết bị chim muông rĩa bới nham nhở. Tôi dám chắc ai đã từng ở đây, hay hành quân qua đây, đều khó lòng quên được nó. Nó không là tử địa của đôi bên. Nó không là gì. Nó bình thản tầm thường. Nhưng nó bất ngờ bằng những tiếng nổ mìn bầy, và bắn tia. Như sự bất ngờ tôi trở lại vùng này. Ngồi trên thềm gạch nhà thờ hoang vắng như đạo nào. Như sự bất ngờ từ một

người lính mũ nâu tôi ngày nằm giữ an ninh cho dân phát chòi thuyền chuyển sang người lính mũ xanh hành quân tôi bời, khốc liệt. Vết chân lại thêm một lần in dấu. Nón sắt, ba lô lại có dịp thành thơ tựa lưng vào vách tường tìm sự che chở của Chúa. Dù sao lúc này hơn lúc nào, tôi cảm thấy mình cô đơn trống vắng. Muốn tìm một niềm an ủi tinh thần ở bất cứ nơi ai - hoặc bất cứ nơi nào. Dù nhà thờ, hay đình chùa miếu mạo. Dù những thiện nam tín nữ, hay những con chiên đã bỏ Chúa, bỏ Phật ra đi, Tôi vẫn thích đọc quyền chiêm giữ cái không gian im lặng này, để nhắm mắt nghĩ đến đời mình, nghĩ đến cuộc chiến ray rủa ngán mứa. Thèm được về thành thị xả hơi, viết văn và tận hưởng ít tháng ít ngày rồi lại tiếp tục ra đi - như thế chắc không còn gì là luyến tiếc.

●.

Sinh viên sĩ quan, Trình diện Trung úy. Chờ lệnh. Bức đồng không đánh. Hai chục hít đất. Quai nón sắt không cài. Hai chục. Là bao nhiêu rồi. Dạ bốn chục ạ. Nút túi áo đứt. Sáu chục. Dây giây buộc ngang. Ai dạy anh cái kiểu buộc dây này. Tám chục. Súng cầm tay bắt Thế hít đất vào thế. Đếm theo tôi. Vào thế. Một quá rồi Trung úy ơi. Hít hết nổi rồi. Tay tôi yếu quá. Vả lại cái sắc trên lưng. Được rồi. Thế thì nhảy xôm vậy. Có biết nhảy xôm không? Dạ biết. Một, hai.. ai ba...a bốn...ồn... Làm đi. Mở mắt ra. Dạ hoa mắt quá. Muốn xỉu Trung úy ơi. Đồ gà chết. Thanh niên gì mà yếu như sên. Hít đất mới được dăm cái thì chân tay đã run lên như thần lẩn say thuốc lào. Cho nhảy xôm thì kêu hoa mắt. Mười vòng sân cỏ vừa chạy vừa hát bài “khỏe vì nước”. Ôi ông Hùng Lân ơi ! Ông “ché” ra cái bài hát này làm cho vất vả thân con. Mả mẹ nó. Nuốt được cái thượng sĩ gân cục hơn con chó. Cứ tưởng bỏ. Thế rồi cũng xong. Chín tháng cũng qua. Thân này cũng chưa đến nổi ra ma. Khi mãn khóa cũng áo quần là hộp trắng bóc, mũ kết như ai, và còn chụp nhiều hình hơn ai là khác.

Hết bảy ngày phép. Ở cố thêm bảy ngày nữa chắc không sao. Khi trình diện họ có hỏi, nói trẻ tàu bay là được rồi. Mình mới ra trường chắc họ thông cảm. Ai mà nở lòng nào.

Mười bốn ngày tự do tha hồ buông thả thân thể sống vội vàng thỏa thích. Cho đã đời, để trả thù những tháng cực khổ, đêm về mắt ngủ hoài hoài, mà vẫn nghĩ bấy bậ đến những con điểm. Đầu óc thèm khát nung lửa không làm mình tưởng nhớ nổi những người yêu. Họ ngây thơ, trong sạch, không nhớ nhớt, bần thiú như đầu óc mình. Với họ tình yêu phải phơi lên bằng trang giấy màu xanh, có tương lai và hoa bướm phải xa cách và mong chờ . Với mình tình yêu phải nằm dầm dề hàng ngày, hàng đêm bên những con điểm, không cần đẹp lắm, không cần eo lắm. Nhưng phải trắng, phải bền và kinh nghiệm. Cái kinh nghiệm khiến những đứa có vợ vẫn phải thèm, phải nhớ. Ít nhiều thì cũng có một cái gì nó hơn trội vợ mình. Từ đó những thằng đàn ông rấp tâm phản bội. Xét cho cùng chẳng cái gì là kiên trì, tồn tại và bền vững mãi được. Những phản bội chỉ là những đổi thay cảm giác. Người ta sống nhiều bằng cảm giác. Có lẽ nào lại không mạo hiểm tìm tòi. Tôi nghĩ như vậy và tôi quên những lá thư ngày trước mình đã nhiều lần đại dột viết cho những người tình nhân.

●

Tôi dẫn xác đến đảo nhậm đơn vị mới, với một ít bài hoài thần trí của hơi rượu và hơi đàn bà còn phảng phất trong đầu. Tám ngày trọng cảm đuổi theo.

“Trông ông này có vẻ chịu chơi !”

Người lính đầu tiên phê phán với bạn bè. Tôi im lặng, làm nghiêm. Phương pháp dẫn đạo chỉ huy đã chẳng dạy mình những điều cần thiết đó ư? Thực ra mày cũng chẳng là gì giữa cuộc sống bẽ bộn này.

-“ Bác sẽ có dịp đối diện thật sự với chiến tranh”.

Người Thiếu úy đại đội trưởng gọi tôi bằng bác với sự cởi mở, dễ dãi.

- Thật ra tôi cũng đã nhiều dịp gần gũi nó rồi.

Tôi không muốn nói những gì mà chú tôi đã bị thằng “ Ba banh” cắt tiết, những gì mà bọn Tây đen thi nhau hiệp thím tôi, và đâm thím bằng lưỡi lê. Những gì mà ông tôi bị Việt minh chém bằng mã tấu, để dụ bố tôi về vì bố tôi đi lính Bảo hoàng.

●  
Chiều tối, chúng tôi rút qua quốc lộ, vào đóng quân đêm trong cánh rừng ăn thông đến tận mật khu Long Nguyên. Nửa đêm, khi trăng lên. Bóng người in trên bóng lá thì dịch trở về. Chúng gọi loa từ phía đầu làng. Tiếng loa như từ trên cao dội xuống và rõ mồn một. Chúng tôi im lặng, nằm chờ dưới hồ cá nhân đào nông choẹt. Một người lính bò đến tôi nói bằng giọng cương quyết.

- Thiếu úy cho tôi dẫn mấy đứa bò đến chỗ nó xem sao.

Tôi lắc đầu không thuận và bảo .

- Cứ để đó rồi tính sau. Cho nó sống thêm 24 giờ nữa. Mai thịt cũng vừa.

Tiếng loa vẫn oang oang trong đêm. Và chúng tôi kiên nhẫn nín lặng. Nhất định không để lộ vị trí. Tuyên truyền kêu gọi chán chúng thay nhau ca vọng cổ, và tân nhạc. Giọng đứa con gái the the ném ra những lời vọng cổ chói tai. Tôi bỏ lên võng nằm và chợp mắt ngủ quên lúc nào không hay. Mờ sáng một tiếng nổ khủng khiếp vang lên từ phía dưới làng, làm tôi choàng giấc. Vẫn nằm yên trên võng, tôi ngóc cổ hỏi vọng ra :

- Tiếng gì nổ, như tiếng mìn phải không các cậu ?

Ngay khi đó những loạt tiểu liên nổ lẹt đẹt, dứt quãng. Tôi gọi thẳng truyền tin mở máy và nói : Nghe xem có lệnh gì không ? Lát sau nó quay nói : Đại úy hỏi Trung đội mình có đủ không ? Tôi bảo : Cậu chạy đi báo các ông tiểu đội trưởng báo cáo quân số. Lát sau nó chạy về nói, hai tiểu đội một và ba đủ cả. Chỉ còn tiểu đội hai, nghe thẳng Toán nói thì hình như trung sĩ Mẫn dẫn ba thằng lính vào làng hỏi sớm lặn. Tôi nhảy phốc xuống đất xô vội đôi giày rồi cúi tiết chửi thề văng tục um sùm.

- Chắc là chúng nó bị mìn rồi. Gọi hai tiểu đội kia đi theo tao gấp.

Ngay khi ấy có tiếng léo séo,

- Ông Mẫn, thằng Tám và thằng Nê bị vấp mìn chết dưới làng rồi .

Tôi chạy vọt về phía tiếng nói ồn ào. Thằng Đào sót tay còn cầm khẩu Thompson với hai băng đạn không, mặt mày lồm đồm máu và thuốc mìn. Thấy tôi đến, nó nín khe, nép vào

thân cây. Ông thượng sĩ trung đội phó nói:

- Ông Mẫn bị mìn chết với hai thằng lính rồi Thiếu úy ơi. Thằng Đào Sốt dẫn chúng tôi đến ba cái xác chết. Ba khẩu súng vẫn còn. Chúng nó chết dưới gốc cây chôm chôm có những chùm quả to mọng và đỏ chót như máu.

Một hố mìn sâu hoắm to như cái thúng. Những mảnh vụn và thuốc đen sệt tung tóe lẫn với đất cát văng bừa bãi. Thân hình chúng nó nát bầy và máu me chan hòa bê bết. Tôi bảo nhát ba khẩu súng lên. Rồi hỏi thằng Sốt.

- Chúng mày thêm chôm chôm lắm sao ?

- Dạ trung sĩ Mẫn bảo...

Tôi im lặng không biết nói gì hơn nữa trước sự đã rồi. Tôi thở dài chán ngán rồi nói với bọn lính xúm quanh.

- Rõ đáng đời. Đó. Chúng mày nhìn thêm một bài học mới. Rồi mai một mà làm theo chết cho sướng.

Tôi nhận lệnh cho trung đội vào sâu trong rừng và bố trí phòng hờ địch bắn tỉa để giữ an ninh bãi đáp cho trực thăng sắp tới. Tôi và thằng truyền tin nằm bên ổ trung liên đặt sau gò mồi. Chờ mãi sốt ruột. Trực thăng đã xin từ lâu mà mãi gần trưa vẫn chưa đến. Tôi cố nghe một tiếng máy nổ, nhưng tuyệt nhiên im lặng. Trời nắng gắt và dưới bóng lá rừng nóng hầm hập. Những con muỗi ngày có khoang trắng bay vo ve quanh tai thật khó chịu làm cáu tiết. Mồ hôi rịn ở cổ, ở ngực và đôi cẳng chân. Tôi vừa ngả lưng gối đầu lên gò mồi thì thằng xạ thủ rung liên khê đập vào vai tôi và đồng thời nó khê nhóm người lên nói thật khê như người nói thầm. Có thằng động đập lá cây phía trước. Tôi khê lật người nằm sấp, tay phải kéo khẩu carbine và nhẹ mở khóa an toàn. Tôi ghé mắt nhìn qua nách áo thằng xạ thủ. Từ khóm cây rậm phía trước có bóng một tên địch di chuyển động đập. Thằng xạ thủ tay vẫn gờm sẵn cò súng, môi nó mím chặt và mắt mở rộng không chớp như sẵn sàng chụp lấy con mồi. Tôi nói khê bên tai nó : Chờ nó đến gần hãy nổ cho chắc ăn. Nó im lặng nuốt nước bọt. Cổ họng nhấp nhô lên xuống. Tên địch hiện ra rõ hần. Tay nó cầm khẩu Mat 36 và lom khom đi đến phía chúng tôi. Tôi nói thầm : Mày tới số rồi con ạ. A men. Thằng xạ thủ hướng thẳng mũi súng vào ngực nó. Nó vẫu thận trọng và lom khom bước tới, cặp mắt lảo liên đảo lộn. Lâu lâu nó lại ngồi xuống và đưa súng

lên vai nhắm vào một mục tiêu tưởng tượng. Tôi nói : Khi nào nó đứng lên thì cho nó về châu ông bà cho rồi. Tên xạ thủ gật đầu. Nó lại nuốt nước bọt, và yết hầu lại chuyển dịch phập phồng. Hai cánh mũi nó nở lớn. Tên địch chỉ còn cách chừng tôi chừng 20 thước mà vẫn không hề biết gì. Tôi nhủ thầm: Mày sẽ ngạc nhiên ngay cả khi đã nhắm mắt rồi. Và cái thắc mắc sẽ không bao giờ được giải đáp. Và ngay khi đó nó đứng lên, và cũng ngay khi đó nó ngã ngửa ra sau như một cây chuối đổ. Cả một tràng trung liên nấc lên rền rĩ và ghim trọn lên khuôn ngực nó như ghim vào mặt tấm bia. Khu rừng nín thở òa vỡ nức nở. Thăng Truyền tin la lên. Nó chết rồi và nó phóng người chạy đến nhặt khẩu súng lên. Tôi gọi giật nó về với máy. Nó báo cáo và một lát nó báo. Đại úy bảo lôi xác nó đến ban chỉ huy đại đội. Tôi vỗ vai thằng xạ thủ và bảo : Cậu khá. Kỳ này sẽ thưởng cho cậu 1 ngôi sao và 4 ngày phép chịu chưa ? Nhưng nhớ rằng mình còn lỗ nặng chứ không lời gì đâu ? Tôi cho lệnh lục soát xác chết. Trong túi nó có một gói thuốc “rê”, một đồng bạc giấy rách bươm và một lá thư tình chữ nhòe nhoẹt lem luốc như gà bới. Những câu văn ái ân què cụt bất thành cú, giọng điệu Cộng sản chập chững cóp nhặt từ những tài liệu quay Ronéo hoặc viết tay của những tên cán bộ làng. Một thằng lính thi hành theo lệnh vừa lấy dây Poncho buộc thông lọng vào cổ xác chết, vừa nói tình bơ. Mặt mày rõ chẳng chịt như tổ ong và seọ tèm lem thế này mà cũng có người yêu thi khoái nhỉ. Tôi ở lại với trung đội. Mặc mấy người lính kéo xác thằng du kích từ trong rừng băng ngang những ruộng sinh về bên đại đội. Gần trưa tôi được lệnh gọi về ban chỉ huy đại đội

*(kiểm duyệt bỏ trống một đoạn)*

Tôi nói. - Tại sao tụi bay không chôn hay vắt nó xa đi. Dù sao nó cũng chết rồi.

Một tên lính vội cướp lời tôi :

- Đầu có được ông. Bọn này đã gài lựu đạn ở dưới lưng nó rồi. Thế nào đêm nay mình cũng có “thịt ăn”.

Tôi im lặng tiếp tục ăn. Nó lại tiếp thêm:

- Dù thân nó nát, nhưng cũng không bằng mỗi lần tụi nó

chặt lính mình từng khúc rồi bấm nhỏ.  
Tôi âm ừ, rồi đứng dậy về lại vị trí trung đội. Vừa khi đó thì chiếc H 34 đến di tản xác chết.

Buổi chiều tôi được lệnh theo đại đội rời vị trí đóng quân cũ, và ra rừng cao su phòng thủ. Vào khoảng 1 giờ khuya tôi giật mình tỉnh dậy. Hai tiếng lựu đạn nổ còn kéo dài cái âm thanh rền rền trong đêm yên lặng. Có tiếng lính sì sào thích thú. Sáng mai chém chết tội mình cũng có “thịt ăn” rồi. Ít ra cũng phải vài ba con bỏ mạng chứ không chơi. Thế là cũng trả thù được cái nợ nó vay mình.

Sáng hôm sau. Cuộc hành quân chấm dứt. Chúng tôi được lệnh rút về bằng đường bộ qua ngã Bến cát. Trước khi đi, chúng tôi còn xúm quanh cái xác không đầu nát bấy. Bên cạnh đó ba xác mới mặc quần đùi áo đen nằm ngổn ngang. Máu đỏ quanh từng vũng, óc phọt trắng bầy nhầy, và ruột có đũa lòi từng búi. Tôi cúi nhặt chiếc loa bằng thiếc đưa lên miệng la lớn :

- Nghe đây, nghe đây. A lô, a lô. A bientôt. See you again  
- O kay ?

Tôi nghe như tiếng mình vọng dài trong những luống cao su gầy ốm và lan tràn trên mặt rừng bao la xanh mướt.

Về tới hậu cứ tôi nhận được một xấp thư của những đứa con gái mới quen trong đó lẫn lộn cả những thư của những em nhà lành và của cả những em dĩ điểm mê tôi. Đặc biệt có 1 tấm thiệp của con người yêu cũ báo tin sắp đi lấy chồng. Và một tờ điện tín xanh ròn cho biết thằng bạn thân độc nhất của tôi đã tử nạn trong phi vụ ở vùng Hậu giang.

Tôi cầm và đọc hoài hai cái tin đó. Trời sẫm tối bên ngoài. Tự nhiên tôi thấy mình biết buồn thật sự.

(Nghệ thuật số 50 , cuối năm 1966)

# NHÃ CA

## về một bông hoa trong nghĩa địa

Mỗi đêm có bao nhiêu vì sao  
hàng triệu đêm có bao nhiêu vì sao  
bao nhiêu gió  
bao nhiêu lá, bao nhiêu hoa  
và bao nhiêu núi mù  
để mẹ được nhớ con  
nhớ vô biên cùng quẩn

Và hồi bông hoa mười giờ  
nở trên mộ bia  
nói cho tôi nghe đi  
về đôi mắt, về bàn tay, về gót chân và nụ cười thơ dại  
đừng kể lại lời thề của mặt trời  
trên nhỏ nhoi đầu cần trí nhớ  
và mặt trời đầu thề nhìn thấy xa  
vào bóng đêm  
thế giới của người chết

Hãy trả cho phương đông chút nắng tàn khốc  
và trở về phương tây  
chờ đợi sự tàn rửa mát mẻ của đất và tinh tú và đêm thần  
tiên  
mối thù hận của mặt trời  
thứ mặt trời tự xưng và kiêu ngạo

Có phải cánh tay của mặt trời đã ôm con  
đã vuốt mặt cho con  
và rỏ những giọt lệ lửa

thứ lệ nung sôi dục vọng  
làm sao có thể nói với con về những lời thề của mặt trời  
đan trên nền mộ những bội bạc.

Bài ru của mẹ thì xa  
giọt lệ của mẹ thì nhỏ  
làm sao tìm đến.  
như bông hoa mười giờ đã tìm đến con lúc chiều hôm.  
(Nghệ thuật số 50)

# SÁNG TÁC MỚI



HOÀNG XUÂN SƠN

## đùn đẩy trong ngày

thực sự mình muốn cái gì  
đôi lúc không muốn hiểu  
gợn tóc quăng mặt phẳng  
lì  
trên trán  
lớ ngớ dụi đời tỉnh thức  
môi trường tổng khứ nước chảy  
ngủ ngờ những phiên trời ngọt ngọt  
tháng 6 trên mình qua tháng 7 có những khoảng bức rức  
rả rích mưa đột về cơn nóng ẩm  
chiếc quạt rù rì loay hoay khuôn mặt lười lười

nhếch mép chẳng buồn môi quầng gầy tập  
tự lập đầu giường  
không viết. không thể viết những khúc ngắn gãy  
hóa quang tù mù  
giờ này ai cũng chui vào trú sở  
liều mạng câu tru                      ngân  
giữa khuya  
mai rồi                      trưa  
đứng bóng  
nghe âm vuốt ngược về chốn bỏ thầu ngán ngẫm  
mình. bỏ lẽ  
kinh doanh đời rình cứ lè tè dăm ba giải thủy  
flomax quần chẳng râu bắp  
nước bồn tiêu dao giựt mất hồn thị  
ngọn đèn thỉnh thoảng mát dây  
đợi người chong bóng  
cái hẹn tà lư lên không kịp  
dương cầm tỳ âm khô  
đĩa nguội chân bàn trùng dương thánh thót  
nghe vỡ tiếng hời xa  
gỗ tạp  
rồi cũng dự phần kỳ trần bát nháo  
lắng nghe bạn cũ chào hàng bên kia suối  
via nước xanh. và hè sát thùng chỗ qua lại  
đến. rồi thì tay cầm đầu đầu  
mối lỏng nguy trung tuồng trắng mặt  
không thấy đàn bà  
chỉ vài thổi nhạc nguội biển trùng hương đêm

dẫn vào tiếng muông chạm ly nghi rằng thể tình có thật  
buổi sáng không khúc quanh  
lấn vào bên trong một khay gió đợi tình về quá  
dầm ba nhát chổi eo xèo  
cầu tứ  
tình đã hoang mang có thời người nhìn ra bóng quạ (\*)  
đen ngịt trời  
sá gì người bẻ ghi mùa yêu  
bỏ quên ngọn đèn đỏ trên luống rầy

một lời sơ khảo  
cũng khiến tàu ngừng lại  
thức dậy rồi con nước  
đường ra khơi ráo riết trần tình  
*hoàng xuân sơn*  
*1,2 tháng 7/2015*  
(\*) Quách Tấn: “tình hoang mang gọi tứ hoang mang”

■

# NGỌC BÚT

## CÙNG NHAU

*(gợi người trăm năm, để nhớ ngày bên bờ vực tử sinh)*



*tranh Thân Trọng Minh*

hầm hiu một chân buồn  
hầm hiu một tay khóc  
hầm hiu giấc mơ trở về ngày cũ  
cùng em đi khắp thế gian  
núi trời gần đất.

\*

hầm hiu nửa trái tim đau  
hầm hiu mái đầu sương tuyết  
hầm hiu tháng ngày huyễn mộng  
cùng anh đi khắp thế gian  
gối đất ôm trời.

\*

người trăm năm  
ngọt bùi san sẻ  
đắng cay riêng mang  
người trăm năm  
nửa cười nửa khóc  
nửa bất động nửa tinh anh  
vẫn mơ ngày cuối bãi đầu ghềnh  
cùng nhau đi khắp thế gian.

(Saigon, 9/2014)

NGỌC BÚT

## **Dòng Sông Kỳ Diệu**

Hay

### **Cuộc Hội Ngộ Giữa Văn Xuôi Y Uyên Và Thơ Phạm Cao Hoàng**

*Tạp bút của Nguyễn Âu Hồng*

Sông Ba là một dòng sông kỳ diệu. Nó vừa êm đềm thơ mộng vừa “gờn gợn trên sóng bạc những cằm hờn”(1), vừa đầy ắp trắng sao vừa “gầm lên cuộn cuộn máu”(2).

Xuất phát từ đỉnh Ngọc Linh của Kontum, sông Ba chảy “phía sau lưng” hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định, xiên xiên từ bắc xuống nam qua Gia Lai, Phú Bổn thuộc Tây Nguyên. Khi vào lãnh địa Phú Yên, sông Ba tiếp nhận thêm chi lưu sông Hinh rồi đổi tên thành sông Đà Rằng khi chảy qua đồng bằng Tuy Hòa.

Thời chiến sông Ba-Đà Rằng chảy qua những vùng giao tranh ác liệt, đã chứng kiến nhiều trận đánh đẫm máu và một cuộc “di tản chiến thuật” đầy bi thương. Trong dòng nước thấm đẫm phù sa của nó có cả nước mắt và máu. Mùa lũ, nước tuôn chảy dữ dội, lẫn trong củi mục cành khô có cả xác gia súc và xác người.

Dòng sông kỳ diệu này hưởng hai chế độ mưa: mưa Tây Nguyên và mưa đồng bằng ven biển miền Trung. Chính vì vậy mà lắm lúc vùng ven biển mưa không lớn nhưng “nước đã lên mênh mông” (3). Năm vững chu kỳ mùa khô-mùa lũ của dòng sông, cư dân sống ven bờ vùng hạ lưu đã khai thác những “gò cát pha” là những gò nổi ngay giữa dòng sông để trồng hoa màu và lúa ngắn ngày. Lúa bắp, hoa màu và cả hoa Tết trồng trên những gò nổi này (tiếng địa phương gọi là soi) ít khi dùng đến phân bón vì được phù sa bồi đắp hằng năm.

Ngoài những ruộng lúa, soi bắp, soi dưa rải rác dưới sông, hai bên bờ, dọc các lũy tre làng còn có những gò cát rộng lớn trải dài với hoa mẫu đủ loại mà nhiều nhất là bí đỏ. Xã

Hòa Bình có bãi bí rộng lớn nhất vùng nên bị một câu ca dao châm chọc, “*Hòa Bình là Hòa Bình còi/ Có ba bông bí cũng đòi đi phiên*”. Nhưng bông bí đâu phải là loại rau canh tầm thường, “*Thương chồng nấu cháo le le/ nấu canh bông bí, nấu chè hạt sen*”.

Dòng sông kỳ diệu hưởng hai chế độ mưa nên đồng bằng của nó có khi được phù sa bồi đắp đến hai lần trong một năm. Đây là yếu tố thiên nhiên thuận lợi giúp duy trì độ phì nhiêu và vệ sinh đồng ruộng. Một yếu tố vô cùng quan trọng tiếp theo là nguồn nước tưới. Sông Ba cung cấp một nguồn nước tưới dồi dào qua hệ thống thủy nông đập Đồng Cam. Bằng sức sáng tạo và lao động cần cù, người dân Phú Yên đã khai thác hợp lý các yếu tố thiên thời-địa lợi để xây dựng đồng bằng sông Ba-Đà Rằng thành một vựa lúa lớn nhất, thơm dẻo và thơm thảo nhất miền Trung.

Khi chỉ còn vài cây số nữa là ra đến biển qua cửa Đà Nông, một cửa sông rộng đến bát ngát, sông Đà Rằng được một chiếc cầu nổi hai bờ nam-bắc. Đây chính là chiếc cầu với *những vòm sắt đen đui (Y Uyên) và những nhịp cầu đen buồn bã (Phạm Cao Hoàng)*.

Dòng sông kỳ diệu với chiếc cầu dài nhất miền Trung tạo điều kiện cho cuộc hội ngộ diệu kỳ của văn và thơ. Bài này chỉ gói gọn văn xuôi Y Uyên và thơ Phạm Cao Hoàng.

...*”Tuốt bờ sông bên kia rải rác vài chiếc thuyền bất động mơ hồ. Dòng nước mỗi lúc như thêm dữ dội xoáy quanh những chân cầu bao dây kẽm gai... Dòng nước quá mạnh. Con vật trôi mau... Thân một cây dừa trôi sau con bò đã bang bang qua cầu... Chỉ có tiếng nước xoáy...”*

Trích “Tiếng Hát Của Người Gác Cầu” - Truyện ngắn Y Uyên.

...*Mùa nước lớn nước xuôi cuộn cuộn  
bóng chim qua xoải cánh mù tăm  
mây xuống thấp cùng mưa buồn vỡ chết  
anh lặng thẳm nay đã bao năm*

*Hỡi những nhịp cầu đen buồn bã  
có buồn không những sớm mưa qua  
có se sắt như lòng tên đang tử  
đã dừng chân đứng lại bên bờ*

*có heo may như gió đầu tháng chạp  
thổi đầy trời, thổi dạt bóng mây xa”*

Trích “Những Nhịp Cầu Đen Buồn Bã” - thơ Phạm Cao Hoàng

*...”Cách đây bốn năm hôm lòng sông còn cạn khô, nước  
đọng trong những vũng sâu rải rác, trâu bò còn đi thung  
thăng dưới chân cầu. Bây giờ nước đã ngập hết những vết  
tích từ bãi cát đầy vết xe nhà binh ở đầu cầu đến những gò  
cát nổi cao như những cù lao xanh um cỏ.”*

Y Uyên - Tiếng Hát Của Người Gác Cầu

*...”Mùa nước cạn cát trùng trùng cuối bãi  
cỏ rêu kia xa cách đời nhau  
anh dõi mắt trông niềm ly biệt*

*như dòng sông khô nước dưới chân cầu”*

Phạm Cao Hoàng - Những Nhịp Cầu Đen Buồn Bã.

*...”Mưa chợt đổ xuống dôn dập... Ngọn núi cao ngắt đỉnh  
đội một phiến đá vuông, ở cuối khúc quanh vừa hiện ra mờ  
mờ đã biến mất...”*

Y Uyên - Tiếng Hát Của Người Gác Cầu.

*...”Bạn ta, bên kia sông là núi  
núi của ngàn năm đá vọng bóng người đi  
núi tiếp sông và sông tiếp biển  
sông tiễn người qua bên phân ly”*

Trích “Hành Phương Đông” - Thơ Phạm Cao Hoàng

*...”Chết mình hôm trước đó. Một cái xe lam, một cái xe nhà  
binh, chết sáu mươi mấy người... Chết vậy mà chỉ tét bụng,  
đứt chân, mất đầu chó không nát bấy như hồi ở Dốc Đá.  
Mấy xác người vô thừa nhận có một người đàn bà đầu văng  
xuống sông tới hồi vớt lên mới tóc dài vẫn còn như cũ.”*

Trích “Bão Khô” - Truyện ngắn Y Uyên

*...”Sông ngậm ngùi vỗ sóng thiên thu  
mùa bão tới gập lên hồi bi thiết  
gờn gợn trên sóng bạc những căm thù  
bơi máu đã nhuộm hồng sông nước.”*

Phạm Cao Hoàng - Hành Phương Đông

Y Uyên viết “Tiếng Hát Của Người Gác Cầu” và “Bão Khô” năm 1966, Phạm Cao Hoàng sáng tác “Những Nhịp Cầu Đen Buồn Bã” và “Hành Phương Đông” năm 1971. Tuổi tác chênh nhau năm năm, thời điểm viết về dòng sông

và chiếc cầu cũng chênh nhau tương tự. Y Uyên rời Tuy Hòa nhập ngũ và tử trận ở đồi Nora, Bình Thuận năm 1969; ít lâu sau Phạm Cao Hoàng tốt nghiệp sư phạm về dạy ở Tuy Hòa. Người đi, kẻ đến (về), cả hai từng qua nhiều năm sống ở Tuy Hòa, từng nhiều lần qua lại cầu Đà Rằng. (Phạm Cao Hoàng qua lại nhiều hơn vì quê anh ở Phú Thứ xã Hòa Bình cách cầu khoảng mười cây số).

Dòng sông cùng với chiếc cầu phản ánh nhiều mặt cuộc sống cũng như cuộc chiến ở hai bờ.

Nhà văn Y Uyên mượn dòng sông và chiếc cầu làm nhân chứng cho những trang viết. Thế còn nhà thơ, làm thơ mà cũng cần nhân chứng sao? Nếu không, giải thích sao đây về cuộc hội ngộ diệu kỳ giữa văn xuôi Y Uyên và thơ Phạm Cao Hoàng như những phần vừa trích?

Nhà văn Y Uyên và nhà thơ Phạm Cao Hoàng, hai chàng tuổi trẻ tinh anh phát tiết, không chỉ cùng đi trên một chiếc cầu, cùng nhìn xuống một dòng sông mà còn gặp nhau trên con đường sáng tác văn học, cùng nhận được thông tri bí mật từ nguyên lý sáng tạo. Đây là điều chỉ những bậc tài hoa mới có cơ may ngàn năm một thuở.

Nguyễn Âu Hồng

Jan 2013 - Dec 2015

*Viết thêm:*

Phần trên là cuộc hội ngộ lạ lùng giữa văn xuôi và thơ, hơn bốn thập niên trước.

Gần đây xuất hiện một bài thơ viết về Sông Ba cũng đầy máu và nước mắt:

**TỔ KHÚC SÔNG BA**

*Sông Ba nghiêng nghiêng tìm hướng xuống Đà Rằng  
nghiêng về phía những đồi lau hoang mạc*

*Qua những buôn làng xơ xác  
mái nhà túp lá che thân*

*Qua những buôn làng trù phú  
nhà dài một tiếng chinh ngân.*

*Sông Ba ánh lên nghìn ánh mắt*

*Cõi lòng u uẩn hận căm căm*

*Tây Nguyên bắt khuất ra hờn uất*

*Tiếng thác gầm theo tiếng núi gầm.*

*Sông Ba gầm lên cuộn cuộn máu  
Nước hờn xô đổ bờ đất cao  
Ô hay nước mắt tuôn thành máu  
Sóng quặn lòng ai sóng cuộn trào!  
KHUYẾT DANH (2011)*

Mời đọc lại mấy khổ thơ của Phạm Cao Hoàng trong Hành  
Phương Đông (1971)

*...”bạn ta, bên kia sông là núi  
núi của ngàn năm đá vọng bóng người đi  
núi tiếp sông và sông tiếp biển  
sông tiễn người qua bến phân ly*

*sông ngậm ngùi vỗ sóng thiên thu  
mùa bão tới gầm lên hồi bi thiết  
gờn gợn trên sóng bạc những căm thù  
bởi máu đã nhuộm hồng sông nước.*

Phải chăng đây là cuộc hội ngộ bình thường của thi ca? Có thể kẻ khuyết danh kia “thấy sang bắt quàng làm họ”.

Nhưng, lẽ nào từ thế kỷ trước sang thế kỷ sau, bốn thập niên qua, Sông Ba-Đà Rằng vẫn tiếp tục hết “*gầm lên hồi bi thiết*”(PCH), lại “*gầm lên cuộn cuộn máu*”(KD)?

Dòng sông tiếp tục phản ánh cuộc sống đôi bờ từ thượng nguồn đến hạ lưu, tiếp tục làm nhân chứng.

Nhưng, lẽ nào chiến tranh qua lâu rồi mà dòng sông vẫn chưa được êm đềm thơ mộng, vẫn thiếu ánh trăng soi? Lẽ nào vẫn tiếp tục “*gờn gợn trên sóng bạc những căm thù*”(PCH) từ năm 1971 kéo dài đến năm 2011 “*sóng quặn lòng ai sóng cuộn trào*”(KD)?

Vết thương chiến tranh đã lành chưa mà lại khơi dòng lệ, đến nỗi “*nước mắt tuôn thành máu*”(KD), sau bốn mươi năm?

PHẠM CAO HOÀNG  
**Tôi đi dưới trời đông bắc**

*Nhớ 42 Võ Tánh, Đà Lạt*

bây giờ mùa đông trở lại  
rừng xơ xác ngọn điêu tàn  
bầy chim bay xa trốn tuyết  
trong sương mù tôi lang thang

ôm đàn qua thung lũng Fox  
so đây ghi lại đời mình  
một thời chiến tranh - tuổi trẻ  
một thời Đà Lạt và em

ôm đàn đứng bên vách núi  
so đây chơi một đoạn buồn (\*)  
đoạn cho một thời xa xứ  
đoạn thương và nhớ quê hương

bây giờ mùa đông trở lại  
rừng xao xác gió sang mùa  
tôi đi dưới trời đông bắc  
thương và nhớ quá ngày xưa

**Phạm Cao Hoàng**  
Virginia, December 14, 2015

(\*) Trong bài hát **MỘNG VỀ** của Hà Thúc Sinh

# THƠ BERTOLT BRECHT

*Thái Kim Lan dịch*

**Lời người dịch:** “Thời mạt cho thi ca” (1939) của Bertolt Brecht là một bài thơ tiêu biểu của văn chương lưu đầy Đức (“deutsche Exilliteratur”). Xuất hiện trong khoảng thời gian 1933 – 1945, “văn chương miền lưu đầy” bao gồm tất cả các tác phẩm của những tác giả chống đối chủ nghĩa Quốc xã của Hitler đang bị nạn tại nước ngoài: Bertolt Brecht, Hermann Broch, Ernst Bloch, Alfred Döblin, Lion Feuchtwanger, Bruno Frank, A. M. Frey, Anna Gmeyner (1902-1991), Oskar Maria Graf, Heinrich Eduard Jacob, Hermann Kesten, Annette Kolb, Siegfried Kracauer, Emil Ludwig, Heinrich Mann, Klaus Mann, Thomas Mann, Robert Neumann, Erich Maria Remarque, Ludwig Renn, Alice Rühle-Gerstel, Otto Rühle, Alice Schwarz-Gardos, Anna Seghers, B. Traven, Franz Werfel, Bodo Uhse, Arnold Zweig, Balder Olden und Rudolf Olden... “Văn chương miền lưu đầy” đã trở thành một mảng văn học đặc thù chiếm vị trí đáng kể trong trào lưu văn chương đương đại quốc tế. Từ năm 1933, B. Brecht đã cùng gia đình chạy trốn khỏi chế độ độc tài của Hitler sang Đan Mạch. Đối diện với những khổ nạn “lưu đầy”, mất đất đứng nơi quê hương, tương lai vô định và hiện tại bất bênh, thiếu phương tiện trong xã hội xa lạ, Brecht cũng như những nhà văn đồng cảnh ngộ cảm nhận sâu xa sự mất mát mảnh đất ngôn ngữ và nỗi quạnh hiu của một nghiệp dĩ văn chương thiếu quần chúng, còn trầm trọng gấp bội những thiếu thốn vật chất. Chính nỗi tuyệt vọng của kẻ bị lưu đầy đã đưa đến nhiều trường hợp tự vẫn của những văn nghệ sĩ lỗi lạc: Ernst Toller, Walter Hasenclever, Walter Benjamin, Kurt Tucholsky, Stefan Zweig, Ernst Weiß...

Sáng tác trên mảnh đất lưu đầy trở nên một cứu cánh để trở về với bản lai diện mục văn hóa và đồng thời lấy khoảng cách với quá khứ hầu tạo nên diện mạo mới cho tư duy sáng tạo. Với chủ trương phê phán hiện thực, B. Brecht, ngoài

đối tượng “cảnh ngộ lưu đầy”, hơn bao giờ đặt câu hỏi về mục đích của thi ca – không những trên lãnh vực chính trị mà trong toàn thể lãnh vực văn học. “Thời mạt cho thi ca” là nổi trăn trở với gia tài văn học quốc nội và sự thôi thúc tìm một con đường mới cho thi ca trên mảnh đất lưu đầy. Ngay cả hình thức của thi ca lưu đầy trong ý hướng “văn dĩ tải đạo” cần được biểu lộ bằng tiết tấu và âm giai mới, trong khi chối bỏ vần điệu cổ điển, vượt xiềng xích ước lệ, để thở hơi thở của thời đại. B. Brecht là một trong những người đột phá lãnh vực văn học Đức, mở ra chân trời văn học thể giới với chính đặc thù của tư duy và ngôn ngữ Đức: phản tỉnh văn học bằng ngôn ngữ phản tỉnh: “Trong thời đen tối, lúc ấy người ta có ngâm nga không/ Lúc ấy người ta có ngâm nga, không trong mà về thời đen tối”.

## **Bài ca gã quét vôi Hitler**

### **1.**

Gã quét vôi Hitler

Nói: Đồng bào yêu mến, hãy để tôi vào cuộc

Và hấn bẽ một thùng sơn mới

Và sơn luôn cái nhà nước Đức thành mới

Cả cái nhà dân Đức được sơn thành mới

### **2.**

Gã quét vôi Hitler

Nói: cái nhà mới có liền lập tức

Và những lỗ, những vết bong, những đường nứt

Hấn cứ việc sơn bít hết tất

Cả cút đá hấn đều sơn kín

### **3.**

Ồ này gã quét vôi Hitler

Tại sao mi không là thợ nề? Cái nhà của mi

Khi những lớp sơn gặp mưa

Thì các thứ bần ở dưới lại lòi ra

Cả mọi cút đất lại phọt ra

**4.**

Gã thợ quét vôi Hitler  
Đã không học gì ngoài màu sắc  
Và khi người ta để hấn vào cuộc  
Thì hấn sơn bết tất tần tật  
Cả nước Đức hấn trát sơn bèn bệt

### ***Das Lied vom Anstreicher Hitler***

**1.**

Der Anstreicher Hitler  
Sagte: Liebe Leute, laßt mich ran!  
Und er nahm einen Kübel frische Tünche  
Und strich das deutsche Haus neu an.  
Das ganze deutsche Haus neu an.

**2.**

Der Anstreicher Hitler  
Sagte: Diesen Neubau hat's im Nu!  
Und die Löcher und die Risse und die Sprünge  
Das strich er einfach alles zu.  
Die ganze Scheiße strich er zu.

**3.**

O Anstreicher Hitler  
Warum warst du kein Maurer? Dein Haus  
Wenn die Tünche in den Regen kommt  
Kommt der Dreck drunter wieder raus.  
Kommt das ganze Scheißhaus wieder raus.

**4.**

Der Anstreicher Hitler  
Hatte bis auf Farbe nichts studiert  
Und als man ihn nun eben ranließ  
Da hat er alles angeschmiert.  
Ganz Deutschland hat er angeschmiert.

---

## Thời mạt cho thi ca [\[1\]](#)

Tôi biết chứ: chỉ kẻ hạnh phúc  
Mới được mền chuộng. Giọng nói của hần  
Người ta thích nghe. Mặt hần thật đẹp  
Còn cái cây trong sân què quặt  
Chứng tỏ nền đất thối nát, nhưng  
Những người qua đường chửi nó là thứ tàn tật  
Mà họ có lý  
Những chiếc tàu sơn xanh và những cánh buồm vui nhộn  
nơi eo biển  
Tôi không thấy. Chỉ thấy rõ hơn hết  
Tầm lưới rách tươm của dân chài  
Tại sao tôi chỉ nói về  
Bà quản gia bốn mươi tuổi đi khòm người?  
Còn bầu ngực của những đứa con gái  
Thì vẫn căng ăm áp như thuở nào  
Trong bài thơ của mình, một câu thơ có vắn  
Vớ tôi hầu như nhuốm vẽ bốc đồng  
Trong tôi có hai điều đang cãi nhau  
Sự nồng nhiệt về cây táo đang nở hoa  
Và nỗi kinh dị về lời nói của gã quét vôi [\[2\]](#)  
Nhưng chỉ điều thứ hai  
Thúc tôi đến bàn viết

## Thái Kim Lan dịch

[\[1\]](#) Sáng tác (khoảng 1939) trong lúc tị nạn ở Đan Mạch  
(1933 - 1945)

[\[2\]](#) Xem bài ở trên.

## *Schlechte Zeiten für Lyrik*

Ich weiß doch: nur der Glückliche  
Ist beliebt. Seine Stimme

Hört man gern. Sein Gesicht ist schön.  
Der verkrüppelte Baum im Hof  
Zeigt auf den schlechten Boden, aber  
Die Vorübergehenden schimpfen ihn einen Krüppel  
Doch mit Recht.  
Die grünen Boote und die lustigen Segel des Sundes  
Sehe ich nicht. Von allem  
Sehe ich nur der Fischer rissiges Garnnetz.  
Warum rede ich nur davon,  
Dass die vierzigjährige Häuslerin gekrümmt geht?  
Die Brüste der Mädchen  
Sind warm wie ehemals.  
In meinem Lied ein Reim  
Käme mir fast vor wie Übermut.  
In mir streiten sich  
Die Begeisterung über den blühenden Apfelbaum  
Und das Entsetzen über die Reden des Anstreichers.  
Aber nur das zweite  
Drängt mich zum Schreibtisch.”

(Bertolt Brecht, *Gesammelte Werke*, Bd.9: Gedichte 1938 – 1941, Ffm.: Suhrkamp 1967, S. 743)

Bản tiếng Việt © 2009 Thái Kim Lan  
Bản tiếng Việt © 2009 talawas blog

# NHỮNG VÒNG TRÒN XIẾC

*truyện vừa của Khuất Đầu*



*LTS: Đây là truyện mới nhất của nhà văn Khuất Đầu. Qua thư gửi tòa soạn, ông viết:*

...Có lẽ đây là truyện cuối cùng, vì lưng đau cột sống, mắt yếu, nên không thể ngồi nhiều được nữa.

Tôi biết ơn TQBT rất nhiều. Nhờ có TQBT mà một số bạn đọc biết đến tôi. TQBT cũng nhiệt tình đưa lên Talawas và xuất bản Những Tháng Năm Cuồng Nộ.

Tôi cũng rất biết ơn bạn đọc, dù không biết tôi là ai, vẫn theo dõi đọc và bày tỏ những cảm tình quý hiếm.

Có thể có người bảo sao mà thân phận của nhân vật chính này giống với thằng chó đẻ trong NTNCN. Đồng ý là giống nhau nhưng không trùng lặp.

Tôi muốn mượn những nhân vật khốn cùng nhất, những kẻ trôi sông lạc chợ để nói về thân phận của dân tộc Việt mình. Trong thế kỷ 20 và 21 này, tôi không thấy nó anh hùng mà chỉ thấy nó quá đáng thương. Những vòng xiếc là những vòng đời.

## *xiếc của người*

Chợ nằm bên bến sông, nhưng không trên bến dưới thuyền mà chỉ có một con đò rách do một ông lão lái. Một năm chỉ có mấy tháng mưa lũ là có khách, còn thường ngày, người ta cứ việc xấn quân lên mà lội. Chợ phiên của làng nên dọc một hàng dài trước chợ ưu tiên cho những gánh cơm đặt kề nhau san sát. Rồi hàng gốm, hàng thổ sản, hàng cá, hàng mắm đều bày ra giữa trời, dưới những tàn cây. Chỉ có hàng xén là được kê lên cao trên sạp bằng tre trong những chiếc lều xiêu vẹo. Những cô gái đẹp thường là chủ hàng, bán được ít lâu các cô theo chồng, để lại không ít ngân ngơ cho một vài ai đó.

Chợ cũng là nơi kéo đến khá đông những mụ ăn xin rách rưới, những lão thầy bói giả mù. Đôi khi còn có thêm một gánh xiếc nhỏ, bày ra một vài trò lạ để bán thuốc. Như cái trò *bào thai nằm trong bụng mẹ* khá kỳ dị của một cặp vợ chồng nghe đâu ở tận Cà Mau ra.

Khi phiên chợ bắt đầu đông người, anh chồng đem ra một chiếc bình thủy tinh to cỡ vò nước đặt lên bàn, hỏi: “Có ai thấy cái bào thai nằm trong bụng mẹ chưa? Chưa hả? Thì Coi này!” Và, một con bé chừng 10 tuổi gần như trần truồng leo lên bàn, chầm chậm cho hai chân vào bình. Rồi em từ từ hạ cái mông teo tóp xuống sát đáy, cùng một lúc co hai chân khằng khiu lên, hai tay ôm lấy gối, sau cùng là rút cổ cho đầu vào, nhắm mắt lại. “Mình ơi, anh ta kêu lên, có phải con em nó nằm trong bụng mình như thế này phải không?” Chỉ vợ đứng gần đó gật đầu nói “phải”. Mọi người đang quay kín vòng trong vòng ngoài cứ trở mắt ra mà nhìn, bàng hoàng như vừa trông thấy một phép lạ. Rồi như bị ma ám, ai

cũng đâm ra tin những gì anh ta nói, thì cứ cho là mù quáng đi, nhưng mớ lá cây và rễ cây lộn xộn chẳng biết cây gì mà anh ta bảo là trị bách bệnh, chỉ trong chốc lát đã được bán sạch.

Đứa bé xong việc chui ra ngồi thụp xuống đất, liền được bọn trẻ con bu quanh. Chẳng những để nhìn mà chúng còn muốn sờ thử xem người thật hay con gì đó như con rắn, con trăn đã biến thành người nên mới chui được vào bình một cách ma mị như thế. Rõ ràng là em đang thử và cái ngực mỏng dính với hai núm vú nhỏ như hai hạt đậu có khác chi mọi đứa bé trong làng, nhưng chúng vẫn cứ hồ nghi. Vì vậy, khi một đứa trong bọn bất ngờ kêu lên: “ma! bay ơi, ma!” thế là cả bọn rùng rùng bỏ chạy như bị ma đuổi.

Có một đứa chẳng những không chạy mà còn bước tới gần hơn, đưa miếng cơm đang cầm trong tay cho con bé như muốn nói: nó tin em là người thật. Con bé ngược đôi mắt có hai hàng lông nheo cong vút lên nhìn nó. Em ngáp ngừng thò bàn tay nhỏ như một búp hoa ra cầm lấy. Rồi lại ngáp ngừng đưa lên miệng, cắn một vài hạt, nhai tí tách. Nó nhìn cái miệng con bé, nhìn những hạt cốt thấm nước bọt, nhìn đôi mắt đen to và nhoèn miệng ra cười.

Thế là chúng làm quen nhau, con bé ăn mà không nói, nó cũng nhìn thôi chứ không biết nói gì. Nhưng cả hai đứa tưởng chừng như đã quen nhau lâu lắm, còn hơn thế nữa, cùng ở chung một nhà. Khi cha mẹ thu dọn xong đồ đạc kêu con bé đi, nó cũng đi theo. Ra khỏi chợ, đi xuống đồ có ông lão ngồi chờ, nó cũng theo xuống luôn. Cứ thế, nó không rời con bé nửa bước cho đến khi người đàn bà nhận ra có một điều gì gần như là của trời cho, chị ta liền kề tai chồng nói nhỏ gì đó và anh ta vội vàng đến bên thằng bé, đưa tay ra nắm chặt lấy tay nó.

Mãi đến khi chợ tan, người mẹ xao xác kêu con ơi, con hồi mà không nghe nó “ơi”, mới hay là mình đã lạc mất con!

Có được thằng bé như bắt được vàng, hai vợ chồng liền đông tuốt vào nam, bỏ lại sau lưng những phiên chợ quê, mà ở đó sự nghèo đói, sự khờ khạo đã giúp cho cả hai có một thời rủng rỉnh bạc tiền. Chồng, người to khỏe, trên mình xăm rằn rịt như thằn lằn, có một vẻ gì đó giống như

người Miên với nước da nâu bóng, tóc quăn quăn. Hấn làm nghề ăn ong nếu có thể gọi đó là nghề, len lách quanh năm giữa những cánh rừng trầm bạt ngàn trước khi làm cái nghề bán thuốc. Vợ, có cặp mắt lúng liếng chết người, đi ở đợ bị bà chủ dữ như cọp ghen ngắt trời xéo mắt một bên vú. Cả hai gặp nhau khi hấn ta cho chị ta một nắm lá (không biết lá gì, hấn bí mật không nói) để đắp lên ngực mỗi khi đau nhức. Hấn bảo hấn thương cái vú tội nghiệp đó, phải nói là tiếc thì chính xác hơn, vì mỗi khi hành sự bàn tay hấn thấy thiếu thiếu và hấn thề là sẽ cắt cả hai khi gặp con mụ đàn bà ác độc kia. Nhưng khi gặp rồi, trong một đêm trăng trên bên sông, thay vì nghiêng răng xéo một phát cho hả giận, hấn lại đặt môi lên hôn rồi làm này nọ các thứ, coi như đã trả thù xong cho vợ. Hấn bảo, đối với đàn bà, làm như thế là đủ nhục lắm rồi. Chị vợ hứ cái cóc, bảo “vậy tôi đã bị anh làm nhục biết bao nhiêu lần rồi, hả?” Hấn nói, “tội mình thì khác, chuyện đó coi như cơm ăn nước uống, không ăn sao mà sống được!”

Đứa con gái kia cũng không phải là con đẻ của hai người. Nó là con của một người đàn bà dân tộc, mới sinh chỉ được ba ngày đã bị dân làng bắt phải chôn theo mẹ, vì mẹ chết nó cũng sẽ chết thôi. Hai người, trong một lần luồn rừng ăn ong, đã liều mạng cướp lấy nó đem về nuôi. Đứa bé có nước da màu mận chín chứ không đỏ hồng hồng, được chị vợ bỏ vào gùi đeo miết trên lưng. Ăn, ngủ, thức, ngay cả chơi cũng chỉ ngo ngoáy trong chiếc gùi chật hẹp. Lâu ngày lưng nó cong vòng, chân tay mềm oặt đến nỗi có thể cuộn lại như một con cuốn chiếu. Thế là, hấn nảy ra cái ý định tập nó chui vào bình như làm xiếc để dụ người ta tới xem mà bán thuốc.

Để có được cái trò lạ mắt không gánh xiếc nào có được, hấn cũng phải tốn không ít tiền bạc và công sức. Hấn tập ngày tập đêm khiến chân tay đứa bé lúc nào cũng trầy trụa, đau nhức. Muốn mau kiếm ra tiền, hấn cứ giục “ráng lên con, ráng lên chút nữa, chỉ còn cái đầu thôi mà!”. Rồi vì quá nóng ruột, hấn bôi mỡ lên khắp người đứa bé, cố ấn cái đầu bướng bỉnh của nó xuống, mím môi ấn mãi cho đến khi lọt thỏm vào bình. Đứa bé sợ hãi khóc ề ề còn hấn thì nhảy cẫng lên reo mừng: “được rồi! được rồi đấy con!”.

Nhưng hần bỗng kinh hoàng nhận ra đứa bé đã bị nêm chặt như một cái nút chai, coi như nó sắp bị chôn sống một lần nữa. Hần vò đầu bức tóc, loay hoay mãi mà không làm sao kéo con nhỏ ra được, đành phải xách búa mà nện vào bình. Đứa bé chết hệt, cứ trông thấy chiếc bình là sợ run. Hần phải dỗ ngon dỗ ngọt, hứa xuống phố mua búp bê, mua quần áo đẹp; rồi lại dọa bỏ vào rừng cho cọp tha hay bị đười ươi bắt dẫn vào hang làm vợ, mãi đến mấy tháng nó mới biết cách tự mình chui vào rồi chui ra như một con ốc mượn hồn. Nó cũng bắt đầu thấy thích thú khi nằm tròn trong đó, nên thay vì chui vào nấp ngủ, nó lại chui vào bình.

Đã 5 năm rồi nó giúp hai người không phải sống trong rừng vừa thiếu thốn vừa đói khát: chồng chiều tối nào cũng có bữa nhậu, vợ mặc quần lĩnh cổ đeo kiềng vàng. Giờ nó đã lên mười, sắp bước vào tuổi dậy thì, dù có bắt nhịn ăn nó cũng sẽ lớn phồng lên, biết làm cách nào mà chui cho lọt. Chỉ có cách thay bình to hơn, nhưng cách ấy thì đành dẹp bỏ nghề vì bình cỡ lớn phải đặt mua tận bên Tây, lại thêm tiền chuyên chở nữa, có mà bán nhà nếu hai người có nhà.

Đang lo con bé lớn quá coi như mất cái cân câu cơm, thì bỗng dung như từ trên trời rơi xuống, có được một thằng bé bảo đi là đi, bảo xuống thuyền là xuống, rầm rập nghe theo không khóc không la cứ như bị thôi miên. Nó sẽ thay con Mị Lan mà chui vào bình, sẽ nối tiếp cái trò *bào thai trong bụng* mẹ để kéo khách đến dài dài cho họ. Hai người liền bỏ tên cũ đặt tên mới cho nó là Đông Nhi, vừa hay hơn mà cũng vừa dễ chẳng còn ai tìm được nó.

Đông Nhi lúc ấy 5 tuổi mà đã cao gần bằng Mị Lan, nên phải tập ráo riết thôi. Khổ nổi, đứa bé ấy chỉ nằm cuộn tròn trong bụng mẹ có mỗi chín tháng và mười ngày. Khi sinh ra, nó đầu có lớn lên trong gùi, cùng lắm khi vui mẹ nó lật ngửa cái nắp bầu đựng cơm ra, đặt nó nằm lên rồi lo bán hàng. Đến khi biết đi biết chạy, thì nó như con gà con vịt con chó con mèo, cứ việc chạy nhảy vui chơi thỏa thích. Vì vậy tìm cách bắt nó chui vào bình như Mị Lan là rất khó, nếu không muốn nói là không thể được.

Nhưng cặp vợ chồng dễ bị kết tội là mẹ mìn này lại cứ tưởng hễ muốn là được, nên chồng thì mua thuốc võ, vợ mua than quạt lò, ngày nào cũng đem nó ra mà thoa bóp hơ

hóng. Thuốc gì lạ lắm, gắt gắt cay cay chứ không thơm mùi quế và mật ong như thuốc bắc. Thuốc thấm vào da chạy rần rần, lửa nóng đến nỗi làm tay chân bốc khói, trông nó giòn như miếng thịt đã được ướp gia vị đang nướng trên lò than, chỉ thiếu là không nhỏ xuống những giọt mỡ bắt lửa kêu xèo xèo. Hai người ra sức bóp nặn, phải nói là hành hạ thì đúng hơn, suốt cả mấy tháng cũng chỉ làm cho nó co được hai chân lên ngực, còn đầu và tay thì không cách gì cho vào bình được.

Đã có lúc đâm ra nản, nhưng rồi cuối cùng hẳn cũng nghĩ ra được một trò mới, ấy là thuê thợ thiếc hàn một cái ống thùng hai đầu như cái trống cơm chưa bịt da. Đứa bé bị hẳn bẻ gập làm đôi, nhét cả chân và mình vào rồi nhấc cả ống lên mà xóc xóc, một lúc sau nó khó nhọc chui ra như một con bê đẻ ngược. “Vung hai tay lên coi, ờ, giỏi lắm!” Cái ông kẹ mà trẻ con chỉ nghe dọa chứ không thấy gì đang đứng trước mặt nó, miệng ngọt ngào thế chứ ăn thịt nó mấy hồi!

Cái trò này tuy không nghệt thờ bằng trò chui vào bình, nhưng xem ra cũng lạ con mắt. Cái khó là đứa bé bị gập làm đôi với tay chân lèo quèo mà vẫn lọt qua được cứ như một viên đạn vọt ra khỏi nòng một khẩu súng thần công, nên hẳn đặt tên là *súng bắn thịt*. Chị vợ đứng xem bảo “ngộ quá ta, mình lập luôn gánh xiếc đi, bán vé một đồng một người, chứ bán thuốc gập ai cũng bị chửi”. Anh chồng cười, “nếu thế mình mua thêm một con khi nữa. Xiếc mà không có khi đâu ra xiếc”. Chị vợ hào hứng bảo “mua thêm trăm, anh to con quần trăm lên cổ, coi đã lắm à”.

Thế là bọn họ lập ra một gánh xiếc thật sự với hai tài tử là Mị Lan và Đông Nhi, đặt tên là Xiếc Lan Nhi.

Phải gọi là gánh xiếc bỏ túi thì đúng hơn, vì cả người và thú nằm gọn trong lòng một chiếc xe ngựa, sáng chiều lọc cọc từ làng này sang làng nọ. Vật dụng quý nhứt vì đắt tiền và dễ vỡ là chiếc bình thủy tinh, được bọc trong một chiếc mền chuột cẩn rách lỗ chỗ. Con khi có dây xích được móc vào thùng xe mà vẫn cứ nhảy chơi chơi, con trăm thì ngoan hơn nằm ngủ im trong một cái lồng sắt.

Đến một ngã ba thôn hay trước một cổng làng, chủ xiếc gò

cương cho ngựa dừng xe lại. Bọn trẻ con lúc nào cũng là những khách không mất tiền nhưng được cái ồn ào vì có mặt sớm nhất, coi như chúng quảng cáo giùm.

Mở đầu là cảnh *bắn súng thật*. Ông chủ dựng đứng cái ống thiếc, bẻ gấp Đông Nhi làm đôi, nhét vào như kiểu mấy chú ba Tàu cán mực khô trước cổng trường học. Khi thẳng bé bị ép chui qua khỏi đầu, ông vác cái ống lên vai như một chiến binh vác ống phóng lựu quay mấy vòng rồi đưa lên cao, xóc xóc mấy cái miệng hô “đùng” và viên đạn thật liền rớt xuống đất nghe cái “bịch”! Bọn trẻ con rú lên như chính chúng bị bắt làm như thế. Rồi con khi mặc áo chên leo lên một chiếc xe đạp con đạp mấy vòng, vừa đạp vừa nhả nhố. Trò này rất nhộn vì con khi dứt đồ cứ chổng cái dứt lên mà đạp chứ không chịu ngồi và bọn trẻ có dịp cười thích thú. Tiếp đến là Mị Lan, tự chui vào bình một cách lặng lẽ như con tằm đang tự trói mình vào trong cái kén. Đây là màn biểu diễn coi như kỳ công và cũng kỳ dị nhứt. Người ta hồi hộp nín thở theo dõi từng cử động của em, cách em co chân rút tay sao cho vừa khít để còn chỗ cho cái đầu. Giờ em như con gà con sắp nở, đã đến lúc chui ra mà không được làm vỡ một miếng vỏ trứng nào! Sau cùng, ông chủ cời trần phơi cái bụng có cái rốn sâu hoắm bé con trần to và dài nặng đến cả trăm ký ra khỏi lồng, nặng nhọc quần quanh cổ như chiếc khăn lông to sù đi qua đi lại. Thịnh thoảng ông nắm đầu con trần đang thè lưỡi chìa vào mặt một đứa nhỏ nào đó đang đứng gần, khiến nó cũng phải thè lưỡi sợ xanh mặt.

Vậy là xong một cuộc hát xiếc mà không cần rạp hay quảng cáo rình rang. Khách hảo tâm cứ việc bỏ tiền vào tay bà chủ đang ngồi gập vật. Nhưng cái lòng hảo tâm của bọn trẻ là một cái gì quá xa lạ, còn người lớn thì nó cũng teo tóp như cái bụng của họ, nên nhiều khi cái lòng bàn tay chỉ có những đường chỉ ngang dọc và mấy cục da chai sần. Hát không công đã buồn, lại càng buồn hơn khi có điều ra tiếng vào, rằng cái bọn này to đầu mà sao lại sống bám vào những đứa trẻ?!

Đó là những ngày đầu chệch choạc chưa được tổ đãi, người và thú đều đói meo. Cứ trông cái mặt con khi như dài ngoẵng ra, không nhảy nhót mà ngồi ôm gối là đủ biết cái nỗi buồn của một gánh xiếc nghèo. Chị vợ một thời quần

lĩnh kiềng vàng thấy sao mà nản quá, đã mấy lần định bỏ xiếc để đi theo cái lương. Anh chồng xem ra cũng chẳng tiếc gì cái người đàn bà đã bị xẻo mất một bên vú, nhưng mà công sức đã bỏ ra, nghĩ cũng uổng. Anh ngồi vật rầu, ngẫm ra thấy mình cũng quá dại, thọc tay vào tận túi thiên hạ mà chưa chắc đã moi được tiền huống hồ là ngồi chờ cho họ móc túi ra.

Sau những lần coi như hát chùa, hẳn ta khôn hơn, chọn những sân chùa có cổng tam quan và có tường xây, nhờ sự cù cho các chú tiểu đứng canh rồi hát ăn chia, chùa 3 xiếc 7. Với trường học, xin hiệu trưởng cho phép diễn trong giờ ra chơi, mỗi đứa chỉ 5 cắc thôi mà cả mấy trăm đứa thì đúng là hốt bạc cắc! Một đôi khi cũng có một vài tay phú hộ chơi ngon kêu vào xiếc cho con cháu và bạn bè coi chơi, cũng kiếm được cả bạc trăm. Hai tài tử còn được xoa đầu hun hít, cho thêm bánh kẹo. Thế là chị vợ lại ồm ồm: “em nói chơi chứ dại gì mà bỏ anh!” và hẳn lại ưỡn ngực ra mà đấm bình bịch, ra cái điều thẳng này chứ phải ai đâu mà giỡn mặt. Và rồi, lóc cóc lóc cóc, con ngựa già lại tiếp tục lóc cóc kéo chiếc xe lăn bánh trên những nẻo đường vô định. Và cậu bé mất mẹ từ đây chỉ còn biết trông lên những đám mây mà tưởng tượng rằng đó là dáng mẹ nằm, tóc mẹ xoa, áo mẹ bay trong những chiều nắng đẹp.

Thời gian trôi mau, chẳng mấy chốc mà Mị Lan đã trở thành thiếu nữ. Cho dù cô có là người H'rê, người Bana hay người Rhadê mà nhiều người có máu phân biệt chủng tộc bảo là khét nắng, thì ở tuổi 17 cô vẫn đẹp. Cái nước da màu mận chín của cô lúc mới sinh, giờ này quả thật là đang chín, nó nâu sáng chứ không nâu tối, và nó căng phồng lên nhưng vẫn chắc nịch, nhất là ở những chỗ mà cụ Nguyễn Khuyến gọi là con cúi và nữ sĩ Hồ Xuân Hương gọi là hai gò bông đào. Cô đẹp và đương nhiên cô biết mình đẹp chỗ nào, và cũng đương nhiên không cần tổ tiên dạy bảo, cô vẫn biết đem cái chỗ tốt nhất của mình ra mà khoe, nói trắng ra là cô cứ để ngực trần, biến mình thành sự thách thức âm i với người mẹ nuôi mà sự che dấu cái đẹp được phong tục ngàn đời ngợi khen là kín đáo.

Bà không ngớt la mắng cô là đồ hư thói, rậm rức bảo phải

thế này thế kia, nhưng cái cách dạy dỗ không ngọt ngào đó không phải là cách của người mẹ, mà là nỗi ghen tức ngấm ngấm biến thành sự đay nghiến, chì chiết. Cũng ít nhiều do cái việc bà gọi là “bẹo ra” hay “phơi ra” đó, chẳng những làm “ngứa” mắt mà còn làm xốn xang mỗi khi nhìn thấy cô, sao mà đẹp mây mẩy còn mình thì ngực chẳng những lép mà còn bị xẻo mất một bên.

Còn ông chồng, tức là cha không sinh mà có dưỡng của cô, tuy ngày nào cực kỳ cứng rắn trong việc gò ép cô đóng khung trong một cái bình, nhưng giờ lại tỏ ra dễ dãi buông thả. Chẳng những ông không la mắng mà còn ngấm về hùa với cô khi được dịp châm chích vào nỗi đau của vợ. Ông bảo, “thôi đừng chọc tức bà ấy nữa!”, thực ra là chọc tức quá đi chứ, vì nghe ông nói bà bỗng lòng lên như một con ngựa điên. “Tức cái gì? hả? hả? Nó là con tui chứ có phải mẹ già kia đâu mà tức?!” Rồi bà khóc và nói huych toẹt ra cái điều lâu nay bà đã biết tòng:

“Biết quá mà, nhìn nó ông “đã” con mắt quá phải không?”

“Đã” chớ sao không? Nuôi con lớn ai mà không “đã!”

“Nhưng nó đâu phải con ông!”

“Thì nuôi cũng “đã” được chớ ai cấm”

“Ông mà đụng tới nó coi chừng tui thiến!”

“Thì cũng như xẻo vú chớ gì!”

Ông cứ cà nhon, nửa khiêu khích nửa cà rờn khiến bà càng muốn nổi điên, nhưng Mị Lan thì ghềch tai lên nghe rồi cười lẫn, coi như hai người đang tấu hài. Thực ra cô cũng ý tứ lắm, vì cái bản năng của người nữ luôn cảnh báo cho cô biết những tai họa có thể gây ra bởi người khác giống.

Không phải lúc nào cô cũng phơi ngực ra, nhất là trước những cặp mắt có ý đồ của bọn đàn ông con trai, mà trong đó có cái nhìn không được bình thường của một người luôn miệng gọi cô là con. Cô chỉ phơi ra không những trên mà cả dưới khi cô được tắm mát trong sông hay suối. Lúc đó cô như con cá bơi lội tung tăng, khi thì lượn lờ dưới sâu, lúc lại vọt lên cao, mà cá đâu có cần mảnh vải nào để che thân nên dù dưới ánh nắng hay ánh trăng cô vẫn đẹp rực rỡ. Cô cũng không cần gì phải che dấu bé Đông Nhi, cô coi cậu em như rong rêu, như đá sỏi, như nước mát ngứa là một trong những thành phần làm nên sông suối. Nhưng nói thế không

có nghĩa Đông Nhi vô tư không biết gì, chú bé biết chứ, sau này càng biết rõ hơn, rằng nếu ở trong cuộc đời có một thứ gọi là cái đẹp thì Mị Lan chính là cái đẹp bằng xương bằng thịt.

Hai chị em rất thân nhau, phải nói là rất thương nhau, vì cùng biết rằng chúng là những đứa trẻ bất hạnh. Ngoài những thiếu thốn thường ngày có thể vượt qua được thì thiếu mẹ là không cách gì vượt qua nổi. Có thể trong một ngày, trong một tháng hay trong một năm, không có mẹ cũng chẳng sao, nhưng cả một đời không có mẹ thì giống như một ngôi nhà không có người ở, nó lạnh lẽo, nó buồn bã, nay viên gạch này rơi, mai viên ngói nọ rụng, một cánh cửa kia hư, cứ thế mà rơi rớt dần cho đến ngày đổ sập. Đương nhiên đã đến lúc Mị Lan không còn chơi cái trò chui vào bình để cha cô hót bạc cất nữa. Chiếc bình không thể lớn theo cô, mà cho dầu có lớn theo thì lúc này chiếc bình dù có bằng sắt cũng không thể nào chịu đựng nổi thịt da của một cô gái mười bảy tuổi. Cô chơi trò *ò e ma le đánh đu Tarzan nháy đu*, một trò mới hợp với gái rừng gái rú mà đạo diễn tài năng là cha cô bày ra. Một cây bồ đề trong chùa, một cây đa đầu làng, một cây bàng trong sân trường, cứ có cây là cột dây chơi được. Cô vòng quanh hông một chiếc váy lá dừa, có khi là lá chuối, ngực quấn dây bím bím rồi đu từ cành này qua cành nọ, tuy không bằng Tarzan nhưng cũng le lói hấp dẫn lắm, vì ngoài lá và hoa, trên người cô không có một thứ gì gọi là vải. Cha cô đặt tên là Công chúa rừng xanh, nhưng mẹ cô mĩa mai bảo mù diên thì hay hơn. Những ngày đầu khá là đông khách, sân chùa và sân trường chật kín người. Cái vẻ rừng rú man dại của cô đúng là có một sức hút kỳ lạ. Nó như đôi cánh bướm cứ khép rồi lại mở, chập chờn giữa mộng và thực, giữa cái hồng hoang nguyên thủy và cái tồn sinh khô cằn. Những ai thiếu giấc mơ thì chỉ một lần đến xem cô diễn là đủ để mơ tới sáng. Nhưng bọn trẻ con thì không chịu nằm mơ giữa ban ngày. Chúng la toáng lên như trong truyện ông vua ở trường, thế là sư cụ chấp tay mô Phật không cho làm ô uế cửa thiền, nhà trường thì cấm cửa vì thiếu đạo đức, ngoài phố thì bị mã tà đuổi vì công xúc tu sĩ! Cha cô đòi qua cho mặc đầm xòe, rồi

tập cô đi trên dây, nhưng dây thì ngắn chỉ mấy bước là cô muốn ngã nhào, còn đâm xòe chỉ làm cho cô trở nên đen đúa vụng về, nên chẳng có ma nào còn muốn đến xem cô diễn nữa.

Bây giờ gánh xiếc chỉ còn trông cậy vào cái trò bắn súng thịt của Đông Nhi và xe đạp cộc cạch của con khi khọt. Lúc này là lúc phải dài cổ ra mà kêu gọi lòng tốt của mọi người, có nghĩa không phải hát kiếm tiền nữa mà là xin tiền. Cái công việc không được đẹp ấy giao cho bà chủ, mà mỗi khi ngựa nón ra, bà cảm thấy cái nổi nhục này nó thấm thía còn hơn cái nhục vì bị xẻo vú.

Nghèo không phải là cái tội, nhiều khi nghèo còn là thứ keo kết dính mọi số phận hẩm hiu một cách cảm động như mẹ con nhà mẹ Lê trong những chiều đông lạnh. Nhưng đó là những thân phận có cùng chung máu mủ, còn ở gánh xiếc có cái tên rất dịu dàng này, với những con người năm cha bảy mẹ, thì lại là một khối thuốc nổ rất dễ bắt lửa. Chuyện tan đàn sây nghé là chuyện đã được báo trước, nên cũng chẳng có ai ngạc nhiên khi bà chủ bỏ đi.

Thì đúng là một cuộc ra đi có báo trước, tuy diêm báo đó đã có từ lâu mà chẳng một ai thêm để ý. Ấy là cái sự hí hửng của ông chủ gánh xiếc khi bày ra cái trò Tarzan nhảy dù cho cô con gái nuôi. Hí hửng không phải vì sẽ kiếm được nhiều bạc cật mà vì được tận tay kết vấy lá dừa, tận tay quán lá bìm bìm, tận tay kết tràng hoa tí gôn, lại còn tận tay gắn lên người cô nữa. Sự hí hửng đó, một lần nữa sau nhiều lần, làm ngựa con mất của bà. Thế là bà bắt đầu đòn quyền nỉ non, bắt đầu dạy và nghiêng với hai hàm răng sít rít. Rằng “đã” quá mà, “đã” mắt, “đã” tay, rồi còn “đã” cái gì nữa đây? Tiếng “đã” sau cùng bà rít lên như con dao đã bén rồi mà còn liếc thêm một lần nữa khiến sợi tóc đứt làm đôi.

Cái gì nữa sẽ “đã” đây bà không nói nhưng ông chồng thì quá hiểu bà đang tung một đòn ngâm vào chỗ hiểm. Không chỉ một lần mà nhiều lần, không chỉ một đêm mà nhiều đêm. Vậy là gã rút con dao tuy không bén như dao thiện heo, nhưng dao nào cũng là dao, dao cùn còn đáng sợ hơn nữa, đòi xẻo luôn cái vú còn lại của vợ. Thay vì bỏ chạy như những người đàn bà thường bị chồng ăn hiếp, thì bà bứt tung nút áo, phơi ngực ra áp sát cái vú mồ côi một mình vào

tận mặt chồng bảo “có giỏi thì xẻo đi, ăn đi!”

Thấy hai người không còn diễn tấu hài nữa mà sắp diễn tuồng bi, nữ tài tử hết thời quá sớm bèn can ngăn một câu: “Thôi mà má, con có diễn nữa đâu mà má nói hoài!”. Câu nói đó không phải nước mà là xăng tưới vào lửa, khiến bà cháy phừng phừng, cảm thấy cha con nhà “nấu” kể tung người hứng sắp làm những chuyện mờ ám, thì thôi một lần cho xong, bà lao vào con bé mà bà tin là đã sớm ngựa ghề này, xé toang quần áo cô ra: “diễn! diễn này!” Ông bố chưa kịp can ngăn, nghĩa là chưa kịp vung dao lên bà đã chạy đi, được mấy bước còn quay lại phui đít mấy cái!

Bị vợ bỏ đi, cái cảnh gà trống nuôi con, thực ra là gà con nuôi gà trống, rất chi là tội nghiệp. Đông Nhi giờ đã 12 tuổi, tuy chưa phải là gà tồ, nhưng xương cốt của cậu cũng đã bắt đầu cứng cáp. Cho dù mỗi ngày ăn chỉ một phần tư bữa vì cả nhà không đủ gạo ăn ngày hai bữa, mà cậu còn bị ông chủ bắt phải ăn đói để có thể chui lọt qua cái ống thiếc, dù ống đã mấy lần thay như trần lột vỏ, nên khi bị gập làm đôi nhét vào rồi bị động xuống đất bình bịch, cậu ê ẩm cả mình mẩy. Mỗi lần như thế, vì xương nhiều thịt ít, sự cọ xát làm cho cậu đau tận óc, nhưng chẳng dám kêu la vì như vậy coi như bị bẻ đĩa. Cũng may còn có chị Mị Lan, tối đến ôm em vào lòng, nhẹ nhẹ xoa bóp cho em những chỗ đau.

“Nín đi em, rồi chị em mình sẽ có cách ra khỏi cái nhà này”.

“Cách gì”, cậu thút thút hỏi.

“Thì từ từ chị sẽ tìm ra”.

“Bộ chị tính đi lấy chồng hả?”.

“Bậy nào, chị cười, lấy chồng thì chết sướng hơn”.

“Sao lấy chồng mà lại chết sướng hơn?”.

“Ồ, chị nghĩ vậy đó, không thấy má sao, chẳng những bị xẻo vú mà còn suýt bị xẻ thịt nữa kia”.

“Má cũng đâu có vừa gì!”.

“Thôi ngủ đi em”.

Đêm khuya, tiếng con vạt kêu mưa càng làm cho hai đứa trẻ thêm buồn. Ông chủ thì cứ ngáy roẹt roẹt như nước chảy qua một cái cống đầy rác. Con ngựa đứng mỗi chân thỉnh thoảng gõ móng kêu lộp cộp. Hai đứa chưa ngủ được mà vẫn cứ nằm mơ. Mị Lan mơ được chạy chơi trong rừng, môi

chân thì ngồi trên gộp đá bên bờ suối. Đông Nhi mơ người nằm ôm mình không phải Mị Lan mà là mẹ.

Sáng ra, một tai họa nữa lại ập đến: con ngựa không hiểu sao nằm chết nhẵn răng. Ông chủ ra coi, giơ chum đá vào bụng nó, mặt nó mấy cái để biết chắc nó không còn sống nữa, rồi một mình đi xuống chợ. Mị Lan ôm vai em, đứng nhìn đám ruồi nhặng đang bu tới.

Chừng một giờ sau, ông chủ trở về cùng hai người đàn ông và một người đàn bà. Ông chủ thấy cho mỗi đứa một cái bánh ú, còn mình thì phì phèo một miếng thuốc thơm. Hai người đàn ông lặng lẽ lúi trong bị ra hai cái dao và một cây rìu. Họ chặt đầu con ngựa, chặt luôn bốn chân, rồi họ mổ phanh ruột ra, chỉ trong nháy mắt đã xẻ xong thịt con ngựa. Người đàn bà liền lấy những phần thịt xếp vào bao, hai người đàn ông xếp xương, chân, đầu, vào hai bao khác. Xong, họ vác lên vai đi như chạy. Đúng lúc đó, ông chủ kêu: “Ê! để miếng thịt ăn chơi chơi”. Người đàn bà dừng lại đợi, xẻo đưa ông một miếng thịt, nói: “để lại cả bộ lòng rồi kia mà!”. Ông cầm miếng thịt bầm đen, bóp thử: “ờ, cũng phải có thịt chứ”

Trưa hôm đó, sau nhiều ngày chỉ ăn toàn rau và mắm mặn, cả nhà được ăn một bữa thịt ngựa, nhưng ông chủ chắc thấy ngon chứ Mị Lan thì thấy nhòn nhọn cứ như muốn ói, còn Đông Nhi chỉ ngồi ngó chứ không dám ăn. Đó là cái cảnh rùng rợn đầu tiên mà cậu thấy trong đời. Dù sao, con ngựa cũng đã là con vật góp công sức khá nhiều cho gánh xiếc. Nó đã trần vai ra kéo cái cỗ xe xộc xệch đi qua biết bao nhiêu dặm đường, nó bị đánh bị mắng mà không hề thở than, chỉ một đôi lần cậu thấy hai con mắt tưởng là vô hồn của nó, có vẻ như chìm trong một làn nước mỏng mà cậu tin đó là nước mắt. Để nhớ nó, cậu giữ lấy cái lục lạc đeo luôn bên mình.

Không rõ bán cái xác con ngựa chết được bao nhiêu tiền, nhưng ông chủ không thèm đi hát nữa. Với lại còn ngựa đầu mà kéo xe, mướn xe thì xe ăn hết, mà cuộc bộ thì cuộc sao nổi. Rồi ai vác bình, ai vác chiếu mền, con khi dắt theo nhưng con trần chẳng lẽ quần lên cổ mà đi khơi khơi ?! Cái cảnh rã gánh đang bày ra trước mắt sờ sờ, thôi thì nhờ số tiền mới có, sống được ngày nào hay ngày ấy. Ông lại kêu

người bán luôn chiếc xe cà tàng, rồi thuê tạm một chiếc thuyền để có chỗ trú mưa đụt nắng. Cả ngày Mị Lan chỉ phải nấu hai bữa cơm, ngoài ra không biết làm gì cho hết thời giờ. Đông Nhi hết câu cá lại chơi với khỉ. Còn ông thì hết nhậu lại lăn ra ngủ.

Những tháng ngày lênh đênh trên sông nước, Đông Nhi bỗng thêm được đi học. Trong những lần làm xiếc ở các trường, cậu thích nhất là được thấy những đứa bé như cậu ăn mặc sạch sẽ, lưng đeo cặp, đi đến trường một cách hồn nhiên vui vẻ. Giá như có mẹ, cậu chắc mình cũng được đi học như thế. Giờ cầm quyển sách lên, cậu cũng chẳng biết cầm thế nào cho khỏi bị ngược. Một đôi lúc được bọn họ xuýt xoa hoan hô, cậu không thấy vui mà chỉ thấy tủi hờn. Còn Mị Lan, phải chỉ biết đọc cũng đỡ buồn. Cô sẽ mượn sách về đọc rồi kể lại cho em nghe, hai chị em sẽ có biết bao nhiêu chuyện để nói.

Tuy vậy được sống trên thuyền vẫn thích hơn là sống trên cạn, vì với sông nước đó, hai chị em muốn tắm lúc nào cũng được. Như chiều hôm nay, chỉ cần một đứa hô “tắm” là đã thấy chúng đề nguyên quần áo nhảy ùm xuống sông, té nước vào nhau đùa nghịch. Ông bố ngồi trên thuyền, rót một chén rượu đầy, ngửa cổ ra uống cạn. Khà một tiếng, ông thấy “đã” chi lạ!

Chợt nhớ tới con trăn, ông quên mất là hãy còn một món tiền. Ông tính trong đầu khi bán được, sẽ mua cho Mị Lan một đôi guốc mới, một cái kẹp tóc, một cái xú chiên, một chiếc xì líp, công việc đó là của con mụ ấy nhưng giờ là của ông. Nó đã lớn rồi, cũng phải sửa soạn cho nó chứ. Rồi còn phải sắm áo quần này nọ các thứ cho nó đi lấy chồng. Bộn tiền chớ đâu phải ít, mà nó đi là mình mất tất cả, mất con mụ vợ lúc nào mặt cũng nhăn như khi ăn ớt thì được, nhưng mất nó, uổng quá!

Nghĩ thế, ông bỗng khóc rống lên làm Mị Lan đang ngồi hong khô quần áo ở đầu thuyền phải giật mình. Cô hỏi, “sao khóc vậy ông già?”. Ông mắng, “mồ tổ cha mày, ai dạy mày kêu tao bằng ông già?”. Cô cười, “thì nghe người ta kêu, bắt chước”. Ông cũng cười, “ờ phải đó, nhưng tao chưa già đâu”.

Ông lại thấy vui, nhìn cái chai rỗng ông kêu lên: “Hết rượu rồi mày, đi mua thêm, Nhi”. Ông cho tay vào túi áo lấy tiền. “Nè, nhiều đây đủ mua thêm một con vịt quay nữa của chú Xin, cho tụi bay mần một bữa, sướng nghen!”. Nhi cầm tiền, miệng “dạ”, chân nhảy lên bờ phóng đi như gió. Còn lại hai người trên thuyền, ông lom khom bờ ra ngồi cạnh con gái. Gió chiều hây hây khiến mặt sông lao xao, ông tưởng tượng lòng sông cũng như lòng mình. Ông bảo, “tao quay mặt ra sông, mày lui vào trong thay quần áo đi”.

“Khỏi”, cô nói, “sắp khô rồi”.

Ông đặt tay lên đùi cô, xoa tới xoa lui, miệng nói: “Còn ướt nè, cảm lạnh chết”.

Cô khó chịu vì bàn tay ông, bảo: “không sao đâu, ông già”.

Ông vuốt tóc cô, nói đầy đùa: “Muốn phi dê không? Hôm nào cho tiền xuống phố phi dê!”

“Quần rồi, không thấy sao mà phi dê!”

“Không thì mua đồ mới, guốc nè, quần nè”

“Cũng khỏi luôn, ngồi trên thuyền chớ đi đâu mà mang guốc”

“Thì lớn rồi cũng phải sắm sửa chứ.”

“Sợ lớn lắm, chưa gì mà đã có người muốn xé xác ra, không thấy sao?”

“Thôi nhắc làm gì con mụ ấy.”

“Sợ muốn chết luôn!”

“Giờ còn sợ gì nữa”

“Sợ chớ sao không, biết đâu ông già...”

Ông dỗ dành “thôi thì vào trong đi, ngoài này chòng chênh quá!”.

Cô cự nự: “Thì ông già vào đó đi, kệ tui”.

“Nhưng mà tao say, đỡ giúp tao”, ông lèm bèm hay giả bộ lèm bèm, cũng không ai biết.

“Thì bỏ! bỏ ra được thì bỏ vào cũng được chớ”

“Mày rần mắt quá, thôi để tao vịn mày”

Ông vòng tay qua người cô, kéo cô đứng dậy. Cô gạt tay ông ra định nhảy xuống sông, nhưng ông nắm tóc cô giữ lại. Chiếc thuyền lắc lư như con lật đật, làm ngã luôn hai người. Con “cúi” của cô và con dao làm cá nằm trên sàn, cùng một lúc sáng lên trong ánh nắng chiều. Cô nghe ông cười khịt

khịt.

Ông trườn lên người cô, thở hào hển: “tao thương mày mà!”, miệng ông nói, tay ông luồn vào bụng cô.

Cô cố gỡ ra, một tay với lấy con dao.

Ông lại nói: “thương thiệt mà, cho tao...”. Tay ông luồn xuống sâu hơn.

Cô giữ tay ông lại, nói thầm: “từ từ đã ông già!”.

“Từ từ hả? !”, ông có vẻ mừng, nhồm dậy.

Đúng lúc đó cô chồm lên người ông như một con báo, mắt ông thấy lóe lên một ánh thép và tai ông nghe một tiếng “rẹt”.

Khi ông hiểu ra có sự, ôm bụng kêu rú lên thì Mị Lan đã nhảy tòm xuống sông, mất dạng.

Một năm sau, giờ Đông Nhi đã là một đứa bé đánh giày. Nó cũng chỉ làm thuê cho một tiểu đại ca thôi. Không phải không sắm nổi đồ nghề, vì có nhiều nhõm gì đâu, chỉ vài cái bót, vài hộp xi thêm mấy miếng vải nhưng là đủ, nhưng cái khó là không muốn ngồi đâu mà đánh cũng được. Công viên, vỉa hè và nhất là trước các nhà hàng khách sạn, ngõ vậy mà đều có chủ cả. Không được phép đánh, mà xách thùng tới là bị đánh cho bầm mặt.

Sau những ngày lê la ở phố chợ gần như ăn xin, một gã thấy thương tình, dạy cho nó nghề, mua sắm xi bót, chỉ chỗ ngồi làm ăn chia, nó 7 gã 3. Thẻ cũng được, có đủ ngày hai bữa tối lại có chỗ ngủ, mà cái được nhất là tự do không bị ai sai bảo đánh mắng. Càng tự do thoải mái hơn khi không phải ăn chia nữa mà là nộp khoán. Kiếm đủ tiền nộp xong, muốn làm là làm, muốn chơi là chơi, muốn ngủ là cứ đánh căng ra mà ngủ.

Như chiều hôm nay, kiếm được ít chực, nó xách thùng đồ nghề leo lên coi mô tô bay. Nó khoái cái trò này tợn. Cũng là ống mà là một cái ống khổng lồ, ghép lại bằng những thanh gỗ lớn, ngoài nịt đai sắt như tang trống. Đúng là một cái trống chưa bịt da, to như cái trống ngày xưa nó nghe kể, kêu to đến nổi bên Tàu cũng nghe! Trong cái ống đó mà cưỡi mô tô bay lên là sướng mê toi, có đâu như cái ống thiếc, đã mấy lần nó suýt chết vì bị kẹt.

Đây cũng là xiếc, nhưng tân kỳ hấp dẫn hơn những đoàn

xiếc chó xiếc khỉ. Những người lái mô tô đẹp như tài tử xi nê ma. Trai áo giả da, quần đồ nẹp vàng, giày cao tới gối. Nữ nếu không áo đồ quần trắng thì váy hồng váy xanh bay phấp phới, cứ như tiên giáng trần. Lại thêm tiếng mô tô gầm gừ nghe mới giục giã làm sao. Chỉ có 5 đồng mà coi thật đã con mắt.

Khi nó mua được vé leo lên, xuất diễn đã bắt đầu. Hai đứa nhỏ như nó đạp xe chạy trong ống, trông từ trên xuống như hai con chuột nhắt. Rồi một cặp lớn hơn, dấm thả hai tay ra mà đạp tỉnh bơ như đi dạo trên đường làng. Và rồi: rịn rịn! cái thùng to thế mà cũng rung lên. Một chiếc mô tô đen mạnh mẽ như con bò rừng lao ra, chạy một vòng trên sàn để lấy đà rồi xoay tít như chong chóng. Theo sau không chỉ một mà hai, cả ba lồng lộn gầm rú trong cái chuồng chật hẹp, muốn phá tung ra mà bay vút lên trời. Đoàn xe lên cao, bay vèo vèo ngang qua mặt khiến có lúc nó hoảng quá nhắm tít mắt lại. Khi mở mắt ra, đoàn xe đang đi xuống, nó thoáng thấy có ai đó ngồi trên xe trông như chị Mị Lan.

Chị Mị Lan ơi! Nó kêu to lên. Nhưng đứng trên này cao quá, dưới đó chẳng ai nghe được. Nó quyết định mua thêm vé để coi một xuất nữa.

Đúng là chị Mị Lan! Ôi chị đẹp làm sao! Cái dáng chị ngồi thật hiên ngang mạnh mẽ, chứ đâu có co ro tội nghiệp như khi bị nhốt trong cái bình. Chị không mặc áo, chỉ mặc xú chiên có riềm vàng và quần đồ nẹp trắng. Chị như con hươu sao chạy trên hoang mạc. Khi chị làm nữ Tarzan, trông cũng đẹp nhưng rùng rú thế nào ấy. Giờ chẳng những chị đẹp mà còn oai như một nữ hiệp sĩ. Khi nhận ra cậu em, mắt chị cười như thấp lửa.

Sau xuất diễn, chính Mị Lan đã chạy đi tìm Đông Nhi. Hai chị em ôm nhau khóc nức nở. Một lúc cô buông ra, ngó cậu em từ đầu đến chân, như vẫn chưa tin là thật.

Cô nói: “em đây à? mới một năm mà lớn quá chị không nhận ra!”

“Còn em, cậu nói, em nhận ra chị ngay từ đầu, có biết vì sao không?”.

“Sao?”.

“Vì chị đẹp quá!”

“Xạo hoài!”

“Thiệt mà!”

“Em giỏi đấy, mới đó mà đã học được cái tài nịnh!”.

Cả hai cùng cười. Cô rủ cậu đi ăn mừng. Lần đầu tiên cậu được cô đãi bia. Cụng ly chứ không dám cạn, cậu nói:

“Đến giờ em vẫn còn sợ. Nhiều đêm em khóc đấy, em tưởng ông ta giết chị rồi ném xuống sông!”

“Chị thì có thể, cô cười, nhưng giết làm gì con người ấy, chỉ để lại theo chơi thôi”.

Cô nâng ly bia lên định uống cạn, nhưng mắc cười quá, phải đặt ly xuống bàn. Rồi chị cười đến đỏ cả mặt.

“Sao chị cười nhiều vậy?”

“Lớn lên rồi em sẽ biết, ông ấy chắc hận chị lắm, thà chết sướng hơn!”

Từ bữa ấy, chiều nào Đông Nhi cũng đi coi mô tô bay để được nhìn chị Mị Lan. Cô cũng thích được gặp cậu nhưng chủ không muốn cô ra ngoài nhiều.

Rồi cũng đến lúc khách thưa dần, đoàn sắp phải chuyển tới một thành phố khác. Thấy cậu buồn, cô an ủi: “Chị sẽ về lại mà! Xiếc ở đâu bằng xiếc tại Sài Gòn”

“Ước gì em lái được mô tô như chị”

“Rồi chị sẽ xin cho em vào học nghề, trước mắt là tập đi xe đạp”.

“Đạp trên cái thùng dựng đứng ấy chắc khó lắm!”

“Đâu khó bằng em chui qua cái thùng thiếc!”

“Ồ, nhớ lại em vẫn còn sợ!”

“Ông chủ này rất tốt, đúng là ông coi chị như con”

“Ông sẽ cho em ở chung với chị chứ?”

“Ừ, trong một đoàn mà. Chiều nay, diễn xong chị đưa em đi xi nê, đi không?”

“Dạ, đi chứ!”

Cậu vui lắm, liền đi mua một cái áo mới, vì không thể ăn mặc xập xệ mà ngồi bên cạnh một người xinh đẹp như chị, nhất là được ngồi trong rạp hát.

Xuất diễn cuối cùng, dù là vét, vẫn rất đông khách. Để tạm biệt, đoàn xiếc sẽ mang hoa lên để tặng khách vì trước đó nhiều khách hào phóng đem tiền ra treo thưởng. Những tờ bạc là cách thử tài các hiệp sĩ mô tô vì chỉ có những người rất giỏi và gan dạ mới dám lên cao. Mị Lan là người được thưởng nhiều nhất. Vì vậy, hôm nay chính cô mang hoa lên

tặng.

Cô vẫn xinh đẹp như mọi ngày nếu không muốn nói đẹp hơn. Cô không đội mũ mà để đầu trần, khiến tóc cô bay bay càng đẹp. Tiếng mô tô gầm rú vẫn không át được tiếng reo hò của những người ái mộ. Cô từ từ lên cao, lượn một vòng, rồi hai vòng, chẳng những để chào tạm biệt mà còn có vẻ như muốn chọn người để tặng. Và đúng như vậy, cô cười rất tươi khi lượn qua một chàng sĩ quan mới tốt nghiệp. Chàng chưa ra trận, mũ áo hầy con thằng nếp tinh tươm như lúc còn đang ở trong quân trường. Mọi chuyện sẽ đẹp biết bao nếu chàng nhận được hoa, biết đâu sẽ có một chuyện tình. Nhưng khi cánh hoa chưa đến tay chàng thì một người đàn ông đeo kính đen đã vươn cánh tay dài ngoằng ra, không phải để nhận hoa mà để chụp lấy tay cô, cho dù chỉ nửa giây, nhưng cũng đủ làm cho chiếc xe rơi xuống. Cô cũng rơi xuống theo khi ông ta buông tay.

### *xiếc của riêng tôi*

Cái chết của chị Mị Lan gây cho tôi một nỗi kinh hoàng hơn cả cái chết của con ngựa. Đầu tiên tôi mong sao có một phép lạ, như người ta thường cầu mong trong những khi tuyệt vọng, từ bàn tay thần diệu của các bác sĩ đang mổ xẻ khâu vá cho chị trong phòng lạnh. Phải chi hôm ấy chị đừng để tóc bay như mây chiều mà đội mũ cẩn thận, thì cái hộp sọ mỏng manh ấy đã không bị nứt khiến chị phải hôn mê. Lại còn xương cổ bị gãy, xương chân bị vỡ thì đến ông Trời kia cũng không cứu được chị nữa là bác sĩ!

Sau đó, tôi mơ màng trong mộng ảo rằng, chị đâu có đi mô tô bay, người con gái xinh đẹp đó đâu phải là chị và chị đang lặn dưới sông để trốn sự săn đuổi của một lão cha nuôi hắc ám. Dĩ nhiên tôi cũng chưa gặp chị, chưa hề hẹn nhau đi xi nê, và một hôm nào đó đang ngồi đánh giày nghe có người gọi: “ê nhỏ, đánh giùm chị đôi guốc coi!”. “Đánh giày chứ không đánh guốc!”, tôi nói cộc lốc, sau đó nghe chị mắng: “Nhỏ này khó bảo quá ta!”, rồi chúng tôi ôm nhau mà cười.

Cái chết của chị cũng còn để lại cho tôi một mối thù cần phải trả. Tôi tin cái mối thù này to như núi, sâu như biển,

mối thù mà không trả được thì còn hận hơn là “quốc thù vị phục đầu tiên bạch” của tráng sĩ Đặng Dung. Ở đây xin mở một cái đầu ngoặc. Tôi lúc 12 tuổi chưa biết chữ nào, sao giờ lại bày đặt nói chữ? Bạn có hỏi khó cũng phải, nhưng cái học ở trong trường và cái học ở ngoài đời nó khác xa nhau lắm. Khi một người bị cướp mất cái tuổi được mẹ âu yếm nắm lấy tay dẫn tới trường trong một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, thì để lấy lại thời gian đã mất người ta có thể học bằng năm bằng mười, và người ta học những gì người ta cần và thích. Cái điều tôi cần lúc ấy là đọc được sách và điều tôi thích là học sử. Có vậy thôi và xin đóng ngoặc lại.

Cái buổi chiều hôm ấy vẫn chưa phai mờ, cái buổi chiều mà Mị Lan muốn “để lại thẹn chơi” chứ không thẹn giết, và lão ta ôm bụng gào lên “tao giết mày, sẽ giết mày!” khi tôi xách chai rượu và con vịt quay trở về thuyền... “giết mày”, đó là giết chị chứ không phải giết tôi! Vậy thì còn cách giết nào thuận tiện hơn, hợp pháp hơn, vì dù có bị bắt đưa ra tòa, lão cũng chỉ bị kết tội là vô ý giết người. Rõ ràng đối với chị Mị Lan và tôi, lão ta là người có tội, không chỉ có một tội mà rất nhiều tội. Nếu chém thì phải chém đến bảy lần, nếu ngồi tù thì cộng lại cũng phải ngồi đến mấy trăm năm.

Buổi chiều mà lão xuất hiện trên đài xem mô tô bay không phải là buổi chiều định mệnh. Không có một thứ định mệnh nào như thế cả và vì vậy không có một dấu hiệu nào báo trước. Chị Mị Lan vẫn trang điểm xinh đẹp như mọi ngày, còn hơn mọi ngày vì sẽ đi xi nê với một cậu em cho dù hãy còn bé, nhưng vẫn là một chàng trai trong nay mai. Thế thì buổi chiều hứa hẹn bao nhiêu điều tốt đẹp đó, chỉ vì sự xuất hiện đen tối của lão mà mọi sự đã trở nên hết sức khốc liệt. Mối thù đó còn được nhân lên nhiều lần khi tôi hiểu ra rằng, vì lão mà tôi phải xa mẹ. Chính lão chứ không phải cô bé trong bình khiến xui tôi phải rời bỏ quê hương. Chính cái bàn tay to lớn cứng như gọng kềm của lão đã siết chặt bàn tay bé bỏng của tôi, đã lôi tôi xuống thuyền, nhét tôi vào trong thùng xe, rồi đưa tôi đi xa tít mù, đến nỗi mẹ gọi chỉ còn nghe văng vẳng trong mơ mà thôi. Chính lão đã thay tên đổi họ của tôi, biến tôi thành con nhái bén, thành con nòng nọc không còn ai nhận ra được nữa. Đó là chưa nói tới

những ngày lão bắt tôi hành xác thành viên đạn thịt để làm trò chơi và trò cười cho thiên hạ.

Không biết một người mà ngay từ tuổi ấu thơ đã bị cướp mất hai người đàn bà mà mình yêu thương, thì khi đối mặt với kẻ thù sẽ như thế nào? Tôi không thể hình dung ra được và cũng không dám chắc, khi gặp lão tôi có đủ tàn nhẫn để lại cắt thêm một thứ gì nữa trên người lão không, nhưng cứ biết là hãy nuôi chí phục thù trước đã. Không cần phải ném mật hay nằm gai, mối thù của tôi cũng lớn lên theo ngày tháng. Tôi 13 tuổi thì mối thù tuổi 13. Đến khi tôi 18, nó cũng 18.

Tôi không còn lê la trên hè phố để đánh giày nữa, mặc dù không còn phải nộp khoán. Tôi đã cao lớn, đủ sức để chơi lại với tiểu đại ca. Ngoài ra tôi còn được hậu thuẫn bởi đám bụi đời đã từng tập tành uống rượu ăn thề. Sài Gòn dễ sống mà cũng dễ chết. Nhưng tôi bỏ lên Tây Ninh không phải vì sợ chết mà vì nghe phong phanh có lão ta đang làm gì đó ở Thánh Thất Cao Đài.

Một người như lão mà được vào làm gì đó ở nơi Đức Hộ pháp linh ứng giáng truyền quả là chuyện lạ. Nhưng nếu bạn biết rằng một người dám xông vào một đám ma của người dân tộc để cướp đi một hài nhi, một người giữa ban ngày và giữa chợ đám bắt cóc một đứa bé và cướp đoạt nhiều thứ khác nữa, một người vừa tàn ác vừa xảo quyệt, thì việc lão thay hình đổi dạng từ một con quạ đen sang bồ câu trắng, cũng đâu có khó khăn gì.

Đến Tây Ninh, trước hết tôi hãy kiếm một việc làm. Đánh giày thì không được nữa rồi. Ở một nơi mà người ta đi chân đất hay đi giày cao su thì đánh giày là một việc làm ngớ ngẩn. Chỉ có một nghề mà lúc nào người ta cũng cần ấy là cạo mủ. Và chỉ trong một tuần học việc, tôi đã trở thành phu đồn điền.

Có vào đây mới thấy sức của con người thật đáng nể phục. Ngày trước chưa có máy cày máy ủi, chỉ có hai bàn tay mà người ta đã biến những đồi cao lũng thấp thành những rừng cây cao su bạt ngàn. Có thể nói đây là khu rừng do con người trồng, được chăm sóc nâng niu cẩn thận nhất, nhưng cũng tàn nhẫn nhất vì cứ bị hút máu từng ngày.

Phải nói là rừng cao su quá đẹp, vẻ đẹp của trật tự, của kỷ luật như một đoàn quân trước giờ duyệt binh. Những hàng cây cùng tuổi đứng tắp tắp, ngó ngang ngó dọc ngó tới ngó lui ngó xiên ngó xẹo, ngó chiều nào cũng thẳng. Cũng cần nói thêm là còn có những ngọn roi da lúc nào cũng tươm máu của các ông Tây thuộc địa và những cai đồn điền độc ác. Vì vậy, ngoài cái vắng vẻ đến rợn người của rừng sâu núi thẳm, còn có nỗi sợ mơ hồ khi tưởng chừng những cu li năm xưa hiện hồn về đứng thành hàng, máu hòa cùng nước mắt hãy còn chảy ra từng giọt.

Giờ, cực thì có cực đó, nhưng vẫn không đến nỗi nào. Người ta gọi tôi là công nhân chứ không phải cu li. Tôi là người trẻ nhất và nhanh nhẹn nhất vì mới vào nghề. Liên tay đồ mủ vào thùng, liên tay cạo, hết cây này đến cây khác nhanh như đánh bóng giày. Chủ rất “chịu”, thay vì để tôi ở trong lán trại thì cho ở ngay trong nhà, dù chỉ là một góc trong nhà chứa đồ. Và tôi có một cái giường, có chăn màn, có một bóng đèn điện để đọc sách, còn muốn gì nữa?!

Một sáng chủ nhật, tôi không đi lễ nhà thờ mà đi Tòa Thánh. Đi cho biết và cũng để dò la tin tức lão ta. Tòa Thánh to rộng như một tiểu vương quốc, có đường ngang lối dọc mang tên thánh chứ không phải tên các danh nhân. Các chức sắc và đạo hữu đều mặc áo dài trắng quần trắng, lặng lẽ di chuyển gần như không có tiếng động, giống như những hình nhân trong đèn kéo quân. Rất đông khách nước ngoài, tây trắng tây đen, có cả Ấn Độ. Người ta đến vì hiếu kỳ, coi như một sự lạ chứ không phải để chiêm ngưỡng hay nguyện cầu. Tòa thánh đồ sộ thật đấy, nhưng thiếu vẻ trang nghiêm, có một vẻ gì đó nửa đình miếu sơn phết vụng về, nửa là hội trường trống trải.

Nhìn các chức sắc tới lui, tôi không thấy một khuôn mặt nào là của lão hay giống lão. Với các đạo hữu phục dịch đạo sự cũng không. Thì đúng vậy, con người như lão dù có luân lách như lươn chạch cũng không thể vào đây được. Mà lão vào đây để làm gì mới được cơ chứ? Vào rừng ăn ong thì được, nhưng trộm mủ cao su nếu không bị bắt vào tù cũng bị đánh cho què giò.

Lúc vào không để ý, nhưng khi ra khỏi cổng tôi trông thấy

một người đang quỳ mọp xuống đất, chắp tay vái không biết mệ, trước mặt để một cái thau nhôm lợ phơ vài tờ bạc nhỏ. Thì đúng là ăn xin nhưng phải hạ mình đến thế kể cũng hèn. Mà lại là một người khỏe mạnh còn đủ tay chân, thì thực đáng ghét. Tôi đã định bỏ đi nhưng chợt thấy hai bàn tay có vết xăm nên giật mình dừng lại. Đứng quan sát một hồi, tôi bàng hoàng nhận ra đúng là lão ta, kẻ chỉ trong một phần tư giây đã lạnh lùng giết chết một người con gái.

Lúc lão ngẩng mặt lên, trông lại càng thảm hại hơn. Tóc râu bờm xờm, lão gần như mù hay giả bộ mù, đưa tay quờ quạng mấy tờ bạc bỏ vào túi. Lão nheo mắt nhìn người đứng trước mặt, không biểu lộ chút gì là đã nhận ra đứa bé ngày nào bị lão bắt làm viên đạn thịt. Cũng có thể lão vờ như không biết vì một con người nham hiểm như lão thì khó mà biết được trong đầu lão nghĩ gì.

Tôi đã muốn cao chân đá bay cái thau nhôm, nhảy xô vào vào lão như một con sư tử cắn vào động mạch cổ của con mồi. Nhưng nhìn cái vẻ tàn tạ và cái cách hèn hạ của lão, tôi thấy con giận của mình bỗng lặn mất tiêu. Trước đó, trong tôi tràn ngập những hình ảnh của sự trả thù. Nào là mổ bụng moi gan, móc mắt, lại còn chặt cả chân tay nữa! Nhưng giờ chỉ còn lại sự khinh bỉ, sự ghê tởm đang chực trào lên miệng, nên tôi phun một bãi nước bọt trước mặt lão rồi bỏ đi, không quên ném cho lão tờ bạc 5 đồng.

Đó có thể là cái giá của một cuộc trả thù.

Buổi sáng hôm sau, trên đường đi đến lộ cao su của mình, tôi thoáng thấy một đôi mắt đen, đôi mắt có cái nhìn vừa hoang dại mà cũng vừa dịu êm rất thân quen. Hóa ra, người con gái Việt gốc Khơ me đó còn có mái tóc quăn quăn, nước da tôi tôi, rất giống với chị Mị Lan. Nàng không đẹp hay đúng hơn là không đẹp bằng chị ấy, nhưng có một cái tên rất đẹp: Sơn Mộc Hương. Sơn họ cha, Mộc Hương tên do mẹ đặt, tuy lai nhưng chỉ có tên là của mẹ, còn từ màu da, màu tóc cho đến màu mắt đều giống cha. Nàng biết nói cả tiếng Miên lẫn tiếng Việt như nhiều người ở giáp ranh vùng biên giới.

Có một sợi dây ràng buộc bí ẩn như thế, nên tôi làm quen không khó, hay không cần làm quen cũng vẫn đến được với

nhau. Chúng tôi như hai hạt mầm cùng ủ trong đất ẩm đã đến lúc vươn mình chỗi dậy. Cùng một tuổi, cùng một nghề, cùng làm chung một lô từ sáng đến chiều thì cái điều mà người ta gọi là tình yêu nó đến lúc nào không ai hay. Và khi nó đến, hai đứa yêu nhau tối trời tối đất.

Rồi chúng tôi cưới nhau. Đám cưới nhỏ nhưng theo phong tục của người Miên, có đến 16 quả. Mọi việc đã có các bạn và ông chủ giúp. Chính ông đứng ra thay mặt cha mẹ đi cưới vợ cho tôi. Và cũng chính ông thu xếp một chỗ rộng rãi hơn trong nhà kho cho chúng tôi ở tạm. Ông còn hứa, khi nào có cháu bé sẽ cất cho một ngôi nhà nhỏ bên cạnh rừng cao su.

Cuộc đời đúng là đẹp như mơ, nhưng tiếc thay đây là giấc mơ mau chóng tan ra như bọt nước!

Đọc lịch sử, tôi vẫn biết vùng đất Tây Ninh, hơn 200 năm trước là của người Miên. Đất của họ, nên dù đã phân chia ranh giới, họ vẫn thường lên qua cướp phá. Đốt nhà, cướp duồn là chuyện xảy ra như cơm bữa. Nhưng đó là những chuyện xa xưa, còn hiện giờ nếu có thì cũng chỉ là vài vụ bắt trộm trâu bò lẻ tẻ. Dân bên này đông, quân lực lại hùng mạnh, nên dù bên kia có muốn cũng ít nhiều e sợ. Người hai bên cư xử khá ôn hòa. Vẫn có những cuộc cưới xin, những buổi tiệc tùng, những trận banh giao hữu. Người bên này có thể sang chơi bên kia một vài bữa mà không cần giấy tờ gì rắc rối. Cũng chẳng thấy đồn bắt giết, chỉ rải rác vài cột mốc, có thể gọi đây là biên giới của tình hữu nghị. Nhất là khi Việt Nam đã thống nhất và Campuchia lại là hai nước cộng sản anh em.

Có ngờ đâu, khắp các vùng biên giới Tây Nam đều bị quân Khơ me đỏ bất ngờ tấn công, mà dữ dội nhất là ở Tây Ninh. Chỉ trong một đêm, khi tôi đi theo ông chủ đem hàng xuống Sài Gòn, thì đồn điền, nhà cửa, lều trại đều bị chúng đốt phá. Trong số hàng trăm xác bị cướp duồn có xác của Sơn Mộc Hương. Xác của nàng và nhiều người đàn bà khác đều bị lấy mất đầu. Theo lời một vài người sống sót, chúng xỏ tóc trên sọ ra cột hai cái thành một cặp, xách đi như xách hai trái dừa đem về nước để khoe chiến công!

Đến thế này thì còn biết nói gì nữa hờ Trời!  
Sơn Mộc Hương!

Sơn Mộc Hương!

Tôi khản tiếng gọi tên nàng giữa những hàng cao su đang chảy ra những giọt máu trắng như tuyết.

Tôi đau khổ đem xác nàng chôn dưới gốc một cây cao su mà chúng tôi thường ngồi bên nhau. Trước đó, tôi đã dùng đất sét nặn một cái đầu cho nàng. Tôi nặn không được đẹp, nhưng tôi tin là nàng thích. Cũng đôi mắt hoang dại ấy, cũng đôi môi dày gợi cảm ấy. Hồn nàng đã hòa trộn cùng với nước mắt của tôi, làm nên một khuôn mặt như biết nói biết cười. Tôi áp môi vào, bất giác nhận ra trong mùi đất đỏ có mùi của máu.

Máu của nàng!

Một tháng sau, có đợt tuyển quân, tôi đăng ký để được đi Campuchia.

Chúng tôi vượt qua biên giới như vào chỗ không người. Quân Khơme đỏ được cho là tháo chạy, thực ra là đã âm thầm rút sâu vào các vùng rừng núi. Chúng để lại những thành phố hoang vắng, không trường học không nhà thương. Chỉ có những nhà tù đầy đầy những xác chết chưa kịp chôn bốc mùi hôi thối. Những nạn nhân bị chúng bắn hay chặt đầu trước khi rút đi.

Một đất nước với hoàng cung soi bóng trên dòng sông Mê Kông, với Đế Thiên Đế Thích hùng vĩ, giờ chìm ngập trong màu đen: màu của những con kênh kênh, những con quạ ăn xác thối và màu áo đen của những nô lệ khổ sai chưa bị chúng giết kịp, còn sót lại trên các nông trường bất tận. Những đàn ông, đàn bà, con trẻ mà màu da tôi tối lại càng tối hơn, tóc quăn quăn lại càng quăn hơn vì xơ xác dưới nắng gió. Họ có một nửa dòng máu của Sơn Mộc Hương, nhưng có gấp đôi số phận bi thảm của nàng, vì so ra họ khốc liệt hơn nhiều. Họ chưa bị chặt đầu xách đi hay đá lẫn lóc như trái dừa nhưng trước khi chịu chung số phận như thế, họ bị hành hạ còn hơn súc vật.

Tôi chẳng tìm thấy đâu những con quạ áo đen đã từng giết hại Mộc Hương, để mà ghim vào ngực chúng những viên đạn thù. Chúng đã lẫn vào bóng tối của lịch sử và đang rình rập chờ đợi chúng tôi trong những tháng ngày sắp tới. Lúc này trung đội tôi đang đóng quân trên một ngọn đồi

thuộc miền đông Campuchia, bảo rằng để giữ con đường huyết mạch nối liền với Nông Pênh. Ngọn đồi nằm giữa một vùng rừng khộp mênh mông, thừa thớt một vài phum sóc, giống như những bộ lạc stiêng ở Lộc Ninh.

Chúng tôi đến vào giữa mùa mưa nên khu rừng ướt đầm. Ngoài nước thừa thải đến phát chán, chúng tôi thiếu đủ thứ, từ một hạt muối cho đến một chút xíu đường. Đã không có chợ mà Khơ me đồ lại dẹp bỏ việc dùng tiền, nên muốn có một con gà hay con heo chỉ có thể đem những gì họ cần ra đổi chác. Mà những gì họ cần như gạo muối đường sữa, chúng tôi lại không có, chỉ có súng và đạn thôi.

Chúng tôi lọt thỏm giữa một vùng đất bán sơn địa còn sơ khai. Muốn giao tiếp cũng không thể nào giao tiếp được. Họ nghi ngờ chúng tôi và chúng tôi cũng chẳng tin cậy gì ở họ. Thế rồi mùa mưa chấm dứt để khởi sự cho một mùa khô kinh hoàng. Suốt 8 tháng không có một giọt mưa. Sông thì ở quá xa, mà suối lại quá nhỏ nên chẳng mấy chốc cũng khô cạn. Phải đào giữa lòng suối mới chắt chiu được ít nước.

Nước ăn và uống chưa có đủ, nói chi đến tắm giặt. Chúng tôi khôn khổ vì chấy rận, ghê ngứa. Ngồi đầu cũng gãi, đứng đầu cũng gãi, nên có kẻ đang gác ngựa quá phải bỏ súng xuống để gãi đã bị Khơ me đồ chờ sẵn siết cổ, ngã xuống mà chết không kịp kêu lên một tiếng nào.

Đây là lúc bọn Khơ me đồ tấn công. Chúng không dùng chiến thuật biến người cũng không đào giao thông hào để lần dần như ở Điện Biên Phủ. Chúng chỉ phục kích trên đường đi lấy nước. Đi vài ba người coi như nộp mạng cho chúng. Phải đi cả tiểu đội may ra mới lấy được vài can nước, vậy mà cứ ba lần thì có một lần phải đổi bằng máu. Chúng cứ tia dần, từ bốn chục còn ba, rồi còn hai và sau cùng còn chưa tới một chục nên phải cuốn xéo mà đi.

Tôi chỉ là một tân binh quen, kinh nghiệm chiến trường chưa có, chưa hề tham dự một trận đánh nào gọi là ác liệt. Nhưng một số ít cán binh người miền bắc, những người từng đánh thắng giặc Mỹ thì luôn mồm chửi rủa. Trung đội trưởng bảo “đánh đấm thế này chán bỏ mẹ!” Người khác lại bảo “đánh Mỹ sướng hơn. Đánh với nó thế nào cũng có đồ hộp mà ăn. Thắng thì lấy đã đành mà thua vẫn nhặt được không thiếu thứ gì, chúng bỏ lại cả đồng chứ mang theo làm

chỉ cho cực thân!". Người nữa lại nói: "Đánh với thằng nghèo như thằng Khơ me đỏ này, càng thắng càng mau chết!". "Sao vậy?" "Thì cứ lấy khẩu phần của mình ra chia sớt cho những đứa vừa được mình "rải phóng" chứ sao!"

Mà quân đội của ta cũng đâu giàu có gì hơn chúng, cả trung đội chẳng có chiếc xe nào, toàn là cuộc bộ và ề vai ra mà khuân vác. Lâu lâu có một chiếc môlô tô va thở như bò rổng đến tiếp tế lương thực, mà sắn khô và bo bo nhiều gấp đôi trong khi gạo thì đầy sạn. Kêu xin lắm may ra mới có được một thùng phuy nước đục ngầu.

Chúng tôi bị vây khốn bởi đất trời, chứ thật ra tội Khơ me đỏ chưa đến một tiểu đội. Chúng làm khổ chúng tôi để cho thấm thía cái gọi là nghĩa vụ quốc tế, tức là đem quân đi chiếm giữ nước của người. Quân số ít, nhưng chúng rất tự tin và chủ động, cứ cách một vài đêm lại nghe chúng bắc loa lên chửi và dụ hàng. Ngay giữa ban ngày chúng vẫn cầm cờ chạy khoi trong các phum sóc vì biết chúng tôi chẳng dám ra khỏi trại.

Đói và khát nên tôi chẳng còn hơi sức đâu mà nghĩ tới chuyện trả thù cho Mộc Hương. Mỗi một ngày qua, tôi chỉ mong sao được sống thêm một ngày. Mà là một ngày có cơm ăn nước uống đầy đủ, chỉ vậy thôi. Không Đảng, không Bác, không thằng tây đen nào nữa xía vô. Tôi không ngờ cuộc đời tôi cứ xâu chuỗi những mất mát, những khổ đau triền miên đến như vậy. Từ mất mẹ, mất chị, đến mất vợ mới cưới và giờ là sắp mất mạng. Đã mấy lần tôi chết hụt. Chết vì sốt rét, vì bị thương, vì thiếu nước đến nỗi phải liếm sương trên lá cây.

Kể ra tôi chịu đựng cũng khá giỏi. Nhưng so với những chiến binh già trong trung đội thì chẳng thấm vào đâu. Nhiều người chẳng những mất cha mất mẹ mà còn mất cả vợ con, nhất là mất con, thì cái nỗi đau ấy họ bảo không nui nào cao bằng. Cũng như không biền nào sâu bằng nỗi đau của dân tộc Campuchia, họ bị chính những người cùng chung một dòng máu cướp đi mạng sống của hàng triệu khi Khơ me đỏ nắm quyền và tiếp tục bị giết hàng triệu khi chúng không còn quyền. Đêm đêm trong các phum sóc vẫn có những con người khổ nạn bị đập chết bằng đai cuốc, bị cắt cổ bằng rựa cùn, vì bị nghi ngờ là tay sai cho bọn Guôn

khát máu, tức là chúng tôi. Cho nên, dưới cái nhìn vừa sợ hãi vừa hận thù, chúng tôi không phải là những người giải phóng mà là những kẻ xâm lược, là cái cớ để Khơ me đồ hoàn thành công cuộc diệt chủng của chúng.

Một năm sau, chúng tôi bỏ lại trên vùng đất khắc nghiệt nơi xứ người hơn ba chục xác của đồng đội, những người chưa kịp hưởng hòa bình sau hơn 20 năm chiến tranh đã bị ném vào một cuộc chiến vô vọng khác. Những xác thân đó phần lớn an táng trong bụng thú rừng, chim ăn xác thối, chỉ còn lại những bộ xương rã rời lẫn lóc đâu đó không được chôn cất, vì những người sống sót lo giữ cái mạng mình chưa xong có đâu lo phần mộ cho người chết. Sau này rộ lên những cuộc kiếm tìm bằng ngoại cảm, làm tiêu tốn rất nhiều tiền bạc và nước mắt của người thân, nhưng thực ra chỉ có một vài bộ hài cốt may mắn về lại được quê nhà, còn hàng trăm hàng ngàn là những nắm xương súc vật được dán nhãn người này người nọ. Sống bị dối gạt đã đành mà chết rồi còn bị dối gạt thêm lần nữa!

Thực tình thì tôi không yêu người đến mức phải gói ghém cái nắm xương của đứa bạn xấu số bị giết khi đi lấy nước. Anh ta được cho là đi lạc trong rừng, thực ra bị mìn cắt cụt mất hai chân và bị đồng đội bỏ lại. Phải nói là rất đáng hổ thẹn, nhưng cũng nên thông cảm cho họ, vì vừa phải mang nước về cho cả trung đội vừa phải giữ mạng sống của chính mình trong khi địch đang săn đuổi. Anh ta lê thân mình vào một bụi rậm, nằm đó cho đến khi chảy hết máu thì chết. Xác anh ta không bị thú rừng ăn nhưng chắc là bị kiến, chúng đã thu dọn hết phần thịt thối rữa chỉ còn lại phần xương khô cứng nhẵn bóng. Trừ hai xương ống chân, tất cả còn lại nằm trong bộ quân phục bạc màu với câu vai hấy còn ngôi sao vàng.

Tôi mang tất cả về trại. Tôi cũng không báo cáo lên ban lãnh đạo, chỉ lặng lẽ cất giấu trong ba lô. Tôi hành động như vậy vì bức ảnh đã ố vàng anh chụp chung cùng với mẹ. Nhìn thấy bà, tôi nghĩ đến mẹ tôi và tôi tin một ngày nào đó, dù rất đau đớn nhưng khi được tôi trao lại chắc bà cũng mừng.

Chúng tôi được biên chế vào một đại đội khác, gom lại từ

những trung đội bị mất quá nửa, không đóng quân trên núi nữa mà đóng ở gần Nông Pênh để bảo vệ hoàng cung. Lúc này vua Miên đã trở về nước sau khi tị nạn ở Tàu. Vua là ngọn đèn le lói giữa đêm tối mịt mùng. Người dân Miên hoảng loạn, ngơ ngác đã có thể nhìn thấy chút ánh sáng ở phía bên kia của bờ hy vọng. Cả thế giới cũng đang gây sức ép để cái anh hàng xóm không thân thiện phải rút về. Chuyện đó cũng phải mất đến cả chục năm sau. Nhưng tôi, thêm một năm nữa trên đất Chùa tháp cũng đã hết hạn nghĩa vụ, được cho phục viên.

Người đầu tiên mà tôi cần đi tìm ngay là người mẹ của anh bạn đồng đội. Có làng, có xã rõ ràng nên tôi tìm không khó. Chỉ mất một vài giờ đi xe lửa là tới. Có lẽ không có nơi nào nghèo và buồn như ở đây. Đất không mưa bạc phếch, chỉ có cỏ dại và cây bần chải, những con bò ốm lòi xương và những con cừu, thật là một giống cừu kỳ lạ, chúng ăn bần chải thay cỏ.

Người đàn bà tôi gặp, nói trộm sau lưng bà, cũng ốm như những con bò và cũng buồn như những con cừu. Anh ta là con trai độc nhút của bà, sinh ra và lớn lên ở đây, nên bộ hài cốt mà tôi mang theo cũng nhẹ tênh.

Khi thấy tôi mặc đồ bộ đội bà mừng hệt, tưởng con bà đã về. Bà hỏi: “chú biết thằng con tôi chớ?”

“Dạ biết”

“Thế sao em nó chưa về?”.

Thật khổ tâm cho tôi khi sắp phải trao cho bà bộ hài cốt. Tôi ngần ngại một lúc rồi đánh trống lảng.

“Nhà mình nuôi cả bò và cừu hả bác?”

“Không phải đâu, chăn cho người ta đấy”

“Bác trai đâu hả bác?”

“Ông đập phải mìn, cụt cả hai chân nằm trong kia!”

Đến nước này, tôi chỉ muốn chào bà, đem nắm xương của anh chôn ở đâu đó, chứ không thể trao cho bà thêm một nỗi đau nào nữa. Nhưng rồi tôi lại nghĩ, bà sẽ còn đau khổ hơn nếu cứ phải sống trong chờ đợi mỗi mòn.

Tôi nói: “Thưa bác, biết là bác rất đau lòng, nhưng đây là một phần xương cốt của anh ấy cháu cố mang về từ Campuchia. Cháu xin trao lại cho bác!”

“Chú nói gì? Áo quần của nó hả? Mang về làm gì?”

“Dạ, không chỉ có áo quần, còn có...”

“À, biết rồi, còn có chén bát và bình toong nữa chứ gì?”

“Dạ, khó nói quá, là ...của anh ấy nữa!”

“Cảm ơn chú đã đem về. Đồ đạc nó đây, còn nó đang ở đâu? chắc là nó bỏ xác bên đó rồi phải không?”

“Dạ, ảnh đây”, tôi đành phải mở ra.

Khi thấy cái hộp sọ và những chiếc xương đã vàng xỉn, bà ngơ ngác:

“Là con tui đây à? Sao mà tội nghiệp vậy hờ con!”. Bà ôm tất cả vào lòng, khóc không thành tiếng.

Ngày hôm sau chúng tôi làm lễ an táng cho anh, chính quyền có đem đến một lá cờ. Nhưng bà không chịu, cởi ngay chiếc áo đang mặc phủ lên chiếc quách. Không có kèn vĩnh biệt, chỉ có tiếng còi của một con tàu đang chạy ngang qua, vang lên thê thiết. Khi mọi người về hết, bà ôm lấy tôi, khóc.

“Giờ ta coi cháu như con. Lâu lâu nhớ ghé về thăm mẹ nghe!”

Tôi “dạ!”

Nhưng rồi tôi không giữ được lời hứa.

Bạn biết rồi đấy, tìm một người không rõ mặt mũi, không nhớ họ tên, không biết quê quán thì biết tìm đâu cho ra.

Trầm còn dễ tìm vì nhờ có ngải, Mục Kiên Liên nhờ có Đức Phật, còn tôi chỉ có mỗi cái chữ hiệu cùng với nỗi ân hận đã đại dột đi theo cái gánh xiếc bầy bả thuở nào. Nhưng tôi tin rồi sẽ có ngày gặp mẹ, tôi tin không chỉ có mỗi tôi đi tìm mà còn có bà, cũng đang trôi dạt đâu đó để tìm con. Khi hai người đầu đầu đi tìm nhau thì thế nào cũng sẽ gặp được nhau, không sớm thì muộn.

Có thể một buổi sáng, một buổi trưa hay một buổi chiều, ở một nơi nào đó, có một người đàn bà cứ đi theo riết tôi, rồi đến gần xin cởi áo cho xem cái này chút, những cái nốt ruồi nhiều như đậu đen ở trên ngực của tôi ấy mà, rồi ôm choàng lấy tôi mà khóc sau khi đã đếm đủ 19 cái.

Còn nhiều thứ khác nữa mà một người mẹ có thể nhận ra đứa con của mình. Từ một cái xoáy trầu ở trước trán, từ con mắt hơi bị lé, từ cái chân vòng kiềng... và cũng từ một tiếng

gọi thăm nào đó chỉ có người mẹ mới nghe ra được. Như thế, nhiều khi còn hiệu nghiệm hơn cả ngải, linh ứng hơn cả Phật, nên mẹ tìm con dễ dàng hơn con tìm mẹ.

Tìm mẹ, nhưng không thể nhịn đói mà đi tìm, tôi phải kiếm việc làm để sống. Là một cựu chiến binh, may mắn không bị thương tật, nên tôi tìm việc không khó. Cạo mủ thì thôi không cạo nữa, cái chết tàn khốc của Mộc Hương khiến tôi không thể nào làm cái việc mà mỗi nhát dao như cứa vào lòng tôi. Việc mà người ta cần và thích hợp với một anh lính vừa giải ngũ là bảo vệ. Tôi đóng bộ coi cũng ra dáng lắm và được cho đứng gác trước một ngân hàng.

Có đứng đây tôi mới biết trên đời không chỉ có những người nghèo như mẹ của bạn tôi, mà còn có rất nhiều kẻ giàu, quá nhiều kẻ chớ cả bao tiền đến gửi hay rút ra từng bó bạc lớn cần phải có nhiều người hộ tống. Họ là những chủ cửa hàng, những công ty này, những nhà xuất khẩu nọ, những kẻ mới phát lên sau thời kỳ đổi mới, có nghĩa những tư sản cũ bị đánh gục thì lại có những lớp tư sản mới mọc lên. Thời nào cũng có người giàu của thời đó. Trước kia giàu vì chiến tranh, vì buôn đồ Mỹ, giờ giàu vì nhờ chức nhờ quyền, nhờ chạy mách, nhờ trúng đất, trúng thầu.

Tôi thực ra không bảo vệ được ai, chẳng qua đứng đó để tăng thêm cái vẻ bề thế, uy lực của tòa nhà có treo biển ngân hàng vậy thôi. Dĩ nhiên không cách gì tìm được mẹ trong số những con người ấy. Mà cũng chẳng có ai trong số họ để mất tới tôi, ngờ rằng có thể là con của họ đang đứng kia. Dòng đời cứ trôi đi, đây là khúc quanh mà của cái cứ tới lui lượn lờ như những bọt nước.

Rồi tôi cũng phải làm lại cuộc đời. Tôi yêu hay tưởng rằng yêu một người con gái khác. Nàng kém tôi hai tuổi, không đẹp nhưng khá xinh, lại là nhân viên của ngân hàng. Xét về thứ bậc trong xã hội, nàng hơn tôi nhiều bậc, nên có nhiều tiếng xì xào chê không xứng đôi. Nhưng nàng nửa đùa nửa thật, bảo: “sau chiến tranh mà kiếm được một người chồng nguyên lành là khó lắm!”.

Thế ra cái giá của tôi là còn có đủ tay chân trong khi đẩy ra đẩy những kẻ què cụt, hậu quả của hai cuộc chiến tranh cứu nước và giữ nước. Bề ngoài thì tôi không thương tật gì, nhưng bên trong tức là cái tâm hồn tôi đây, lại có một vết

thương không bao giờ lành. Nàng không biết đã đành mà chính tôi cũng không ngờ.

Đêm động phòng tôi chỉ ngồi hút thuốc và uống rượu khan. Vợ tôi trong bộ đồ ngủ thơm tho ngọt ngào là thế, nhưng khi gần nhau, tôi lạnh mình thấy nàng chỉ là một cái xác không đầu!

Xác của Sơn Mộc Hương!

Đêm sau, rồi đêm sau nữa, cố gắng lắm tôi cũng chỉ dám ve vuốt, hôn hít nàng chút đỉnh rồi thôi. Nàng thở dài: “có phải anh bị thương ở...?”. Tôi đành âm ừ: “có lẽ!”.

Chúng tôi chia tay nhau sau nửa năm. Ngần ấy cũng đủ cho vị đắng thấm sâu vào cuộc đời của cả hai. Nàng mang tiếng là đã qua một đời chồng mà hãy còn trinh, còn tôi nặng trĩu một nỗi đau thâm kín. Tôi không còn dám gần ai, yêu ai được nữa. Tôi sống phát phơ cho qua ngày, làm đủ nghề mà chẳng ra nghề gì. Đã có lúc quá buồn, tôi muốn đi tu.

Tôi mon men đến chùa, muốn được gần các nhà sư để học cách thoát khỏi khổ đau. Nhưng dường như các vị tìm đến chuông mõ không phải để giải thoát mà để ràng buộc thêm. Chùa, chỉ mong chùa to và đẹp. Bốn đạo chỉ cần đông và giàu. Các vị cũng ngấm ngấm tranh nhau chức nọ chức kia không khác gì các quan ở ngoài đời. Đêm cứ ngủ kỹ, có bằng cát xét thay các vị tụng kinh gõ mõ. Trong mơ các vị không thấy Niết Bàn mà chỉ thấy hòm công đức mở ra đầy ắp tiền.

Nhưng mẹ tôi, một người tuyệt vọng vì không tìm thấy con, có thể tìm đến Đức Phật để được an ủi. Nghĩ thế nên tôi tìm đến các tịnh xá của ni sư. Biết đâu trong số các bà vải mặc áo già lam kia có mẹ của tôi. Chùa của sư nữ thanh tịnh và nghèo hơn chùa của các sư ông. Có vẻ họ đã tìm được, hay gần như tìm được sự giải thoát cho riêng mình, nên họ vui vẻ bận rộn với những bữa ăn từ thiện cho những người nghèo đói không nơi nương tựa.

Có một người đàn bà tôi tưởng không bao giờ gặp nữa mà lại gặp. Đó là người mà trong gần 10 năm tôi phải gọi bằng “má”, người tưởng tượng cái bụng bầu của mình là một cái bình đựng sữa bé đã biết đi biết chạy. Thực tình mà nói thì bà không hề ác với tôi. Bà có la mắng đấy, đôi lúc đánh đập

nữa đây, nhưng bà không như ông chồng tàn bạo của bà. Tuy nhiên, cái cảnh bà nhào vô xé hết áo quần của chị Mị Lan, vẫn khiến cho tôi kinh hãi mỗi khi nhớ tới.

“Ê, Nhi! ai cho mày vào đây?”

“Dạ thưa, con vào thăm má!”

“Bậy! má con gì nữa! Tìm mẹ phải không?”

“Dạ!”

“Không có đâu. Chỉ có những người tội lỗi như tao chứ mẹ mày tội gì mà vào đây!”

“Dạ, thử tìm đại, may ra!”

“Lớn dử a! vợ con gì chưa?”

“Dạ chưa”

“Có gặp bà, cho tao xin lỗi, ngay cả mày nữa. Thôi đi đi!”

“Dạ, bà ở lại mạnh giỏi”

Thế đấy, cuộc đời mà tôi biết lại có những chuyện ngược đời như vậy. Tôi tin là đã bay đi những cơn ghen cuồng nộ trong lòng bà.

Tôi cũng có xuống Cà Mau, ra tận chỗ giống như cái lưỡi cày trên bản đồ của tổ quốc. Chỉ thấy ba mặt là biển lao xao sóng vỗ.

Đây là nơi cuối cùng của đất, còn ngoài kia, là nơi cuối trời!

Như thế, dẫu có đi ra biển và đi hết biển cũng không tìm được mẹ, thì thôi quay về tìm lại nơi bà đã sinh ra tôi.

Nhớ có lần chị Mị Lan bảo “tao thấy cái chỗ mày ở có nhiều tháp lăm, lại có cốm nữa, mày đã cho tao một miếng cốm rất ngon”. Thế là tôi đi ra miền trung, nơi có những ngọn tháp không biết chờ ai mà cứ đứng mãi trong nắng mưa đến cả ngàn năm.

### *xiếc của làng*

Con đường đất mà người bộ hành xa lạ đang đặt những bước chân bồi hồi, giống như một con trăn dài bất tận, nó lặng lẽ trườn mình qua những thôn xóm với những cau, những chuối, những rặng tre, những mái nhà... tưởng chừng là giống nhau nhưng có ở quê ra mới biết mỗi làng mỗi khác. Chẳng những khác về mức độ giàu nghèo, về phong tục tập quán, mà còn khác về cái mùi vị rất riêng của từng làng. Không phải mùi hoa bưởi hoa cau trong những đêm

trắng, cũng không phải mùi trầm nhang trong những ngày tết, mà có khi là mùi bột chua chua của những lò bánh trắng, mùi hèm nồng nồng của các lò rượu, mùi đậu chín thơm béo của các lò ép dầu...

Làng, ông không còn nhớ tên, nhưng nhớ nó nằm cạnh một con sông mà hàng tre chạy theo ven bờ lúc nào cũng rì rào lá rụng. Thời gian bạc bẽo gần như đã xóa mờ đi tất cả chút ký ức mơ hồ của ông, ngoại trừ cái mùi mật đường của những lò cốm trong làng, một mùi đậm và gắt như mùi của những xóm vạ làm nước mắm, nhưng ngọt ngào và thơm tho hơn.

Khi nghe cái mùi không thể nào quên ấy, ông tin là đã về tới làng của mình.

Ông bước vào một hàng quán thấp đến nỗi phải cúi gằm như sát đất mới chui vào được. Bà chủ quán, mà tuổi già và cái sự nghèo cũng giống như mái tranh mục nát, đang ngồi cời lửa bên cạnh ba ông táo bằng đất cùng đội trên đầu một cái om lọ nghẹ đen xìn. Không cần hỏi cũng biết khách cần gì, nên bà liền đặt một chiếc bát sành trên cái chõng tre, với lấy cái gáo múc nước lạnh trong vò đổ vào chừng nửa bát, rồi dùng một cái kẹp bằng tre nhấc cái om đang sôi rớt xuống long tong một thứ nước màu cánh gián. Bột sủi lên tràn vun miệng bát, thơm mùi lá khô gọi là chè, vừa đủ chất để làm miệng bớt đắng và vừa đủ ấm để trôi qua cổ họng.

Thay vì, như những khách đường xa, bung bát nước lên thổi bột bột rồi nín thở uống cạn một hơi, khà một tiếng, lại chìa bát ra cho bà rót thêm bát nữa thể mới đã khát, thì ông cứ ngồi nhìn những bọt trắng chậm rãi tan đi như bọt xà phòng. Có điều gì đó gần như niềm xúc động, vì đây là lần đầu tiên ông uống một bát nước chè, mà lại là bát nước chè mộc mạc của nơi chôn nhau cắt rốn.

“Uống đi kéo nguội, mát ngon”, bà chủ quán giục.

“Ồ, bà cho xin thêm miếng cốm”.

“Cốm bắp hay cốm gạo?”

“Cốm gì cũng được”.

“Cốm bắp nghe, còn răng ăn cốm bắp ngon hơn”

Ông nhìn bà, hơi bất ngờ vì lời khuyên thật thà của một người mà hai hàm răng chỉ còn trơ hai cái lợi. Thực ra ông cũng chẳng còn đủ răng, nhưng nghe lời bà ông cũng cố mà

nhai và cũng là lần đầu tiên ông thấy còn răng ăn cơm bắp ngon hơn, vì ngoài mùi vị ngọt thơm ông còn nghe thấy tiếng kêu rào rào của những hạt bắp vỡ ra dưới những chiếc răng còn khỏe mạnh.

Ông ăn hết miếng cơm, uống cạn bát nước, định lân la hỏi thăm bà về người mẹ mà ông chỉ còn nhớ loáng thoáng hai hàm răng đen bóng sáng lên mỗi khi cười. Đúng lúc ấy, bà lão hỏi: “ngó bộ, chú không phải người quanh đây?” Ông định buột miệng: “tui là người của làng này mà”, nhưng cứ nghe cái giọng lúc nào cũng nẩy tung tung như những đồng bạc cất rơi trên mặt đá khác hẳn với cái giọng bè bè ngang ngang của mình, ông nói: “ờ, không phải, tui ở nơi khác tới”.

“Thăm bà con hử?”

“Ờ, thăm bà con”, ông đáp lửng lơ.

Ông định nói “tui đi tìm mẹ”, nhưng chẳng biết mẹ tên gì, cao thấp ra sao, cùng lắm là phải biết vợ của ai, làm ông gì bà gì, chứ nói khơi khơi thì đồ ai mà biết được, nên ông chỉ ngồi im nhìn bà lão, tự hỏi không chừng đây là mẹ của mình chăng? Ờ, biết đâu đấy, ông nghĩ, mẹ mình chắc cùng lứa tuổi với bà và ước chi bà là mẹ của mình, ông sẽ quỳ xuống bên cạnh, nắm lấy bàn tay nhăn nheo của bà mà nói, “con đây mà mẹ!”

Cũng có thể nãy giờ bà ngờ ngợ sao đó, cố đem cái hình ảnh của đứa bé đã mờ đi quá nhiều vì năm tháng ra so với người đàn ông đang ngồi trước mặt, rồi chợt mếu máo hỏi: “có phải chú là...là con của tui phải hôn?!”. Nhưng chẳng có dấu hiệu nào báo trước một cuộc đoàn tụ đầy nước mắt, bà chỉ lặng lẽ cầm lấy bát úp lên chỗ cũ, tắt bớt lửa trong bếp, rồi lấy cái cối giã trầu ra ngồi ngoáy như thường lệ. Ông đành đứng dậy trả tiền, ra khỏi quán, tiếp tục bước đi.

Lúc này đang vào giữa ngo, trời nắng chang chang, cái bóng của ông như một bãi hắc ín xê dịch giữa hai bước chân.

Vào giờ này mà đi như thế, ông giống như một lão thợ hoạn, chỉ khác là không có tiếng rao heo thiến hôn? mà cái tiếng “thiến” lúc nào nghe cũng lạnh và sắc như con dao.

Giờ là lúc những nong bắp phơi trước mọi nhà đang nóng rực lên, chờ được đổ vào những chiếc chảo rang. Bắp nóng gặp cát nóng liền đồng loạt nổ bung, cho ra một thứ gỏi theo

tiếng nhà nghe là “nổ”, trắng và thơm như bông bưởi. Ông nhận ra mình đã từng nghe tiếng nổ rào rào ấy, từng hít thở cái mùi thơm của nắng, của gió, của đất và cả mùi mồ hôi của mẹ trong những năm đầu đời. Nhưng người đàn bà nào trong làng này là mẹ của tôi? Và, trong số những mái tranh nghèo này, mái tranh nào là mái nhà của mình? Những câu hỏi bật lên một cách vô vọng khiến mắt ông như mờ đi.

Cuối cùng người khách lạ cũng tìm ra được ngôi nhà của mẹ mình, phải nói là nơi đã từng là nhà của mẹ thì đúng hơn vì chỉ còn trơ lại cái nền nhà với cỏ vàng hiu hắt. Khi ông bảo mình là đứa bé năm xưa theo mẹ ra chợ rồi đi lạc thì có một người già như bà lão đổi nước, nói: “vậy hả?, hồi đó trong làng xao xác dữ, té ra chú mày là thằng Quạ đó sao?”, ông gật đầu và mơ hồ nhớ lại cái tiếng mẹ kêu “Quạ ơi, Quạ ơi, về nhà ăn cơm” vang lên vắng vắng, mà tiếng “ơi” bao giờ cũng ngân dài tha thiết.

“Chao ơi! bà ấy chết lên chết xuống! Ai cũng nói chắc là nó bị bắt bỏ vào bình để ngâm rượu, nghe nói thế sao mà không chết ruột chết gan!”.

“Rồi sau đó mẹ tôi ra sao?”, ông hỏi thêm.

“Thì bà lặn lội đi tìm chó sao. Ban đầu là hỏi ông Sáu chèo đò, ông bảo là có chó nó cùng với vợ chồng thằng cha hát xiếc. Sau đó bà đi coi thầy, thầy nói đại nó chưa chết đâu, bà cũng mừng”

Dừng lại bập bập điều thuốc vắn bằng lá chuối khô, ông già nói tiếp: “Rồi bà bỏ cái chỗ này mà đi, chắc là đi tìm chú mày chó đi đâu, nhưng tận trong cái xứ Cà Mau xa xôi, chắc gì tìm được! Còn chú mày sao mãi bây giờ mới về? Muộn quá rồi!”.

Ừ muộn quá rồi! Từ khi đặt bước chân ở đầu làng, ông lơ mơ cảm thấy cái ngày trở về của mình đã quá muộn. Ông đứng nhìn những tàu lá chuối gió thổi te tua, nhìn lên nền trời bàng bạc, cổ hình dung cái dáng hớt hơ hớt hải của mẹ mình bương bả đi tìm con, thấy búi tóc mẹ sổ ra, thấy chiếc nón không đội trên đầu mà cầm trên tay, thấy đôi bàn chân không giày dép, hai gót chân nứt nẻ bám đầy bụi...

“Mà bà không bỏ đi lúc đó, ít năm sau cũng phải bỏ đi thôi”, ông già lại trầm ngâm tiếp tục câu chuyện của xóm làng

trong đó có chuyện của chính mình, “làng bị thả bom cháy sạch trơn không còn cái nhà nào, bà vợ tui, tội nghiệp cũng bị chết thảm!”. Có dịp nhắc lại chuyện cũ, mắt ông đỏ hoe nhưng cũng chẳng còn giọt nước mắt nào để làm cho nó dịu bớt.

Ông đứng lên, “thôi tui về, chú mày chắc còn ở lại lâu, bữa nào ghé lại tui chơi.”.

“Dạ, cụ về, cảm ơn cụ đã cho cháu biết ít nhiều về mẹ cháu.”

”Ờ”, ông vẫn còn nấn ná, “bà ấy cũng tội nghiệp lắm, hết khổ vì chồng lại khổ vì con!”

Thế ra mình cũng có một người cha làm khổ mẹ như mình! Mình thì ham chơi mà đi lạc còn cha mình thì sao? Ông nghĩ rồi sẽ hỏi lần ông cụ, lâu nay ông chỉ nghĩ tới mẹ, mà quên mất mình hãy còn một người cha cũng cần phải nghĩ đến.

Ông tính mình sẽ mua tranh tre, cất một ngôi nhà nhỏ. Không gì quý hơn là có một mái nhà ngay tại nơi chốn mình đã sinh ra. Chính trên mảnh đất già cỗi này, cha mình đã cắm lậy cuốc ra góc vườn, đào lỗ đặt một cái nồi đất trong đó có đựng nhau của mình. Nó tuy không còn dính với khúc ruột, nhưng nó chưa chịu lìa xa, chưa chịu mất hẳn, nó hãy còn đâu đó và nối với mình bằng một dây rốn dài, nên chỉ, khi ông già nói “đây là vườn nhà của chú mày”, thì tự dưng lòng ông nôn nao, tưởng chừng như mỗi cọng cỏ, mỗi lá cây đều có chút gì hơi hướng của ông.

Những ngày sau, khi phát cỏ dọn vườn ông bắt gặp một cái chảo gang đã bị vỡ, chảo rất to dùng để thắng mật trộn bắp, một cái nồi đất cũ để nấu cơm có con cóc làm hang ngồi trong đó, một con dao đã rỉ sét, mấy cái chén sành sứ mẻ. Ông cẩn thận lau chùi để qua một bên, hơi buồn khi nghĩ rằng đây là gia tài của mẹ. Rồi ông lại nhặt được một con dao găm, mấy hạt nút bằng đồng có hình mỏ neo, một khung ảnh lồng kiếng ó mờ, ông tin chắc là của cha mình xúc động đến muốn khóc, nhưng khi mở ra chỉ thấy lẫn lộn một thứ bột xám xám như tro chứ chẳng có hình ảnh nào cả. Có mấy người bảo là bà con nghe ông về tới thăm, rồi giúp ông làm nhà. Một người là cậu họ, một người là em bạn dì,

chẳng có ai là người bên nội. Hóa ra đây là quê ngoại, mảnh đất này là của ông bà ngoại cất cho con gái, mẹ ông đã ở đây sau khi không sống được với chồng.

“Sao vậy?”, ông hỏi.

“Thì ghen chớ sao! Cha mầy đi lính Tây, hết giặc đem theo về một con đằm lai, ở sao nổi!”.

“Dạ cháu biết có nhiều người hai ba vợ mà vẫn ở chung”.

“Ồ thì cũng được, nhưng phải hầu hạ nó như đầy tớ, chịu sao nổi!”

“Bà đằm ấy chắc đẹp?”

“Ồ, cũng đẹp và nó nghĩ rằng mình đẹp nên nó bắt ai cũng phải hầu hạ nó, kể cả chồng, cha mẹ chồng chứ không riêng gì mẹ mầy”.

“Thế, ông già của cháu giờ ở đâu?”

“Ồ trong mà chớ còn ở đâu nữa. Hồi đó mà, dính tới Tây và Nhựt là bị giết!”

Người cậu họ ngần ngừ một lúc rồi thở dài, nói:

“Ông già mầy chắc cũng còn thương mẹ mầy, nên xác nằm trong bao bố rồi mà hồn vẫn cứ lẩn quẩn. Sáng hôm đó đứng giặt đồ dưới sông, mẹ mầy thấy một cái bao tấp vào chân không chịu trôi đi. Bớ làng bớ xóm kéo lên, mới tá hỏa thấy cha mầy nằm trong đó!”

Những trang sách của đời ông cứ dần dần được mở ra, cho dù qua lớp bụi thời gian, nó như vẫn còn mới nguyên, ở đó mẹ ông, cha ông đã để lại những thứ mà không ai muốn, là những tai ương, những đắng chất làm của để dành!

Ngôi nhà chừng 10 ngày đã làm xong, một cái nhà tranh vách đất. Bữa cúng mừng nhà mới còn có thêm ông cụ hôm nào. Cụ khen: “giỏi đấy, mới về mấy bữa mà đã cất được nhà. À, có ông Bảy Quế đây, hèn nào cất nhà chẳng mau”.

Ông Bảy Quế té ra là tên của cậu họ, giờ ông mới biết.

Ông rót rượu vào chén của mọi người, trịnh trọng: “xin mời cụ, mời cậu, mời chú em, xin cảm ơn đã thương mà hết lòng giúp đỡ”. Ông cạn chén, mắt rung rung. Đây là chén rượu mà ông tưởng chừng như đựng đầy nước mắt. Phải chi là chén cơm của mẹ thì ngon biết chừng nào!

Ông cụ cũng cạn chén nói: “Qua cũng mừng cho chú mầy, bị mẹ mìn bắt cóc mà nay vẫn tìm về được quê cha đất tổ là

giỏi. Chớ mây trôi nổi những đâu, vợ con thế nào rồi, mà nay về có một mình vậy?”

“Dạ!”, ông đáp lời, “chuyện của cháu dài lắm, thì cứ biết cháu còn sống ngồi đây với cụ, với cậu và chú em này là quý lắm rồi, chuyện gì nữa thì để nói sau”.

Ông Bảy Quế cũng nói thêm; “chắc là chuyện không vui, tôi cũng có hỏi nhưng cháu nó không nói, thôi uống đi anh Chín”.

Ông cụ thứ chín cạn thêm chén nữa, ngồi trầm ngâm không ăn, ông nói:

“Xứ này là xứ của Hời, ông bà mình nói, Hời nó đi để của lại nhiều lắm. Bao nhiêu là vàng bạc, châu báu, vua quan lấy hết đem về bắc. Còn lại cái đất này, toàn rừng thiêng nước độc, thì dành riêng cho những kẻ tội đồ, những người bị án chém mà chưa chém. Họ bị đưa vào đây nếu không chết vì bị dân Hời giết thì cũng chết vì lao dịch. Muốn sống họ cũng phải giết người”.

Ngừng một lúc, ông cụ lại thở dài:

“Tổ tiên ông bà mình đây, sống như thế bảo sao con cháu không buồn!”

Tan bữa rượu, ai cũng bảo ông ráng kiếm một người đàn bà, đẻ vài đứa con để nối dõi. Ông cũng ậm ừ vậy vậy.

Cái buổi trưa hôm đó đã quét ngang qua đời ông như một cơn gió lớn. Chẳng những nhỏ bật hết mọi gốc rễ mà còn ném ông vào cái dòng đời xa lạ, với những thác những ghềnh, khác hẳn cái ao làng bé nhỏ và tĩnh lặng này.

Giờ đây cái chợ quê nghèo nàn đã không còn, chẳng có gì làm chứng cho cuộc chia ly ngoài cái bến đò mà ông lái đã chết từ lâu. Trên khúc sông đó, nay vắt vẻo một cây cầu, nơi bọn trẻ ngày nào cũng chạy ùa ra nhảy tòm xuống tắm.

Ông về tới làng đã gần tròn năm. Cây trái trong vườn cũng đã lên xanh. Đã ra về một gia đình, nhưng chỉ có mỗi mình ông ra vào thui thủi.

Ông hãy còn một người mẹ, thật khó mà tin rằng bà vẫn còn sống đâu đó trên cái đất nước nhiều đạn bom và bất trắc này, nhưng ông vẫn cứ thấp thỏm chờ.

Một buổi chiều nắng đẹp, ông đang ngồi nhìn những đám mây trắng trên trời, bỗng có một người da đen đi vào sân.

Đó là một người đàn bà chừng hơn 40 tuổi, da đen nhưng không đen lắm, dáng người vừa phải thon gọn chứ không to bè.

“Xin cho hỏi, đây có phải nhà bà Lữ không?”

“Ồ, à...phải, nhà của bà ấy” ông lúng túng “nhưng bà ấy không có ở đây”

“Tôi biết rồi, bà ấy ở Mỹ!”

“Ồ Mỹ?”, ông hỏi lại như chưa tin vào tai mình.

“Vâng, ở Mỹ. Và ông là Quạ?”

“Ồ, vâng..vâng” ông bối rối. “nhưng mà cô là ai?”

“Tôi là con bà ấy!”

“Ồ! Và cha cô là...?” Ông nghĩ rất nhanh: sao lại như thế hử Trời, sao mẹ tôi đi lấy Mỹ mà lại là Mỹ đen!

“Vâng, cha tôi là người Mỹ, nhưng không phải là giặc Mỹ! Ông ấy là một bác sĩ tình nguyện đến chữa bệnh sốt rét ở Cà Mau. Ông gặp một người đàn bà đi tìm con lưu lạc xuống tận dưới đó. Hai người lấy nhau ra sao tôi không biết, chỉ biết khi sinh tôi ra được một tuổi thì ông bị giết. Việt cộng bảo là CIA!”

Ông thờ dãi, định nói “cô cũng chẳng khác gì tôi, cả hai có cha cùng bị Vixi giết” nhưng kịp dừng lại.

“Chúng tôi qua Mỹ theo diện con lai. Được 29 năm thì mẹ tôi mất.”

Ngừng một lúc, nhìn ông, nhìn căn nhà, bà nói tiếp.

“Chắc ông cũng mới về làng?”

“Ồ, mới về”. Ông ăy náy về cảnh nhà cửa trống trơn.

“Mẹ nói, dễ tìm ra làng mình lắm, cứ nghe mùi cốm là tới đúng làng An Đông. Có phải là An Đông không?”

“Phải!” Ông sực nhớ ra mình cũng mới biết tên làng.

“Mẹ nhớ anh khóc miết. Gần chết thì khóc nhớ làng”.

Bà ngừng nói, đặt vào tay người anh không cùng cha một chiếc hộp nhỏ.

“Đây là tro của mẹ!”

Gần như choáng váng, ông không thể ngờ là mẹ lại trở về tìm con trong chiếc hộp này. Ông ngập ngừng muốn mở ra xem nhưng lại thôi. Ông chỉ nhẹ nhàng ghì sát vào ngực, thầm kêu lên nho nhỏ: “Mẹ ơi, con đây mẹ!”

Sau một lúc yên lặng, người em nói:

“Mẹ dặn, nếu không gặp được anh thì rải tro xuống sông”

“Rải xuống sông à?” ông vẫn chưa hết bàng hoàng.

“Vâng, nhưng gặp được anh thì...”

“Thì sao?” ông lo lắng hỏi.

“Thì vùi đầu đó trong vườn”

“Sao không đặt trong mộ?”

“Mẹ muốn như vậy”

Ông muốn đắp cho mẹ một ngôi mộ nhỏ, dựng bia, để rồi có những lúc buồn đến ngồi bên mẹ. Nhưng mẹ đã muốn không còn ai biết đến mình nữa, thì đành vậy. Ông nói:

“Ồ, tôi, à anh sẽ làm theo ý mẹ”.

Ông lấy cái nôi đất đã nhặt được hôm dọn vườn, đặt vào lòng nó chiếc hộp tro. Ngó ra vườn, thấy không có chỗ nào sạch và đẹp như khoảng sân trước nhà, ông liền đào ở đó một cái lỗ vừa đủ đặt cái nôi vào. Lấp xong đất, mỗi người cắm ba nén nhang.

Trong khi mùi nhang hòa cùng mùi cỏ thơm đến nghẹn ngào, họ chìm trong yên lặng. Hai người ngồi lại rất lâu, ngồi mãi cho đến khi nắng tắt hẳn trên sân.

Bên ngoài có một chiếc xe đang chờ sẵn. Người em đứng lên chìa tay ra, ông hiểu ý nắm lấy.

“Thôi chào anh, em đi!”

Ông cũng nói: “Đi mạnh giỏi!”

Còn lại một mình ông cố hình dung ra mẹ, nhưng chỉ thấy những hạt bụi cuốn sau xe bị gió thổi tung lên cùng với rác trên đường, cuộn tròn như đang làm xiếc.

*tháng 12, 2015*

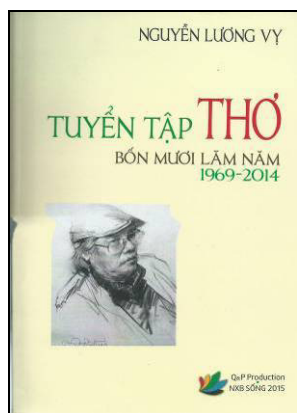
**Khuất Đầu**

## GIỚI THIỆU SÁCH PHẠM VĂN NHÀN

*Trong tháng 11 và 12 năm 2015. TQBT chúng tôi có nhận sách của các nhà văn, nhà thơ trong và ngoài nước gửi đến. Chúng tôi xin giới thiệu đến các bạn đọc TQBT những sách của các tác giả gửi đến cho chúng tôi. TQBT thành thật cảm ơn những tác giả đã gửi sách. Và xin giới thiệu đến độc giả. (PVN)*

### **1/ TUYỂN TẬP THƠ BỐN MƯƠI LĂM NĂM 1969-2014**

**Của NGUYỄN LƯƠNG VY.**



Tuyển tập thơ dày 693 trang. Do nhà xuất bản Sống phát hành năm 2015. Tuyển tập thơ gồm những bài thơ anh viết từ năm 1969 cho đến năm 2014. Ngoài phần thơ ra còn có những bài viết của những tác giả viết về Nguyễn Lương Vy. Du Tử Lê. Bùi Giáng. Cung Tích Biền. Nguyễn Tôn Nhan. Hồ Ngọc Ngũ. Võ Chân Cửu. Nguyễn Thị Khánh Minh. Lê Giang Trần. Trịnh Y Như. và Tô Đăng Khoa. Bìa Hình Nguyễn Lương Vy.

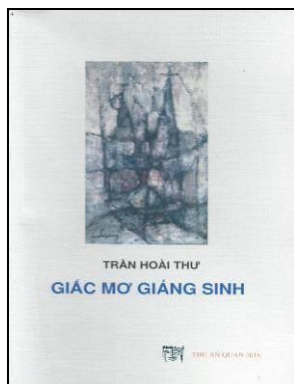
Được biết trước 1975, thơ anh có trên các tạp chí phát hành tại Sài Gòn như Khởi hành, Thời tập, Văn, Văn Chương. Hiện Định cư tại Cali

Độc giả TQBT muốn có sách của Nguyễn Lương Vy xin liên lạc với tác giả qua email:

**nguyenvynguyen2@gmail.com**

**Giá : 34 Mỹ Kim**

## **2/ GIÁC MƠ GIÁNG SINH** **của TRẦN HOÀI THU'.**



Giác Mơ Giáng Sinh do nhà xuất bản Thư Ân Quán in và phát hành **vào đầu năm 2016**. Gồm hai (2) phần. Phần 1 Viết ở Hoa Kỳ. những bài viết ngắn dưới dạng tùy bút. Phần 2 Những truyện ngắn viết trước 1975 trên các tạp chí phát hành ở Sài Gòn, như Văn. Vấn Đề. Bách Khoa...mà anh sưu tầm lại được.

Sách dày 106 trang. In trên giấy tốt. Không bán. Chỉ dành tặng thân hữu. Độc giả TQBT rất quen thuộc với tác giả Trần Hoài Thu. Muốn có sách. Xin liên lạc với anh qua email: **tranhoaitu16@gmail.com**

